NĂM THỨ MƯỜI MỘT • #121 • MAY 1999

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

NHỮNG NHÂN CHỨNG CUỐI CÙNG
BS. TRẦN NGƯƠN PHIÊU

CON BÒ HÀ LAN
VŨ THƯ HIÊN

BẠN BÈ
LÊ MINH HÀ

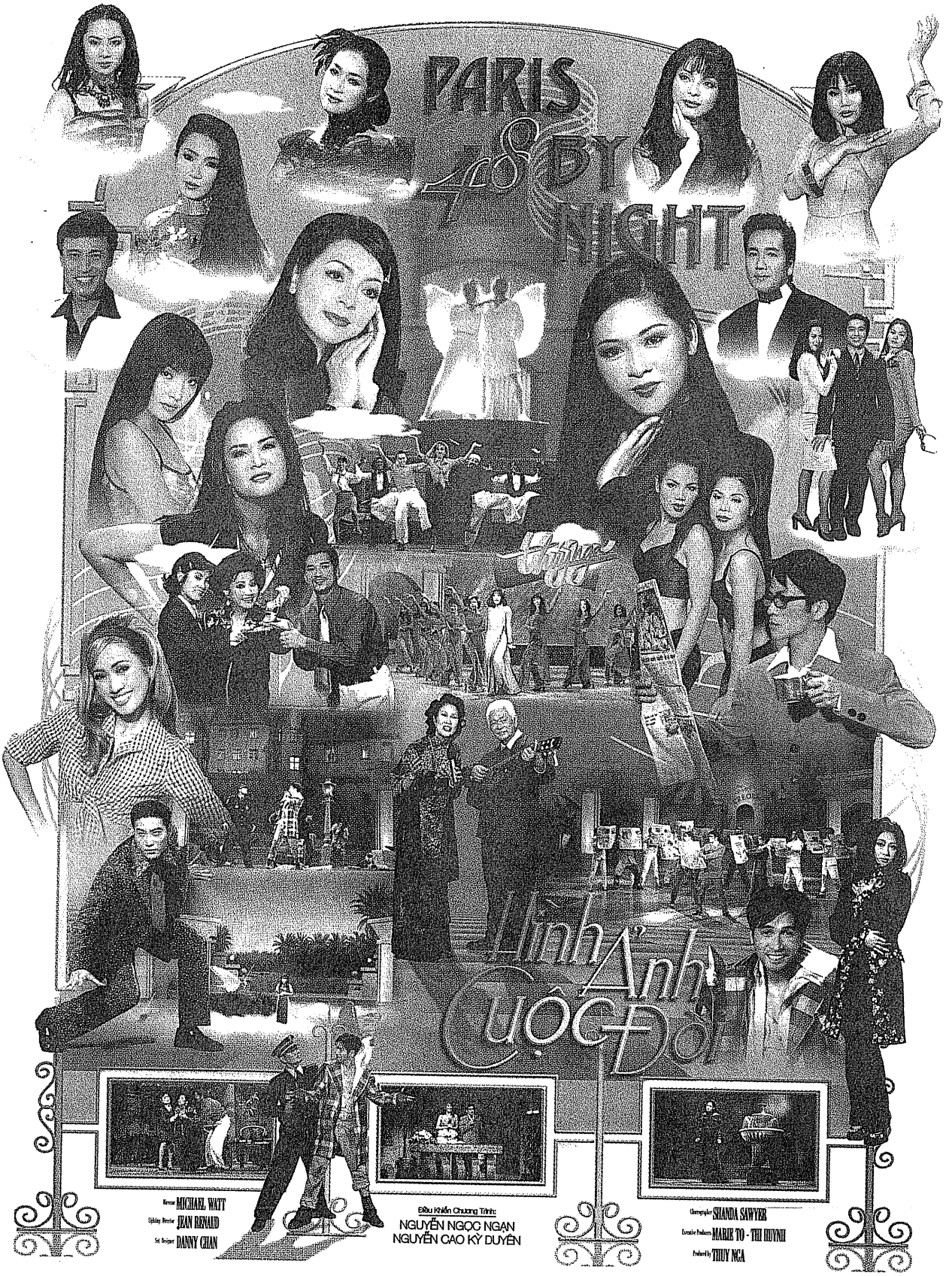

THÚY NGA - 9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 -
USA / P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683 - USA - Tel. (714) 891-5665 -
Fax (714) 891-9673 / Internet: www.thuynga.net / E-mail: thuynga@thuynga.net
© Copyright 1999 THUY NGA. All rights reserved. *Designed by Minh Tri. Printed by Westminster Press.*

SIÊU LINH DƯỢC NHÀU

Doctor's Hawaiian Noni

Bác sĩ PHẠM HOÀNG TRUNG

15432 Brookhurst Street, Westminster, CA 92683 - USA

Điện thoại miễn phí: 1-800-328-6482

KHOA HỌC mới đây đã khám phá ra sự hiệu năng của trái **NONI**, mà người Việt Nam ta gọi là trái **NHÀU**, nhưng từ ngàn xưa ông bà tổ tiên ta đã biết dùng trái **NHÀU** để chữa được nhiều bệnh nhưng không biết nguyên do nào trái **NHÀU** lại chữa được nhiều bệnh như vậy.

Cũng như ở Việt Nam, các thổ dân tại các hải đảo ở Thái Bình Dương như Fuji, Solomon, Samoa, Tahiti hay Hawaii mỗi khi bệnh hoạn, bất cứ bị bệnh gì đều lấy trái **NONI** để chữa trị. Mãi gần đây một bác sĩ Mỹ là bác sĩ Ralph Heinickle, rồi các bác sĩ Nhật ở Honolulu thấy thổ dân Hawaii vẫn dùng **NONI** để chữa bệnh, mới đem trái **NONI** vào phòng thử nghiệm, phân chất mới thấy trong trái **NONI** có chất Xeronine rất cần thiết cho cơ thể con người. Hợp chất Xeronine này có khả năng tái tạo chức năng hoạt động của các tế bào suy yếu hoặc suy thoái và tăng cường khả năng miễn nhiễm của cơ thể.

Nhờ vào hai khả năng được chứng minh bằng **KHOA HỌC** kể trên mà trái **NONI (NHÀU)** có thể ngăn ngừa và giúp cho cơ thể chống lại các bệnh như:

* **PHONG THẤP ĐAU NHỨC**
* **ĐAU KHỚP XƯƠNG**
* **ĐAU XƯƠNG SỐNG CỔ, LƯNG, VAI**
* **ĐAU BẮP THỊT VÀ GÂN**
* **NHỨC ĐẦU**
* **ĐAU BAO TỬ**
* **ĐAU KINH NGUYỆT**
* **CAO MÁU**
* **TIỂU ĐƯỜNG**
* **SUYỄN**
* **MẤT NGỦ**
* **MỆT MỎI KINH NIÊN**
* **ĂN KHÔNG NGON**

Mới mấy năm gần đây, trái **NHÀU** đã được biến chế thành viên rất dễ uống. Rất nhiều bệnh nhân được lành bệnh nhờ uống **thuốc viên NHÀU Doctor's Hawaiian NONI** của phòng mạch bác sĩ **PHẠM HOÀNG TRUNG.**

CHÚNG TÔI CÓ 5 LOẠI THUỐC NHÀU NONI:

1. **Doctor's Hawaiian Noni** (giá $40): Thuốc viên 100% nguyên chất trái **NONI (NHÀU)** dùng để ngăn ngừa và chống lại các bệnh tật.

2. **Doctor's Noni Juice** 12 ounce hoặc 32 ounce: Nước trái Nhàu loại thượng hạng nguyên chất 100% không pha chế.

3. **Doctor's Hawaiian Noni & Ginkgo** (loại viên, giá $45): Dược thảo NONI làm mạnh lại các tế bào suy yếu ở các cơ quan để tạo ra sức lực hoặc **sinh khí** (energy); còn dược thảo Ginkgo (bạch quả) có khả năng làm gia tăng sự vận chuyển của máu huyết vào các cơ quan để đem nhiều chất dinh dưỡng và dưỡng khí (oxygen) vào các cơ quan, tức là làm bổ máu hay **bổ huyết**. Theo y khoa đông phương thì **khí huyết** bị bế tắc sẽ sinh ra bệnh. Do đó, sự phối hợp giữa hai dược thảo NONI và GINKGO sẽ bổ túc hỗ tương cho nhau để làm gia tăng hoặc đả thông **khí huyết** cho các cơ quan của cơ thể, rồi từ đó có thể ngăn ngừa và giúp cho cơ thể chống lại được rất nhiều bệnh tật và làm chậm lại sự già yếu.

4. **Doctor's Hawaiian Noni Once a Day** (giá $25): Loại viên này dùng cho người lớn gồm có bột trái **NONI (NHÀU)** và các loại vitamins, khoáng chất cần thiết cho cơ thể. Loại này rất hiệu nghiệm cho những người bị chứng mệt mỏi hay dễ bị cảm cúm. Tăng cường sức khỏe cho những người làm việc nhiều, như làm overtime hay làm những công việc gì phải ngồi hoặc đứng lâu suốt ngày.

5. **Doctor's Hawaiian Noni For Kids** (giá $10): Loại viên này dùng cho trẻ em, có thể nhai như kẹo, giúp trẻ em ăn ngon, khỏe mạnh, chóng lớn. Loại này rất hiệu nghiệm cho con nít biếng ăn hoặc bệnh tật ốm yếu.

THUỐC SIÊU SINH LỰC DOCTOR'S SUPER MANPOWER ENERGIZER (GIÁ $35) (Loại viên)

Gồm trên một chục loại dược thảo thiên nhiên và các loại vitamins, đặc biệt không những chỉ giúp cho quý ông có một khả năng và hoạt động sinh lý dồi dào, tăng cường cho quý ông có một năng lực thật mạnh mẽ, bền bỉ và sung sức về mặt sinh lý, mà còn làm cho quý ông không bị mệt mỏi, không bị nhức mình, đau lưng sau khi giao hợp.

Bác sĩ PHẠM HOÀNG TRUNG

Mọi thắc mắc liên lạc phòng mạch bác sĩ:
PHẠM HOÀNG TRUNG
Đ.T. MIỄN PHÍ: 1-800-328-6482
Ngoài nước Mỹ và Canada gọi số
714-775-2026

Muốn mua thuốc, chi phiếu xin gửi về:
A1 TOP WORLD PRODUCTS
15432 Brookhurst Street
Westminster, CA 92683 - USA

E-Mail: A1TWP@jps.net * http://www.jps.net/a1noni

Chúng tôi có nhận Mastercard, Visacard. Trên $100 miễn tiền cước phí, dưới $100 xin trả $5.00 tiền cước phí. Ngoài Hoa Kỳ như Canada (xin trả $6.00 tiền cước phí), Australia, Europe, Asia gởi bằng Money Order (xin trả $10.00 tiền cước phí).

The above statements have not been evaluated by the Food and Drug Administration.
This product is not intended to diagnose, treat, cure or prevent any disease.

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

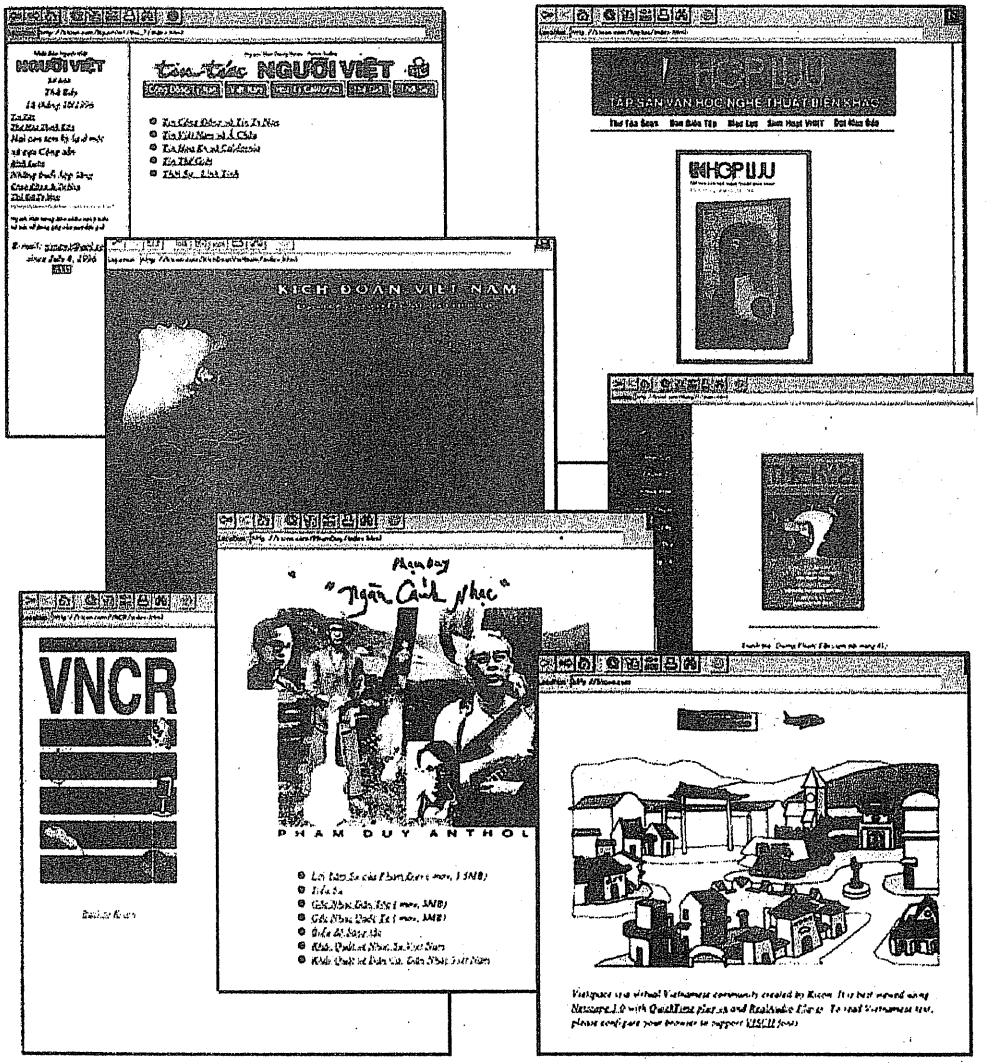

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tử Hải)

MỪNG SINH NHẬT VNCR

Tròn bốn năm góp tiếng nói với cộng đồng người Việt
tại Nam California
VNCR rất mong gặp quý vị

7:00 PM - 1:00 AM
Friday, June 11, 1999
tại Khiêu vũ trường MAJESTIC
18582 Beach Blvd # 121, Huntington Beach CA 92648

Vui tươi, nhộn nhịp với **THE MAJESTIC BAND** và
PHI KHANH - TUẤN NGỌC - THÁI THẢO
- CÔNG THÀNH & LYN - DIỄM LIÊN - NGUYÊN KHANG
- HẰNG NGA - HOÀNG TRỌNG THỤY...

Giá vé **$25.00**
Mọi chi tiết xin gọi cô Phan Mỹ Sương,
điện thoại **(714) 534-9430**

Kính mời quý độc giả đón đọc:

KỶ YẾU VNCR 1999-2000

Sẽ phát hành (15,000 cuốn) vào giữa tháng Sáu 1999
nhân dịp kỷ niệm Đệ Tứ Chu Niên VNCR

- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** là một tuyển tập chuyên đề về phát thanh Việt ngữ lần đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam hải ngoại, với những bài vở của hàng chục cây bút tên tuổi trong làng văn làng báo.
- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** là một cẩm nang về truyền thanh - ngành truyền thông đang ở thế mạnh trong tất cả các cộng đồng người Việt hải ngoại.
- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** không những là một bản tường trình đầy đủ về các chương trình phát hanh VNCR, mà còn giới thiệu tất cả các chương trình phát thanh Việt ngữ hiện có ở các nơi trên thế giới.
- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** còn là một phương tiện hữu hiệu để các cở sở thương mại, văn phòng dịch vụ đến với hàng chục ngàn gia đình, qua các trang quảng cáo và danh mục thương mại. 15,000 cuốn **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** sẽ được in ấn công phu và phát miễn phí cho quý độc giả và các thính giả của VNCR.

Ngày phát hành chính thức **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** sẽ là:
Thứ Sáu 11 tháng Sáu 1999
Mời quý vị tham dự dạtiệc khiêu vũ kỷ niệm
Đệ Tứ Chu Niên VNCR tổ chức vào hồi 7 giờ tối
thứ Sáu 11 tháng Sáu 1999, tại khiêu vũ trường Majestic
để được tặng một cuốn **KỶ YẾU VNCR 1999-2000.**
Mọi liên lạc về quảng cáo trên **KỶ YẾU VNCR**
xin gọi cho cô **PHAN MỸ SƯƠNG:**

11022 Acacia Parkway, Suite A
Garden Grove, CA 92840
ĐT: (714) 534-9430, 534-9431, 534-9432
Fax: (714) 534-9433
Email: vncr@kicon.com
Webpage: kicon.com/vncr

Quý vị ở xa muốn có **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** xin gửi họ, tên, địa chỉ, kèm theo $5.00 bưu phí, phí tổn đóng gói, chúng tôi sẽ gửi kỷ yếu đến quý vị bằng Priority Mail.

Bìa: ảnh của **Phí Văn Trung**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành**, tư liệu.

MỤC LỤC

Số 121 . Tháng Năm 1999

THỜI SỰ - KINH TẾ - CHÍNH TRỊ

12 Chu Dung Cơ sang Mỹ - **Ngô Nhân Dụng**
17. Khủng hoảng Kosovo - **Vương Hữu Bột**
27 Bút ký Xuân Kỷ Mão 1999 - **Trần Độ**
35 Đá Vành Khăn: Con domino trong quần đảo Trường Sa - **Ngô Thế Vinh**

LỊCH SỬ - NGHIÊN CỨU

21 Những nhân chứng cuối cùng - **BS Trần Ngươn Phiêu**
41 Những bí danh của Nguyễn Sinh Cung - **Trần Anh Tuấn**
52 Chiêm Thành, vì đâu suy thoái - **Trần Gia Phụng**
78 Mùa xuân, nói chuyện cốc cà phê - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**

ÂM NHẠC - NGÔN NGỮ

45 Nghệ thuật phổ thơ vào nhạc - **Phạm Quang Tuấn**
66 Tán dóc về lời - **Thái Tuấn**
70 Một vài nhận xét về thụ thể trong tiếng Việt - **Nguyễn Đăng Ngọc**

VĂN

65 Khổng Tử thăm xóm Bưởi - **Trần Công Sung**
67 Bạn bè - **Lê Minh Hà**
74 Rửa xe - **Thảo Trường**
85 Phường bát âm - **Trần Ngọc Tuấn**
89 Lenh tha - **Võ Doãn Nhẫn**
91 Con bò Hà Lan **Vũ Thư Hiê n**
98 Tình cha với mẹ. Anh và em - **Trần Yên Hòa**
102 Vỡ tháp - **Hồng Khắc Kim Mai**
106 Vu Thành Bích - **Trường Bạch Hoạt Ca Tử, Phạm Xuân Hy dịch**

THƠ

54. Chiều xuân - **Hồ Trường An. 68.** Nhớ - **Thảo Chi. 72.** Tiếng vọng đồng tâm - **Hồng Khắc Kim Mai. 73.** Sấm động ở hư không - **Nguyễn Mạnh Trinh. 76.** Gặp Việt Cộng trên đất Mỹ - **Trần Vấn Lệ. 80.** Võ cánh - **Cổ Ngư. 87.** Bão trong ngực Issaquah - **Trần Mộng Tú - 94.** Mưa buổi sáng - **Lưu Hy Lạc. 104.** Xuân này, tuổi xưa - **Nguyễn Hòa Trước. 108.** Thơ cho người cận thị - **Hoàng Lộc**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng: Người Mỹ phải thay đổi - **Vương Hữu Bột**
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
60 Sổ tay
111 Chân trời VHNT - **Anh Thành** và **Cam Văn**
114 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

NƯỚC MỸ PHẢI THAY ĐỔI

VƯƠNG HỮU BỘT

Không ai hiểu nổi tại sao người Mỹ có thể sống mãi trong một xã hội đầy bạo lực như vậy. Một năm trước đây, hai trẻ em 11 và 13 tuổi đem súng đến trường "giàn trận" bắn chết bốn nữ sinh và một cô giáo ở Jonesboro, tiểu bang Arkansas. Tháng qua, đúng ngày sinh nhật Hitler hai học sinh trường Trung học Columbine ở tiểu bang Colorado - Eric Harris, 18 tuổi và Dylan Klebold, 17 - đã bắn chết 12 bạn học và một giáo sư, sau đó tự sát. Cảnh một thanh niên vạch vạt áo choàng đen lôi súng máy ra bắn, giống như một cảnh trong phim "Matrix" đang chiếu ở Mỹ.

Tháng Mười năm 1997, một cậu 16 tuổi ở Mississippi giết chết mẹ rồi đến trường bắn bị thương chín học sinh. Tháng Mười Hai, một cậu 14 tuổi ở Kentucky bắn chết ba bạn học. Tháng Tư năm 1998, một học sinh 14 tuổi bắn chết thầy giáo trong một dạ vũ ở Pennsylvania. Tháng Năm, một học sinh 18 tuổi bắn chết bạn trong bãi đậu xe trường ở Tennessee. Hai ngày sau, một cậu 15 tuổi bắn chết hai người và làm bị thương 20 người ở một trường Trung học tại Oregon, sau khi đã giết chết bố mẹ. Mỗi năm có khoảng hai ngàn thanh niên 14 đến 17 tuổi dùng súng giết người - theo lời bà Sarah Brady, ông James chồng bà là cựu tùy viên báo chí của ông Reagan, đã bị thương tật suốt đời sau vụ cựu Tổng thống bị mưu sát.

Trên khắp thế giới, trẻ em bị phim ảnh, ti vi, trò chơi điện tử đầu độc bằng các hình ảnh cuồng bạo. Nhiều người lớn và trẻ em bị các hạt giống bạo lực reo rắc trong đầu. Nhiều người mắc bệnh thần kinh trở thành sát nhân. Cả thế giới không nơi nào thoát khỏi trận hồng thủy "Văn hóa của Thần Chết," như lời Đức Giáo Hoàng Gioan Phao Lồ đệ nhị. Nhưng chỉ nước Mỹ mới có nhiều súng, mới mua bán súng dễ dàng, để trẻ em có cơ hội giết người một cách kinh khủng như kể trên.

Nước Mỹ có 66 triệu người làm chủ 200 triệu súng. Mỗi ngày trung bình có 14 trẻ em chết vì súng, giống như cứ hai ngày lại cả một lớp học bị giết sạch!

Điều kinh hoàng là thái độ của người Mỹ trước các vụ tàn sát đó. Tổng thống Clinton đề nghị ngay ngân khoản 600 triệu để, một mặt thuê các nhà tâm lý giúp các học sinh cả nước có thể bị khủng hoảng thần kinh sau khi nghe tin thảm sát, một mặt mua thêm nhiều máy dò kim loại để tìm vũ khí đặt tại các trường học, như người ta đang đặt ở các phi trường! Nhưng nguồn gốc của tình trạng bạo lực lan tràn đó thì làm sao chữa được?

Tổng thống Clinton cũng kêu gọi nước Mỹ phải chấm dứt "nền văn hóa bạo lực," kêu gọi các nhà làm phim, chế trò chơi điện tử hãy "làm các sản phẩm như để cho chính con cháu quý vị coi và chơi." Ông cũng đề nghị Quốc hội Mỹ hãy làm các luật lệ khắt khe hơn để kiểm soát việc bán súng, nhất là súng tự động.

Nền Dân chủ ở Mỹ đặt trên cơ sở những hội đoàn tư nhân tranh đấu cho các mục tiêu phi chính trị mà ảnh hưởng đến chính trị. Hiện nay Hội Súng Toàn Quốc (NRA) quá mạnh so với các hội chống súng. Người Mỹ cần phải tham dự tích cực hơn vào việc cổ động các đạo luật cấm bán súng bừa bãi, phải tẩy chay các công ty sản xuất phim ảnh hay trò chơi bạo động. Cần nhiều hội đoàn chống súng trong từng thị xã, từng tiểu bang. Trong tháng Tư, dân Missouri đã bỏ phiếu cấm mang súng dấu trong người, trong một cuộc trưng cầu dân ý, mặc dù hội NRA đã chi tiêu gần 4 triệu Mỹ kim vận động chống lại dự luật đó. Sáu thành phố lớn ở Mỹ đã nộp đơn kiện các hãng làm súng, giống như người ta đã kiện các hãng thuốc lá.

Nước Mỹ cần thay đổi nhiều hơn nữa. Phải thay đổi cả nền văn hóa.●

Góp ý về Thế Kỷ 21 số 120

Chúng tôi vừa nhận được *Thế Kỷ 21* số 120 (tháng 4, 1999). Đây là một số báo có giá trị tài liệu về chủ đề *Vụ Treo Cờ Ở Bolsa* với các bài viết thuộc nhiều khía cạnh khác nhau khiến độc giả ở xa vừa được thông báo một cách ngắn gọn mà đầy đủ những chi tiết thời sự vừa hiểu được tâm tư và tình cảm của đồng bào Việt Nam tham dự biến cố này. Xin thành thật cám ơn quý vị đã hoàn thành một số báo giá trị và hợp thời gian tính.

Cũng về số báo này, chúng tôi xin góp ý với ông Nguyễn Công Khanh, một trong những tác giả có bài đăng.

Bài Mùa Xuân Đi Tìm Di Sản Việt Nam của ông Nguyễn Công Khanh có vài chi tiết không chính xác:

1. Nơi trang 90, ông Nguyễn Công Khanh viết ông và các bạn của ông tỏ ý ngạc nhiên về việc người ngoại quốc viết sách về đồ gốm Việt Nam trong khi ông và các bạn của ông, nguyên văn, *gần như suốt một đời mình không hay biết gì đến những đồ gốm từ ngàn xưa của tiền nhân để lại.*

Chúng tôi thiển nghĩ giòng chữ của ông Nguyễn Công Khanh là những lời thành thực. Nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc người Việt không ai nghiên cứu về đồ gốm Việt Nam. Sự thật đơn giản là nhiều vị trước đây có lẽ đã không để ý đến gốm Việt Nam và không tìm đọc sách báo về gốm Việt Nam để biết rằng đã có nhiều người Việt nghiên cứu về đề tài này rồi!

2. Nơi trang 91 trong phần Thư Mục Tham Khảo, ông Nguyễn Công Khanh cho biết quyển *Hơn Nửa Đời Hư* của cụ Vương Hồng Sển là, nguyên văn, *mới phát hành.*

Thật ra, tác phẩm *Hơn Nửa Đời Hư* của cụ Sển có hai ấn bản đều đã được nhà xuất bản Xuân Thu in năm 1992 (682 trang), và ấn bản của nhà Văn Nghệ năm 1995 (642 trang).

3. Cũng nơi trang 91, tác giả giới thiệu quyển *Khảo Về Đồ Sứ Men Huế* của cụ Vương Hồng Sển mà tác giả cho biết là chưa xuất bản, và mong được đọc tác phẩm này. Nhưng quyển sách ấy *đã xuất bản cách đây năm năm rồi!* Tên tác phẩm được in là *Khảo Về Đồ Sứ Men Lam (Huế)*, do nhà xuất bản Mỹ Thuật in năm 1994, dầy 280 trang.

Trần Anh Tuấn *(Alameda, CA)*

Một cái nhìn khác về số 120

Từ Âu châu nhìn sang Mỹ, hết vụ nước Mỹ tốn hàng trăm triệu đô la để dòm lỗ khóa buồng the ông Tổng Thống đến vụ hàng chục ngàn người Việt hè nhau dí một thằng khùng. Ấy thế mà tờ báo *Thế Kỷ 21*, tờ báo hàng đầu của trí thức Việt Nam tại hải ngoại lại mất nửa số trang báo và hình bìa để tung hê vụ đại thắng mùa Xuân như vua Quang Trung thắng quân Thanh, thì quả là thanh Đồ Long kiếm của Trương Vô Kỵ rượt chặt chân con ruồi.

Lâu ngày chê một chút các anh đừng giận, nên để việc này cho các tờ báo phát không ở tiệm phở làm. Lá cờ nào rồi cũng đi vào kỷ niệm, ông Hồ, ông Duẩn, ông Diệm, ông Thiệu rồi cũng được các sử gia đào lên, lật xuống kể tội. Biên giới người việt Nam ngày nay không còn là vĩ tuyến 17, không còn là lá cờ, là hình ông nọ ông kia, nhân dân Việt Nam đã "lộng kiếng" và "liệng cống" từ lâu. Biên giới ngày nay nằm ở người chấp nhận tự do dân chủ và một nhóm nhỏ nắm đặc quyền đặc lợi, khư khư nắm giữ độc quyền, độc đảng. Lối chống Cộng cờ xí như thế là đẩy những người đã chán ghét Cộng sản trở về ôm chân đảng, đúng như lời hù dọa của đảng Cộng sản có biển máu, có trả thù, có hỗn loạn.

Thế Kỷ 21 cần có một tầm nhìn cao hơn, nhìn rõ tương lai hơn là chìm đắm trong đau thương quá khứ.

Phạm Trọng Chánh *(Paris, Pháp Quốc)*

(Bất) kính nhi viễn chi

Tôi gửi biếu giáo sư N.H.C. ở Hà Nội mấy bài về Hán Nôm do tôi viết. Với thiện ý, ông gửi một bài cho báo *Khoa Học và Tổ Quốc* (1, Khâm Thiên - Hà Hội), và được báo này đăng vào số tháng 5-1998.

Bài của tôi đánh máy hai trương rõ ràng, nhưng *bị thêm bớt* (thêm 11 chữ vào đầu đề, cắt đoạn sau và bỏ 11 chữ Hán), *sửa chữa* và *in sai* đến mức làm trò cười cho người đọc! *Lũng tây hành* in *Lưỡng tây hành, Sở từ* in *Sổ từ...* là chuyện thường của đôi nhà "học giả," nhưng

giở *hai quyển từ điển* mà in dở *hai quyển từ điển* thì thật quá dở! Thực trạng này do đâu?

Ở các nước, làm báo là một nghề cao quý nhưng không phải dễ: được *viết* không cần *lách* nhưng lại gặp độc giả rất khó tính. Ở ta thì điều kiện cần và đủ là thấm nhuần *chỉ thị* (Chỉ thị 08-CT/TW 31/3/92 của Ban Bí thư [khóa VII] và chỉ thị 22-CT/TW 7/10/97 của Bộ Chính trị [khóa VIII] về *tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản...)* còn các mặt khác thì hình như không cần! Tôi nói với giáo sư N.H.C. thôi đừng gửi bài nào khác của tôi cho báo bên nhà nữa. "(Bất) kính nhi viễn chi."

Bài nói trên của tôi cũng đã được đăng trên *Thế Kỷ 21* số tháng 4-98. Thỉnh thoảng tôi có viết đôi bài gửi TK 21 (ký Nguyễn Hữu Thành), được quý bạn đăng toàn văn và đánh máy rất cẩn thận. Xin cám ơn.

Nguyễn Bích *(Paris, France)*

Về trường hợp qua đời của nhà thơ Quách Thoại

Tạp chí *Thế Kỷ 21* số 115 (2/98) có đăng bài "Dưới Mái Đông Lang và Bên Đầm Nước" của Hồ Trường An (trang 102, Hồi Ức), trong đó tác giả viết về nhà thơ Quách Thoại: "...Sau đó anh trở về Huế với gia đình, để được mẹ săn sóc và được chết ở quê nhà..." (tr. 106). Tôi nghĩ câu này thiếu chính xác, nên xin có đôi giòng kính gửi quý báo để nói rõ thêm về một nhà thơ mệnh yểu trên văn đàn Việt Nam cuối thập niên 50, mà các bạn thi sĩ đương thời hằng ca tụng "...Thơ và cuộc đời Quách Thoại có cái âm hưởng vang bóng của Hàn Mạc Tử..." (Trần Tuấn Kiệt, *Tác Giả Tác Phẩm*). Thực ra, **Quách Thoại không chết ở quê nhà Huế, mà chết ở Sài Gòn.**

Hồi đó Quách Thoại rất cô đơn. Ông bị lao phổi thổ huyết nặng thời kỳ thứ ba, không đủ tiền thuốc thang nên phải vào Bệnh viện Bài Lao và Truyền Nhiễm Hồng Bàng ở Chợ Lớn (Bệnh viện giảng huấn của trường Đại học Y khoa Sài Gòn). Quách Thoại đã được các bác sĩ tại bệnh viện chữa trị tận tình nhưng vẫn không thoát được bàn tay của Tử Thần. Trong giờ phút lâm chung, QT đã ra đi trong liêu vắng hoang sơ, chỉ có người anh và vài bạn bè tiễn đưa, trong đó có thi sĩ Trụ Vũ (bào đệ chị Vi Khuê) tức Trần Đại Bính, và tôi, đang học năm thứ ba Y khoa và đang làm Ngoại trú tại đây. Ông đã không đủ tiền để mua quan tài nên bằng hữu thân thuộc đã góp tiền để mua tặng ông. QT được mai táng tại nghĩa trang Gò Vấp, không biết bây giờ mộ phần ra sao.

Trước khi mất, QT rất tỉnh táo, và đã đọc cho tôi nghe một bài trường thi do ông vừa sáng tác. Bài thơ này rất dài, có đăng trên Sáng Tạo, tôi chỉ nhớ được hai câu tôi thích nhất:

Mà Băng Tâm em hỡi lửa chưa nồng
Còn gì nữa đây? - Hai bàn tay trắng!

Bài thơ có tên khá thơ mộng "Băng Tâm Trường Hận."

Ngoài ra, cũng theo Trần Tuấn Kiệt, tiếng thơ hay nhất của QT có lẽ là bài "Trăng Thiếu Phụ" và bài "Thược Dược." QT đã ôm ấp mối tình u uất, để rồi trong một đêm trăng sáng, nhà thơ đành gửi tiếng thở dài lên khoảng bao la không bờ bến. Nhà thơ muốn tâm sự của mình trở thành bất diệt, thiên thu vạn đại vẫn còn ngân mãi tiếng lòng mình.

Vì đã có chút giao tình với thi sĩ QT từ lâu, hồi còn học ở Khải Định - Huế với Trụ Vũ, nên tôi xin chép ra đây hai bài thơ đó theo trí nhớ sau khi tham khảo với bạn bè, để gọi là góp thêm chút tài liệu cho văn học.

Thược dược

Đứng im ngoài hàng dậu
Em mỉm nụ nhiệm mầu
Lặng nhìn em kinh ngạc
Vừa thoáng nghe em hát
Lời em ca thiên thâu
Ta sụp lạy cúi đầu.

Trăng thiếu phụ

Đã mấy đêm trường tôi không ngủ,
Nằm thao thức nhớ mảnh trăng thu.
Đã biết bao lần tôi tự nhủ:
Rằng cho tôi chết giữa âm u.
Cớ sao trăng sáng ngoài kia nhỉ?
Làm động tình tôi giữa buổi đêm,
Tôi nhắm mắt nằm không dám nghĩ,
Sợ nhìn trăng lạnh rớt bên thềm.
Tôi muốn phòng tôi luôn mãi tối,
Xin trăng đừng chiếu lướt qua song.
Tôi muốn hồn tôi chìm lạc lối,
Cho tàn chết hết cả hoài mong.
Cơ khổ cho tôi còn nuối mộng,
Làm đau chăn gối giữa đêm thu.
Chỉ tội hồn tôi thêm náo động,
Mà thương mà sợ mảnh trăng lu.
Tôi sợ ngày mai trời sẽ sáng,
Trăng thu mơ mộng sẽ không còn.
Tôi gặp mặt người, người đã bán
Cả mùa xuân đẹp thuở sắt son.

Chao ôi, trăng hỡi trăng thu đẹp!
Trăng của lòng tôi hay của ai?
Tôi mở hồn thơ thôi khó khép,
Gởi cả lên trang tiếng thở dài.
Và cho tôi ngủ, cho tôi ngủ,
Thao thức làm chi mãi thế này?
Trăng tội tình chi mà ấp ủ
Mảnh lòng thi sĩ hóa thơ ngây?
Bởi đâu lệ nhỏ lăn trên gối?
Tôi thấy cô đơn lạnh lắm rồi.
Tôi biết đời tôi e hấp hối
Mà trăng thì sáng tận trên đời.
- Không người thiếu phụ đứng bên tôi.

Vâng, đúng lắm. "Không người thiếu phụ đứng bên tôi," vì thế QT trong những ngày cuối cùng ở nhà thương Hồng Bàng đã tiên đoán "Tôi thấy cô đơn lạnh lắm rồi" và "Tôi biết đời tôi e hấp hối" để rồi cuối cùng nhà thơ đã khẩn thiết cầu xin "Cho tôi ngủ, cho tôi ngủ" - "giữa âm u" trong một giấc cô miên ngàn thu.

Sau năm 1975 tôi gặp lại Trụ Vũ ở Gia Định, anh đã cho tôi hay bài "Trăng Thiếu Phụ" là di cảo cuối cùng của QT. Tôi tự nghĩ chắc QT muốn trối trăn lại mối chung tình với người tình cũ chăng?

Theo tôi, Quách Thoại là một nhà thơ từng có một địa vị xứng đáng trên thi đàn, nhưng rủi thay mất sớm nên đã bị đời bỏ quên qua bao biến cuộc thăng trầm tại miền nam Việt Nam. Tôi thấy có bổn phận phải nói ra những gì mình đã nghe thấy. Vì theo nhà Phật, biết mà không nói cũng là một cái tội.

Phụng Hồng
(TTK Thường trực Hội QUÊN HUẾ - Florida)

Số và chữ số

Trong bức thư của ông Quân ở Kingston (mục Bạn Đọc Viết, *Thế Kỷ 21* số 120), tôi tìm thấy một số kiến thức thú vị về sự thành hình của chữ số Ả Rập. Đây là *cách viết chữ số* mà các nhà toán học Ai Cập dựa vào hình học để tạo ra. Điều này có lẽ không liên quan gì đến *ý niệm về số* mà ông Nguyễn Hùng Vũ đưa ra, với giả thuyết là con người dựa vào số ngón của hai bàn tay để nghĩ ra được mười con số căn bản. Một bên thành hình ý niệm về số ở trong đầu, một bên thể hiện số thành hình ảnh cụ thể vẽ ra giấy, hay là "viết chữ số" cũng thế. Hai điều này không mâu thuẫn nhau như ông Quân nêu ra trong bức thư của ông. Ngôn ngữ nói hay viết đều là thể hiện những ý tưởng có trong đầu. Chữ số chính là "ngôn ngữ viết" của ý niệm về số vậy.

Lý Số
(Thành phố 'Trăm Quan Sáu Cô,' CA)

Về Đặc san Ái Hữu Quốc Học

Sau khi số báo tháng Tư được phát hành, Tòa soạn có nhận được điện thư của bác sĩ Hà Thúc Như Hỷ gửi cho bản sao hình bìa và trang đầu của một số Đặc san Ái Hữu Quốc Học, xuất bản năm 1972, để giải tỏa thắc mắc về sự hiện hữu của Đặc san này nêu ra trong bài "Về tài liệu ký ức của cụ Lê Thanh Cảnh" (TK 21 tháng Tư 99) của ông Trần Gia Phụng. Chúng tôi xin cảm tạ bác sĩ Hỷ, và đăng lại bản sao thu nhỏ dưới đây.

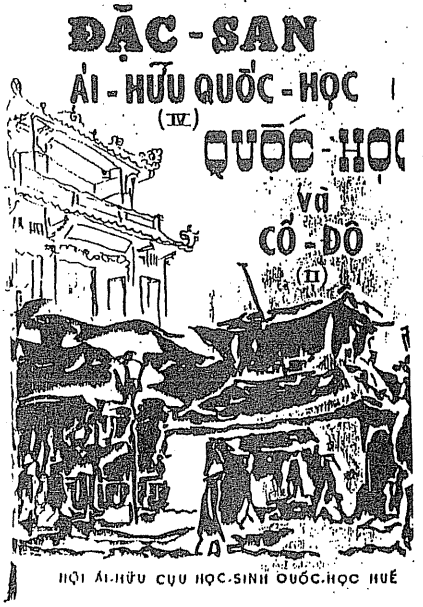

ĐẶC-SAN

ÁI-HỮU QUỐC-HỌC

PHÁT-HÀNH NHÂN DỊP KỶ-NIỆM
76 NĂM NGÀY THÀNH-LẬP
TRƯỜNG QUỐC-HỌC (26-12-1972)

Với sự cộng-tác của :

LÊ THANH CẢNH ★ BỬU CẦM ★ PHAN VĂN DẬT ★ NGÔ GIANH ★ NGUYỄN HOÀI ★ NGUYỄN HỮU HOÀNG ★ THÁI VĂN KIỂM ★ HÀ THÚC LÂNG ★ CHÂU TẤN ★ PHẠM MẠNH LƯƠNG ★ TÔN THẤT SA ★ LÂM TOẠI ★ NGUYỄN THUỴ ★ ƯNG THUYỀN ★ VÕ VĂN TRIỆM ★ ƯNG TRUNG

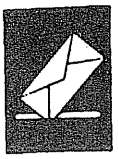

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trần Công Sung, Phạm Anh Dũng, Hoàng Phố, Hồng Khắc Kim Mai, Sương Mai, Thảo Chi, Trần Mộng Tú, Tôn Nữ Thu Nga, Nhã Nam, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Thị Thảo An, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Phạm Trọng Chánh, Trần Hồng Châu, Babui, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Hòa Trước, Trần Vấn Lệ, Hà Thanh Liêm, Hà Kỳ Lam, Võ Đình Tuyết, Song Thao, Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm.

Nguyễn Bích *(Paris, Pháp Quốc)*: Thời gian qua đã xảy ra nhiều trường hợp thiếu sót tương tự như của ông, chúng tôi đã kịp thời điều chỉnh và có lời cáo lỗi trong phần Thư Trị Sự dưới đây.

Chúng tôi cũng nhận được thư và bản sao bài báo từ Hà Nội do ông gửi, xin cám ơn ông rất nhiều. Về việc Tòa soạn của một tờ báo nhuận sắc bài vở thì cũng là việc thường xảy ra. Vấn đề là nhuận sắc nhằm mục đích gì: có thể cho rõ ràng hơn để độc giả dễ hiểu, có thể điều chỉnh một lầm lẫn, hoặc lược bớt chỗ thừa, những đoạn rườm rà không cần thiết v.v..., nhưng nếu chỉ nhằm sao cho phù hợp với "chỉ thị ở trên" mà bất chấp học thuật và sự khách quan thì thật là đáng buồn. Ngoài ra không săn sóc kỹ việc đánh máy, để lỗi tràn lan thì hẳn nhiên là càng buồn hơn. Kính chúc ông sức khỏe dồi dào.

Nguyễn Tấn Hưng *(Dronten, Hòa Lan)*: Lại thêm một trường hợp nữa quên điều chỉnh địa chỉ mới của anh vào mailing list. Sẽ gửi bù các số báo thiếu cho anh. Chúc anh vui khỏe, ngày càng tìm thấy trong biển cả thêm nhiều cảm hứng. Thân.

Cáo Lỗi: Thời gian qua chúng tôi nhận được rất nhiều thư và điện thoại của độc giả than phiền đã gửi tiền gia hạn báo mà vẫn phải nhận thư "đòi nợ" vì trên nhãn địa chỉ vẫn ghi con số hết hạn cũ. Sau khi soát xét lại, chúng tôi thấy Trị Sự đã làm đủ các thủ tục như nhận tiền, bỏ vào nhà băng, vào sổ kế toán, thông báo trên Thư Trị Sự hàng tháng, nhưng đã không cập nhật đầy đủ số báo hết hạn mới của quý vị trong computer. Do đó một số nhãn in ra vẫn mang con số cũ, và ban Phát Hành thấy thế thì cứ gửi kèm theo báo thư nhắc nhở quý vị gửi tiền gia hạn!

Xin quý độc giả tha lỗi cho sự thiếu sót này, và hy vọng với các điều chỉnh mới, các số báo trong tương lai sẽ không gây bực mình cho quý vị nữa.

ĐỘC GIẢ GIA HẠN VÀ ĐỘC GIẢ MỚI

Bùi Kim Hậu (Harvey LA), Phước Nguyễn (Richfield MN), Son Nguyen Dan (Huntsville AL), Hoàng Đống (Aliso CA), Gabe Gancarz Glenbard East High School (Lombard IL), Nguyễn Xuân Hoàng (Metuchen NJ), Lib: Oslo Kretsfengsel (Oslo NORWAY), Phan Tan Trinh (Garland TX), Võ Văn Điệu (Garden City KS), Glenroy Public Library (AUSTRALIA), Đỗ Kim Bảng (Waltham MA), Nguyễn Hữu Phước (Manville NJ), Trương Ngọc Tích (Dallas TX), Bùi Công Tằng Tôn Nữ (Offenbach GERMANY), Dương Hồng Quân (Westlake Village CA), Phan Thị Trọng Tuyến (Canteleu, FRANCE), Nguyễn Thị Ngọc Chi (Tustin CA), Đỗ Minh Thanh (GERMANY), Nguyễn Văn Huân (GERMANY), Nguyễn Viết Ninh (CANADA), Vũ Văn Thành (Cuxhaven GERMANY), Lê Quang Thông (GERNANY), Phan Công Linh (Hartfort CT), Lê Văn Tư (JAPAN), Nguyễn Đức Chính (GERMANY), Bùi Văn Vịnh (Anaheim CA), Lloyd Duong (CANADA), Nguyễn Văn Sơn (Grand Prairie TX), Mai Xuan Tran (Baton Rouge LA), Hieu Anh (Louisville KY).

ĐỘC GIẢ ĐỔI ĐỊA CHỈ

Nguyen Ket (Dorchester MA), San Francisco Pub Lib Periodicals Proc Dept (San Francisco CA), Lê Văn Xe (JAPAN), Nguyễn Tấn Hưng (NETHERLANDS).●

CHU DUNG CƠ SANG MỸ

NGÔ NHÂN DỤNG

Chuyến viếng thăm nước Mỹ của Thủ tướng Chu Dung Cơ trong Tháng Tư nhắm bàn về chuyện mậu dịch. Trung Quốc muốn gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO) tại phiên họp ở Seattle vào tháng Mười Hai năm nay. Nếu không xong thì sang năm 2000 sẽ là năm bầu cử ở Mỹ, rất khó đem chuyện này ra bàn. Và năm 2001 thì một chính quyền mới ở Mỹ sẽ bận nhiều chuyện không thể thảo luận được. Phe doanh nhân, các công ty lớn ở Mỹ muốn cho Trung Quốc vào WTO sớm. Nhưng các chính trị gia thì muốn nhân lúc Trung Quốc có nhu cầu vào WTO, nên đòi hỏi họ phải cởi mở hơn về nhân quyền và mậu dịch.

Câu hỏi là: nhận Trung Quốc vào WTO sớm thì có dịp thúc đẩy cho các quyền tự do dân chủ phát triển nhanh hơn, hay để Trung Quốc cô lập bên ngoài tổ chức này thì có hiệu quả hơn?

Chính trị thắng, kinh tế thua

Mỗi năm Trung Quốc mua bán 300 tỷ Mỹ kim với các nước khác, đứng thứ 10 trên thế giới về thương mại quốc tế; thị trường Trung Quốc gồm 1 tỷ 200 triệu người. Vậy mà chính phủ Mỹ phải lắc đầu, để ông Chu về tay không, vì bị áp lực chính trị nội bộ.

Ông Chu Dung Cơ đặt nhiều vốn liếng chính trị của mình vào chuyến đi này. Chắc chắn ông đã bị các phe thủ cựu trong đảng chống đối, vì việc gia nhập WTO sẽ bắt các xí nghiệp quốc doanh Trung Quốc phải cải tổ tối đa, các quan chức đảng từ ngân hàng đến các doanh nghiệp nếu không trụ được sẽ mất chức. Chuyến này về tay không ông Chu Dung Cơ sẽ yếu thế hơn, nhưng chính phủ Bắc Kinh đã nói ngay rằng các cải cách của họ vẫn tiếp tục, dù có hay không vào WTO.

Trong hai tháng qua, Trung Quốc đã nhượng bộ Mỹ nhiều điều. Giới kinh doanh Mỹ thêm cơ hội kiếm tiền ở thị trường Hoa lục: mở cửa cho nhập cảng nhiều nông phẩm, thuế quan từ 40% giảm xuống 10, 12%; mở cửa cho các công ty Mỹ góp vốn gần 50% trong ngành công nghiệp thông tin; mở cửa cho ngân hàng và các hãng bảo hiểm từ hai thành phố lên 24 thành phố, v.v.. Hàng hóa Mỹ, từ ngô bắp đến điện thoại cầm tay, xe hơi sẽ được giảm thuế nhập cảng, thấp hơn cả nhiều nước đang giao dịch với Trung Quốc.

Ông Chu Dung Cơ cầm quyền ở một nước độc tài, chỉ cần được một nhóm người địa vị cao nhất ủng hộ là đủ, cho nên ông khỏi lo. Còn ông Clinton ở Mỹ thì khác. Hai năm nữa ông rời chức vụ Tổng thống, nhưng đảng ông sẽ phải tranh cử gắt gao.

Vào phút chót, chính quyền Mỹ vẫn đưa ra hai đòi hỏi: Trung Quốc chịu hạn chế bán hàng may, dệt và thép vào Mỹ thêm 10 năm, thay vì 5 năm, sau khi vào WTO. Những đòi hỏi này nằm ngoài các điều kiện bình thường. WTO đã quyết định đến năm 2005 các nước sẽ bỏ hàng rào hạn chế hàng may, dệt, nhưng Mỹ muốn kéo dài hơn lấy cớ khó kiểm chứng giá thành ở Trung Quốc. Bộ Ngân khố, Hội đồng Kinh tế, và ban tham mưu Tòa Bạch ốc chống lại việc thỏa thuận ngay về WTO. Họ cho rằng nếu có thỏa hiệp mà chính phủ Mỹ không bảo vệ được quyền lợi của các công nhân ngành dệt và thép, thì nay mai Quốc hội cũng sẽ không thông qua. Hai Nghị sĩ có ảnh hưởng lớn là Helms và Hollings tuyên bố trước sẽ "giết" thỏa hiệp về WTO. Những cố vấn của ông Clinton nói rằng nếu ký thỏa hiệp rồi để Quốc hội sau đó hủy đi thì còn tai hại cho bang giao Trung-Mỹ hơn là khoan đừng làm gì vội.

Nhưng từ đây đến cuối năm 1999, chính quyền Clinton vẫn còn cơ hội mở lại hồ sơ Trung Quốc và WTO. Sau khi dân chúng quên những chuyện gián điệp, góp Quỹ bầu cử, v.v. lúc đó hai bên sẽ dễ dàng thỏa hiệp hơn. Ngay trong lúc ông chu dung Cơ còn ở Mỹ, ông đã đồng ý mở tiếp các cuộc thảo luận song phương. Và một giờ sau khi ông trở về Bắc Kinh, đại diện Mỹ đã tới để họp tiếp. Có hai việc chính phủ Clinton muốn làm xong trong năm nay: Trung Quốc vào WTO và ký thỏa ước thương mại với Việt Nam.

Chu Dung Cơ

Hai mối lo kinh tế của Trung Quốc

Trước khi qua Mỹ gặp ông Clinton, ông Chu Dung Cơ đã nói thẳng thắn về hai mối lo của ông: nhu cầu tiêu thụ giảm khiến kinh tế không tăng trưởng được theo đà các năm trước; và tình trạng các xí nghiệp không biết đầu tư đúng vì giới quản lý yếu kém.

Nếu ông Chu Dung Cơ hỏi ông Clinton bí quyết nào khiến nền kinh tế Mỹ lên hoài, Tổng thống Mỹ có thể trả lời ngay: Đó là nhờ dân Mỹ tiêu xài thả cửa. Tình trạng ở Trung Hoa thì ngược lại, số người thất nghiệp không có tiền xài đang tăng lên, và những người có tiền cũng không chịu tiêu pha!

Trong cuộc phỏng vấn với nhật báo Wall Street Journal trước khi đi Mỹ, Chu Dung Cơ nói người Trung Hoa để dành khoảng 40% đến 50% lợi tức! Nếu người ta không tiêu thụ thì các xí nghiệp càng bị ế hàng, và càng nhiều người mất việc! Một hậu quả là nạn "giảm phát," giống như ở Nhật. Giảm phát ngược lại với lạm phát, nghĩa là giá cả nói chung đi xuống. Nạn giảm phát khiến cho các xí nghiệp càng bị lỗ lã. Chính phủ Bắc Kinh đã phải cấm các cửa hàng đại hạ giá cạnh tranh nhau! Nhưng tai hại hơn nữa là người tiêu thụ có khuynh hướng kiềm chế không mua bây giờ, vì họ nghĩ nay mai giá xuống thấp hơn.

Bắc Kinh đang làm giống như chính phủ Nhật, là đem tiền nhà nước ra tiêu để tạo thêm nhu cầu trong nền kinh tế, hy vọng tạo ra thêm việc làm, thúc đẩy người dân tiêu thụ. Năm ngoái ông Chu Dung Cơ đưa ra chương trình chi tiêu chừng 1200 tỷ Mỹ kim trong ba năm.

Một phần số tiền 1200 tỷ đó được dùng để xây cầu, làm đường, những công việc có ích lợi. Nhưng phần lớn lại đưa cho các xí nghiệp quốc doanh chuyên nghề lãng phí và tham nhũng. Nạn tham nhũng đã đẻ ra nạn cầu sập ngay khi khánh thành xong, khi các nhà thầu (của đảng và nhà nước) cấu kết với viên chức nhà nước dùng vật liệu kém phẩm chất, lấy tiền bỏ túi. Công trình Đập Tam hạp đang phải mướn các công ty ngoại quốc làm việc "kiểm tra phẩm chất". Một cấp ủy ở Trùng Khánh đã bị kết án tử hình vì cầu sập, để làm gương, nhưng cái bệnh này còn lâu mới chữa được.

Các xí nghiệp dùng tiền ra sao? Tiền trợ cấp được gọi là để "đầu tư," trong thực tế chỉ dùng để trả lương cho công nhân viên. Mà những người này chế ra các thứ hàng hóa mà đem bán trên thị trường thì giá trị còn thấp hơn giá tư liệu dùng để chế hóa. Tóm lại, cả ngàn tỷ Mỹ kim sẽ được dùng để nuôi một đạo quân lao động không tạo ra của cải mà phá hoại của cải. Tình trạng giảm phát, chạy đua bán phá giá hiện nay là hậu quả của tình trạng doanh nghiệp nhà nước bất lực những năm trước. Các xí nghiệp không thể trả nợ vay của ngân hàng - cho vay theo chỉ thị của cấp ủy cũng là một hình thức bao cấp.

Ông Chu Dung Cơ cũng nói đến mối lo về các ngân hàng. Khi người dân Trung Quốc để dành tiền nhiều, thì 80% số tiền để dành đó gửi vào bốn ngân hàng nhà nước lớn nhất. Các ngân hàng sử dụng tiền ký thác như thế nào? Họ cho các doanh nghiệp nhà nước vay để làm các dự án vô bổ. Có những lò luyện thép mới dựng lên trong khi thị trường thép khắp thế giới đang xuống. Có những tòa cao ốc xây xong bỏ trống. Khoảng 30% các món nợ ngân hàng cho vay sẽ không thể đòi được vì người vay

thua lỗ. Chính phủ Bắc Kinh đã can đảm cải tổ hệ thống ngân hàng để quyết định cho vay không lệ thuộc các người nắm quyền chính trị ở các địa phương nữa. Nhưng ngân hàng ở Trung Quốc hiện giờ có tiền mà không đem cho ai vay được, vì khi cứu xét các dự án xin vay thì không có dự án nào khả dĩ có lời!

Những trở ngại có thật hay không?

Trở ngại lớn nhất cho việc chính phủ Mỹ ủng hộ Trung Quốc gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới năm nay là một con số: 57 tỷ Mỹ kim. Đó là số khiếm hụt mậu dịch của Mỹ đối với Trung Quốc trong năm 1998: Mỹ mua của Trung Quốc nhiều hơn là bán sang bên đó, hơn đến 57 tỷ đô la. Khi tới Mỹ, ông Chu Dung Cơ đã cầm một cái máy rà (đọc ký hiệu điện tử trên những tấm thẻ) làm ở Chu Hải xuất cảng sang Mỹ. Ông đưa lên chỉ cho các khách tham dự bữa tiệc rằng hầu hết các bộ phận ráp thành cái máy đó đều làm ở Mỹ! Ông muốn nói: con số 57 tỷ khiếm hụt bị thổi phồng!

Đa số giới doanh nghiệp Mỹ ủng hộ việc mở rộng giao thương, dù hiện nay Mỹ đang mua nhiều hơn bán. Họ có thể nêu ra hai lý luận: các công nghiệp đang yếu kém như dệt, may, sản xuất thép, ở Mỹ phải để cho nó tàn đi, sẽ có các công nghiệp mới thay thế. Mà chính loại công nghiệp mới này dân Mỹ chiếm ưu thế trên thế giới. Một con số được nêu ra: Trong năm 1998 nước Mỹ bị mất 390 ngàn công việc trong các ngành công nghiệp yếu, nhưng cũng tạo ra ba triệu công việc mới trong các ngành kỹ thuật tân tiến, cả về hàng hóa lẫn dịch vụ.

Một lý lẽ khác là sức mạnh của kinh tế thị trường. Tổ chức Mậu dịch Thế giới là một cơ quan bảo vệ quy tắc kinh tế thị trường trên thế giới, cho các nước gia nhập tổ chức này là một cách thúc đẩy họ "thị trường hóa" sớm hơn. Sự vắng mặt của Trung Hoa trong tổ chức quốc tế về mậu dịch không có lợi gì cho tổ chức đó, mà có thể làm chậm quá trình thị trường hóa và toàn cầu hóa.

Tổ chức Mậu dịch Thế giới hiện nay quy tụ hơn 100 quốc gia, 70 nước trong số đó là các nước đang phát triển, và các nước này được hưởng những điều miễn chấp, không phải theo đúng quy tắc chung, vì nền kinh tế họ còn yếu. Khi có những xung đột, các nước đem nhau ra "tòa," cơ quan tài phán của WTO để xin phân xử thay vì bên này đánh thuế hàng hóa bên kia để trả đũa, có thể gây "chiến tranh mậu dịch." Mỹ mới thắng các nước Liên hiệp Âu châu trước tòa án này trong vụ tranh chấp về chuối.

Mỹ và Trung Hoa

Trong đời sống của người dân Trung Hoa ở thế kỷ này, những phút đen tối nhất là thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa. Bao nhiêu mạng con người bị thủ tiêu, giới trí thức bị đọa đầy, chùa miếu, đền đài, sách vở bị hủy hoại.

Lúc đó nước Mỹ, người dân Mỹ và chính phủ của họ đã làm gì để giúp người Trung Hoa bảo vệ quyền sống, quyền nhân phẩm được tôn trọng, và di sản văn hóa mấy ngàn năm của họ? Người Mỹ không làm gì cả.

Vào lúc cuộc Cách Mạng Văn Hóa đang lên cực điểm, chính phủ Mỹ đang bí mật liên lạc với Mao Trạch Đông, qua trung gian của Pakistan. Từ đó mới có chuyến đi Trung Hoa lịch sử của Tổng thống Nixon năm 1972. Ông Nixon, một chính trị gia coi việc chống Cộng là sứ mạng đời mình, đã không nói một lời nào than phiền về cách chính phủ Trung Cộng đối xử với người dân của họ. Ông đã bắt tay, uống trà với Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, bàn chuyện liên lạc ngoại giao và kinh tế. Người ta nói ông Nixon là con người thực tiễn. Nếu không bắt được đối thủ làm theo ý mình, thì hãy ngồi xuống ngang hàng với nhau, bàn những chuyện gì có thể làm để hai bên cùng được lợi.

Tổng thống Carter là người thứ nhất mang vấn đề nhân quyền ra đặt thành một chính sách ngoại giao. Ông muốn phục hồi sứ mạng văn hóa của nước Mỹ. Với tấm lòng nhiệt thành của một nhà truyền giáo, ông bỏ qua nhiều quyền lợi thực tế của giới kinh doanh Mỹ để cổ động việc thực hiện nhân quyền khắp thế giới. Nhưng ông Carter cũng là người đầu tiên thiết lập bang giao chính thức với chính quyền Cộng Sản ở Trung Hoa, vào lúc các trại lao cải vẫn còn đó, quân đội Trung Hoa vẫn chiếm đóng và đàn áp người Tây Tạng. Đối với Trung Hoa, ông Carter bỗng trở thành một chính trị gia thực tế dù bản chất truyền giáo của ông vẫn chưa thay đổi.

So với thời Mao Trạch Đông và những năm đầu của chế độ Đặng Tiểu Bình, ngày nay Trung Quốc đã đi rất xa trên đường đổi mới. Giang Trạch Dân và Chu Dung Cơ đều coi việc cải tổ kinh tế là điều bắt buộc, chỉ có đi tới chứ không lùi. Người dân Trung Hoa đã có chút quyền tự do kinh tế, từ việc canh tác trên

thửa ruộng của mình đến việc buôn bán, mở mang các cửa hàng và xí nghiệp nhỏ. Lợi tức theo đầu người đã tăng 10 lần, 15 lần. Vụ Thiên An Môn xảy ra để Bắc Kinh bị cả thế giới lên án và tẩy chay suốt 5, 10 năm sau đó.

Nhưng sau mấy năm "trừng phạt" Trung Cộng vì vi phạm nhân quyền, cuối cùng các chính phủ Mỹ lại quay về với chính sách thực tế. Họ lại giao thiệp, các phái đoàn chính phủ đi qua, đi lại, các ông tổng thống Mỹ lại đi Bắc Kinh và đón các ông Giang Trạch Dân, Chu Dung Cơ sang Mỹ. Đồng thời chính phủ Mỹ vẫn không quên sứ mạng văn hóa của nước Mỹ. Sứ mạng đó giúp cho quyền làm người được thể hiện trên khắp thế giới, như họ vẫn áp dụng ở Mỹ.

Chúng ta không quên rằng các người Mỹ đầu tiên là các di dân từ Âu Châu phải đi tìm đất sống mới vì muốn bảo vệ đức tin của họ. Từ khi lập quốc, người Mỹ vẫn coi bản hiến pháp của họ là biểu tượng của một lối sống có giá trị, đáng truyền bá cho cả nhân loại. Tôn trọng quyền tự do của mỗi cá nhân để khỏi bị nhà nước đàn áp, tôn trọng luật pháp, tự do kinh doanh cũng quan trọng như tự do tín ngưỡng, v.v... các giá trị đó được mọi người Mỹ chia sẻ.

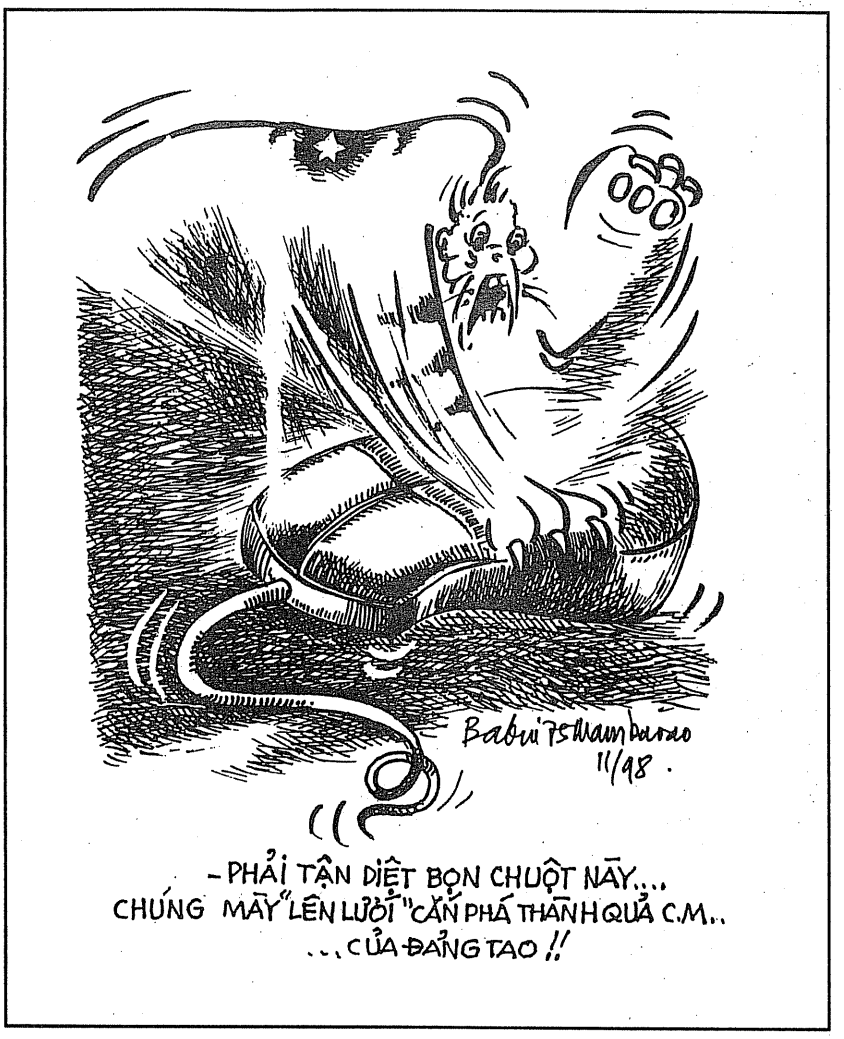

Và từ thế kỷ thứ 19, đối với nhiều người Mỹ thì Trung Hoa không phải chỉ là một thị trường để ông Rockefeller bán dầu lửa thắp đèn (bây giờ ông Bill Gates bán nhu liệu điện toán.) Nhiều người Mỹ còn nhìn thấy ở Trung Hoa một tỷ người có thể "truyền đạo." Các giáo hội ở Mỹ đã cử các nhà truyền giáo sang Trung Hoa, đón các thanh niên tuấn tú từ Trung Hoa sang Mỹ học đạo. Gia đình họ Tống đầy quyền lực và danh tiếng lừng lẫy ở Trung Hoa đã khởi nghiệp vì một thanh niên họ Tống được các nhà truyền giáo để mắt tới, đón sang Mỹ dạy dỗ về thần học. Khi về Thượng Hải, thanh niên này đã làm giầu nhờ in và phân phát các Thánh kinh.

Nhiều người Mỹ vẫn nhìn Trung Hoa với "mặc cảm truyền giáo." Họ công nhận ở đó có một nền văn minh lớn lao từ mấy ngàn năm, nhưng vẫn có thể được những người Mỹ giầu thiện chí tới thay đổi cho "tốt hơn." Ngày xưa, họ muốn thay đổi bằng cách truyền đạo. Ngày nay, họ muốn thay đổi bằng cách truyền bá các tư tưởng chính trị: thể chế dân chủ, tinh thần trọng pháp, quyền làm người, v.v...

Mối giao thiệp Mỹ và Trung Hoa đến bây giờ cũng không tránh khỏi ảnh hưởng của "mặc cảm truyền giáo" đó. Khi Thủ tướng Chu

Dung Cơ đến Los Angeles, ông đến dự một bữa ăn trưa với các nhà kinh doanh. Ông xin lỗi họ là đã đến trễ, nhưng ông đổ lỗi cho cả Thống đốc California lẫn Thị trưởng Los Angeles. Hai ông này đã giữ ông Chu Dung Cơ lại lâu quá, để thuyết giảng cho ông về nhân quyền!

Trong chuyến đi Mỹ, ông Chu Dung Cơ đã chứng tỏ ông hiểu cơ cấu dân chủ của nước này, ông đang nhìn tận mắt, và cũng đang sử dụng cơ cấu đó. Tại Illinois, ông Chu nói chuyện với các nhà nông đang hân hoan vì thỏa ước giảm thuế quan cho Trung Quốc mua thêm bắp, thịt bò, lúa mì, cam, bưởi của Mỹ. Ông Chu Dung Cơ nói với các trại chủ: "Quý vị hãy điện thoại cho Tổng thống Clinton" để thúc đẩy giao thương với Trung Quốc!" Một trại chủ, ông Peter Tekampe, 57 tuổi, làm chủ 400 mẫu (ha) đất, nuôi bò, trồng đậu và bắp, đã trả lời: "Tôi sẽ gọi điện thoại, gọi cho Tổng thống Clinton và Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp, đâu có khó gì!"

Ông Chu Dung Cơ đã được "học tại chỗ," và thực hành tại chỗ, về guồng máy chính trị dân chủ của nước Mỹ. Và sự kiện ông học nhanh, hiểu mau, chắc chắn khiến dân Mỹ hài lòng. Họ sẽ gọi điện thoại cho Tổng thống, Nghị sĩ, Dân biểu của họ. Các nhà kinh doanh Mỹ muốn thấy thị trường Trung Hoa mở rộng hơn. Và họ sẽ đưa ra lý luận này: Hãy buôn bán với Trung Hoa đi. Khi người ta buôn bán có lời, họ sẽ hiểu rằng chính nếp sống dân chủ tự do ở Mỹ tạo ra sức mạnh kinh tế. Đưa Trung Hoa vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới là cho họ một dịp tập sống trong vòng luật lệ quốc tế về mậu dịch. Tinh thần thượng tôn luật pháp sẽ dần dần nảy nở! Các xí nghiệp Trung Hoa khi phải ra ngoài nước cạnh tranh, họ sẽ tập làm ăn theo lối tư bản, rồi họ sẽ suy nghĩ theo lối tư bản! Con đường truyền giáo bây giờ phải đi song song với con đường thương mại và đầu tư!

Chính quyền Mỹ, từ Tổng thống Bush đến Tổng thống Clinton, đã hiểu điều đó. Bên ngoài, họ vẫn đòi hỏi Trung Hoa thực hiện nhân quyền. Bên trong, họ vẫn bàn chuyện buôn bán làm ăn. Nếu hai lãnh vực đó thật sự ảnh hưởng lẫn nhau, điều đó không có gì lạ đối với người Mỹ. vì cả hai đều nằm trong nếp sống, văn hóa của họ.

Trung Hoa đang thay đổi

Sau khi ông nhậm chức Thủ tướng Trung Quốc vào năm ngoái, ông Chu Dung Cơ đưa ra các biện pháp cải tổ xã hội, kinh tế, tài chánh mạnh bạo. Ông nói thẳng phải cắt bớt một nửa số 20 triệu công chức, kiểm soát nạn các cấp hành chánh tự ý đặt thêm các lệ phí bắt dân đóng góp, thay đổi cơ bản trong quá trình duyệt xét các dự án đầu tư để "theo tiêu chuẩn quốc tế," vân vân.

Trong các biện pháp kinh tế có hậu quả lớn và lâu dài trên tương lai Trung Quốc, có việc cải tổ 370 ngàn xí nghiệp quốc doanh, cải tổ hệ thống ngân hàng, nhưng một cải tổ nghe rất nhỏ mà có tầm ảnh hưởng sâu rộng là "thương mại hóa" gia cư. Khi nhà cửa được tư nhân hóa và thương mại hóa, hàng trăm triệu người Trung Hoa sẽ tìm cách trở thành chủ ngôi nhà của họ. Kỹ nghệ xây cất sẽ lên, đưa tới nhu cầu tiêu thụ gia tăng. Nền kinh tế Trung Quốc lâu nay tăng trưởng chủ yếu nhờ xuất cảng, mà hiện nay sự tăng trưởng đó bắt đầu bị hạn chế, cần kích thích tiêu thụ trong nội địa.

Giới lãnh đạo Trung Hoa, có kinh nghiệm chính họ bị đàn áp dưới thời Mao Trạch Đông, và trình độ học vấn cao hơn hẳn các người cầm đầu đảng Cộng Sản Việt Nam, họ đang thực sự thay đổi đất nước họ. Nhiều người Mỹ nghĩ, như tờ báo Wall Street Journal rằng việc mở cửa cho Trung Quốc vào WTO sẽ ích lợi cho người Trung Hoa cũng như cho cả nước Mỹ và thế giới. Họ lý luận rằng khi vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới rồi, Trung Hoa sẽ trở thành một phần tử của thế giới một cách có trách nhiệm hơn. Trong nội bộ, họ sẽ cải tổ nhanh hơn, xóa bớt hệ thống doanh nghiệp nhà nước bất lực, vì không thể cạnh tranh với các công ty quốc tế một khi Trung Quốc phải mở cửa theo điều lệ của WTO. Nền kinh tế Trung Hoa sẽ tự do hơn và trù phú hơn, đó cũng là một cách thúc đẩy quá trình dân chủ hóa.

Và một chính phủ Trung Hoa tuân thủ luật lệ mậu dịch quốc tế cũng khích lệ tinh thần trọng pháp ở trong nước họ. Đó chính là những gì mà người Mỹ muốn đạt được ở Trung Hoa từ nửa thế kỷ nay!

Có lẽ từ đây đến tháng Sáu, chính quyền Clinton sẽ tìm cách thuyết phục Quốc hội Mỹ cho Trung Quốc quy chế Tối huệ quốc vĩnh viễn, từ đó sẽ mở đường vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới. Nếu Trung Quốc không được vào, thì Đài Loan cũng khó gia nhập tổ chức đó.●

KHỦNG HOẢNG KOSOVO

VƯƠNG HỮU BỘT

Vẽ lại bản đồ

Người Việt chúng ta không quen cảnh bản đồ quốc gia bị vẽ đi vẽ lại nhiều lần. Trong lịch sử, nước ta chỉ thay đổi biên cương hai, ba lần lớn, mỗi lần đổi rồi không đổi nữa. Lần thứ nhất bắt đầu khi quân Hán xâm chiếm nước Nam Việt của Nhà Triệu vào năm 111 trước Tây lịch. Hậu quả là một vùng đất rộng lớn của Nam Việt trở thành vùng Lưỡng Quảng của Trung Quốc, giống dân Việt sống tại miền này đã bị Hán hóa. Hai lần sau, bản đồ nước ta đã được thay đổi khi người Việt xâm chiếm các nước phía Nam. Việc chiếm Chiêm Thành khởi sự từ đời Lý, Trần, đến năm 1470 Lê Thánh Tông mở rộng nước Việt đến Phan Rang bây giờ. Đợt thứ hai chiếm đất của Chân Lạp, các chúa Nguyễn bắt đầu vào thế kỷ 17, đến thế kỷ 19 thì biên cương Việt Nam được vẽ gần giống như ngày nay. Chúng ta không trải qua kinh nghiệm biên giới quốc gia sửa đi sửa lại, thế kỷ này sang thế kỷ khác như ở vùng Balkan.

Vùng Balkan (nghĩa là Núi trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ) bị các đế quốc tranh nhau chia cắt từ đầu kỷ nguyên. Giống dân Yug-Slav, (Yug là phía Nam, phiên âm chữ Hán là Nam Tư Lạp Phu, để phân biệt với người Slav ở Nga và các nước phía Bắc,) trong đó có dân Serbe đã tới miền này từ thế kỷ thứ sáu và đồng hóa nhiều sắc dân khác. Họ chưa bao giờ lập thành quốc gia nhưng hai lần đã xâm chiếm cả vùng để cai trị như các đế quốc trong một thời gian ngắn.

Khi đế quốc Byzantine làm chủ miền Đông châu Âu, người Slav đã đề kháng. Nhưng họ thất bại trước đế quốc Ottoman. Năm 1389, quân đội Thổ Nhĩ Kỳ đánh bại quân Serbe ở Kosovo Polje (nghĩa là Cánh đồng Chim Sáo). Người Thổ truyền bá Đạo Hồi cho dân địa phương, và giống dân gốc Albani ở đây đã theo đạo mới, trong khi nhiều người Serbe vẫn giữ tôn giáo cổ truyền của họ là Chính Thống giáo. Đế quốc Ottoman thống trị vùng này bốn thế kỷ, họ đã chiếm Budapest và Beograde và chỉ ngừng lại ở Vienna, nếu không cả Âu châu đã khác nhiều.

Đế quốc Thổ suy yếu được thay thế bởi các nước có tham vọng đế quốc khác, từ các Nga hoàng đến nước Anh, đế quốc Áo Hung và cả Hy Lạp. Các đế quốc vẽ lại bản đồ để chia nhau ảnh hưởng, nhiều sắc dân chung nhau tiếng nói, tôn giáo hay chủng tộc có thể bị chia cắt ra nhiều mảnh. Động từ "balkanize" trong các tiếng Âu châu có nghĩa là "chia năm xẻ bảy các quốc gia," phát sinh từ đó. Chính những tranh chấp tại vùng này đã làm nổ ra Thế chiến Thứ nhất. Riêng với người Serbe, họ vẫn còn nhớ cuộc thất trận năm 1389 tại cánh đồng Chim Sáo, và giữa họ với những người Albani theo đạo Hồi còn nuôi một mối hận lịch sử. Điều này giải thích tại sao các người Serbe ở khắp thế giới hăng hái ủng hộ ông Milosevic trong vụ đối đầu với khối NATO khi Minh ước Bắc Đại Tây Dương buộc chính phủ Beograde phải chấm dứt đàn áp người gốc Albani ở Kosovo.

Tham vọng của Tiểu Lê Nin

Hai năm sau khi các chế độ Cộng Sản ở Đông Âu sụp đổ, lần lượt Macedonia, Croatia và Slovenia đã tuyên bố độc lập, Dân Macedonia hơn 2 triệu đa số người Serbe, hơn 20% gốc Albani. Slovenia với 2 triệu dân đã cải tổ sang kinh tế thị trường một cách nhanh chóng và nay là xứ thịnh vượng hơn cả. Coatia và Bosnia, mỗi nước khoảng 5 triệu dân, không may mắn như vậy. Quân Serbe đã tấn công, gây ra cảnh nội chiến kéo dài đến năm 1995. Chính phủ Mỹ dưới thời Tổng thống Bush ủng hộ Serbia vì muốn hòa hoãn với Nga.

Năm 1993 thế giới đã lên án chính phủ Milosevic về tội "thanh trừng chủng tộc" khi quân Nam Tư và người Serbe địa phương giết hại các người Croate theo Công giáo và người Bosnia theo Hồi giáo. Một số lãnh tụ Serbe tại

hai vùng này đã bị truy tố trước tòa án quốc tế về tội diệt chủng, nhưng chính phủ Nam Tư cũng tố cáo các chính phủ Croatia và Bosnia đang kỳ thị người gốc Serbe ở xứ họ. Mấy trăm ngàn người gốc Serbe từ các nước trên phải chạy sang các trại tị nạn ở Serbia, đang sống bằng trợ cấp hàng ngày.

Năm 1968, dân gốc Albani trong tỉnh Kosovo đã biểu tình đòi tách ra khỏi Serbia. Họ chiếm 90% trong số 2 triệu dân, và theo đạo Hồi. Năm 1974 Nam Tư đã đổi hiến pháp, coi Kosovo là một tỉnh tự trị. Sau khi Tito chết, Tổng thống Milosevic bãi bỏ quy chế tự trị này năm 1989. Hai năm sau, dân gốc Albani bắt đầu nổi lên. Thỏa ước hòa bình năm 1995 cho Bosnia không đề cập đến Kosovo, Quân đội Giải phóng Kosovo (KLA) ra đời năm 1996. Lúc đầu họ rất yếu, nhưng khi xứ Albania hỗn loạn vì vụ lừa bịp "kim tự tháp" thì KLA mua được nhiều vũ khí do quân đội Albania bán.

Tổng thống Slobodan Milosevic gia nhập đảng Cộng Sản năm 18 tuổi, rất hăng say nên có biệt hiệu là Tiểu Lê nin. Năm 1984 ông vào Trung ương Đảng và ba năm sau lên ngôi Tổng bí thư, lúc 46 tuổi. Bà vợ ông nói rằng Slobo không quan tâm gì đến ý thức hệ cả. Mục đích của ông ta là quyền hành. Để củng cố quyền hành, ông khích động tự ái chủng tộc của dân Serbe. Ông vẽ ra viễn ảnh một nước Đại Serbia để kích thích lòng ái quốc.

Trong mười năm qua Milesovic đã gây ra ba cuộc chiến tranh, và thất bại cả ba lần. Vậy mà mỗi lần thua ông ta lại tăng thêm quyền. Sau cuộc bầu cử năm 1996 dân Serbe biểu tình suốt ba tháng ở thủ đô Beograde phản đối đảng Xã hội (đảng Cộng Sản cũ) gian lận. Nhưng cuối cùng Milosevic đã được Tòa án Tối cao tuyên bố thắng, ông lại rất giỏi chia rẽ các đối thủ chính trị. Năm 1997, theo hiến pháp thì ông không được phép ứng cử Chủ tịch nước Serbia nữa, Milosevic bèn ứng cử Chủ tịch Nam Tư, biến chức vụ làm vì này thành ra có quyền hành thật sự.

Kosovo, hiệp thứ nhất

Karl Von Clausewitz viết: "mục đích chiến tranh là bắt đối thủ phải làm theo ý muốn của mình." Cho nên, muốn biết ai thắng ai bại sau bốn tuần NATO oanh tạc và bắn hỏa tiễn vào Nam Tư, chúng ta phải trở lại câu hỏi căn bản: NATO muốn gì, và chính phủ Milosevic muốn gì?

Ông Milosevic muốn nắm vững chức Chủ tịch Nam Tư. Từ khi NATO bắt đầu không kích, số người tị nạn lên gần một triệu, nghĩa là dân số gốc Albani ở Kosovo giảm bớt hơn một nửa. Ông Milosevic sẵn sàng đưa 300 ngàn dân Serbe tị nạn ở các nơi khác đến trám vào đó. Ngay trước mắt, ông Milosevic đang thắng, vì dự án thanh lọc chủng tộc của ông đang được thực hiện.

Còn các nước NATO muốn gì? Trước khi không kích, NATO chỉ yêu cầu ông Milosevic chịu ký hòa ước với Quân Giải phóng Kosovo, để quân NATO vào đó giữ hòa bình. Ông Milosevic đã hứa hẹn chấp nhận điều đó ba lần rồi lại nuốt lời. Đúng vào lúc NATO đang chuẩn bị lễ thượng thọ 50 tuổi, minh ước phải đóng vai xâm lược một quốc gia nhỏ láng giềng! Hòa đàm ở Rambouillet, Paris, NATO mất bao công mới thành, nhưng hai bên tham chiến chỉ có một bên chịu ký! NATO đánh bom chỉ để "thuyết phục" ông Milosevic ký. Những thứ hòa ước mang tên Paris hay bị xui xẻo!

Sau bốn tuần lễ "thuyết phục" bằng bom và hỏa tiễn, Milosevic vẫn chưa nhượng bộ. Và NATO gánh thêm trách nhiệm mấy trăm ngàn người tị nạn. Nhiều chính phủ đã lo đón người Kosovo vào nước họ. Pháp không chấp nhận đón người tị nạn, vì họ thấy không nên giúp ông Milosevic đuổi vĩnh viễn những người Hồi giáo này khỏi Kosovo!

Mối lo lớn hơn nữa là nguy cơ cuộc chiến sẽ lan rộng. Dân Macedonia gốc Serbe có cảm tình với Milosevic mặc dù chính phủ đã cho phép quân NATO vào xứ này. Có gần một phần ba dân Macedonia vốn gốc Albani và họ có thể giúp đám Quân Giải phóng Kosovo vì lý do chủng tộc, tôn giáo! Milosevic có thể kiếm cớ xua quân qua Macedonia khích động cho hai nhóm chủng tộc giết lẫn nhau. Xứ Albania cũng khó tránh khỏi. Hiện nay quân NATO đã vào Albania, và Quân Giải phóng Kosovo cũng dùng xứ này làm căn cứ.

Chưa hết, tiểu bang Montenegro cũng nằm trong nước Nam Tư lại có một chính phủ chống Milosevic. NATO sẽ phải giúp những người tị nạn ở xứ này và ông Milosevic có thể kiếm cớ đưa quân vào Montenegro để đánh Quân giải phóng Kosovo. Nếu NATO đưa quân vào cứu chính phủ Montenegro thì nước Nam Tư có vỡ đôi hay không?

NATO khoe đã tiêu diệt được hơn nửa tiềm năng quân sự của Milosevic, như số máy

bay, số phi trường và giàn hỏa tiễn, các kho xăng và cả xe cộ, v.v. Nhưng để đạt mục tiêu thanh lọc chủng tộc thì ông Milosevic không cần mấy thứ đó. Ông ta chỉ cần những toán công an và quân đội tới từng làng, từng xóm giết người Albani.

Chỉ còn một giải pháp để NATO đạt tới mục tiêu của họ, là đổ bộ. Muốn cho Macedonia, Albania và Montenegro khỏi bị kéo vào vòng chiến thì NATO có thể dùng một con đường ngắn, là đánh từ phía bắc xuống. Biên giới Hungary cách thủ đô Beograde có mấy trăm cây số, mà Hungary vừa mới gia nhập khối NATO cùng với Ba Lan và Cộng hòa Tiệp.

Ngày xưa Hitler cũng cho quân tiến từ Hungary xuống Beograde, thủ đô Nam Tư. Chỉ mấy tiếng đồng hồ họ đã tới, và trong một ngày Nam Tư phải đầu hàng Đức. Có khi chỉ cần đưa quân tới biên giới là đủ cho ông Milosevic hiểu quân đội NATO đang đe dọa cho địa vị của ông ta.

Primakov học Tolstoi

Khi Anna Karenine tự kết liễu cuộc đời hồng nhan bạc phận thì nhân tình bà, công tước Vronsky phải tìm nơi lánh mặt để gia đình thoát khỏi các lời đàm tiếu của dư luận xã hội thượng lưu Nga thế kỷ 19. Nhưng phải cho Vronsky biến đi đâu bây giờ? Nếu quý vị là tác giả truyện *Anna Karenine,* quý vị sẽ tính sao? Cho chàng tự tử theo nàng? Hay cho chàng chết trong một trận thách đấu, dưới kiếm của người chồng một phụ nữ thượng lưu trẻ đẹp khác? Văn hào Lev Tolstoi đã giải quyết khúc mắc đó bằng cách đưa Vronsky sang Serbia! Bà mẹ của Vronsky thở phào nhẹ nhõm: "Thật là ơn trời! Đi Serbia đúng hay sai tôi không biết, nhưng đối với nó thì là một cơ hội trời cho!"

Tháng trước, Thủ tướng Nga Primakov đang bay sang Mỹ thì ra lệnh máy bay trở về. Ngay khi có tin ông Primakov quẹo chữ U, đồng Rúp xuống giá 5% so với Mỹ kim. Thủ tướng Nga cũng bắt chước Công tước Vronsky, chọn Serbia làm chỗ tránh nợ! Ông không phải đối phó với một bà nhân tình tự vẫn trên đường rày xe lửa. Nhưng, nhiều khi một cuộc khủng hoảng kinh tế còn bi đát hơn một tấn thảm kịch ngoại tình nữa.

Lúc ông Primakov bay đi Mỹ, ông đang tính xin Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cấp ngay 5 tỷ Mỹ kim. Cần gấp, vì số tiền đó sẽ góp phần thanh toán 17,5 tỷ Mỹ kim nợ phải trả trong năm nay - ít nhất cũng trả cho IMF món nợ 4,8 tỷ đang đáo hạn! Ngân sách năm 1999 của chính phủ Nga dự trù tổng số thu chỉ có 25 tỷ Mỹ kim! Tình cảnh đó, so với chuyện một bà nhân tình tự vẫn, cảnh nào thê thảm hơn? Không trả được nợ thì chính phủ Nga từ nay sẽ khó đi vay nợ, vay của IMF hay của bất cứ ngân hàng nào!

Nếu năm nay Nga không trả được hơn 17 tỷ Mỹ kim nợ đáo hạn thì còn ai dám cho vay nữa? Cho nên đi Serbia như Công tước Vronsky là đúng lúc! Ông Milosevic cho chính phủ Nga một lá bài có thể dùng mặc cả với Mỹ, và Quỹ Tiền tệ Quốc tế. Nga đã từng cung cấp các hỏa tiễn phòng không cho ông Milosevic và cũng là nguồn tiếp tế đầu lửa cho Nam Tư. Chính phủ Nga đã cho các chiến hạm Nga rời Hắc hải sang Địa Trung hải, gọi là để thâu lượm tin tức.

Tuy nhiên, các điều kiện khách quan cũng có thể giúp Nga vay thêm. Nếu Quỹ Tiền tệ Quốc tế không đòi được 4,8 tỷ Mỹ kim nợ đã cho Nga vay thì họ cũng bị lôi thôi. Quỹ IMF sẽ bị giới tài chánh quốc tế xếp vào cùng loại với các ngân hàng phá sản ở Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia hay các Quỹ Tín Thác Quốc tế ở Quảng Đông. Các cơ sở này cũng chỉ mắc cái tội đem tiền của người khác cho vay rồi không đòi được, phải tuyên bố phá sản! Hơn nữa, nếu Nga tuyên bố "xin lỗi, không trả được nợ" thì nhiều nước khác có thể bắt chước! Hai năm qua, Quỹ Tiền tệ Quốc tế đã cho các nước nguy khốn vay 180 tỷ Mỹ kim, nếu Nga xin lỗi được thì nhiều nước sẽ xin lỗi! Cuối cùng, nếu Quỹ Tiền tệ Quốc tế nghĩ đến quyền lợi của chính họ, họ sẽ chìa ra 5 tỷ Mỹ kim cho Nga vay dần dần, để đòi lại 4 tỷ 8 dần dần trong năm nay! Đối với Mỹ thì cho Nga năm tỷ Mỹ kim còn rẻ hơn kéo dài chiến cuộc, mỗi tháng tốn hàng tỷ Mỹ kim khác.

Chủ quyền và nhân quyền

Các chính phủ Hà Nội và Bắc Kinh phản đối NATO vì, họ nói, các nước trong khối này không có quyền can thiệp chuyện nội bộ của nước Nam Tư. Điều tương đồng giữa Milosevic và các lãnh tụ Hà Nội, Bắc Kinh, là họ chia sẻ cùng một quan niệm về "chủ quyền quốc gia" với nghĩa là "quyền của nhà nước" khi đối chiếu với quyền của người dân.

Nhưng chủ quyền quốc gia là một khái niệm phải được đem cân bằng với quyền của

mỗi con người. Quốc gia được lập ra vì có những con người sống trong quốc gia đó. Có thể nói mục đích lập quốc là để mưu cầu hạnh phúc cho mọi người.

Khi mọi người kết hợp lại thành quốc gia, họ tạo ra guồng máy nhà nước để phục vụ cho tất cả mọi người. Nhưng quyền lợi của cá nhân nhiều khi xung khắc với quyền lợi các quan chức. Nhà nước muốn nhân danh cộng đồng để bắt các cá nhân hy sinh quyền lợi riêng, điều này rất chính đáng, nếu sự hy sinh này phù hợp với luật pháp và công lý. Làm sao biết nhà nước làm đúng các tiêu chuẩn của luật pháp và công lý?

Về luật pháp, tương đối dễ giải quyết. Nếu nhà nước thi hành đúng hiến pháp và luật lệ, khi hiến pháp và luật lệ do đại diện thật sự của dân chúng đặt ra theo các thủ tục dân chủ, ta có thể nói là nhà nước đã làm đúng, cá nhân không thể được đối xử đặc biệt.

Nhưng còn công lý thì sao? Khái niệm công lý không đơn giản. Một cách thực hiện công lý là thi hành đúng các thủ tục dân chủ. Nhưng ngay các thủ tục dân chủ cũng chưa đủ, vì xã hội loài người ngày càng phức tạp hơn. Hãy lấy một thí dụ rất cực đoan để chúng ta dễ thấy. Thí dụ bây giờ trong một nước theo đúng các thủ tục dân chủ, 70 phần trăm dân chúng trong nước đó bỏ phiếu kín quyết định cắt tai (hay cắt tóc) 30% dân chúng còn lại, chúng ta nghĩ sao? Chắc chắn chúng ta sẽ phản đối, dù cuộc bỏ phiếu vô cùng dân chủ.

Nói chuyện cắt tai để khích động trí não, nhưng chúng ta có thể lấy các thí dụ khác. Nếu 70% nói trên là người da trắng, 30% là da đen, nếu họ không cắt tai mà chỉ bắt nhóm thiểu số chịu một số thiệt hại về kinh tế, giáo dục nào đó, câu chuyện có thể dễ hiểu hơn. Chúng ta có thể tưởng tưởng nhóm đa số theo một tôn giáo thờ Mặt Trời, trong khi nhóm thiểu số thờ Mặt Trăng chẳng hạn, và khối đa số viết một hiến pháp bắt người nào thờ Mặt Trăng phải trả thêm tiền điện hay không được lái xe chẳng hạn. Trong các thí dụ này, rõ ràng công lý bị vi phạm, Vì chúng ta tin rằng đối xử phân biệt vì lý do chủng tộc hay tôn giáo là không có công lý.

Vì vậy, bên cạnh các thủ tục dân chủ, người ta phải đặt ra một số quy tắc khác để bảo vệ công lý, mà không nhà nước nào có quyền vi phạm. Các quy tắc đó gọi là "quyền làm người." Hễ ai là người thì nhân quyền của họ phải được tôn trọng. Loài người còn đang đi xa hơn, nêu ra các quy tắc đối xử hợp với đạo lý với mọi sinh vật nữa. Vì vậy, khi nhà nước trong một quốc gia vi phạm quyền làm người của công dân trong nước họ, thế giới loài người cũng bị xúc phạm. Các chính phủ độc tài thường cấm đoán người nước khác phê bình cách họ đối xử với người dân của họ, chính vì họ đặt nhà nước trên thân phận con người.

Miền giữa Âu châu là một nơi đang bị thử thách vì nhiều quốc gia đang chuyển biến, từ các chế độ cộng sản độc tài sang dân chủ, nhưng thử thách lớn của Âu châu vẫn còn ở các quốc gia với nhiều chủng tộc và tôn giáo khác nhau. Miền đất giữa Đức và Nga có 170 triệu con người sống trong 18 quốc gia. Trong số 170 triệu đó, có trên dưới 20 triệu sống với tính cách "dân thiểu số." Có 2 triệu người Đức sống ở Ba Lan, Nga, Rumani và Hungary. Số người Albani sống ở Serbia, Montenegro và Macedonia, v.v. chiếm 40% tổng số dân gốc Albani, tại quốc gia mang tên Albania chỉ có 3 triệu rưỡi người. Số người Nga sống ngoài nước Nga là 27 triệu người, riêng ở Ukraine đã 11 triệu. Người Ba Lan sống ở Lithuania và Nga. Trong nước Nga bây giờ có 25 triệu người thuộc các sắc tộc thiểu số. Âu châu cũng có nhiều quốc gia đa chủng và đa tôn giáo, từ Vương quốc Bỉ (hai giống dân chính) đến Liên bang Thụy Sĩ (bốn ngôn ngữ chính thức.) Những nước Thụy Sĩ và Bỉ sống hòa bình được vì không những họ theo các quy tắc dân chủ, mà còn vì họ tôn trọng quyền làm người của mỗi cá nhân.

Tự ái chủng tộc và tôn giáo rất dễ bị kích động khiến người dân bình thường có thể trở thành dã thú. Một chế độ độc tài có thể kiềm chế những thú tính đó bằng cách dùng bạo lực - một hình thức của bạo lực là hộ khẩu và tem phiếu mua thực phẩm để kiểm soát mọi người dân.

Nhưng muốn hóa giải thú tính, giúp mọi người cùng sống văn minh, xứng đáng gọi là người hơn, thì phải dùng quy tắc dân chủ, và trên hết, phải tôn trọng các nguyên lý "quyền làm người." Ách độc tài có thể dập tắt các hận thù chủng tộc và tôn giáo một cách giả tạo, nhưng khi chế độ độc tài đổ - mà chế độ độc tài nào rồi cũng đổ - thì thú tính lại có dịp bùng lên, tình trạng tệ hơn. Chỉ khi chúng ta tôn trọng quy tắc dân chủ và quyền làm người thì chúng ta mới thuần hóa được loài dã thú trong mỗi con người.●

NHỮNG NHÂN CHỨNG CUỐI CÙNG

Bác sĩ TRẦN NGUƠN PHIÊU

Khi quyển "Viết cho Mẹ và Quốc Hội" của Ông Nguyễn Văn Trấn được nhà xuất bản Văn Nghệ cho ra mắt ở hải ngoại, nhiều bài bình luận đã góp ý, phân tích, về quyển này. Đây là một quyển sách đã gây chấn động cả trong và ngoài nước vì là lần đầu, vài chi tiết "thâm cung bí sử" trong sinh hoạt nội bộ của giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam được phơi bày trước công luận.

Ông Tôn Thất Thiện ở Canada là một trong những nhà bình luận thời sự có tiếng, đã viết một bài ca ngợi việc làm của ông Trấn. Ông Thiện có đưa ra vài ý kiến dè dặt đối với lập trường của Ông Trấn, và đề cao các sử liệu mà Ông Trấn sử dụng. Một bình luận gia khác, ông Lâm Lễ Trinh, một nhân sĩ miền Nam từng giữ chức Tổng trưởng bộ Nội vụ thời chánh phủ Ngô Đình Diệm, lại gọi ông Trấn dưới danh từ "Hung thần Chợ Đệm" - một danh từ mà giới sinh hoạt chánh trị miền Nam, tham hiểu tình hình trong khoảng thời gian khởi đầu cuộc kháng chiến Nam bộ, đã riêng tặng cho ông Nguyễn Văn Trấn.

Ông Trấn nay đã qua đời. Người viết bài này từng muốn viết về đề tài này từ lâu, trong chủ đề "Hiện tượng Nguyễn Văn Trấn," nhưng nhiều bạn thân đã đề nghị là khoan ra mắt - vì nhằm vào lúc Ông Trấn đang thực hiện báo chui "Người Sài Gòn," một tờ báo từng làm nhức nhối giới cầm quyền trong nước. Phê bình Ông Trấn vào thời điểm ấy là việc làm không ích lợi cho công cuộc tranh đấu chung.

*

Trong quyển "Viết cho Mẹ và Quốc hội," tác giả đã rất nhiều lần đề cập đến những bạc đãi mà người kháng chiến miền Nam đã gặp phải khi tập kết ra Bắc. Ông Trấn nêu lên trường hợp Ung Văn Khiêm, Bộ trưởng Ngoại giao Bắc Việt đã bị cho ra rìa sau một Tuyên-bố Chung mà ông Hồ Chí Minh ký với lãnh tụ Cộng sản Tiệp Khắc, Novotny. Lê Đức Thọ đổ trách nhiệm cho một mình Ung Văn Khiêm là đã thảo văn thư, mặc dầu nhiều người đều biết là ông Hồ Chí Minh đã có bút tích phê thuận trên bản Dự thảo văn kiện này... Vì Lê Duẩn muốn bứng Ung Văn Khiêm ra khỏi bộ Ngoại giao, nên Ung Văn Khiêm đã phải chịu mất chức, thành "dê tế thần." Ông Bùi Công Trừng, người từng có chân trong Bộ Chính Trị, cũng bị quản thúc tại gia cho đến chết. Còn Dương Bạch Mai, người có tiếng là thân Nga, chống đường lối thân Trung Quốc, đã chết bất ngờ đầy mờ ám trong dịp Chu Ân Lai sắp đến viếng thăm Hà Nội lúc ấy. Ông Mai đang dự cuộc họp Quốc Hội (tại Nhà Hát Lớn Hà Nội), đúng vào lúc ông sắp sửa đọc một diễn văn nảy lửa chống lại đường lối thân Trung Quốc từ xưa này của ông. Diễn văn có sẵn trong túi áo, nhưng trong giờ giải lao, ông đột tử trước khi uống cạn ly bia mà các Đại biểu mời để mừng sinh nhật ông, ngày hôm sau.

Ông Trấn, xem ra có ý muốn để Nam Bộ cho người Nam trách nhiệm quản lý, nhưng những người am tường chuyện cũ đã chua chát bảo nhau :

"Các ông đã ám hại bao nhiêu nhân tài miền Nam, còn đâu người để giúp các ông?"

Trong sách của ông, ông Trấn đề cập rất nhiều về sự góp công của mình vào những ngày bố trí khởi nghĩa Nam Bộ. Nhưng ông không đả động gì đến việc ông từng giúp Đảng Cộng sản Đệ Tam thanh toán những người yêu nước cùng tranh đấu chống thực dân Pháp ở miền Nam. Ông đã làm việc thanh toán đó, để giúp Đảng của ông quyền độc tôn lãnh đạo.

Nay, ông vẫn không một lời đề cập, một ý ân hận nào... về các việc ông đã làm.

Trái lại, nếu chú ý đọc kỹ những dòng ông viết, người hiểu chuyện có cảm tưởng rằng ông còn cố ý tự bào chữa việc ông làm trong quá khứ, bởi những người bị ông thanh toán chỉ vì có lập trường đối nghịch với chủ trương của ông - hay của Đảng của ông. Rải rác trong các đoạn văn, ông dành ra rất nhiều nỗ lực để công kích lập trường của các đảng phái khác xu hướng, đặc biệt là các người trong nhóm Đệ Tứ.

Trong giới chánh trị thời Việt Nam Cộng Hòa, rất ít người biết đến ông Trấn. Ông chỉ được nhắc đến nhiều sau khi sách của ông được xuất bản ở hải ngoại. Trong giới đã từng tham gia tranh đấu ở miền Nam, ông Trấn chỉ được biết đến như là một cấp thừa hành được Đảng tin cậy, một "thiên lôi" chỉ đâu đánh đó. Ông nhìn nhận chức vụ chánh thức của ông vào lúc khởi đầu, là Giám đốc "Quốc gia Tự vệ Cuộc."

Lúc Pháp chưa trở lại chiếm Sài Gòn, ngày 09-09-1945 người của Trần Văn Giàu là Lý Huê Vinh thuộc Quốc gia Tự vệ Cuộc, đã cho người bao vây trụ sở "Việt Nam Độc lập Vận động Hội" để bắt Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo, Huỳnh Phú Sổ, ở biệt thự đường Miche (tức đường Trần Cao Vân). Ông Huỳnh Phú Sổ thoát, nhờ sang kịp được một nhà bên cạnh. "Quốc gia Tự vệ Cuộc" đã dàn cảnh để bêu xấu Ông Huỳnh Phú Sổ bằng cách trưng diễn ngụy tạo một rương đựng đầy ảnh phụ nữ khỏa thân, rồi họ phao vu là bắt quả tang khi soát nhà.

Đến đêm 23 tháng 9 năm 1945, ngày lịch sử mở màn cuộc Kháng chiến "Cách mạng Mùa Thu ở Nam bộ," người bị giết đầu tiên, thây phơi trên đường Albert 1er (đường Đinh tiên Hoàng), là ông Lê Văn Vững, bí thư vùng Sài Gòn-Chợ Lớn của nhóm Tranh Đấu - cũng là người phụ trách phát hành báo Tranh Đấu. Như vậy người Việt Nam đầu tiên đã bỏ mình trong cuộc Kháng chiến chống Pháp đã không do thực dân giết, mà do "Tự vệ Cuộc miền Nam" thanh toán. (Bà vợ của ông Vững đã tận tụy suốt đời nuôi con và mở một tiệm tạp hóa trên đường Đinh Tiên Hoàng, gần góc đường Hiền Vương. Tiệm trương bảng màu vàng, đề tên Lê Văn Vững chữ đỏ, để kỷ niệm người chồng vắn số. Một người con của ông Vững là Tiến sĩ Lê Tuấn Anh về sau đã học thành tài, từng giữ chức Tổng trưởng Canh nông trong nội các chánh phủ Trần Thiện Khiêm.)

Vài ngày sau, 23 tháng 09 năm 1945, cô giáo Nguyễn Thị Lợi phụ trách báo Tranh Đấu cũng bị thủ tiêu ở Cần Giuộc, Chợ Lớn. Cuộc khủng bố Trắng săn bắt, ám sát các nhân sĩ ái quốc có uy tín nhưng không thuộc Đảng Cộng sản... từ đó xảy ra hàng ngày. Bắt đầu từ Bùi Quang Chiêu, đến Hồ Văn Ngà, Trần Quang Vinh, Bác sĩ Hồ Vĩnh Ký và vợ là Bác sĩ Nguyễn Thị Sương (nguyên Thủ lảnh Phụ Nữ Tiền Phong) vân vân. Nhà viết báo và cách mạng danh tiếng trong thời kỳ "Đông dương Đại hội," Diệp Văn Kỳ, biết ý đồ của Trần Văn Giàu, phải lánh mặt, mặc áo tu lánh mình ở Tha La Xóm Đạo (Trảng Bàng), nhưng cũng vẫn bị bắt, và bị sát hại trong đêm.

Một nhân vật có tiếng khác bị thanh toán, là Luật sư Dương Văn Giáo. Cái chết của ông Giáo có thể có liên can một phần nào đến cấp chỉ huy trực tiếp của ông Trấn, tức ông Trần Văn Giàu. (Ông Giàu lúc ấy làm Chủ tịch "Ủy ban Hành chánh Nam bộ"). Tình hình lúc ấy, là trước khi Nhật đảo chánh Pháp ngày 09 tháng 03 năm 1945, ông Trần Văn Giàu (cũng như một số lớn các nhà cách mạng khác), cũng đã bị Pháp cầm tù ở trại Tà Lài (Bà Rá). Có thể vì nhu cầu chánh trị, để chống Nhật, giới cầm quyền Pháp ở Việt Nam đã nhận chỉ thị từ Pháp - và đã dàn cảnh để ông Trần Văn Giàu vượt ngục Tà Lài, hầu ra ngoài nhằm mục đích hoạt động chống Nhật. Khi Nhật đảo chánh Pháp, trong các hồ sơ mật được giữ trong văn khố Sở Mật thám ở Catinat, văn kiện này được người Nhật tìm ra. Ông Huỳnh Văn Phương, người được Chánh phủ Trần Trọng Kim cho phụ trách cơ sở bót Catinat, có trong tay tài liệu này. Trong một phiên họp của "Mặt trận Quốc gia Thống Nhất" ở nhà vợ chồng bác sĩ Hồ Vĩnh Ký (đường Phan Đình Phùng), ông Dương Văn Giáo lúc đó từ Thái Lan về, đã rút từ cặp da ra tài liệu này cho các người hiện diện xem. Sau khi thảo luận, chính ông Giáo là người đề nghị không công bố tài liệu này, hầu không làm mất uy tín ông Trần Văn Giàu - để Mặt trận Việt Minh có thể lãnh đạo hữu hiệu việc chống Pháp - lúc đó đang lăm le chiếm trở lại miền Nam. (Quyết định sau cùng của buổi hội là giao cho Dương Văn Giáo đến gặp Trần Văn Giàu đặt vấn đề cải tổ Lâm Ủy Hành Chánh. Khi Pháp, với sự thỏa thuận của quân đội chiếm đóng Anh, làm chủ được Sài Gòn nhưng còn bị bao vây trong thành phố, Dương Văn Giáo đã bị vu cáo là Việt gian và bị xử tử ở Cầu Bến Phân, Gia Định).

Phần đông những người hiện diện trong buổi hội lịch sử kể trên - như bác sĩ Hồ Vĩnh Ký, và vợ là bà bác sĩ Nguyễn Thị Sương, Huỳnh Văn Phương, Hồ Văn Ngà, Huỳnh Phú Sổ, Lê Kim Tỵ... sau đó đã lần lượt bị giết - chỉ trừ Vũ Tam Anh (sau bị Mật vụ chế độ Ngô Đình Diệm giết) và Nguyễn Văn Hướng.

Những người đã bị thủ tiêu, không những phần nhiều đã hoạt động chung quanh vùng Sài Gòn, Chợ Lớn, mà còn cả nhiều người ở các tỉnh xa ở miền Nam. Danh sách những người này như đã được thu thập từ lâu, chỉ chờ có cơ hội là ra tay. Ông Trịnh Hưng Ngẫu, người được giới tranh đấu ở Nam biết tiếng, không phải chỉ vì ông đã chế biến cho các xe chuyên chở xử dụng lò đốt than gọi là gasogen để thay thế săng khan hiếm vào thời đó, mà do thành tích là ông dám đá vô mông một cò Pháp (nhân một cuộc bảo vệ ông Bùi Quang Chiêu từ Bến Nhà Rồng, Khánh Hội về tới nhà ở, tại Phú Nhuận) - đã cho biết, là trong một cuộc gặp gỡ Trần Văn Giàu ở Thái Lan, thì chính ông Giàu khoe là ông có danh sách hơn 200 người cần thủ tiêu nhưng chưa kịp làm gì (!?).

Một số đông những người kể trên đây đã từng bị "Tự vệ Cuộc" của ông Trấn bắt giam, trước khi Lâm Ủy Hành Chánh của Trần Văn Giàu rút khỏi Sài Gòn để về miệt Tân An. Ông Trấn đã đề cập đến việc này trong sách của ông (Xem trang 136) với lời khen (!) " Pháp cho lính Nhảy dù xuống Hội đồng Sâm để giải thoát cho tù nhân mà ta giam ở đó. Có cái tốt là tù nhân không chạy theo Tây." Tù nhân tốt (!) được giao cho Phạm Hùng đem vào kinh Xáng và đi luôn xuống Cà Mau. Một số những người bị giam nầy đã thoát chết khi được ông Nguyễn Hòa Hiệp, chỉ huy trưởng của Đệ tam Sư đoàn, bắt buộc "Tự vệ Cuộc" phải trả tự do cho họ - nhân lúc Sư đoàn này rút lui về Hậu giang. Nhân chứng sống gặp may trong trường hợp này, là ông Ngô Văn, đã kể lại chuyện ấy trong quyển "VIET-NAM, 1920-1945, Révolution et Contre-révolution Sous la Domination Coloniale." Sách xuất bản ở Pháp.

Riêng trường hợp ông Hồ Văn Ngà thì bị giết "nguội" về sau, khi ông bị giam ở Kim Quy, Đá Bạc, tỉnh Rạch Giá. Cùng bị giam với Hồ Văn Ngà có ông Trần Quang Vinh, một nhân sĩ Cao Đài tên tuổi. Ông Nguyễn Thành Phương và Vũ Tam Anh từng tổ chức phá khám để giải thoát hai ông Vinh và Ngà, nhưng chỉ cứu được Trần Quang Vinh. Hồ Văn Ngà hôm đó được một cán bộ giữ khám là học trò cũ mời về nhà dùng cơm! Ông Ngà sau đó bị giết ở Hòn Đá Bạc. Người viết bài từng có những phút vô cùng cảm động khi nghe ông Ngà đọc Diễn văn trong cuộc tập hợp lớn, ngày 18-03-1945, mừng nước nhà thoát được ách thực dân Pháp, tổ chức ở Vườn Ông Thượng (lúc ấy còn gọi là vườn Bồ Rô - sau ngày 09-03-1945, là ngày Nhật đảo chánh Pháp). Tờ truyền đơn của buổi tập hợp in màu đỏ đã được người viết trân trọng giữ, nhưng sau đó đã bị người nhà đốt mất, khi Pháp trở lại chiếm miền Nam.

Trước khi chết, ông Hồ Văn Ngà nói với những người giết ông :

"Giết thì cứ giết nhưng đừng kêu qua là Việt gian."

Những tội ác mà ông Nguyễn Văn Trấn cũng như những người khác như Nguyễn Văn Tây, Kiều Đắc Thắng, Kiều Tấn Lập, Cao Đăng Chiếm..., đã làm, xét cho kỹ, vẫn chỉ là việc làm của cấp thừa hành. Trách nhiệm phải do chủ trương của cấp chỉ huy. Những gương mặt chỉ huy nổi tiếng vào thời bấy giờ, là Trần Văn Giàu ở miền Tiền giang, Hậu giang; Dương Bạch Mai ở miền Đông Nam bộ. Nhưng sau lưng Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, những nhân vật có thực quyền là các cấp Xứ-ủy được Hà Nội gởi vào sau ngày 02-09-1945, lại là những người như Hoàng Quốc Việt (đại biểu của Trung Ương Đảng), hoặc Cao Hồng Lãnh (đại biểu Tổng bộ Việt minh), để đưa chỉ thị cho Trần Văn Giàu.

Dương Bạch Mai và Trần Văn Giàu là hai nhân vật công khai ra mặt trong cuộc Cách Mạng Tháng Tám mà nhân dân Nam bộ nghe danh, nhưng tên tuổi hai ông lại không được ghi trong cuốn "Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam"! Cuộc lãnh đạo thật sự là do các ông Hoàng Quốc Việt được ông Hồ Chí Minh phái vào Nam, và các ông Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng... như đã được ghi trong cuộc họp Xứ Ủy Nam Bộ ở Cây Mai (Chợ Lớn), ngày 23-09-1945; và cuộc họp Xứ Ủy Mở Rộng ở Thiên Hộ (Mỹ Tho), ngày 25-10-1945, để đối phó với sự trở lại của Pháp.

Chủ trương và trách nhiệm thủ tiêu các phần tử "ái quốc ngoài Đảng" ở miền Nam - để đảng Cộng sản VN độc quyền lãnh đạo mọi mặt - phải được quy cho các thành phần kể trên. Chúng ta có thể truy tầm lên cấp cao hơn nữa, tới cấp Trung Ương ở Bắc Bộ. Việc này không phải chỉ là một ước đoán - nhất là khi quyết định này liên quan đến các đảng viên

thuộc Đệ Tứ bị thủ tiêu có kế hoạch, vì các đảng viên Cộng sản Việt Nam theo Stalin từng được huấn luyện để theo đường lối ấy:

- Kể từ năm 1937, khi Stalin chủ trương phải tiêu diệt nhóm của Trostky (Báo Pravda ngày 14-02-1937), chỉ thị này đã được các đảng viên cộng sản Đệ Tam tuân hành triệt để. Năm 1939, ông Hồ Chí Minh đã viết ba bức thư từ Trung Quốc gởi về cho đảng viên trong xứ mà nội dung, từ ngữ giống như hệt bài báo năm 1937 của Stalin (Xem: Hồ Chí Minh Toàn Tập, tập 3, trang 97 và ba bức thư tiếng Pháp, ký tên là Line, đăng trong tờ báo Notre Voix, số tháng Sáu và tháng Bảy năm 1939). Đối với một người vốn đã hấp thụ văn hóa Đông phương Khổng, Mạnh như ông Hồ Chí Minh, mà ngôn từ quá thô được sử dụng trong ba văn kiện kể trên, quả là một bất ngờ khó hiểu, trừ phi phải được coi như một ngôn ngữ dịch từ các bản văn Nga ngữ của Stalin.

Trong cuốn "Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam" có đầy rẫy những loại chứng cớ bịa đặt, để chứng minh việc khủng bố và bắt bớ ai trong nhóm các chiến sĩ Đệ Tứ, như Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Phan Văn Chánh, Nguyễn Văn Số, Phan Văn Hoa (em của Hùm), Trần Văn Sĩ.... Nhiều người bị thủ tiêu tập thể. Tài liệu đã dẫn nói là các đảng viên này, "lúc đó đang lẩn trốn" trong vùng Dĩ An. Những người "Viết sử Đảng" hàng chục năm sau vẫn còn cố ý mạ lỵ những anh hùng yêu nước đã bị giết. Sự thật, trái lại đã cho biết là khi Pháp tái chiếm Sài Gòn, nhóm Đệ Tứ đã thành lập toán võ trang chống thực dân; và khi bộ phận của Trần Văn Giàu kéo ra khỏi Sài Gòn đi về hướng Bình Chánh, Tân An... thì nhóm võ trang Đệ Tứ tập trung và lập bản doanh ở vùng Suối Xuân Trường (Thủ Đức) để chống Pháp. Bộ đội của Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai thay vì lo đánh Pháp, lại tìm cách bao vây, giải giới nhóm này với chiêu bài để "thống nhất bộ đội võ trang." Nhiều người trong nhóm võ trang không đồng ý bị giải giới, nhưng nhiều người khác lại không muốn có chuyện đổ máu giữa người Việt với nhau. Cuối cùng 64 người (trên 68) có mặt hôm ấy bỏ thăm chịu ở lại, chấp nhận bị giải giới. Những liệt sĩ này không ngờ là họ đã tự trói tay để sau này bị giết tập thể ở Sông Lòng (sông Phan Thiết).

Một trường hợp được biết nhiều nhất là cái chết của nhà cách mạng nổi danh ở miền Nam, là Tạ Thu Thâu. (Đối với các bạn trẻ hiện nay, tưởng nên nhắc lại cho rõ là Tạ Thu Thâu từng du học ở Pháp, c. hoạt động chánh trị lúc ở Pháp cũng như sau khi bị trục xuất về VN.) Ông đã đứng ra tổ chức một cuộc biểu tình hơn 200 người ở Paris, trước Điện Elysée - Dinh Tổng Thống Pháp; ông Thâu phản đối việc Pháp lên án tử 13 chiến sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Yên Báy. Trong số 19 người cùng bị trục xuất về nước ngày 24-6-1930 trên tàu Athos II ở cảng Marseille có: Tạ Thu Thâu, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Tạo, Huỳnh Văn Phương, Hồ Văn Ngà, Lê Bá Cang, Phan Văn Chánh v.v.

Về đến Việt Nam, Tạ Thu Thâu đã cùng với những nhà cách mạng thuộc nhóm Đệ Tứ và Đệ Tam, cho ra tờ báo Tranh Đấu (La Lutte) làm diễn đàn công khai chống thực dân Pháp. Trước khi xảy ra cuộc Cách mạng Mùa thu, ông đang tham dự công tác ở miền Bắc. Trên đường trở về Nam, khi đi ngang Quảng Ngãi ông bị bắt, ngày 18 tháng 8 năm 1945, bị giam ở đình Xuân Phổ, và sau đó bị giết ở cánh đồng Dương, bờ biển Mỹ Khê.

Tưởng cũng nên nhắc đến một sự kiện là vào thời buổi này hai nhân vật là Hoàng Quốc Việt, đại biểu Trung Ương và Cao Hồng Lãnh, đại biểu Tổng bộ Việt Minh cũng được ông Hồ Chí Minh gởi vào Nam để mang các chỉ thị của Đảng. Các đại diện này cùng lên đường một lúc với Tạ Thu Thâu. Việc này chứng tỏ chắc chắn là họ biết rõ (hay chính họ chủ trương ?) vụ Tạ Thu Thâu bị giam ở Quảng Ngãi lúc ấy. Ông Thâu không bị giết ngay, mà còn qua một phen xét xử. Vào lúc đó đường giây điện thoại liên lạc với Hà Nội vẫn còn. Ngày hôm sau, khi ông Thâu đã chết, đã có ký giả hỏi ông Hồ Chí Minh ở Hà Nội vụ này, thì ông Hồ trả lời rằng "địa phương đã giết lầm một nhà ái quốc."

Năm 1946, khi nhà văn Daniel Guérin ở Paris gạn hỏi về cái chết của Tạ Thu Thâu, ông Hồ chí Minh tuyên bố:

"Tạ thu Thâu là người yêu nước tầm cỡ lớn. Tôi khóc cái chết của ông."

("Ce fut un grand patriote, nous le pleurons.")

(Xem: "Au Service Des Colonisés" của Daniel Guérin - Éditions de Minuit, Paris.)

Những ai đã từng biết rõ lề lối làm việc của các đảng viên Cộng Sản hẳn biết, là những quyết định hệ trọng bao giờ cấp thừa hành cũng phải tham khảo ý cấp trên. Như vậy quyết định thủ tiêu ông Tạ Thu Thâu không thể định đoạt do Từ Ty, một bí thư Đảng, hoặc chủ tịch một vùng nhỏ, như Tư Nghĩa... tại

Quảng Ngãi lúc ấy. Chỉ thị quan trọng này chắc chắn phải do cấp Xứ-ủy như Hoàng Quốc Việt - hay do cấp cao hơn nữa ở Bắc bộ phủ.

Năm 1989, ông Trần Văn Giàu có dịp qua thăm Paris. Nhiều nhà cách mạng và các sử gia có một buổi gặp gỡ ông Trần Văn Giàu để tìm hiểu về các diễn biến khi ông Giàu tổ chức dành chánh quyền ở Nam Bộ. Khi được hỏi về cái chết của ông Thâu, thì Trần Văn Giàu cho biết việc đã xảy ra không phải thuộc địa phương ông phụ trách. Ông cũng cho biết Tạ Thu Thâu đã từng là ân nhân đã giúp phương tiện cho ông sang Pháp nên chắc chắn là ông không có làm việc đó. Cụ Trần Văn Ân (năm nay trên 96 tuổi) hiện ở Rennes (Pháp) vẫn thường hay nhắc là ngày trước Tạ Thu Thâu vẫn coi Giàu như em út, mỗi lần đi Toulouse đều kiếm sách vở hay, đem cho Giàu và nâng đỡ Giàu trên đường học vấn.

Khi ông Giàu sang Pháp vào tháng 10, năm 1989, cũng nhằm lúc có hơn 100 nhân sĩ nổi tiếng ở Pháp và thế giới về sử học, văn học, nhân quyền đã đồng ký tên trong một bản kêu gọi phục hồi danh dự cho các ông Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Nguyễn Văn Số, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương. Ông Giàu có hứa là khi trở về Việt Nam ông sẽ, "Rửa tiếng cho Tạ Thu Thâu, nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam không chịu rửa tiếng."

Riêng khi hỏi về các vụ thủ tiêu các nhà cách mạng khác như Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Phan Văn Số... hay Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ ở Nam bộ là vùng ông Giàu trực tiếp trách nhiệm, thì ông đã tỏ ra rất lúng túng (Việc họp này, ngày 17-10-1989, đã được thu băng và còn được lưu giữ).

Việc thủ tiêu Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, có thể quả quyết là ông Trần Văn Giàu không có phần trách nhiệm vì đã xảy ra vào ngày 16-04-1947, sau khi ông Giàu được gọi về Bắc và không được cho trở về Nam tiếp tục công tác. Việc nhúng tay vào tội ác giết giáo chủ Hòa Hảo đã được các nhân chứng nhìn nhận vai trò của "Tự Vệ Cuộc" của ông Nguyễn Văn Trấn. Ông Huỳnh Phú Sổ lúc đó đang giữ chức vụ "Ủy viên Đặc biệt" của "Ủy ban Hành chánh Kháng chiến Nam bộ" từ chiến khu miền Đông trở về miền Tây, theo lời mời của Trần Văn Nguyên, Ủy viên "Quân sự và Thanh tra Chánh trị miền Tây" của Việt Minh. Đây là một sắp xếp, để Trần Văn Nguyên và Bửu Vinh đưa ông Huỳnh Phú Sổ đến Đốc Vàng Hạ, thuộc thôn Tân Phú để ám hại. Đến tối, chính tám nhân viên thuộc "Tự Vệ Cuộc" đã tràn vào, đâm bốn bảo-vệ quân của Đức Thầy. Một người, là Phan Văn Tỷ đã né tránh được, thoát ra ngoài nổ súng tiểu liên để báo động (Xem "Phật Giáo Hòa Hảo" của Nguyễn Long Thành Nam, trang 432.)

Những bí ẩn về các sự kiện lịch sử kể trên... chưa từng được những người trực tiếp can dự nêu ra ánh sáng, mặc dầu mới xảy ra cách đây gần 50 năm. Ông Nguyễn Văn Trấn có đề cập đến một vài sử liệu, nhưng các sử liệu này đa số liên can đến các sự việc xảy ra ở Hà Nội, những chuyện ở miền Nam chỉ được ông nói phớt qua. Những nhân vật am tường về các sự việc xảy ra trong những năm tháng đầu của cuộc Kháng chiến nay đã lần lượt ra đi, từ Dương Bạch Mai, Hoàng Quốc Việt, đến Nguyễn Văn Trấn v.v. Nay chỉ còn Trần Văn Giàu, Hà Huy Giáp... là những nhân chứng cuối cùng - mà lại là nhân chứng biết nhiều sử liệu hơn cả. Ông Giàu lại cũng là người được các giới trí thức trẻ hiện nay biết đến như một sử gia. Với tư cách sử gia chắc ông Giàu hẳn biết là các việc gọi là "bí mật lịch sử," sớm muộn gì cũng sẽ được phơi bày ra ánh sáng.

Chẳng hạn chuyện xảy ra vào thời nội chiến Tây Ban Nha (1936-1939) liên can đến cái chết của Andres Nin, lãnh tụ của đảng POUM (Parti Ouvrier d'unification Marxiste). Andres Nin nguyên là Bộ trưởng Tư pháp của Cộng Hòa Catalogne và có quen biết nhiều với Trostky. Nhóm phóng viên đài truyền hình TV-3 Catalane đã tìm được trong kho tài liệu của Mật vụ NKVD (tiền thân của KGB), là nhân viên Alexandrov Orlov - được chỉ thị từ Stalin là phải cùng với hai đảng viên Cộng sản Tây Ban Nha tìm cơ hội bắt cóc, tra tấn và ám sát Nin (Xem: báo Le Monde, ngày 12-11-1992). Việc này đã xảy ra ba năm trước khi Trostky cũng bị mật vụ Stalin ám sát ở Mễ Tây Cơ.

Một ngày nào đó, biết đâu các giới sử gia VN lại cũng sẽ có dịp khảo cứu kho tài liệu lưu trữ của Mật vụ KGB ở Nga và sẽ phát giác được các tài liệu liên quan về Việt Nam trong thời điểm sau cách mạng 1945! Kinh nghiệm đã cho biết là các đảng Cộng sản chư hầu Nga, thi hành việc gì theo chỉ thị cấp trên, đều phải có các báo cáo chi tiết.

Ông Trần Văn Giàu đã có hứa lúc ông thăm viếng Paris mùa hè năm 1989, là ông sẽ tìm cách phục hồi danh dự cho Tạ Thu Thâu. Ở Paris, năm 1946, trong cuộc hội kiến với

nhà văn Daniel Guérin là bạn cũ của Tạ Thu Thâu, ông Hồ Chí Minh đã nhìn nhận rằng ông Thâu là một người yêu nước đã bị giết nhầm. Như vậy việc phục hồi danh dự cho ông Thâu là một việc có thể làm được nhưng cho tới nay việc ấy chưa thấy được thực hiện. Nhiều anh em trong giới từng tranh đấu trong quá khứ đã không coi việc này là quan trọng.

Họ còn tỏ ra bất bình khi nghe đề cập đến việc này. Họ thường nói: "Những người từng vấy máu anh em cách mạng không có tư cách gì để nói đến chuyện phục hồi danh dự."

Riêng trường hợp ông Tạ Thu Thâu, người viết bài này vẫn còn mong ông Trần Văn Giàu còn có thể làm việc ấy, vì tin rằng ông Giàu không trực tiếp nhúng tay làm việc đó. Khi còn là sinh viên ở Pháp vào khoảng 1950, người viết bài có biết một phụ nữ đảng viên Cộng sản, chủ một quán ăn ở số 6, đường Jules Chalande, gần Place du Capitole và Đại học Luật khoa ở Toulouse, miền Nam nước Pháp. Bà đã biết hầu hết các nhà cách mạng Việt Nam từng du học hoặc thường ghé qua Toulouse, như Trần Văn Thạch, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Trần Văn Giàu.v.v. Quán ăn của bà tên "Le Coq Hardi" (Quán này nay vẫn còn, nhưng đã đổi chủ) và sinh viên chúng tôi dịch đùa là quán "Con gà trống dạn dĩ." Khi chúng tôi cho bà hay là Trần Văn Giàu về Việt Nam đã thủ tiêu Tạ Thu Thâu, bà chủ quán này đã thốt lên:

"Chắc là chuyện không thể xảy ra, Thâu coi Giàu như em út của y."

(C'est impossible, Thâu l'aimait comme son petit frère).

Nhưng còn các sự việc xảy ra ở miền Nam là vùng trách nhiệm của ông Trần Văn Giàu? Rất nhiều người đã chờ đợi nhưng chưa bao giờ được nghe ông thổ lộ hay tiếc thương một việc gì cả. Năm 1977, nhân dịp kỷ niệm tù nhân ở Côn Đảo, ông Lê Duẩn đã đọc diễn văn: "Kính chào các chiến sĩ Cộng sản, Quốc gia và Trốtkýt, đã bỏ mình hoặc bị giam cầm ở nơi này" (Theo thơ của sử gia Pháp, Daniel Hémery, trả lời nhà ngôn ngữ học danh tiếng Mỹ, Noam Chomsky, ngày 05, tháng 5, năm 1978, đăng trên tạp chí Critique Communiste số 18 và 19, xuất bản tại Paris). Ông Giàu là người dạy sử chưa thấy phát biểu một câu tương tự để ít nhất phục hồi danh dự một phần nào cho các chiến sĩ Quốc gia hay Trốtkýt đã bị Đảng ông vu cáo và giết hại!

Hay là ông vẫn chủ trương theo đường lối Đảng là vẫn giấu giếm trách nhiệm và các lỗi lầm, không nhìn nhận là chưa hề làm việc gì sai trái, hoặc cứ im hơi lặng tiếng để thời gian xóa dần dĩ vãng? Kinh nghiệm lịch sử thế giới đã chứng minh trái lại chủ trương sai lầm trên. Sớm muộn gì, nhân dân Việt Nam cũng sẽ nhìn thấy sự thật, buộc Đảng Cộng sản Việt Nam phải công nhận trách nhiệm mà họ đang còn lẩn tránh.

Khi chiếm được miền Nam, theo chỉ thị Đảng các tên đường như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Hồ Văn Ngà, Trần Văn Thạch... đã được đổi thành tên khác. Sự nhỏ nhen của đảng viên Cộng sản VN đối với những người đã chết còn được chứng minh trong trường hợp thi sĩ nổi tiếng Bích Khê (Lê Quang Lương) mất năm 1946 vì bịnh. Dân chúng Quảng Ngãi đã vinh danh ông và đặt tên Bích Khê cho con đường dẫn từ bến xe đò ra khỏi thành phố về hướng Đông, nhưng đường này chưa hề được nhà cầm quyền hiện tại chấp nhận chánh thức. Năm 1991, gia đình thi sĩ Bích Khê xin dời mộ ông từ một bãi đất hoang về làng ở Thu xà (Tư Nghĩa), nhưng chánh quyền không chấp thuận - với lý do là Bích Khê đã mất vì bịnh lao, xương cốt sẽ làm ô nhiễm đất làng (46 năm sau khi chết!), và vì ông là một người Trốt kít!

Nhưng xin đoan chắc với nhà cầm quyền hiện tại, trong tương lai, ít lắm cũng sẽ được thấy những bảng ghi di tích lịch sử các tên đường với lời giải thích: "Đây là đường Tạ Thu Thâu, người đã phát hành báo Tranh Đấu, đây là đường Phan Văn Hùm trước ga Sài Gòn cũ, kỷ niệm người đã từng ngồi tù cùng Nguyễn An Ninh vì vụ án ở ga Bến Lức...v.v..."

Ông Trần Văn Giàu, người đã được biết tiếng ngày trước, vào dịp những ngày đầu chiếm chánh quyền ở Nam Bộ, nhưng khi ra Bắc đã bị gạt ra khỏi các cơ quan quyền lực, không cho trở lại hoạt động ở Nam Bộ, sau được cho dạy ở trường Đảng và nay đã được giới trí thức trẻ coi như một sử gia, đúng ra chỉ nên được coi như một nhà dạy sử riêng (!) của Đảng.

Ngày nào mà ông còn im hơi lặng tiếng theo chỉ thị Đảng, về sự thực của các dữ kiện đã xảy ra ở Nam bộ - sau ngày ông ra mắt nắm chánh quyền trên bao lơn Tòa Đô Sảnh Sài Gòn ngày 25 tháng 8 năm 1945, thì cho đến ngày đó, ông vẫn không được coi là một sử gia, đúng với ý nghĩa cao quý và trang trọng của danh từ.●

Paris, đầu Mùa Đông 1998.

BÚT KÝ XUÂN KỶ MÃO 1999

TRẦN ĐỘ

(BÚT KÝ 3)

I. Vì đâu tôi viết bài bút ký này?

Vì nhiều lẽ. Lẽ thứ nhất là: Thông thường mọi người, phần nhiều là người già, đầu xuân hay khai bút, làm thơ hoặc viết văn nói lên cảm nghĩ của mình về mùa xuân. Các nhà văn hay viết văn, các nhà thơ làm thơ, các cụ không phải là nhà thơ cũng làm thơ. Mấy năm nay, nhà văn Hoàng Tiến đều viết "Cảm xúc mùa xuân" và đều gửi tặng tôi. Vì thế tôi là hội viên hội nhà văn, cũng muốn nghí ngoáy đôi dòng nói lên nhiều điều ứ tràn trong người.

Lẽ thứ hai là: Kể từ ngày tôi được nổi tiếng là "..." chống "..." (Tuy không ai nói đến tên), và từ ngày bị được khai trừ thì càng nổi tiếng hơn và rõ tên tuổi hơn. Tôi nhận được rất nhiều thư từ của nhiều người gửi đến. Có người là bạn quen, có người chưa quen. Thư là một bài viết, một tiểu luận, một kiến nghị, một khiếu nại, một tố cáo, một bài thơ. Có bài có ghi tên để gửi tôi, có bài không, có bài qua đường bưu điện, có bài cứ thấy được vứt vào nhà các con cháu tôi nhặt được đưa cho tôi. Có bài có nội dung liên quan đến tôi, hoặc hoan nghênh tôi ở điểm này, điểm khác, hoặc ngỏ ý muốn bổ sung cho tôi điểm nọ, điểm kia, hoặc ngỏ ý muốn thảo luận với tôi. Cũng có bài phê phán tôi. Tôi không có văn phòng để có người "Công văn đi đến" nên tôi không thống kê và ghi chép ngày giờ được. Nhưng tôi nhớ đại khái là thời gian tôi nhận được được nhiều nhất là từ tháng 11 năm 1998 đến nay. Tôi không ghi được số lượng bản viết, có bản vài trang, có bản trên dưới chục trang. Tổng cộng số lượng có đến mấy trăm trang giấy. Nội dung thì có thể thu xếp vào một số hồ sơ như sau:

- Hồ sơ quan trọng nhất là hồ sơ chống tham nhũng ở cấp cao, vụ thủy cung Hồ Tây.
- Hồ sơ về vụ án Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, vụ Nguyễn Trung Thành, vụ Bùi Minh Quốc.
- Hồ sơ về các góp ý về lãnh đạo và xây dựng Đảng...

Tôi thấy trong các ý kiến đó, có nhiều ý kiến giống tôi, có nhiều ý kiến có thể bổ sung cho tôi. Tôi mơ ước có điều kiện thuận lợi gặp nhau (ví dụ có một hình thức Câu lạc bộ nhỏ nào đó, hoặc một cơ quan ngôn luận nào đó) thì có sự trao đổi, tôi chắc chắn là tuyệt vời, vui vẻ và rất bổ ích, củng cố thêm an ninh Quốc gia. Nhưng tôi chỉ dám mơ ước như hồi nhỏ mơ ước làm võ sĩ vậy thôi.

Một lẽ khác nữa là gần đây tôi được nghe thuật lại có một vị lão thành trí thức phát biểu ở một hội nghị quan trọng, đặt vấn đề và tình hình thế giới và trong nước bây giờ đã thay đổi lớn lắm rồi, không thể dùng cách nhìn cũ mà nhìn được nó. Xu hướng toàn cầu hóa các mặt ở thế giới đang là xu hướng quan trọng chủ yếu. Ta cần đặt vấn đề nghiên cứu và xác định đường lối. Phải giải quyết vấn đề đường lối, chứ không thể chạy theo giải quyết những việc cụ thể, nó có hàng vạn, hàng triệu. Tôi rất tâm đắc ý kiến này. Dòng suy nghĩ của tôi như được tiếp một sức mới, và tôi thấy có lẽ có nhiều người khác nữa cũng thấy như tôi.

Một lẽ nữa là trong năm vừa qua tôi xem ti vi, được xem nhiều phim của Trung Quốc (Lục Địa, Đài Loan, Hồng Kông) được đọc nhiều tiểu thuyết của Trung Quốc (nhất là tiểu thuyết lịch sử - tiểu thuyết xã hội, tạp

văn). Tôi thấy nhiều giá trị và tài năng ở các văn nghệ sĩ Trung Quốc (cả tư bản và xã hội chủ nghĩa). Tôi cứ ấm ức trong người rằng: Các văn nghệ sĩ Việt Nam, thanh thiếu niên Việt Nam tuyệt nhiên không thể kém hơn Trung Quốc. Vậy tại sao các tài năng Việt Nam không xuất lộ được để có những giá trị cao, đẹp ra đời??? *Cái tội làm thui chột tài năng trải qua nhiều thế hệ là tội nặng nhất trong các tội đối với nhân dân và tổ quốc.* Tôi nhìn hình ảnh các cháu nhỏ tươi vui, thông minh, nhanh nhẹn trên ti vi mà thấy thắt ruột, thắt gan với câu hỏi: Các cháu lớn lên có được hưởng hạnh phúc tự do và được tự do phát triển hay không hay lại chỉ có thể trở thành những con rối? *Công lao của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản lớn nhất là mang lại độc lập, tự do cho Việt Nam! Vậy tự do đâu?* Mùa xuân ơi!

Còn nhiều lẽ khác nữa, nhưng kể thế tạm đủ rồi.

II. Cảm xúc mùa xuân bắt đầu từ đâu?

Hồi tôi 16 tuổi, mới học vỡ lòng làm người cộng sản. Bài học vỡ lòng đầu tiên của tôi là tổ chức và điều khiển một cuộc "Khai hội" (Ngày ấy chưa nói Hội nghị và Đại hội). Công việc quan trọng nhất trong công tác vận động và giác ngộ quần chúng là Khai hội. Mà Khai hội thì nghị sự bao giờ cũng có năm tiết mục cố định:

- Tình hình thế giới
- Tình hình trong nước

Và sau đó:

- Linh tinh
- Phê bình
- Giải tán

Lúc ấy đi khai hội với quần chúng, bao giờ cũng phải được trang bị mục tình hình thế giới, hoặc do cấp trên cho, hoặc tự chuẩn bị lấy.

Có lần, sau cuộc khai hội ở làng tôi, một anh nông dân mời tôi về nhà uống nước chè xanh, ăn khoai luộc. Anh tỏ vẻ rất phấn khởi vì tiếp xúc với cách mạng và biết nhìn ra được thế giới, thấy rõ thế giới quan hệ tới vận mệnh của mình và gia đình mình. Anh ấy khen tôi "Có cái tinh thần rất cao" và anh hỏi tôi học ở đâu? Và anh ấy yêu cầu tôi viết ra "Cái tinh thần" ấy cho anh ấy học với. Tôi nhớ rất kỹ kỷ niệm này. Do đó, bài này cũng phải bắt đầu từ tình hình thế giới.

Tôi được gặp và nghe (Có được học một ít) nhiều người đọc sách và báo chí thế giới thuật lại, thì thấy những trí thức, học giả thế giới họ bàn và nhận định về thế giới ngày nay *hay quá, lạ quá, mới quá, rộng quá, cao quá.* Càng nghe họ, mình càng thấy mình "Ếch ngồi đáy giếng." Dù sao, tôi cũng thấy được trong thế kỷ qua (thế kỷ XX) có hai sự việc làm cho lịch sử loài người biến động lớn, tác động mạnh mẽ đến tiến trình phát triển của loài người. Hai sự việc ấy có thể thể hiện ra thành mấy câu hỏi:

1- Tại sao ta dự đoán là *Tư bản giãy chết,* mà nó không chết, nó lại cứ phát triển mạnh hơn. Cả thế giới bây giờ đều phụ thuộc vào bảy tám nước mạnh nhất về kinh tế, văn hóa, xã hội và quân sự. Đời sống của nhân dân các nước ấy ngày càng cao. Giai cấp công nhân bây giờ là công nhân "Cổ trắng" và có đời sống cao hơn cả Nguyên thủ nước ta. Và những nước lớn ấy đều là nước Tư bản. Tại sao và thế nào?

2- Tại sao ta bảo *"Nội dung của thời đại hiện nay là quá độ từ Tư bản chủ nghĩa lên Xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới"* mà ở cuối thế kỷ thì Chủ nghĩa xã hội lại biến mất ở tầm thế giới, đánh rụp một cái, trong vài năm từ thành trì Liên Xô, cho đến hàng chục nước khác nữa. Sự tan vỡ sao lại diễn ra nhanh gọn thế? Tại sao? Và thế nào?

Thế giới đã có những lời giải đáp khác nhau. Việt Nam cũng có những lời giải thích. Những lời giải thích của Việt Nam có những điều *quá mông muội, quá mơ hồ, quá hồ đồ.* Chỉ có việc vác những khái niệm cổ lỗ để úp lên những thực tiễn quá lớn lao, quá sôi động. Sự giải thích như vậy trở thành những chuyện tiếu lâm trước các tầng lớp thanh niên. Bản thân những người tác giả của các lời giải thích cũng tự biết mình chẳng bịp được ai. Nhưng vì đã trót là người làm cái nghề "Nói lấy được," thì cứ việc "Nói lấy được."

3- Có một câu hỏi cực kỳ quan trọng nữa mà phải giải đáp được rõ thì mới có cơ sở trọng yếu mà vạch ra đường lối phát triển đất nước. Đó là câu hỏi: **Đặc điểm quan trọng nhất của xu thế phát triển thế giới là gì?**

Một điều hết sức hiển nhiên, ai cũng thấy là thế giới hiện nay không có *hai phe nữa,* mà đang hình thành những cực, những khu vực không có quan hệ hai phe, địch ta mà quan hệ phổ biến cần xây dựng là hợp tác, đua nhau và phụ thuộc vào nhau. Nhiều lĩnh vực xuất hiện *xu hướng toàn cầu hóa* ngày càng mạnh. Đó là toàn cầu hóa về kinh tế, tài chính, về văn hóa,

về xã hội, về khoa học công nghiệp, về môi trường. Các vấn đề trên, *không có một vấn đề nào mà một nước tự khép kín, dù cho nước lớn đến bao nhiêu, có thể giải quyết cho mình được.* Sự toàn cầu hóa có thể lan sang lĩnh vực chính trị, và chưa ai ước đoán là nó sẽ diễn biến thế nào? (Hiện đã có vai trò Liên Hiệp Quốc và Nghị Viện Âu Châu).

Sự thật hiển nhiên đó đang phủ nhận một cách phũ phàng cái thứ tư duy mông muội, là tư duy hai phe. Cái lý luận máy móc: "Địch khen thì là ta xấu, địch chê thì là ta tốt" quá lạc hậu này vẫn còn ngự trị ở một số đầu óc. Những đầu óc này không chịu được ai chê mình nhưng lại sợ người ta khen mình, vậy không biết họ muốn gì. Như đối với Việt Nam, có người chê là thiếu dân chủ. Theo logic trên, thì ta *"Thiếu dân chủ"* là ta rất hay rất tốt rồi hay sao?

Trong chiến tranh, công tác tư tưởng làm sao phân biệt bạn, thù, ta là cực kỳ quan trọng, mà cũng khá dễ dàng. Còn ngày nay, ai là bạn, ai là thù? Bạn ở đâu thù ở đâu, cần làm cho rõ. Khẩu hiệu "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả mọi người" là một khẩu hiệu thực, hay chỉ là nói cho hay thôi, còn không cần làm bạn với ai cả?

III. Cảm xúc xuân về đất nước ra sao?

Đất nước Việt Nam có 4000 năm lịch sử có những thành tích dựng nước và giữ nước, có những giá trị văn hóa tinh thần cao đẹp. Đó là những điểm rất đáng kính trọng, và thế giới đã từng ngưỡng mộ. Trong thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam và Đảng Cộng Sản đã lập những công tích rực rỡ xứng đáng với cha ông. Mặt thành công, thắng lợi, ta đã nói khá nhiều, sự khen tặng của thiên hạ, của bản thân ta cũng đã khá nhiều. Nhưng hình như ta chưa quan tâm đúng mức với các mặt trái của cuộc sống. Ví dụ thắng lợi vĩ đại của cách mạng và chiến tranh đã có một hậu quả hết sức nặng nề. Sự tàn phá, sự kiệt quệ tài nguyên, sự tổn thất và mất mát của hàng triệu gia đình, hàng triệu bà mẹ. Ngày nay, sau thắng lợi ta phải chịu một gánh nặng hết sức lớn về những vết thương và tổn thất chiến tranh, gánh nặng phải đền bù những hy sinh, phục hồi những tàn phá, tổn thất. Và đó là một điều kiện khó khăn rất lớn cho việc phát triển kinh tế xã hội, và sự hàn gắn đoàn kết dân tộc.

Sự hạn chế về trình độ, về kinh nghiệm của lực lượng lãnh đạo trong phát triển kinh tế xã hội, không được coi trọng phân tích và nghiêm túc khắc phục. Cái kiểu tư duy: "Đã anh hùng trong chiến tranh và đã thắng được kẻ thù hùng mạnh, thì bất kể khó khăn phức tạp nào cũng dùng chủ nghĩa anh hùng có khắc phục dễ dàng. Đó là một thứ men say nguy hiểm!"

Hiện nay ta đang đứng trước *một loạt nghịch lý của đời sống xã hội,* và sự quản lý xã hội. Những nghịch lý này đang làm đau đầu bộ phận lãnh đạo và làm day dứt, trăn trở hàng chục triệu con tim. Một loạt vấn đề về lý luận cơ bản và tư tưởng chính trị đặt ra mà chưa có phương hướng lý giải. Ý định của lãnh đạo là phải xác định mấy nguyên tắc và định từ trước, *rồi thôi không thảo luận nữa,* ai tuân theo thì được, không tuân theo thì bị trừng phạt. Tôi vô cùng lo sợ cho ý tưởng này. Và điều đáng lo sợ không phải là lo sợ cho lực lượng lãnh đạo không làm việc dẫn dắt đất nước đi lên, mà đưa đất nước đến bên bờ vực thẳm.

Tình hình đất nước phải là một cảm xúc đầu xuân lớn nhất.

Ta đang sống trong một loạt nghịch lý hay mâu thuẫn như sau:

a) Trước hết là nghịch lý càng chống tham nhũng bao nhiêu thì tham nhũng vẫn tồn tại và phát triển ngày càng nghiêm trọng.

Về mặt chống thì sự lên án đã hết sức nghiêm trọng: "Quốc nạn," "Nội xâm"... Về mặt tổ chức thì có các ban chống tham nhũng gồm những người quan trọng. Về luật pháp thì đã có luật, pháp lệnh. Quốc hội thì kỳ họp nào cũng đầy dư luận phẫn nộ.

Thế mà nạn tham nhũng càng ngày càng rộng, lan ra khắp các ngành kể cả những ngành xã hội tốt đẹp của ta là giáo dục, y tế; lan ra các địa phương, các ngóc ngách. Những vụ án tham nhũng ngày càng lớn. Tiền mất vào tham nhũng gần ngang ngân sách quốc gia: hàng chục nghìn tỷ đồng, nạn tham nhũng còn leo lên ở cấp bậc cao nhất, ở đây có những vụ việc, nhân dân đòi giải trình mà chưa ai giải trình, hoặc chỉ giải trình nội bộ. Trong khi lại có những vụ kỷ luật rất ghê.

Chưa ai đụng được đến *nguồn gốc nguyên nhân của tham nhũng. Không tìm đến nguồn gốc thì không chống được.* Tôi mới được một tin ở một xã ở Nam Định có mấy nghìn dân mà từ năm 1990 đến 1998 tham nhũng đã vét của dân hai nghìn tấn thóc, một trăm cây vàng (kém 2 chỉ), 6,2 tỷ đồng bạc. Đây có phải là bóc lột không? Có nặng không? Và ai bóc lột

ai ở đây? Có phải *chống tham nhũng là chống bóc lột không?*

b) Ta hô hào và kêu gào mãi tinh giản biên chế cho bớt cồng kềnh, đỡ cho ngân sách, thì từ năm 1993 đến 1998 biên chế nhà nước lại tăng 11%. Nhà nước biết là lương cán bộ nhân viên thiệt nhiều: hơn 30%, nhưng ngân sách chỉ bù được 20%. Cần giảm biên chế, nhưng yêu cầu giảm người mà tổ chức cứ mãi tăng lên. Thêm đầu mối, thêm đơn vị lại thêm xây dựng và mua sắm. Một bài báo ở báo *Nhân Dân* 1991 có nói về tình trạng tài sản cố định của khu vực hành chính sự nghiệp cho biết số tài sản này chiếm 27% so với khu vực kinh doanh sản xuất, nhưng có những nhà cửa hư hỏng chưa sửa chữa được chiếm 700,000 m2, 2,25% tổng diện tích nhà cửa. Thế mà học sinh trung học có được 2,4 m2 đầu học sinh, còn học sinh tiểu học thì chỉ có 0,15 m2 đầu học sinh. Mới đây nghe nói Thủ tướng lại quyết định cho mỗi huyện đều được xây nhà tạm giam (có người cho là đó cũng là nhà tù) thì sẽ có ít nhất là thêm 500 nhà tù. Ngày xưa ta đã lên tiếng chửi đế quốc Pháp cai trị là "Nhà tù nhiều hơn trường học." Bây giờ ta lại làm cái việc mà ta đã chửi.

Ta hô hào nhân dân tiết kiệm: "Tiết kiệm là nghĩa vụ của toàn dân." Tôi nghĩ dân nói chung có gì đâu mà tiết kiệm. Còn chỗ nhà nước có tiền thì cứ tiêu vô tội vạ mà tiền đó cũng là của dân đóng góp.

Tại sao bộ máy đã cồng kềnh lại cứ phình ra. Ngân sách đến bao giờ mới chịu đựng nổi sự tốn phí của bộ máy. Gốc gác vấn đề là ở chỗ cơ cấu bộ máy. Sao chưa bàn tới? Lại nữa, ta nêu khẩu hiệu cải cách hành chính thực hiện "Một cửa, một con dấu" mà bộ máy lại quá nhiều cửa, nhiều con dấu. Thế thì làm sao???

c) Càng ngày xã hội càng nhiều tệ nạn, ta càng chống tệ nạn càng phát triển, các tệ nạn phổ biến là: Buôn lậu, trộm cắp, ma túy, thất nghiệp, mại dâm, trẻ em lang thang ăn mày.

Mỗi tệ nạn lại có một quyết định chống, lại có tổ chức chống, và kinh phí chống. Đặc biệt có hai tệ nạn: thất nghiệp và mãi dâm, trước đây ta cho nó là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. Ở ta không có chủ nghĩa tư bản mà hình như tệ nạn ấy phát triển không kém (có khi còn hơn) các nước tư bản chủ nghĩa. Nghịch lý này có là tại sao?

d) Tại sao xã hội ta nhiều sự khiếu kiện, tố cáo. Đó là chưa kể ý kiến đóng góp kiến nghị mà đại diện chính phủ nói là mỗi năm có hàng chục nghìn.

Rất nhiều giai thoại và "bi thoại" về đơn từ khiếu tố. Số đơn được giải quyết quá ít, số đơn lâu không giải quyết bị "hóa bùn" quá nhiều.

Hiện tượng khiếu kiện, tố cáo ngày càng nhiều nói lên tình hình gì? Rõ ràng đó là tình hình *"Lòng dân không yên."* Các nhà tư tưởng "Nói lấy được" sẽ giải thích "đó là hiện tượng, *Hiện tượng ấy không phản ánh bản chất chế độ ta."* Ô! Thế nó phản ảnh bản chất gì? và *"Bản chất tốt đẹp"* của chế độ ta nó biểu hiện ra hiện tượng gì?

Tôi không muốn và không dám, cũng không thể nói hết cảm xúc đối với toàn diện tình hình đất nước. Tôi chỉ muốn nói đến một số điểm nổi bật, rõ ràng, hiển nhiên ai cũng thấy, cũng day dứt lo lắng và muốn lý giải.

Trước tình hình phức tạp như vậy, *tình hình tư tưởng chính trị của xã hội không thể ổn định.* Nó tất yếu phải có diễn biến và diễn biến phức tạp. Tôi cũng đã biết có nhiều cách nhận xét, đánh giá. Đại khái có cách nhận xét đánh giá theo công thức cổ điển:

Đại đa số yên tâm, phấn khởi, tin tưởng. Có một số ít ở nơi này nơi khác, lúc này lúc khác chao đảo, dao động, giảm lòng tin. Kẻ địch lợi dụng tuyên truyền chống ta.

Công thức này mơ hồ nhưng rất cần thiết đối với một số người, không ai bác bỏ được và do đó nó rất không đúng và không dùng vào việc gì được.

Tôi nghĩ có lẽ có nhiều người có thể có nhiều ý kiến khác nhau nhận xét đánh giá. Tôi có được đọc một bản ý kiến của một vị lão thành tôi không quen biết. Vị ấy có cách đánh giá, tóm tắt như sau.

Tình hình tư tưởng chính trị trong Đảng viên có năm loại như sau:

- Loại nhiệt tình
- Loại ngoan đạo - chỉ biết yên tâm theo cấp trên
- Loại giảm lòng tin
- Loại cơ hội
- Loại đi ngược

Ông cho rằng loại *nhiệt tình* là người tuyệt đối tin tưởng vào lý tưởng và học thuyết. Nhưng những người này quá trớn một tý vì rơi vào loại đi ngược. Loại đi ngược quá đi một chút thì trở thành thù địch, cả năm loại đều có sự xen kẽ và chuyển hóa. Chứ không thể phân biệt rạch ròi. Ông ước lượng:

- Loại nhiệt tình có được khoảng 10-15%

- Loại ngoan đạo có đến 50%
- Loại giảm lòng tin có 10-15%
- Loại cơ hội có đến hơn 20%
- Loại đi ngược có rất ít.

Tôi thấy cách đánh giá này có một hệ quy chiếu cũ và cứng nhắc, và cũng không giúp ta rút ra được vấn đề gì!

Tôi thì tôi thấy tiêu chí để đánh giá nhận thức, tư tưởng chính trị hiện nay phải là tình hình *nhận thức và suy nghĩ, có sự đối chiếu với tình hình thực tiễn xã hội ta và thực tiễn diễn biến của thế giới. Những thực tiễn đó cần đối chiếu với những nguyên lý và dự đoán mà ta đã học tập và thấm nhuần.*

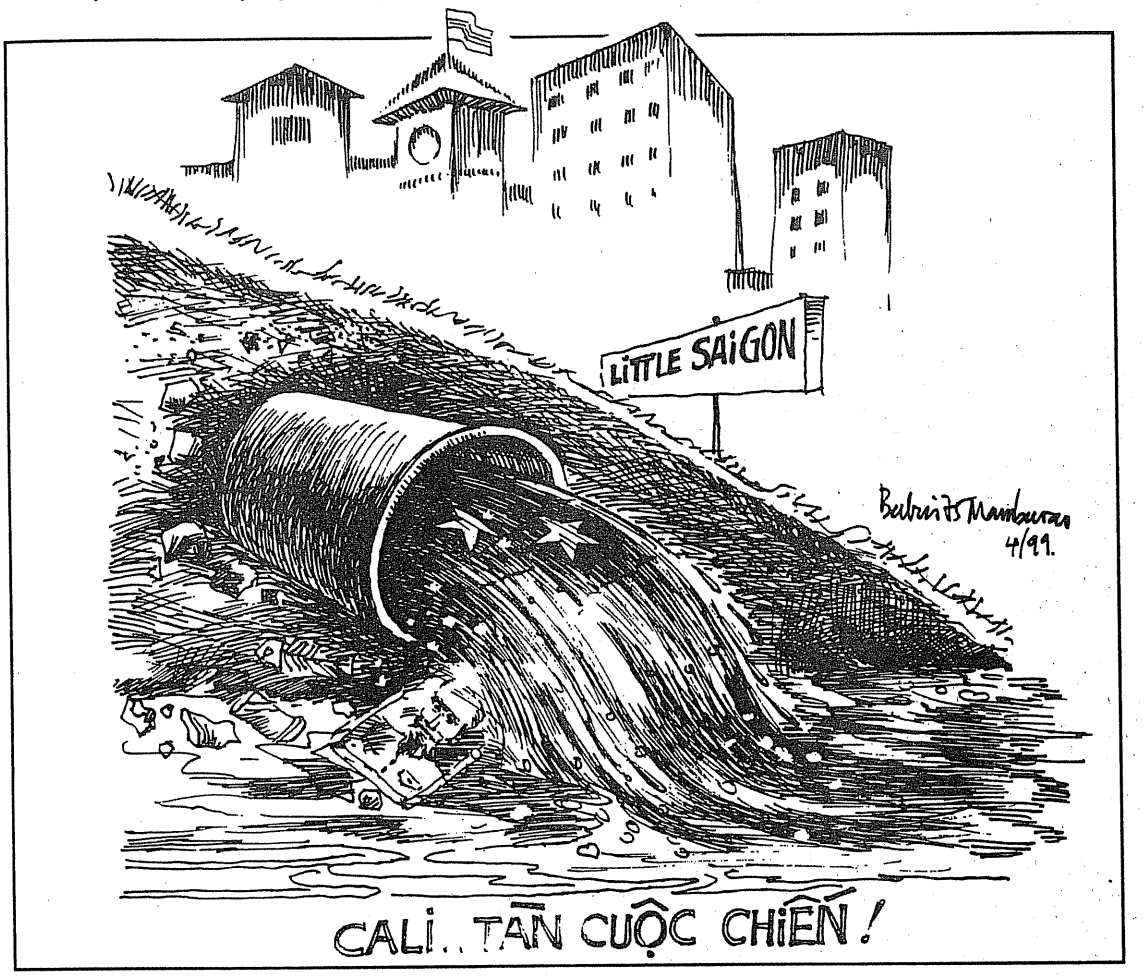

Sự đối chiếu này sẽ làm bật ra những sự khập khểnh nghiêm trọng. Nó đặt vấn đề ta phải nhận thức thực tiễn như thế nào. Tôi quan sát và theo dõi thì tôi thấy, có ba loại nhận thức:

a) Có người đã thấy rõ là những *nguyên lý và dự đoán cũ đã sai lạc hoàn toàn với tình hình thực tiễn trước mắt.* Những màu sắc lý tưởng đẹp đẽ trước kia đã bị phai lạt hết và bị thay thế bằng những hiện thực rất chua chát và mỉa mai. Cách nhận thức này đi đến tâm trạng phẫn nộ và xuất hiện yêu cầu phải lý giải chính xác tình hình, dựa vào kho tàng trí thức của loài người cả ở Tây và ở Đông, cả kim và cổ để tìm hướng đi tương đối chính xác và thiết thực không thể bám vào những giáo điều cứng nhắc và cũ kỹ.

b) Loại thứ hai là có những người nhận thấy những mặt, những bộ phận, những khía cạnh thực tiễn mâu thuẫn với các giáo điều. Nhưng lại cho rằng đó là do những *thực tiễn mới diễn biến và phát triển không đúng như những nguyên lý đã có, nên nảy sinh tiêu cực.* Những nguyên lý cũ vẫn đúng. Phương hướng khắc phục hiện nay là phải kiên trì trở lại các nguyên lý đã có.

c) Có những người chỉ có một hệ quy chiếu duy nhất và cố định là những nguyên lý giáo điều đã hình thành từ ít nhất 50 năm trở về trước. *Họ tuyệt đối và thành thật tin vào hệ quy*

chiếu đó, và do vậy chỉ có khả năng khuôn khổ tất cả thực tiễn hiện nay vào những nguyên tắc, quan điểm đã có. Có thực tiễn nào khác với nguyên tắc và quan điểm cũ và do lỗi của thực tiễn. Họ muốn bắt thực tiễn phải được sửa chữa cho phù hợp với nguyên tắc và quan điểm đã có. Những người này có điểm giống với những người ở điểm b nên chiếm một số đông tuyệt đối. Còn thái độ của các người nói trên cũng có chỗ khác nhau.

Trong các người loại a và b thì có người nhận thấy những sai lệch giữa nguyên lý và thực tiễn, thì thẳng thắn và phẫn nộ nói lên những điều đó. Có những người thì ấm ức trong lòng, nhưng không nói ra, giữ im lặng, để chôn chặt trong lòng tâm sự của mình.

Có người không dám nói ra, không muốn nói ra, vì phải giữ vững các điều kiện tồn tại và tăng tiến của mình. Cũng có người thì không thèm nói ra, vì cho rằng nói ra không có ai nghe, nói ra vô ích và có hại cho mình. Thế nhưng những người này cứ ôm lấy mối day dứt trong lòng, cứ có những câu hỏi "tại sao, làm thế nào?" và không lời giải đáp. Thế là có một sự im lặng đáng sợ. Sự im lặng này cứ tiếp tục tiếp nhận các sự giảng giải giáo điều và dốt nát. Những người này cũng khó xếp vào loại "ngoan đạo" hay "cơ hội." Có người ngoan đạo chăng, thì cũng ngoan đạo giả vờ, mà ngoan đạo giả vờ thì cũng ít nhiều cơ hội rồi. Tôi không thể ước lượng được tỷ lệ các loại nhận thức. Nhưng qua sự quan sát và tiếp xúc của tôi, tôi đoán chắc rằng thực sự có những loại nhận thức khác nhau như vậy. Tình trạng tư tưởng chính trị như vậy, không được giải quyết đúng đắn, thì hậu quả của nó rất khó lường trước được thế nào?

Cho nên vấn đề quan trọng, then chốt và thiết yếu là vấn đề đối chiếu thực tiễn với lý thuyết. Sự đối chiếu này không thể thực hiện tùy tiện và không thể giao cho bất cứ một người nào hoặc một nhóm người nào nhất là những người mà trong thực tiễn tỏ ra bị hạn chế và thậm chí ngu dốt. Làm việc này, chỉ có thực hiện một sinh hoạt dân chủ đúng đắn và trung thực. Bất cứ một sự không trung thực nào đều không tìm được ra chân lý và chắc chắn sẽ bị trừng phạt.

III. Cảm xúc xuân hướng vào mùa xuân nào?

Ta đang ở năm 1999, Kỷ Mão, là năm cuối cùng của thế kỷ XX. Ta chờ năm 2000. Năm 2000 là năm giao thừa giữa hai thế kỷ. Thông thường, ta đều mong muốn và chúc tụng nhau năm sau tốt đẹp hơn năm trước, gấp năm gấp mười lần. Năm 2000 là năm con Rồng. Theo biểu tượng thì từ con Mèo mà trở thành con Rồng, sự lớn mạnh đó phải gấp 100, gấp 1000 lần. Ta không nên ảo tưởng như vậy, mà ta thử nhìn lại một cách bình tĩnh và thực tế xem Việt Nam ta trong năm con Mèo như thế nào?

Tôi được biết và được tiếp xúc với nhiều ý tưởng nhận định đánh giá thực trạng nước ta, *thực trạng bộ máy lãnh đạo và quản lý của ta.* Tôi chưa tổng hợp được, tôi muốn ghi lại một số ý tưởng đáng chú ý để tiếp tục suy nghĩ và trông chờ có sự thảo luận tổng hợp cho cẩn thận. Đây là những ý tưởng của sự khái quát tóm tắt, chứ không phải sự nhận định mô tả. Về bộ máy lãnh đạo và quản lý xã hội thì có nhận định rằng: Bộ máy của ta có 3 đặc điểm: 1) cồng kềnh quá, 2) quan liêu quá, 3) bất lực quá. Tôi quan sát thấy đúng như vậy. Chả thế mà nó tốn kém quá, nó chiếm nhiều tài sản của nhà nước quá (nhà cửa, trụ sở, phòng họp, nhà khách, thiết bị giải trí, xe cộ sang trọng, đồ dùng hàng "Xịn"). Có người đã quan sát thấy quan chức nước ta sống sang hơn cả nhà tư bản của các nước lớn. Chả thế mà nó không đủ sức nắm được thực trạng tình hình, không phân tích và dự đoán được tình hình một cách chính xác, nó cứ phải thay đổi ý kiến luôn luôn. Nó cứ tồn tại, trong khi nhân dân ta gặp những khó khăn của mình, phải kêu oan khiếu tố, nó không giải quyết hoặc không giải quyết được. Thì ra Nó (bộ máy) chỉ vì nó thôi, nó ít tác dụng vì dân, do dân.

Đó là thực trạng đáng buồn. Trong bộ máy, nạn tham nhũng rất phổ biến. Mà tham nhũng thì có thể có ba cấp: Cấp thấp là những người lương không đủ sống, phải xoay xở, kiếm chác ít nhiều để sống và để nuôi gia đình. Cấp vừa, là đã đủ sống rồi, nhưng muốn xoay xở để đời sống được cải thiện hơn, sung túc hơn một chút.

Cả hai cấp này đều có thể nguyên lượng và thông cảm, chỉ cần khiển trách cảnh cáo và phải có phương sách cải thiện đời sống toàn diện, chứ không phải chống tham nhũng mà giải quyết được. Cấp cao là những người có đời sống đủ cao rồi, nhưng còn muốn cao hơn, còn muốn chu cấp cho họ hàng, muốn dành cho con cháu của cải dồi dào. Bản thân thì có nhà rồi muốn nhà sang hơn, có xe rồi muốn có xe nữa "xịn" hơn. Đồ dùng cũng cần nhiều và

sang hơn, tiếp khách cũng cần tiếp khách sang trọng, hào hiệp hơn, làm ăn thì cần thu lợi nhuận càng ngày lớn hơn, tài sản tích trữ ngày càng nhiều hơn.

Trọng điểm chống tham nhũng là ở cấp cao này, nhưng lại rất khó chống vì những người này bản thân đã cấp cao, ít nhất cũng là thân tín của cấp cao. Cho nên không tính đến nguồn gốc thì dứt khoát là không chống tham nhũng được, đành nhìn bọn tham nhũng phá đất nước đến tan tành rồi cùng nhau... chết hết! *Muốn chống được tham nhũng phải cải cách bộ máy từ cơ cấu, vận hành và chất lượng, nhân sự.*

Lại nói về tính chất của xã hội Việt Nam hiện nay:

- Có phải là nước XHCN không? Hiển nhiên là chưa phải, chỉ là một nước lạc hậu, nghèo đói, đang bắt đầu phát triển thôi.

- Có phải là nước đang đi theo con đường tư bản không? Cũng không phải. Lực lượng lãnh đạo hiện nay đang cương quyết định hướng cho nó tránh con đường TBCN.

Nhưng trong xã hội hiện nay rõ ràng là đang có những yếu tố tư bản, lại có những yếu tố XHCN. Quả thật nước ta có những thành tích về giáo dục, y tế mà thế giới kiêng nể. Những thành tích đó đã xếp nước ta kinh tế thì nghèo nàn vào loại nhất nhì, nhưng về xã hội thì lại vào loại trung bình. Chúng ta lại có rất nhiều chủ trương trong các vấn đề xã hội như *đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, từ thiện, lá lành đùm lá rác. Nhà tình nghĩa, quỹ tình nghĩa, quỹ cứu đói, quỹ cứu nạn...*

Đó là những yếu tố xã hội chủ nghĩa rất đáng trân trọng. Ta chủ trương kinh tế nhiều thành phần kinh tế thị trường, học tập và sử dụng nhiều phương pháp tư bản chủ nghĩa, làm cho kinh tế trong một số năm phát triển khá nhanh. Đặc biệt ta có một thành tích kỳ diệu là từ chỗ thiếu gạo ăn trở thành nước xuất cảng gạo thứ nhì thế giới. Điều đó thực chất là do nông dân được làm ăn tự do hơn, họ được tự làm chủ trong làm ăn hơn. Quyền đó của nông dân được lãnh đạo chấp nhận. Cho nên ở đây cần thấy là lãnh đạo thấy được quyền làm ăn của dân mà công nhận quyền đó thì sẽ có thành tích lớn ngay. Bác Hồ xưa kia đã nói đến mấy chữ *"Tự do làm ăn."* Bảo đảm quyền ấy cho dân thì lĩnh vực nào cũng sẽ có những thành tích phi thường cả, đặc biệt trong khoa học và văn học nghệ thuật. Chứ lãnh đạo có tài thánh cũng không làm ra được một tấn gạo hay một bài hát, thậm chí có tài thánh cũng không định hướng, hướng dẫn cho từng ngành, cho các ngành được. Cái quyền *tự do làm ăn* ấy là kiểu tư bản hay kiểu XHCN? Tôi thấy *nó là cả hai và nó cũng không phải là cả hai. Nó là đạo lý thông thường của người đời mà thôi.*

Gần đây tôi tình cờ gặp một ý tưởng và một khái niệm thú vị: Đó là khái niệm "Tư bản quyền lực" và có người nói: "Tư bản quan chức" (Capitalisme momen klatura).

Thì ra ngoài tư bản là tiền của ra, có cái *quyền lực cũng trở thành tư bản* (vốn) được. *Là quan chức thì có quyền lực, mà quyền lực lại là cái vốn để làm ăn.*

Nước ta hiện nay chưa XHCN được, nhưng có những yếu tố tốt đẹp của CNXH, không phải tư bản, nhưng rõ ràng là có cái thứ tư bản quyền lực và tư bản quan chức và đó là thứ tư bản quan liêu, tư bản hoang dã, dã man. Đó cũng là một sự thật. Có lẽ nhiều người sợ cái sự thật này. Nhưng tôi không có lý do gì để sợ nó cả.

Nhìn nhận tình hình đất nước hiện nay nhất thiết phải tìm kiếm phân tích cái sự thật này!

IV. Mùa xuân đi về đâu?

Tôi đã được biết rất nhiều người sốt ruột với những lời kêu ca và lên án các hiện tượng tiêu cực, cho rằng "Biết rồi, khổ lắm nói mãi!" vấn đề là phải làm thế nào? Có giải pháp nào để ra khỏi tình trạng này. Đúng, đây là vấn đề hết sức bức xúc. Các cơ quan lãnh đạo cũng đã nhiều lần cảnh cáo rằng tình hình sẽ càng ngày càng khó khăn hơn, nhiều thử thách nghiêm trọng hơn, gay gắt hơn. Tình hình đất nước đứng trước thử thách gay gắt thật. Mỗi người đều có một số ý kiến về giải pháp. Nhưng xét ra các ý kiến giải pháp (kể cả ý kiến giải pháp của lãnh đạo) đều khó thực hiện và khó có hiệu quả, vì nó chưa xuất phát từ những phân tích khoa học mới mẻ, sâu sắc và chính xác. Nó còn xuất phát từ sự nôn nóng, bức xúc, sốt ruột và nó còn mang nhiều nét tư duy cũ. Cho nên nó chưa hứa hẹn một triển vọng nào và nó chưa đưa ra lại cho mọi người một hào hứng nào. Tôi không thể không có điều kiện để đề xuất một ý kiến giải pháp nào. Tôi chỉ ghi lại hai ý kiến cảm xúc xuân như sau:

1- Giải pháp sắp đưa ra, phải là giải pháp chiến lược, nó phải là vấn đề đường lối khái quát bao trùm, nó sẽ làm phương hướng cho sự giải quyết các vấn đề cụ thể như phát triển

kinh tế, quan hệ đối ngoại, cải cách bộ máy chống tham nhũng...

Đường lối mới ấy phải là đường lối xây dựng và phát triển đất nước, lấy đất nước, dân tộc tổ quốc là đối tượng cao nhất, mục tiêu cao nhất, nó phải thoát ra *khỏi những loay hoay về định tính: XNCH hay TBCN, tả hay hữu, đỏ hay trắng, phản động hay cách mạng.* Đường lối ấy là một đường lối đưa đất nước vượt qua thử thách, thoát khỏi khó khăn để đi lên. Đường lối đó phải đưa được đất nước đi lên phù hợp với đặc điểm phát triển của thế giới, hòa nhập với những bước đi của khu vực và thế giới, *phát huy được những yếu tố tốt đẹp XHCN đã có ở trong nước và những phương pháp, những công nghệ và kinh nghiệm của thế giới TBCN, của các nước dân chủ xã hội, khắc phục kiểu tư duy biệt phái: "Không phải là ta thì là địch."* Phải thực sự tôn trọng và thực hiện khẩu hiệu rất hay đã có là "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả mọi người."

Mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược đó là cao nhất, nó cao hơn và bao hàm cả *những nguyên tắc đã có như là: kiên trì lý tưởng XHCN; kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin; vai trò của Đảng Cộng Sản...,* chứ không ra ngoài và không ngược lại. Đảng Cộng Sản cần phải thu hút trí tuệ toàn dân để bồi bổ cho trí tuệ của Đảng và làm cho Đảng xứng đáng vai trò tác giả, tiền phong và tham mưu cho toàn dân tộc. Tôi cho đó là phương hướng tốt đẹp nhất.

Mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược phải đi đôi với vấn đề chiến lược nhân sự, chiến lược nhân tài. Chiến lược phải bảo đảm sự tuyển chọn được người có thực tài ở những vị trí thích hợp. Hiện nay ở rất nhiều vị trí có những người không xứng đáng, trái ngành nghề, không được đào tạo chuẩn bị, thậm chí có nhiều chỗ người kém lại lãnh đạo chỉ huy người giỏi. Đó là vì công tác tổ chức nhân sự chỉ tập trung vào cơ quan tổ chức của Đảng, lại quá phụ thuộc vào tiêu chuẩn chính trị và yêu cầu chính trị. Chiến lược nhân sự mới nên phát huy truyền thống của dân tộc: thực hiện phổ biến chế độ khảo thí, sát hạch, thi tuyển, nghe ý dân, dành cho dân quyền giám sát, quyền có ý kiến, có thông tin nhân sự quyền nhận xét và tham gia chọn lọc. Nhân sự không nên là vấn đề bí mật của một nhóm người.

2- Sau khi đã xác định mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược rồi, thì nó sẽ là căn cứ, là chỗ dựa vững chắc để chỉ đạo tư tưởng cho các chính sách cụ thể: Về kinh tế, về đối ngoại, về văn hóa, về an ninh quốc phòng, về các vấn đề xã hội và những chính sách cụ thể về hòa hợp, đoàn kết dân tộc, một cách *nhất quán cả nói và làm.*

Được như thế, sẽ mau chóng khôi phục lòng tin và tinh thần đoàn kết toàn dân, tạo nên hào hứng mới và sức mạnh mới.

Trong tình hình có rất nhiều mặt mâu thuẫn, có rất nhiều mối quan hệ phức tạp, ta phải dự đoán mỗi chính sách, mỗi giải pháp đều sẽ có mặt được, mặt không được (hoặc là mặt thiệt, mặt mất) mặt phải trả giá. Có khi mặt được lớn hơn, mặt mất nhỏ hơn. Nhưng cũng có khi mặt được nhỏ hơn, nhưng lại không có không được, thì vẫn phải chấp nhận. Cần có những dự đoán như vậy để cân nhắc mỗi chính sách, có đạt được mặt được lớn tối đa và mặt mất, thiệt nhỏ đến mức thấp nhất. Phải dự đoán mỗi chính sách của ta được cái gì đó, thì cũng phải trả giá một cái gì đó. Ta cần cân nhắc tính toán để sự trả giá là nhỏ ở mức ta chịu đựng được, xứng đáng với cái ta được. Cái được và cái phải trả giá phải có sự đồng thuận của nhân dân và của đối tác. Tuyệt đối không nên ảo tưởng là mỗi chính sách ta đưa ra là chỉ có được và hoàn toàn được, không muốn trả giá chút nào. Ví dụ tự do ngôn luận có nhiều cái được, nhưng cũng phải trả giá là có nhiều khó chịu. Tự do bầu cử cũng có nhiều cái được và cũng phải có cái phải trả giá là ta không thể tự tung tự tác 100%...●

Ghi chú của Tòa soạn:

Do trục trặc trong lúc gửi đi, bài này bị mất một đoạn ngắn chỗ cuối. Khi có được phần còn thiếu, chúng tôi sẽ xin đăng bổ túc.

Một người khiêm tốn không quan tâm đến việc được người khác biết tiếng, người đó chỉ muốn trở về trạng thái vô ngã, như chưa từng được sinh ra làm người. Khi đạt đến trạng thái vô ngã, người đó và thượng đế hòa nhập lại làm một.

Isaac of Niveneh

Tất cả nhân loại đang chịu một cái án chung thân khổ sai trên quả đất này, đó là cái cảm tưởng "tôi hiện hữu" của mỗi chúng ta.

Cyril Connolly

ĐÁ VÀNH KHĂN: CON DOMINO TRONG QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

"And he gathered them together into a place called in Hebrew tongue Armageddon" Revelation ch.16,v.16.

NGÔ THẾ VINH

Trận Armageddon trên biển Đông

Vào những ngày thời tiết tốt, trời trong xanh như ngọc chan hòa nắng ấm giữa Biển Đông, có ai nghĩ được rằng những cụm đá những vành san hô rải rác đó đây lại có thể trở thành lò thuốc súng, có nguy cơ nổ ra một trận *chiến-tranh-vùng* giữa các nước Á châu đang sâu xé nhau vì quyền lợi. Xa hơn nữa như hư cấu tiểu thuyết *Dragon Strike* của Hawksley, tranh chấp trên Trường Sa có thể đưa tới cuộc *thế-chiến-thứ-Ba.*

Các vụ nổ súng lẻ tẻ làm chết hay bị thương dăm ba thủy thủ hay dân chài là chuyện vẫn thường xuyên xảy ra quanh Trường Sa nhưng lại chẳng được coi là quan trọng để trở thành các dòng tin trên báo chí.

Ít ra cho đến bây giờ Hoa Kỳ vẫn cố kiềm chế làm ra vẻ mối nguy cơ đụng độ giữa hai siêu cường Mỹ và Hoa Lục trên Thái Bình Dương là không có thật. Nhưng trước thái độ hung hãn của Trung Quốc mới đây, Mỹ đã phải khởi sự kế hoạch *"lá chắn tên lửa TMD" (Theater Missile Defence)* nhằm vô hiệu hóa mọi cuộc tấn công phi đạn của đối phương để bảo vệ cho các đơn vị lính Mỹ trú đóng và cả ba đồng minh Á châu thiết thân của Mỹ là Nhật Bản, Nam Hàn và Đài Loan, cho dù Bắc Kinh hết sức giận dữ và cực lực phản kháng.

Vành khăn xô trên biển Đông

Sự kiện gây chú ý cho toàn thế giới là vào tháng 2 năm 1995 giới quân sự Phi đã phát hiện Trung Cộng đang xây các công sự hình bát giác trên bốn phía của hòn đảo nhỏ Vành Khăn *(Mischief Reef)* thuộc vùng lãnh hải của Phi. Vành Khăn được quen gọi là *"đảo"* thực sự chỉ là đá *(reef)* như một vành san hô mấp mé dưới mặt nước. Nhưng với các công trình xây cất của Trung Quốc ngày càng mở rộng và nâng cao thì tương lai Vành Khăn nghiễm nhiên trở thành một *"đảo-nhân-tạo".*

Ai cũng biết Trung Quốc đã vi phạm Luật Biển *(LOS Convention)* nhưng Bắc Kinh vẫn ngang nhiên tuyên bố Vành Khăn thuộc quần đảo Trường Sa *(Spratly Islands)* trong vùng biển *Lưỡi Rồng* là của Trung Quốc cho dù cách xa Hoa Lục cả ngàn km và chỉ cách đảo Palawan của Phi chưa đầy 200 km.

Trong lúc bắt đầu cuộc thương thảo giữa Phi và Trung Quốc đang diễn ra ở Bắc Kinh vào tháng 3 năm 1995, bằng một phản ứng ngoạn mục không lực Phi đã bất thần oanh tạc phá hủy một loạt các cấu trúc xây trên đá Vành Khăn, trên các bãi đá ngầm Trăng Khuyên *(Half Moon)*, bãi Sa Bin *(Sabina Shoal)* và đồng thời hải quân Phi cũng bắt giữ 60 ngư phủ Trung Quốc đánh cá bất hợp pháp trong vùng lãnh hải của Phi.

Chiến thuật đoản kỳ của Trung Quốc là *"mềm nắn rắn buông"* nhưng chiến lược trường kỳ của họ là tiếp tục bền bỉ chánh sách *"tàm thực - tầm ăn dâu."* Do đó mà tình hình chỉ tạm lắng dịu cho tới tháng 10 năm 98, khi các mùa

giông bão qua đi, máy bay thám sát Phi đã lại chụp được những bức không ảnh cho thấy là Trung Quốc tiếp tục khẩn trương xây cất các công sự kiên cố và lớn hơn trên đá Vành Khăn và có khả năng lan rộng ra các đảo và đá khác. Phi cũng ghi nhận được các tàu vận tải chở vật liệu kiến trúc đến với hàng trăm lính công binh Trung Quốc đang dựng khung xây cất thêm những công sự mới. Căng thẳng hơn nữa là có cả những chiến hạm loại Dazhi của hải quân Trung Quốc có nhiệm vụ yểm trợ cho các tiềm thủy đĩnh hoạt động trong vùng.

B.A.Hamzak giám đốc Viện Nghiên Cứu Hàng Hải Mã Lai gọi *"Hành động mới đây của Trung Quốc là hết sức vô trách nhiệm và cả hăm dọa... Nó đã không xây dựng được lòng tin cậy và an ninh trong vùng."* Chính B.A.Hamzak đã đưa ra "một từ mới" rất gợi hình là *"Tây Tạng Hóa Biển Đông"* đang được báo chí và giới ngoại giao sử dụng nói tới tình huống các nước Đông Nam Á một hôm thức dậy thấy Biển Đông đã nằm trong tay Hoa Lục *giống như cảnh ngộ của quốc gia Tây Tạng.*

Vành khăn trong một chuỗi biến cố

Ai có theo dõi tình hình cũng biết đây là một trong chuỗi biến cố có tính toán của Trung Quốc trong hơn ba thập niên qua nhằm *"xác định chủ quyền trên Biển Đông"* bằng sức mạnh quân sự khi mà các lý lẽ lịch sử viện dẫn đã không có tính cách thuyết phục.

(1) 1974 Trung Quốc cưỡng chiếm toàn quần đảo Hoàng Sa *(Paracel Islands)* đang thuộc quyền kiểm soát của Việt Nam Cộng Hòa, (2) 1988 Trung Quốc chiếm thêm một số đảo và đá trong quần đảo Trường Sa đang thuộc quyền kiểm soát của CHXHCNVN, (3) 1995 Trung Quốc âm thầm chiếm đá Vành Khăn nằm trong Vùng EEZ Kinh tế Đặc quyền của Phi, (4) 1998 Trung Quốc tiếp tục xây các căn cứ quân sự lâu dài trên đá Vành Khăn có cả sân bay trực thăng, đài radar, những ụ súng phòng không, có treo cờ Trung Cộng và có các chiến hạm tuần tiễu bất chấp sự phản kháng mạnh mẽ Phi.

Những ngọn cờ trên Trường Sa

Quần đảo Trường Sa cho tới nay không phải là những đảo có dân cư ngoại trừ những đơn vị quân đội của năm quốc gia đang chiếm đóng gồm có Việt Nam, Phi Luật Tân, Mã Lai, Đài Loan và Trung Quốc. Thêm Brunei cũng lên tiếng tham dự vào cuộc tranh chấp. Trong số hàng trăm đơn vị đảo, đá, cồn và bãi với tổng số diện tích không quá mười cây số vuông (10km2) với nhiều đơn vị không có tên, tính đến nay:

Việt Nam hiện chiếm giữ cả thảy 13 cao địa, 22 đơn vị có tên và một số không tên. Đảo Trường Sa *(Spratly)* là nơi có bộ chỉ huy Việt Nam trú đóng.

Phi Luật Tân hiện chiếm cả thảy 10 cao địa, 18 đơn vị có tên và một số không tên. Không kể đá Vành Khăn *(Mischief Reef)* trên thực tế đã bị Trung Quốc chiếm.

Trung Quốc hiện chiếm hai cao địa và chín đá chìm và bãi ngầm có tên. Đá Chữ Thập *(Fierry Cross Reef,* chiếm của Việt Nam năm 88) là nơi đặt bộ chỉ huy quần đảo Trường Sa của Trung Quốc.

Mã Lai hiện chiếm giữ hai cao địa và bốn đơn vị có tên.

Đài Loan chiếm một cao địa: đảo Ba Bình *(Itu Aba)* cũng là đảo lớn nhất tại Trường Sa.

(xem sơ đồ 1 / Heinemann95, chỉ ghi những địa danh chính).

Những lời than thở

Tháng 11/98 vừa qua, ngoại trưởng Phi Domingo Siazon đã nói trước quốc hội Phi rằng các công trình xây cất quy mô mới đây của Trung Quốc là kế hoạch quốc phòng thế kỷ 21 của Bắc Kinh nhằm bành trướng ra ngoài Đông Á và bao trùm cả Thái Bình Dương.

Trước những diễn tiến dồn dập trên đá Vành Khăn hoàn toàn bất lợi cho Phi đã khiến Siazon chỉ còn biết than thở: *"Chúng tôi yêu cầu Trung Quốc rút khỏi đá Vành Khăn, họ nói không. Chúng tôi yêu cầu cuộc tranh chấp được giải quyết qua một hội nghị quốc tế, họ cũng nói không. Chúng tôi đề nghị một chương trình hợp tác phát triển thì họ bảo để coi!"*

Rồi Siazon tiếp: *"Chúng tôi thì không có khả năng tới vùng biển ấy, hải quân Phi chỉ gồm có mươi chiếc tàu tuần (patrol boats) và đã được lệnh phải tránh xa để không gây sự biến nào."* Trung Quốc đã đưa lời cảnh cáo là tàu bè Phi không được tới gần hơn năm hải lý và máy bay tuần thám Phi cũng không được bay thấp hơn 1500 m.

Do có hiệp ước liên minh quân sự với Washington, bộ trưởng Quốc phòng Phi Mercado đã kêu gọi Mỹ can thiệp nhưng đã bị chánh phủ Clinton lạnh lùng trả lời là hiệp ước không áp dụng cho các vùng lãnh hải đó.

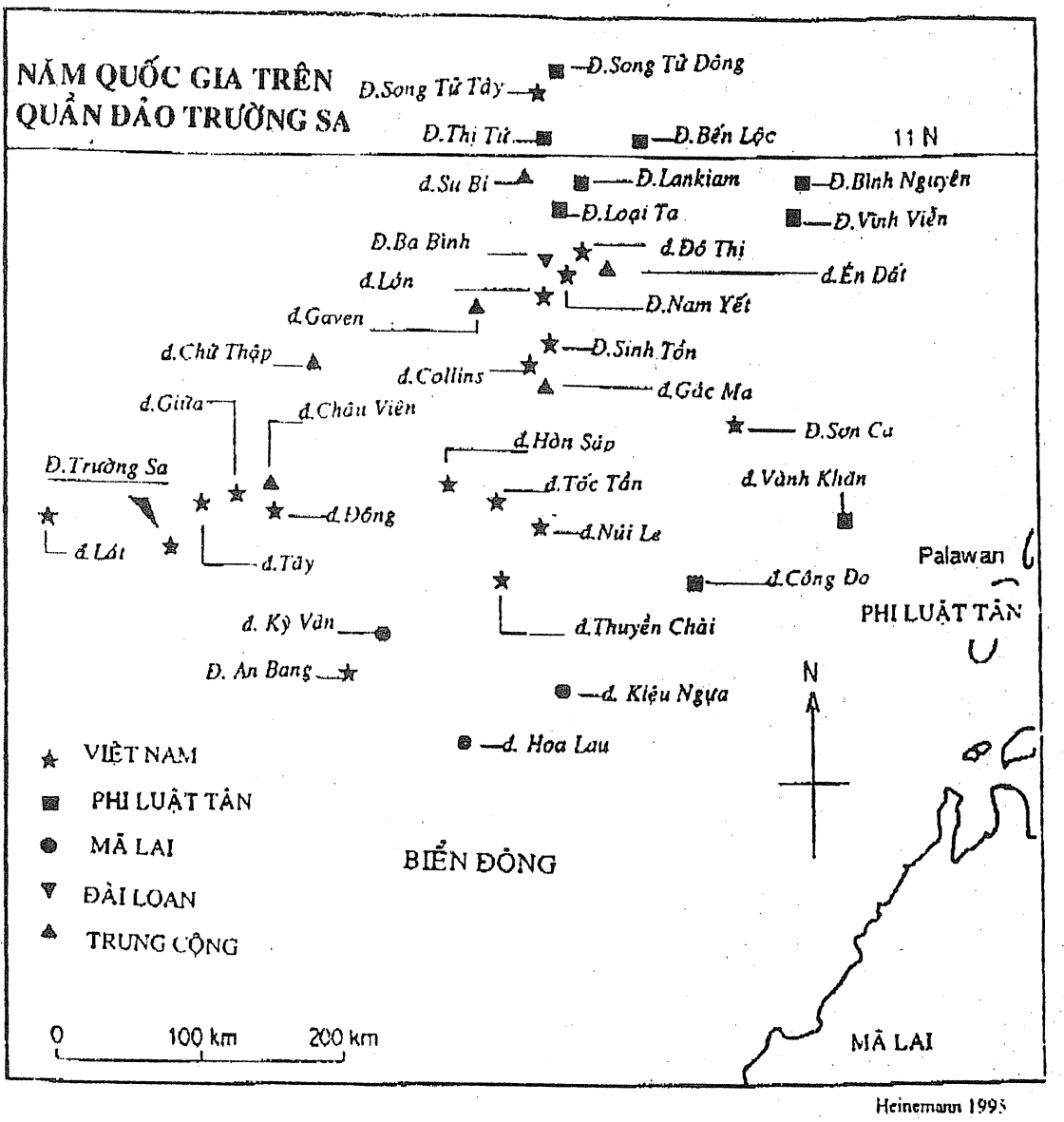

Đ.Song Tử Đông (North East Cay), Đ.Song Tử Tây (Southwest Cay), Đ.Thị Tứ(Pagasa), Đ.Bến Lộc (West York), đ.Su Bi (Subi Reef), Đ.Lankiam (Lankiam Cay), Đ.Bình Nguyên (Flat), Đ.Loại Ta (Loaita), Đ.Vĩnh Viễn (Nashnan), Đ.Ba Bình (Itu Aba), đ.Đá Thị (Petley Reef), đ.Én Đất (Eldad Reef), đ.Lớn (Great Discovery Reef), Đ.Nam Yết (Namyit), đ.Gaven (Gaven Reef), Đ.Sinh Tồn (Sin Cowe), đ.Chữ Thập (Fiery Cross Reef), đ.Collins (Collins Reef), đ.Gác Ma (Johnson Reef), đ.Giữa (Central Reef), đ.Châu Viên (Cuarteron Reef), đ.Hòn Sập (Pearson Reef), Đ.Sơn Ca (Sand Cay), đ.Lát (Ladd Reef),Đ.Trường Sa (Spratly), đ.Đông (East Reef), đ.Tây (West Reef), đ.Tốc Tấn (Alison Reef), đ.Vành Khăn (Mischief Reef), đ.Núi Le (Cornwallia Reef), đ.Công Đo (Commodore Reef), đ.Thuyền Chài (Barqua Canada Reef), đ. Kỳ Vân (Mariveles), Đ.An Bang (Amboyana Cay), đ. Kiệu Ngựa (Ardasier Reef), đ. Hoa Lau (Swallow Reef) [viết tắt: Đ. Đảo, đ. đá] (Sơ Đồ 1)

Chẳng còn một chọn lựa nào khác Phi chỉ còn biết tuân thủ những đòi hỏi vô lối của Bắc Kinh. Cho dù đang giữa cuộc tranh chấp nhưng trên thực tế đá Vành Khăn đã tuột khỏi quyền kiểm soát của Manila.

Và trong chuyến du hành cuối năm 98 vừa qua tư lệnh lực lượng Mỹ vùng Thái Bình Dương, đô đốc Joseph Prueher cũng chỉ phát biểu một cách chung chung là *"Hoa Kỳ sẽ theo dõi sát diễn tiến trên đá Vành Khăn."* Bề ngoài thì như vậy nhưng bên trong không thể không có mối âu lo, phản ánh bằng câu nói của viên sĩ quan hải quân Mỹ với phóng viên tờ National Geographic: *"Tôi chỉ mong sao họ không tìm ra dầu ở Trường Sa."*

Dầu khí thì chắc chắn là có ngoài Biển Đông và điển hình là đang có ba bãi dầu được khai thác: bãi Tứ Chính *(Vanguard)* của Việt Nam, bãi Cỏ Rong *(Reed Bank)* của Phi và bãi *Natuna* của Nam Dương.

Một an ủi có còn hơn không

Ý thức được sự quá yếu kém về quân sự, Phi bền bỉ trong các cuộc vận động ngoại giao, đòi đưa vấn đề ra trước đại hội đồng Liên Hiệp Quốc và cả vận động giới lập pháp Mỹ quan tâm nhiều hơn tới cuộc tranh chấp Trường Sa.

Ít ra cũng đã có một nghị sĩ Cộng hòa Dana Rohrabacher *(Huntington Beach, California)* thuộc Ủy ban Liên lạc Quốc tế Hạ viện Mỹ lên tiếng. Ngày 10 tháng 12, 1998 ông được đưa lên một chiếc phi cơ quân sự C 130 của Phi bay sáu vòng trên không phận đá Vành Khăn chụp hình được các công trình xây cất và cả các chiến hạm của hải quân Trung Quốc và ông tuyên bố: *"...Trung Quốc thì đang xây cất những công sự, tôi còn thấy được ánh chớp của những đèn hàn... Những điều chúng tôi thấy được vừa có tính cách báo động vừa bi thảm. Trung Quốc đã đưa các chiến hạm từ ngàn dặm xa xôi đi cướp đất của một nước láng giềng."* Ông tiếp: *"Chúng ta không thể làm ngơ hành động côn đồ của Trung Cộng trong quần đảo Trường Sa. Sự hiện diện quân sự của Trung Quốc không chỉ là mối quan tâm của Phi Luật Tân, đó cũng là mối quan tâm của Hoa Kỳ và các nước dân chủ trên thế giới."* Ông cũng lên án chánh quyền Clinton đã coi nhẹ biến cố Vành Khăn. Bằng một ngôn ngữ ngoại giao ông hứa là sẽ vận động quốc hội Mỹ hỗ trợ gia tăng tiềm lực hải quân Phi... *"Tôi đã biếu tổng thống Estrada một chai rượu Tequilla bự. Tôi hy vọng tiếp theo đó sẽ là một tuần dương hạm."*

Dana Rohrabacher tuy không phải là một tiếng nói thế lực trong giới lập pháp Mỹ nhưng có còn hơn không và đó cũng là một dấu hiệu an ủi cho Phi.

Vài dấu hiệu chuyển động

Giữa cuộc tranh chấp chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa đang diễn ra trên Biển Đông, *Việt Nam và Trung Quốc là hai nước có nguy hiểm đối đầu nhất.* Sau khi mất toàn quần đảo Hoàng Sa và một số đảo Trường Sa, ngoài những cuộc đấu khẩu ngoại giao, phía Việt Nam đã có những bước ứng sử nào:

- Tin Thông tấn *Kyodo* 19-09-98, Việt Nam mới đây đã hoàn tất việc xây dựng và trùng tu nhiều cơ sở "dân sự" trên đá san hô Tây (West Reef) trong quần đảo Trường Sa...có cả sân bay trực thăng với tổn phí lên tới bốn triệu đôla, là những công trình xây dựng có tính cách lâu dài.

- Tài liệu *Combat Fleets of the World 98-99, Naval Institute Press* ghi nhận được một số chiến hạm của HQVN đã được đổi tên thành *Biển Đông* hay *Trường Sa (BD 621, 622, 105, TS 01)* trong đặc nhiệm bảo vệ Trường Sa.

- Tin báo *Orange County Register* 13-12-98, trong phần Á châu Thái Bình Dương loan tin: có hai con đường của thành phố Sài Gòn được đặt tên là Hoàng Sa và Trường Sa.

- Tin báo *Tuổi Trẻ* trong nước 06 tháng Hai, 99, chánh phủ Việt Nam đang ráo riết buộc toàn thể cán bộ học tập nâng cao kiến thức sử học về chủ quyền của Việt Nam đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đại học Quốc gia Hà Nội cũng đã phối hợp với bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cùng tổ chức hội nghị khoa học về lịch sử chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa. Nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử, địa lý địa danh, đặc điểm khí hậu và các nguồn tài nguyên thiên nhiên của các đảo và vùng biển liên hệ đã được công bố... Thành phần tham dự hội nghị gồm các nhà khoa học thuộc nhiều lãnh vực từ các đại học và các viện nghiên cứu, đại diện các bộ Ngoại giao, Quốc phòng, Ủy ban Biên giới, ban Trung ương đảng, văn phòng chánh phủ...

- Trên tấm bản đồ Việt Nam và Biển Đông (chứ không phải *Nam Hải - South China Sea*) với các địa danh thuần Việt của Tổng cục Địa chính xuất bản năm 1997 có ghi những chi

tiết: (1) Quần đảo Hoàng Sa (hiện bị Trung Quốc chiếm đóng) là thuộc thành phố Đà Nẵng Quảng Nam, cách Đà Nẵng 390km, (2) Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa Nha Trang (nguyên thuộc tỉnh Phước Tuy thời Việt Nam Cộng Hòa), cách Sài Gòn 670km.

Đông với hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa trong bối cảnh mối bang giao lịch sử giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc.

Vành Khăn, con Domino của Trường Sa

Vào những thập niên 50-60 giữa cuộc chiến

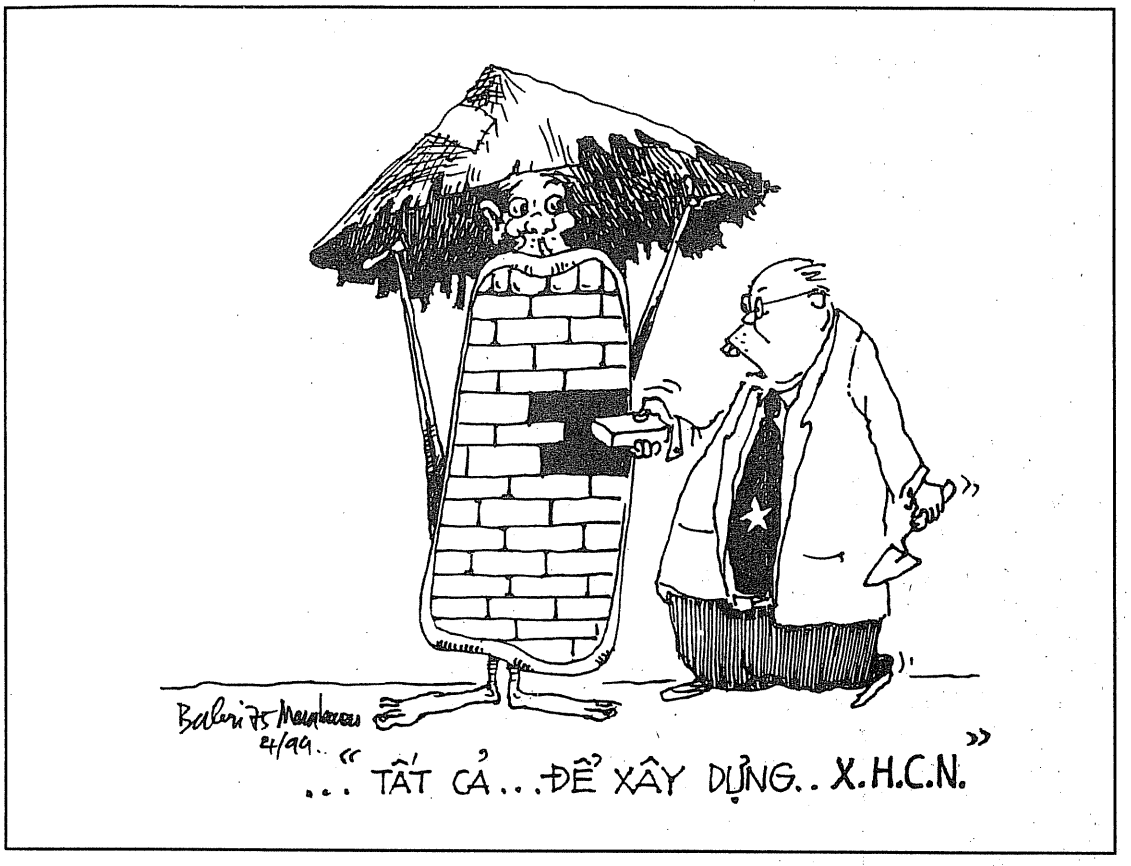

- Trên các tờ báo tiếng Việt xuất bản ở hải ngoại cũng thường xuyên có các tin và bài bình luận liên quan tới Hoàng Sa Trường Sa và chủ quyền trên Biển Đông.

- Mùa Hè 98 một cuộc Hội Thảo chuyên đề về Biển Đông của một số trí thức và chuyên gia Việt Nam hải ngoại được tổ chức ở New York với phần đúc kết sẽ được ấn hành như một tài liệu tham khảo nội bộ.

- Trên *Internet* gần đây xuất hiện một *Trang Nhà - website* với tiêu đề *"Paracels Forum"* vừa được thiết trí như một diễn đàn chung cho những ai quan tâm tới vấn đề Hoàng Sa Trường Sa, với địa chỉ: *http://members.tripod.com/AParacels/.*

- Tờ báo *Đi Tới* ở Montréal Canada thực hiện một số báo chủ đề (tiếp sau *Tập san Sử Địa,* đặc khảo về Hoàng Sa Trường Sa 1975) cập nhật hóa các vấn đề liên quan tới Biển

tranh lạnh người Mỹ rất tin vào thuyết Domino về mối liên hệ của toàn vùng được hình dung bằng một hàng những con bài Domino đứng cạnh nhau, nếu con bài đầu tiên bị đổ thì sẽ đè lên con bài thứ hai và theo phản ứng dây chuyền cứ thế cả chuỗi bị sụp đổ.

Cuộc chiến tranh Việt Nam với bao nhiêu xương máu và tốn kém là một điển hình của thuyết Domino ấy.

Sau giai đoạn sụp đổ của khối Liên Xô, thập niên 90 được coi là thời kỳ *"sau chiến tranh lạnh"* đối với thế giới. Nhưng tại Á châu lại đang manh nha một cuộc *"chiến tranh nóng"* do sự bành trướng rất hung hãn của Trung Quốc.

Sau khi đã chiếm trọn Hoàng Sa, một số đảo của Trường Sa - mặc nhiên Trung Quốc đặt Việt Nam và các nước Đông Nam Á

"trước một sự đã rồi." Nhưng với tình hình hiện nay Trung Quốc có nuốt trọn được quần đảo Trường Sa hay không thì "đá Vành Khăn là biểu tượng của con bài Domino đầu tiên" ấy. Do đó Vành Khăn không chỉ là mục tiêu tranh chấp giữa Phi Luật Tân và Trung Quốc mà phải coi đó là thách đố đối với toàn thể các quốc gia Đông Nam Á. Bước tới nếu Trung Quốc dứt khoát chiếm được đá Vành Khăn thì tất cả những đơn vị còn lại trong một chuỗi những đảo, đá, cồn và bãi của Trường Sa có tên hoặc không tên sẽ lần lượt rơi vào tay Trung Quốc, dĩ nhiên với tất cả hậu quả và hệ lụy của nó.

Lý lẽ của kẻ mạnh

Hơn 60 năm trước vấn đề Hoàng Sa Trường Sa đã được báo chí Việt Nam dự báo và nhắc tới rất sớm: báo Nam Phong của Phạm Quỳnh (Hà Nội, NP 172, 05-1932) đã viết: *"Vấn đề cương giới Hoàng Sa Trường Sa sẽ được giải quyết bằng gươm súng."* Sáu năm sau trên báo Ngày nay (Hà Nội 24-07-1938) của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Hoàng Đạo lúc đó mới ở cái tuổi ngoài 30 đã viết trong mục "Người và Việc" như sau: *"Lấy lý lẽ mới cũ ra mà nói thì Hoàng Sa Trường Sa là của An Nam. Nhưng ở trường quốc tế người ta không ai theo luật mới cũ cả. Nó chỉ là của sức mạnh." Những dòng chữ ấy cho đến nay hoàn toàn đúng đối với Trung Quốc với lẽ của kẻ mạnh.*

Sức mạnh thượng phong về Hải Lục Không quân của Hoa Lục là không thể phủ nhận. Nếu vạn bất đắc dĩ xảy ra một cuộc *"chiến-tranh-vùng"* trên Biển Đông, bất cứ cuộc đụng độ quân sự nào, sự toàn thắng đương nhiên ở về phía Bắc Kinh.

Tư thế của bầy trâu chống cọp

Do cuộc khủng hoảng kinh tế vùng mới đây đã làm suy yếu hẳn thế liên minh của các quốc gia Đông Nam Á mà biểu hiện rõ nhất là trong cuộc họp thượng đỉnh ASEAN vừa qua tại Hà Nội, nguyên thủ các nước kể cả Việt Nam và Phi đều né tránh đề cập tới vấn đề gai góc này nại lý do *"còn nhiều vấn đề lớn hơn cần giải quyết đặc biệt là lãnh vực kinh tế."* Trước con mãnh hổ Trung Quốc, những con đà điểu Đông Nam Á thấy hiểm nguy chỉ biết có rúc đầu xuống cát.

Ai cũng biết các đảo cho dù nhỏ hẹp tới đâu, nhưng khi thuộc về một quốc gia nào, người ta sẽ viện dẫn theo Luật biển về vùng kinh tế đặc quyền 200 hải lý để đòi hưởng trọn các nguồn tài nguyên về hải sản và các mỏ dầu khí trong đó, chưa kể tới giá trị chiến lược của các căn cứ quân sự ấy.

Cho dù đang là một nước xuất cảng dầu nhưng Trung Quốc sẽ phải nhập cảng dầu vào đầu thế kỷ tới nếu không tìm ra được các mỏ dầu mới mà Biển Đông với Hoàng Sa Trường Sa có hy vọng là lời giải đáp.

Giả thiết nếu quần đảo Trường Sa hoàn toàn rơi vào tay Trung Quốc điều này có nghĩa là Trung Quốc còn chiếm hữu luôn một phần mỏ dầu rất phong phú của Nam Dương quanh đảo Natuna - nơi đã có ký kết một hợp đồng lên tới 30 tỉ đôla giữa *"Công ty Dầu khí Mỹ Exxon"* và *Djakarta.* Hiển nhiên đây là một trực tiếp đụng chạm tới quyền lợi thiết thân của tư bản Mỹ và chắc chắn không dễ dàng gì Mỹ để rơi vào tay Trung Quốc. Và Biển Đông không thể không dậy sóng nếu không đạt được một hợp tác phát triển và phân chia tài nguyên giữa các quốc gia lớn nhỏ trong vùng trên phương diện khai thác dầu khí, đánh cá và hải hành.

Trước âm mưu chia để trị, Trung Quốc sẽ áp đặt những điều kiện thật khắt khe trong các cuộc thương thảo song phương như giữa Bắc Kinh và Hà Nội hay Bắc Kinh và Manila...

Trung Quốc sẽ dễ dàng bẻ gẫy từng chiếc đũa nhưng với cả bó đũa thì không. Cọp dữ Hoa Lục sẽ không dám xông vào giữa bày trâu hợp quần nhưng sẽ giương móng vuốt chụp lấy từng con đứng riêng lẻ và cũng sẽ chẳng tha cả con trâu khỏe đầu đàn.

Chỉ có một đường sống duy nhất cho các nước Đông Nam Á là đoàn kết trong bình đẳng và tin cậy để có hành động phối hợp tạo thành một thế trận chung về chánh trị ngoại giao, kinh tế và quân sự đủ sức đương đầu với con mãnh hổ Trung Quốc.●

04/99

Tham khảo: (1) South China Sea, Tracy Dahlby, National Geographic 12-98,Vol.194,No.6 (2) 'Tis the Season, Tiglao R.,Sherry.A.,Thayer N.,FEER, 12-24-98 (3) Going Ballistic, Wolf J., FEER, 02-18-99 (4) Reuters,Beijing 02- 25-99, China Rejects Manila Report of Spratlys Buildup (5) Đặc Khảo về Hoàng Sa và Trường Sa, Tập san Sử Địa 29, 01.03-75, nxb Khai Trí-Văn Nghệ (6) Địa Lý Biển Đông, Vũ Hữu San, UBBVSVTLTVN, 05-95 (7) Trăm Việt trên Vùng Định Mệnh, Phạm Việt Châu, nxb North Falls House 1997.

NHỮNG BÍ DANH CỦA NGUYỄN SINH CUNG

TRẦN ANH TUẤN

Giới nghiên cứu sử Việt Nam hiện đại đã và sẽ còn tốn nhiều giấy mực cho một trong những diễn viên chính của chính trường Việt Nam trong thế kỷ XX: Nguyễn Sinh Cung, tức Hồ Chí Minh.

Chỉ riêng việc sử dụng bí danh để bảo toàn bí mật thân thế của Hồ Chí Minh cũng đã khác người. Theo giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, một đối thủ chính trị của Hồ Chí Minh và là lãnh tụ Đại Việt cùng Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến, Hồ Chí Minh có năm tên (1). Theo bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ, một đối thủ chính trị khác của Hồ Chí Minh và là Chủ Tịch Thượng Hội Đồng Quốc Gia VNCH năm 1964, nhân vật này có bốn tên (2). Còn trong giới nghiên cứu sử, Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu liệt kê 35 tên của Hồ Chí Minh (3). Trước đó, một tác giả khác, Huỳnh Kim Khánh, đã nêu con số 32 bí danh (4).

Thực ra, số lượng bí danh mà Hồ Chí Minh sử dụng trong cuộc đời hoạt động không chỉ vỏn vẹn có từ bốn đến 35 tên như các tác giả vừa nêu trên.

Năm 1993, một tác giả Liên Xô đã tạo cho độc giả một ngạc nhiên lớn khi công bố số lượng bí danh của Hồ Chí Minh trong một thiên nghiên cứu của ông về nhân vật này. Theo dõi chặt chẽ và tỷ mỷ trên 20 loại tập san và báo chí đương thời, bí mật cũng như công khai, của Cộng Sản Việt Nam cũng như của Cộng Sản Quốc Tế (5), tham khảo thêm những nguồn tài liệu Việt Nam liên hệ đến đề tài (6), và nhất là khai thác ưu thế của giới nghiên cứu đại học Liên Xô tại Mạc-tư-khoa về các nhân vật cộng sản Việt Nam, giáo sư Anatoli Sokolov — tác giả thiên khảo cứu — đã phát hiện được hơn 150 bí danh mà Hồ Chí Minh sử dụng trong cuộc đời hoạt động chính trị. Phát hiện mới mẻ này được công bố trong quyển *Ho Chi Minh's Pseudonyms: An Attempt at Researching a Political Biography* (7).

Trước khi phân tích bảng bí danh mà giáo sư Anatoli Sokolov cung cấp, chúng tôi xin giới thiệu vị giáo sư đại học này. Ông là một chuyên viên của Liên Xô về Việt-nam-học. Tuy còn tương đối trẻ, ông đã là tác giả của hai công trình dài hơi về Việt Nam là một pho tự điển Việt-Nga 60,000 chữ (đồng tác giả, xb 1992), và quyển tiểu sử Hồ Chí Minh nêu trên (xb 1993), cùng nhiều thiên nghiên cứu đăng trong các tạp chí chuyên môn. Ông viết về Việt Nam trong rất nhiều lãnh vực như lịch sử, văn hóa, văn học, nghệ thuật, điện ảnh. Ông còn viết về Nguyễn Phan Chánh trong lãnh vực hội hoạ, và về Lưu Quang Vũ trong lãnh vực thoại kịch. Dĩ nhiên, ông nói và viết tiếng Việt rành rẽ. Hiện ông là giáo sư tại Trung Tâm Nghiên Cứu Đông Phương, Viện Khoa Học Nga tại Mạc-tư-khoa.

Sau đây là danh sách phân tích của chúng tôi về 145 bí danh của Hồ Chí Minh, căn cứ vào tài liệu của giáo sư Anatoli Sokolov.

Bí danh tại Pháp

Trong thời gian ở Pháp từ năm 1911 đến 1924 (8), Hồ Chí Minh đã sử dụng ít nhất 36 bí danh khác nhau sau đây:

- Ba - Nguyễn A. Q.
- Đi Đông - Nguyễn Ái Quấc
- Ferdinand - Nguyễn Ái Quốc
- J. Paul Mon - Nguyễn Tất Thành
- Ký Viễn - Nguyễn Văn Ba
- Lê Ba - Nguyễn Văn Thành
- Louis - Niloffsky

- N. - Niloffsky (N. A. K.)
- N. A. - Nilobsky
- N. A. C. - Quốc
- N. A. K. - Schon Vang
- N. A. Q. - Paul Thành
- N. A. Quốc - Paul Tatthanh
- N. K. - Tất Thành
- N. T. T. - U. L.
- Ng. A. Q. - Un Annamite
- Ng. Ái Quốc - V. L
- Nguyễn - Văn Ba

Đối chiếu với nếp sống ngày nay, việc đại đa số người Việt lập cư tại Hoa Kỳ vẫn không chấp nhận việc đổi tên Việt của mình ra tên Mỹ cho dù đã nhập quốc tịch Hoa Kỳ, chúng ta mới thấy cách hoạt động khôn khéo của Hồ Chí Minh khi sử dụng cả tên Pháp làm bí danh. Chính vì thế, chúng tôi không nghĩ rằng Hồ Chí Minh còn lấy bí danh Nguyễn Ở Pháp trong thời gian ở xứ này, vì ý nghĩa của tên quá lộ liễu, và không phù hợp với lối ứng xử uyển chuyển của một người sẵn sàng thỏa hiệp mỗi khi lâm vào thế yếu, kiểu lùi hai bước để tiến ba bước vốn là đặc trưng của Hồ Chí Minh, như mời cựu hoàng Bảo Đại làm cố vấn tối cao và giám mục Lê Hữu Từ làm cố vấn tôn giáo năm 1945, như ký Hiệp Định Sơ Bộ 6/3/1946 với Sainteny cho phép Pháp đem quân trở lại Việt Nam, như nửa đêm đến gõ cửa nhà Bộ Trưởng Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại (tức Bộ Thuộc Địa cũ) Marius Moutet để ký Tạm Ước Modus Vivendi 14/9/1946 nhượng bộ cho Pháp những đặc quyền về chính trị, kinh tế, tài chính, và văn hóa tại Việt Nam, hay mời các nhân vật đảng phái quốc gia tham gia nội các năm 1946 ...

Bí danh tại Liên Xô

Từ Pháp, Hồ Chí Minh gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp, rồi làm đại biểu trong Phái Đoàn Cộng Sản Pháp sang Liên Xô tham dự đại hội cộng sản. Sau đó, Hồ Chí Minh đã ở lại Liên Xô để được huấn luyện và giao phó công tác trong Đông Phương Vụ thuộc Đệ Tam Quốc Tế.

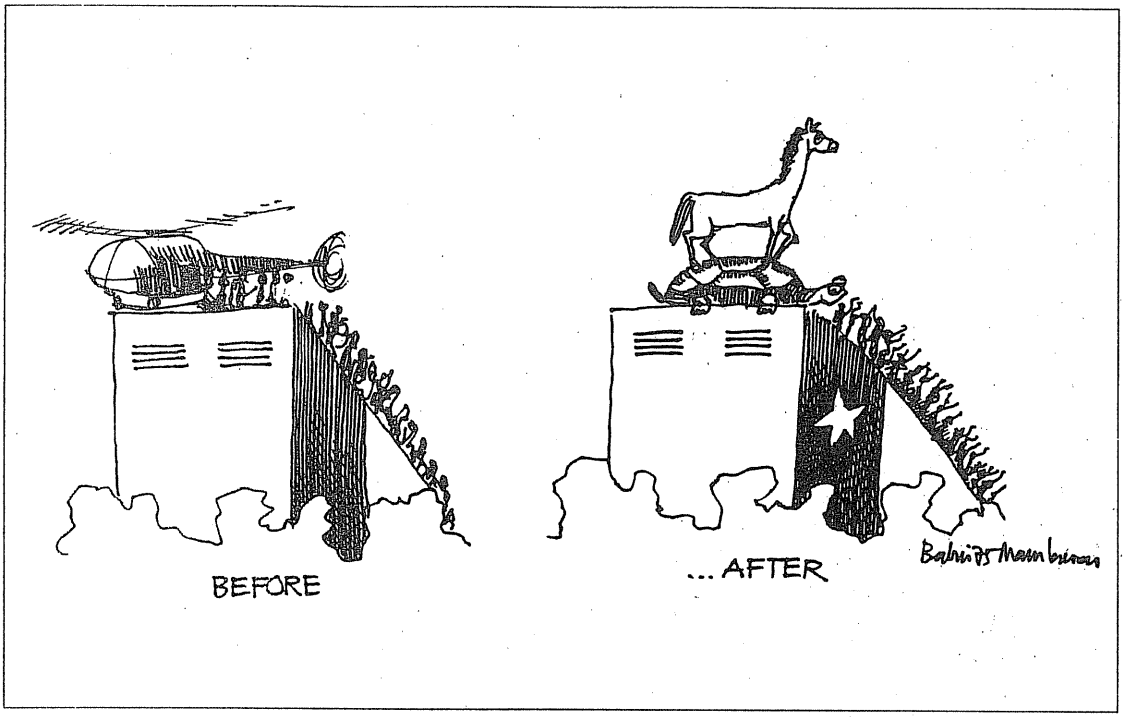

Thời gian ở Liên Xô trong các năm 1923-1924, 1927-28, và 1934-38 (9) Hồ Chí Minh đã sử dụng bốn bí danh sau đây:

- Ai Quaque
- Nguyễn
- Lin
- Song Man Tcho

Bí danh tại Trung Hoa

Sau khi rời Liên Xô, Hồ Chí Minh đi Trung Hoa khoảng năm 1924 và hoạt động ở đây mãi cho đến khi về lại Việt Nam năm 1941 (8).

Đây là thời gian Hồ Chí Minh đã về tới

ngưỡng cửa Việt Nam để hoạt động cướp chính quyền. Tổ chức đảng, huấn luyện cán bộ và đảng viên, phổ biến chính sách đường lối, lập kế hoạch, ra chỉ thị, thông tin tuyên truyền,... là những hoạt động chính và thường xuyên trong thời gian này. Do đó, số bí danh sử dụng cũng rất nhiều, phù hợp với những hoạt động khác nhau và trong những tình huống khác nhau. Số lượng bí danh ít nhất phải là 35 như danh sách sau đây (10):

- Đồng Chí Trần - Nguyễn Hải Khách
- Đồng Chí Vương - Nguyễn Hai Khac
- Hồ Wang T. S - Quac E. Wen
- Howang T. S. - P. C. Lin
- Hoàng Quốc Tuân - P. C. Line
- Hồ Chí Minh - T. V. Wai You
- Hồ Quang - T. V. Waiyou
- K. - Tiết Nguyệt Lâm
- K. K. V. - Tống Thiệu Tô
- K. V. - Tống Văn Sơ
- L. T. - Trần Nhược Trừng
- Lee - V.
- Mister Lee - Victor
- Lin - Vương
- Line - Vương Đạt Nhân
- Lou - Vương Sơn Nhị
- Lý Thụy - X.
- Nguyễn Ái Quốc

Trên đất Trung Hoa, chúng ta chỉ gặp người địa phương thuộc các họ Hồ, Lee, Lý, Tiết, Tống, Trần, Vương... thì ai mà truy nổi thân thế thật sự của Hồ Chí Minh?!

Bí danh tại Thái Lan

Thời gian Hồ Chí Minh hoạt động tại Trung Hoa bị gián đoạn một khoảng ngắn bắt đầu năm 1927-28, khi Tưởng Giới Thạch lên nắm quyền tại Trung Hoa đã chấm dứt liên minh Quốc Cộng do sự thỏa thuận giữa Tôn Văn và Đệ Tam Quốc Tế hồi năm 1922 và họ Tưởng còn cho lùng bắt các đảng viên Cộng Sản. Hồ Chí Minh phải chạy về Mạc-tư-khoa nhận chỉ thị rồi sang Thái Lan hoạt động năm 1928-29 (8).

Trong thời gian ngắn ở Thái Lan, Hồ Chí Minh hoạt động trong giới kiều bào Việt tại vùng Đông Bắc Thái Lan và thủ đô Băng-cốc. Hồ Chí Minh mở trường, ra báo, vào chùa, huấn luyện cán bộ và đảng viên dưới tám bí danh. Đó là

- Chín - Thọ
- Chính - Tín
- Nguyễn Lai - Tống
- Thầu Chín - Trần

Bí danh tại Việt Nam

Năm 1941, Hồ Chí Minh về Việt Nam, đặt bản doanh tại vùng Cao Bằng để tiến hành việc cướp chính quyền. Từ đó đến khi nắm được chính quyền năm 1945 và cho tới khi mất năm 1969 (8), Hồ Chí Minh vẫn không ngừng thay đổi bí danh để phù hợp với những mục tiêu khác nhau. Khi viết báo *Cứu Quốc* thì lấy bí danh Lê Quyết Thắng, Q. T., ... Khi viết báo *Nhân Dân* thì lấy bí danh C. B., Chiến Đấu, Dân Việt, ... Khi viết sách để tự ca tụng mình thì lấy bí danh Trần Dân Tiên, T. Lan... Cả thẩy tới 62 bí danh trong đó Hồ Chí Minh đóng đủ các vai, lúc đàn ông như Già Thu, Lê Ba, lúc đàn bà như Thanh Lan, Tuyết Lan, lúc họ Hồ, Lê, Nguyễn, và Trần, lúc thân cận như Bác, lúc bí hiểm như X. Y. Z.

- A. G. - Lê Nhân
- B. - Lê Nông
- Bác - Lê Quyết Thắng
- Bác Hồ - Lê Thanh Long
- Bác Hồ Chí Minh - Luật Sư Th. Lan
- C. B. - Nguyễn Du Kích
- C. K. - Nguyễn Sinh Công
- C. N. - Nguyễn Sinh Cung
- C. S. - Nguyễn Tất Thành
- Chí Minh - Nói Thật
- Chiến Đấu - Ông Kẻ
- Chiến Sĩ - Q. T.
- Dân Việt - Q. Th.
- Đ. L. Đ. - Ph. K. A.
- Đ. X. - T. L.
- G. - T. R.
- G. L. T. - T. Lan
- Già Thu - Tân Sinh
- H. B. - Tân Trào
- H. C. - Thanh Lan
- H. C. M. - Thu
- H. L. - Thu Sơn
- Hồ Chí Minh - Trần Dân Tiên
- Hồng Liên - Trần Lam
- K. A. - Trần Lang
- K. C. - Trần Lực
- K. U. - Trần Thắng Lợi
- L. T. - Tuyết Lan
- La Lập - V. K.
- Lê - Việt Hồng
- Lê Ba - X. Y. Z.

*

Thật ra, số 145 bí danh nói trên là một

danh sách chưa đầy đủ, vì chúng tôi chưa kể những bí danh của Hồ Chí Minh khi ở Hoa Kỳ, ở Đức, ở Tân-gia-ba... Khi theo tầu buôn từ Âu châu sang Hoa Kỳ ghé bến Nữu-ước năm 1912, Hồ Chí Minh lấy bí danh là Paul Tâtthanh (11), ghé Luân-đôn năm 1914 thì bí danh là N. T. T. Trong hành trình bằng tầu hỏa từ Pháp sang Liên Xô năm 1924, khi ghé thủ đô Bá Linh của Đức, bí danh của Hồ Chí Minh là Chen Vang.

Số lượng bí danh nhiều kinh khủng của Hồ Chí Minh cho thấy bản chất của một nhân vật Cộng Sản Quốc Tế với hành tung bí ẩn và đầy thủ đoạn mà không một đối thủ chính trị Việt Nam nào có thể đối đầu, trong thế kỷ XX hay cả trong nhiều thế kỷ tới đây! ●

Alameda, tháng 4 năm 1999

CHÚ THÍCH

(1) NGUYỄN NGỌC HUY, *Di Cảo 7. Tên Họ Người Việt Nam,* San Jose, Mekong Tỵ Nạn xb, 1998, trang 27. Di cảo của Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy có ghi các tên Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Lý Thụy, và Hồ Chí Minh.

(2) Nguyễn Xuân Chữ, trong *Hồi Ký*, Houston, nxb Văn Hóa, 1996, trang 326-27 ghi các tên Hồ Chí Minh, Nguyễn Sinh Công, Nguyễn Tất Thành, và Nguyễn Ái Quốc.

(3) Chính Đạo, trong *Việt Nam Niên Biểu Nhân Vật Chí* (Houston, nxb Văn Hóa, 1993, trang 161, 166, 369) và *Hồ Chí Minh: Con Người và Huyền Thoại. Tập I: 1892-1924* (Houston, nxb Văn Hóa, 1991, trang 35-41), ghi các bí danh Hồ Chí Minh, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quấc, Trần Lực, Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Sinh Côn, Trần Dân Tiên, Hồ Quang, Nguyễn Sinh Cuông, Nguyễn Văn BA, Bồi Ba, Nguyễn Ái Quốc, Chen Vang, Trần Vương, Lý Thụy, Thọ, Nam Sơn, Thầu Chín, Tống Sơ Văn, Soong Wen Sho, Già Thu, Ké Thu, Victor Lebon, Lu, Lin, P.C.Lin, D.C.Lin, Linov, Nilof-fsky, Paul, Ho Ting-ming, Lucius, Tân Trào, T. Lan, Trần Dân Tiên.

(4) HUỲNH KIM KHÁNH, *Vietnamese Communism 1925-1045*, Ithaca, Cornell University Press, 1982, trang 58, cước chú 37. Huỳnh Kim Khánh cũng cho biết các sử gia tại Hà Nội đã kể tới 76 bí danh của Hồ Chí Minh nhưng ông không liệt kê danh sách 32 bí danh của ông hay 76 bí danh của Hà Nội.

(5) Danh sách những ấn phẩm bao gồm *Công Nông, Cứu Quốc, Dân Chúng, Humanité, Journal du Peuple, Libertaire, Monde, Nhân Dân, Notre Voix, Paria, Quân Du Kích, Quân Đội Nhân Dân, Revue Communiste, Sinh Hoạt Nội Bộ, Sự Thật, Thân Ái, Vie Ouvrière, Việt Nam Độc Lập, Xung Phong...*

(6) Thí dụ các sách và bài viết trên báo chí như *Chủ Tịch Hồ Chí Minh Và Những Bí Danh Của Người của Hồng Hà* (xb 1976), *Tên Của Chủ Tịch Hồ Chí Minh Và Cuộc Hành Trình Vĩ Đại Của Người* của Thế Tập và Thành Nam (xb 1980), *Những Tên Họ Biệt Hiệu Bút Danh Của Bác Hồ Trước Cách Mạng Tháng Tám* của Lê Khánh Soa (xb 1981), *50 Năm Viết Báo Và Làm Báo Của Bác Hồ* trong nhật báo Nhân Dân (xb 1985), *Sự Nghiệp Báo Chí Của Chủ Tịch Hồ Chí Minh* của Nguyễn Thành (xb 1988), ...

(7) Tựa đề này do chính tác giả dịch sang Anh ngữ. Tác phẩm được viết bằng Nga ngữ, do Center of Vietnamese Studies xuất bản tại Mạc-tư-khoa, năm 1993.

(8) Đây chỉ là những niên đại tương đối vì với một nhân vật Cộng Sản Quốc Tế như Hồ Chí Minh — ủy viên Bộ Đông Phương, trực tiếp phụ trách Vụ Phương Nam Á Châu thuộc Ban Chấp Hành Đệ Tam Quốc Tế, có hưởng sinh hoạt phí bắt đầu từ năm 1923/24 — thì bảo đảm hành tung bí mật là mối ưu tư hàng đầu của họ. Hồ Chí Minh đã tận dụng mọi kỹ thuật nhà nghề để che dấu hành tung nên chỉ có thời gian mới làm mất đi những xung động tình cảm, những che dấu cho cá nhân và tổ chức ... để chúng ta có được sự thật về người và việc trong lịch sử Việt Nam hiện đại. Thời điểm ấy, tiếc thay vẫn còn chưa đến đối với chúng ta ngày nay.

(9) NGUYỄN THẾ ANH, Hành Trình Chính Trị Của Hồ Chí Minh trong *Hồ Chí Minh, Sự Thật Về Thân Thế và Sự Nghiệp*, Paris, nxb Nam Á, 1990, trang 32.

(10) Một tác phẩm mới nhất tựa đề *Hồ Chí Minh Tại Trung Quốc* của TƯỞNG VĨNH KÍNH do THƯỢNG HUYỀN dịch (California, nxb Văn Nghệ, 1999, trang 13) có nêu thêm hai bí danh Lão Trần và Thu Đại Gia của Hồ Chí Minh trong thời gian nhân vật này ở Trung Quốc,

(11) Xin xem bài của LÊ VĂN TIẾN, Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh) Đã Xin Pháp Giúp Đỡ Tiến Thân Và Bảo Hiếu trong *Thế Kỷ 21* số 116 (tháng 12-1998), trang 45-54.

> Văn chương mà không phải là hơi thở của xã hội đương thời, không dám loan truyền những đau thương sợ hãi của xã hội ấy, không kịp thời cảnh cáo những nguy hiểm đang đe dọa xã hội và đạo đức - thứ văn chương như vậy không đáng gọi tên là văn chương; nó chỉ là cái mã bên ngoài. Thứ văn chương ấy đánh mất lòng tin của quần chúng, và các tác phẩm xuất bản được dùng làm giấy lộn thay vì được đọc.
>
> **A. Solzhenitsyn**

NGHỆ THUẬT PHỔ THƠ VÀO NHẠC

PHẠM QUANG TUẤN

Trong bài này tôi xin nói về nghệ thuật phổ nhạc bằng cách phân tích một số những bài ca của Phạm Duy. Lựa toàn nhạc Phạm Duy vì tôi nghĩ rằng trong các nhạc sĩ nổi tiếng của Việt Nam không ai hơn được ông về nghệ thuật này. Không phải là bài nào của Phạm Duy phổ cũng hay, cũng không phải bài nào nổi tiếng của ông cũng hay, nhưng ông biết cách dùng đủ mọi kỹ thuật một cách rất lão luyện và những bài hay nhất của ông thì chưa ai hơn được. Tôi sẽ đưa ra những bài rất tương phản về cảm xúc cũng như kỹ thuật, để minh họa điểm này.

Khi nói về thơ phổ nhạc, và về nhạc Việt Nam nói chung, người ta thường chú trọng nhiều hơn đến sự gợi cảm của lời ca. Đây là do quan niệm thông thường của người Việt về âm nhạc, như một tác giả VN đã nói: *"Âm nhạc là một nghệ thuật dựa trên hai yếu tố căn bản: vô ngôn và trực nhận. Âm nhạc đến hoặc không đến với chúng ta. Chúng ta cảm hoặc không cảm một bản nhạc. Với âm nhạc, không có vấn đề: hiểu hoặc không hiểu. Vì âm nhạc không cần lý luận, dẫn giải..."* Theo tôi, đây là một quan niệm sai lầm, và trong bài này tôi sẽ nhấn mạnh về khía cạnh nhạc hơn là lời.

Kỷ Vật Cho Em
Phạm Duy
theo thơ Linh Phương

Em hỏi anh, em hỏi anh, bao giờ trở lại?
Xin trả lời, xin trả lời, mai mốt anh về
Anh trở lại, có thể bằng chiến thắng Pleime
Hay Đức Cơ, Đồng Xoài, Bình Giã
Anh trở về. anh trở về, hàng cây nghiêng ngả
Anh trở về có khi là hòm gỗ cài hoa
Anh trở về trên chiếc băng ca
Trên trực thăng sơn màu tang trắng.

Thoạt nghe qua và nhìn vào nhạc, khó có thể thấy là nhạc bài này hay ở chỗ nào. Nhưng không thể quên được cái tác dụng mà nó gây vào thính giả miền Nam trong thời chiến. Phạm Duy kể là mỗi lần nó chơi ở phòng trà là như có "riot." Tôi còn nhớ khi ở New Zealand bọn du học sinh chúng tôi được nghe băng này, đứa nào cũng bàng hoàng. Thậm chí có người ở miền Nam đã cho rằng bài này là một trong những lý do làm miền Nam thua!

Tại sao bản nhạc này lại có một tác dụng mãnh liệt như thế? Đành rằng lời cũng có ảnh hưởng phần nào, nhưng những lời phản chiến cay đắng như vậy ở miền Nam ngày xưa không phải là quá hiếm.

Nhìn vào melody thì thấy rất giản dị, không có những hợp âm, modulation cầu kỳ. Lại dùng thể major và mới vào những notes đầu đã theo y hợp âm major tonic (Do, Mi, Sol): *"Em hỏi anh, em hỏi anh, bao giờ trở lại?"* đáng lẽ phải dành cho những bản vui tươi dễ dãi! Tiết tấu cũng không có gì rắc rối cầu kỳ, tuy có một nhịp chỏi (syncopation). Nói tóm lại, về phương diện nhạc lý, cấu trúc, khó giải thích được tác dụng của bài nhạc.

Theo tôi, tác dụng này chính là ở cái tiết tấu và âm giai vô cùng giản dị nhưng mạnh mẽ đó. Câu đầu dùng có bốn notes (sol cao, mi, do, sol thấp) (tôi dùng ký âm solfege tức là Do = tonic) mà trải một octave, gây một cảm tưởng trực tiếp, không cầu kỳ, đánh mạnh vào xúc cảm của người nghe. Cái này kết hợp với tiết tấu cũng giản dị mạnh mẽ để đi thẳng vào lòng người.

Tiếp tục bản nhạc, giai điệu cứ tiếp tục cái kiểu cứng cỏi giản dị đó, nhảy từng quãng (intervals) lớn, nhiều lúc thoạt nghe thấy vụng về khó chịu, nhưng nghĩ kỹ thì mới thấy là đây là cái "vụng về cố ý" rất sâu sắc của một bực thày. Nó lại đi rất sát với lời, vì lời bài thơ

cũng không cầu kỳ mà dùng toàn những chữ giản dị, nôm na, cứng, mạnh để đập thẳng vào emotion của người nghe: *"Anh trở về, hòm gỗ cài hoa..."*

Nhạc này thời đó chơi theo kiểu rock của Mỹ, với tiếng percussion mạnh mẽ, cùng với giọng hát rất truyền cảm của Thái Thanh, rất thích hợp với điệu nhạc.

Thuyền Viễn Xứ
Phạm Duy
theo thơ Huyền Chi

Chiều nay sương khói lên khơi
Thùy dương nũ sóng tơi bời
Làn mây hồng xa ráng trời
Bến Đà Giang, thuyền qua xứ người...

Bài này, so với Kỷ Vật Cho Em, thì quả là tương phản đủ mọi mặt nhưng cũng đạt một đỉnh nghệ thuật còn cao hơn nữa. Một bài thì dồn dập, "vụng về," thô bạo, một bài thì êm dịu, tinh vi. Cái tính cực kỳ đa dạng (diversity) này của Phạm Duy chưa có nhạc sĩ Việt Nam nào bén gót. Để biểu diễn một tình cảm nostalgia êm nhẹ, Phạm Duy dùng một tiết tấu nhẹ nhàng và một giai điệu rất êm. Ông cho vào những accidentals như Mi ở chữ thứ ba ("sương") (thay vì Mi thứ của thể minor), Sol flat ở chữ thứ năm ("lên"), gây ra những bán cung ẩn (implied) hoặc hiện để làm tăng vẻ bàng bạc êm dịu đó. Cấu trúc của giòng nhạc là một cấu trúc rất cổ điển, rất đẹp, bốn câu đầu uyển chuyển đi lên từ từ rồi rút xuống. Cái dáng (melodic contour) này được nhắc lại và nhấn mạnh thêm ở bốn câu sau, nghĩa là đi lên cao hơn, mạnh hơn trước khi lại rút xuống, như sóng thủy triều hay sóng trong lòng người nhớ quê hương:

Thuyền ơi viễn xứ xa xưa
Một lần qua giạt bến lau thưa
Hò ơi giọng hát thiên thu
Suối nguồn xa vắng, chiều mưa ngàn về

Sang đoạn sau, cái contour này lại mạnh hơn nữa khi giòng nhạc lên cao vút và đổi qua major:

Nhìn về đường cố lý, cố lý xa xôi
Đời nhịp sầu lỡ bước, bước hoang mang rồi
Quay lại hướng làng
Đà Giang lệ ướt nồng

và cuối cùng dừng lại ở âm Do cao:
Mẹ già ngồi im bóng
Mái tóc sương mong con bạc lòng

trước khi trầm lắng xuống và trở về giai điệu đầu tiên:

Chiều nay gửi tới quê xưa
Biết là bao thương nhớ cho vừa
Trời cao chìm rơi xuống đời
Biết là bao sầu trên xứ người
Mịt mờ sương khói dâng hương
Lũ thùy dương rũ bóng ven sông
Chiều nay trên bến muôn phương
Có thuyền viễn xứ nhổ neo lên đường... (1)

Ngậm Ngùi
Phạm Duy
Thơ Huy Cận

Nếu hai bài *Kỷ Vật Cho Em* và *Thuyền Viễn Xứ* tương phản nhau về cách dùng âm điệu (một bài cố ý vụng về, một bài khéo léo uyển chuyển), thì hai bài *Ngậm Ngùi* và *Nụ Tầm Xuân* tương phản nhau về kỹ thuật xử dụng tiết tấu, một bài giản dị, một bài phức tạp.

Ngậm Ngùi là một bài thơ lục bát, một thể thơ rất đều đặn, mỗi câu kết thúc với một vần bằng (thực ra câu bát kết thúc bằng hai vần bằng ở chữ sáu và tám). Trong tiếng Việt, vần bằng là những âm đơn cung (monotone), không lên xuống, gây một cảm tưởng yên tĩnh, nghỉ ngơi. Âm ngang là đơn cung cao, âm huyền là đơn cung thấp.

Vần trắc trái lại là những âm chuyển động, đi từ tone này qua tone khác như sắc, hỏi, ngã, hoặc bị chặn trong họng như nặng, hoặc chặn ở hàm, lưỡi, môi như át, áp...

Trong âm nhạc, tính yên tĩnh nghỉ ngơi của vần bằng được thể hiện bằng chủ âm (tonic) của âm giai, mà ta gọi là "Do" trong solfege. Đi về chủ âm, nhất là nếu có hợp âm chủ (tonic chord) nâng đỡ, là cảm thấy như thuyền đã về tới bến. Lục bát có một âm điệu rất dễ dãi đối với người hay đòi hỏi, rất khoái tai đối với người dễ tính, là vì nó có tới ba vần bằng trong mỗi hai câu (cộng với tiết tấu chẵn đều đặn) 1 2, 1 2, 1 2...

Nhạc của bài Ngậm Ngùi là một trong những bản thơ phổ nhạc giản dị nhất của Phạm Duy. Có thể nói là tất cả những đặc tính dễ dãi của lục bát được dịch sát ra âm nhạc. Nguyên đoạn đầu, mỗi câu kết thúc bằng một chủ âm (huyền = Do thấp, ngang = Do cao):

Nắng chia nửa bãi chiều rồi (Do thấp)
Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá rầu (Do thấp)
Sợi buồn con nhện giăng mau (Do cao)
Em ơi hãy ngủ anh hầu quạt đây (Do cao).

Nhịp cũng đều đều giữ nguyên tính cách ru ngủ của thơ lục bát, không thêm bớt vần nào.

Vì chung thủy với thơ như vậy, nên hát lên nghe gần như là đọc thơ - ĐỌC chứ không phải là NGÂM, vì khi ngâm người ta ngân nga ra thành những âm điệu phức tạp hơn. Có lẽ nhạc bài *Ngậm Ngùi* vô cùng ăn khách ở cái lục bát tính đó.

Vào đoạn giữa, sự đều đặn được giảm bớt nhờ chuyển giọng (modulate) sang âm giai Fa.

Lòng anh mở với quạt này
Trăm con chim mộng về bay đầu giường.

Tiết tấu 3+3 của câu lục (mà ta thỉnh thoảng thấy trong lục bát, kiểu như "khi chén rượu, khi cuộc cờ") được dịch y nguyên ra nhạc: *Ngủ đi em - mộng bình thường...* (1 2 3, 1 2 3)

Ngủ đi em - mộng bình thường...
Ru em sẵn tiếng, thùy dương đôi bờ
Ngủ đi em, ngủ đi em.

Kết thúc bài là những cung của hợp âm Do thứ để gợi một cảm giác lâng lâng, uể oải:

Tay anh em hãy tựa đầu
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi.

Về giai điệu, câu kết rất cân đối với câu đầu, vì câu đầu làm bằng những cung của hợp âm Do major.

Cũng xin nói là theo ý tôi, không phải bài nào của Phạm Duy hay của các nhạc sĩ khác mà theo sát lời cũng thành công như *Ngậm Ngùi*. Quá nhiều bài (kể cả nhiều bài rất nổi tiếng, xin miễn kể ra đây) có khuynh hướng lên xuống lung tung theo những dấu ngang sắc huyền hỏi ngã nặng của lời, và do đó nghe chỉ như một kiểu ngâm thơ tân thời, kém nhạc tính, vì không áp dụng những quy tắc mỹ thuật của âm nhạc. Đây là một vấn đề chung trong việc phổ nhạc thơ Việt Nam mà tôi sẽ nói tới sau. (2)

Nụ Tầm Xuân
Ca dao

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân...

Hai câu đầu cũng lục bát, nhưng cách phổ nhạc khác hẳn Ngậm Ngùi. Thay vì theo sát tiết tấu và âm điệu của thể thơ, Phạm Duy tận dụng những kỹ thuật của dân ca Việt Nam mà ông rất rành, biến đổi tiết tấu bằng nhiều cách:

*** Láy và lót:** chỉ hai chữ "trèo lên" mà thành 10 vần:

Trèo lên, lên trèo lên
Trèo lên, lên trèo lên

Tuy láy đi láy lại, nhưng không tẻ chút nào, vì giai điệu cũng "trèo lên" theo lời, trong mười vần đó đã lên gần hai octaves.

*** Melisma:** một chữ mà kéo dài và uốn éo lên xuống qua nhiều cung:

Lên cây bưởi - i - í - i hái - i - í - i hoa

Câu bát cũng dùng những kỹ thuật đó:

Bước ra ra vườn cà
Bước ra ra vườn cà
Hái - í nụ - ù - u - ú tầm - ừ - ư ứ xuân...

Sang những đoạn sau, tiết tấu chậm dần và trở thành ngân nga

Sao anh không hỏi
Sao anh không hỏi
Những ngày em còn không?

Rồi bỗng trở lại nhịp nhàng

Giờ đây đây giờ đây
Giờ đây đây giờ đây
Đây em đã - a - á - a có - o - ó - o chồng

v.v...

Những cách lót, láy và melisma này Phạm Duy còn dùng trong nhiều bài dân ca khác như *Đố Ai:*

Đố ai biết lúa - ơ ớ ơ ờ lúa mấy-ơ cây
Biết sông, biết sông mấy khúc ơ ớ ơ ơ ơ biết mây...

v.v...

Đó là về tiết tấu. Về âm giai, bài này dùng ngũ cung để hợp với dân ca, nhưng có chút nào âm điệu Tây phương vì xử dụng nhiều những cung của hợp âm trưởng (Do major). Cách đi lên trong câu lục *Trèo lên, lên trèo lên* rất giản dị mạnh mẽ và dễ nghe: dùng quãng 5 (fifth interval) của Do (Do - Sol), rồi quãng 5 của Fa (Fa - Do), rồi quãng 5 của Sol (Sol - Re), rồi quãng 5 của Do. Những người biết nhạc lý sẽ thấy ngay rằng quãng 5 là "hợp âm" căn bản nhất trong mọi loại nhạc, (nó là harmonic đầu tiên sau octave) và Fa - Do - Sol - Re là tứ cung căn bản của dân nhạc, lập bằng một chuỗi quãng năm. Nó làm cho âm điệu câu này được một vẻ rất mạnh và sáng sủa, trước khi "resolve" bằng một câu có giai điệu rất êm ái (dùng quãng hai và ba): *Lên cây bưởi ơ ớ ơ hài ơ ớ ơ hoa ...*

Sự tương phản từ mạnh mẽ sang êm ái này được các ca sĩ giỏi khai thác rất công hiệu, đang crescendo bỗng chuyển sang piano - grazioso.

Sau khi cho ta "leo cây" ở câu lục, câu bát kéo ta đi xuống, nhưng thay vì về Do thấp (tonic), bỗng chuyển hệ sang La (relative

minor).

Hái - í nụ - ù - u - ú tầm - ừ - ư ứ xuân...

Lối chuyển hệ (metabole) này cũng là một kỹ thuật dùng trong những bài dân ca để gây một sự bất ngờ, kịch tính (dramatic).

Nói tóm lại, Phạm Duy đã tận dụng những kỹ thuật của dân ca như láy, lót, melisma và metabole để xây một bản "dân ca mới" rất điêu luyện.

Tiếng Sáo Thiên Thai
Phạm Duy
thơ Thế Lữ

Ánh xuân lướt cỏ xuân tươi
Bên rừng thổi sáo một hai Kim đồng
Tiếng đưa hiu hắt bên lòng
Buồn ơi xa vắng mênh mông là buồn...

Lại một bài lục bát. Nhưng lối phổ nhạc của Phạm Duy trong bài này hoàn toàn khác hẳn *Ngậm Ngùi* hay *Nụ Tầm Xuân*, đến độ khó tưởng tượng là ba bài cùng một người làm ra!

Về ý thơ, có một sự vừa tương phản vừa hòa hợp giữa cái vui của cảnh "xuân tươi, tiên đồng" với cái buồn buồn của thi sĩ nhớ thiên thai không bao giờ tìm lại được. Sự đối xứng này sẽ được nhạc sĩ diễn tả bằng sự tương phản giữa nhạc đoạn A và đoạn B (mà ta hay gọi là "điệp khúc").

Phạm Duy viết bài này cho cặp song ca Thái Thanh - Thái Hằng, nên nhạc có hai bè quan trọng ngang nhau. Ngoài ra ông còn viết nhạc đệm để nối tiếp các câu, phần đệm này gắn rất chặt chẽ với điệu chính, không thể tách rời. Phạm Duy nói là trong bài này ông đã bắt thơ phải theo nhạc, tức là đặt quy tắc nhạc lên trên thơ, và kết quả là một bản nhạc dìu dặt nghe không thể biết được là thơ phổ nhạc.

Bốn câu lục bát trên của Thế Lữ được xào xáo, sắp đặt lại để cho một âm điệu thích hợp:

Xuân tươi
Êm êm ánh xuân nồng
Nâng niu sáo bên rừng
Dăm ba chú Kim đồng
La lá la là
La la la la la la la
La la la la la la la
Hò xang xê tiếng sáo
Nhẹ nhàng lướt cỏ nắng
Nhạc lòng đưa hiu hắt
Và buồn xa, buồn vắng
Mênh mông là buồn...

Tuy lời lẽ khác hẳn, nhưng đọc kỹ thì lạ thay, tất cả các từ trong nguyên bản cũng đều nằm trong bài ca gần như không thiếu chữ nào! Thêm một vài chữ lót, đệm như *"nâng niu," "hò xàng xê," "êm êm"* không thay đổi gì không khí của thơ. Tuy sắp đặt lại, lời vẫn hoàn toàn tự nhiên không gượng ép.

Đoạn hai tiếp tục theo kiểu đó:

Tiên Nga
Buông lơi tóc bên nguồn
Hiu hiu lũ cây tùng
Ru ru tiếng trên cồn
La lá la là
La la la la la la la
La la la la la la la
Hò ơi, làn mây ơi
Ngập ngừng sau đèo vắng
Nhìn mình cây nhuộm nắng
Và chiều như chìm lắng
Bóng chiều không đi...

Thật là một kiểu phổ thơ rất độc đáo. Bây giờ ta hãy nhìn vào nét nhạc. PD dùng nhịp Tango, nhưng một thứ tango rất đặc sắc, đã biến đổi theo cách của ông. Nhịp Tango thường rất nặng nay được làm nhẹ đi bằng những triplets tuôn ra liên miên bất tuyệt như những đợt sóng không bao giờ ngừng (đây ta phải kể cả nhạc đệm *"la la la"* là một phần không thể tách rời của điệu nhạc). Tổng cộng gần 60 vần nối tiếp nhau! Không có bản nhạc Việt Nam nào khác viết theo kiểu như vậy, tuy kỹ thuật này dùng nhiều trong nhạc cổ điển Tây phương.

Về giai điệu (melody) Phạm Duy cũng xử dụng một kỹ thuật thường dùng nhạc cổ điển Tây phương là đi từ một motif (câu ngắn, ý nhạc nhỏ) mà khai triển ra. Motif này gồm năm vần, và cách lên xuống của nó được thấy rõ nếu ta dùng những dấu tiếng Việt (bỏ hai chữ đầu):

Ngang ngang sắc ngang huyền
Ngang ngang sắc ngang huyền
Ngang ngang sắc ngang huyền

Mỗi lần láy lại motif, thì thay đổi lên xuống một chút. Đoạn hai hơi thay đổi motif:

Nặng huyền sắc huyền sắc
Nặng huyền ngang huyền sắc
Huyền huyền ngang huyền sắc

Người hát hay phải biết đưa vào một tương phản nào đó để cho những câu láy trở thành hấp dẫn; chẳng hạn, họ có thể thay đổi dynamics hay ngắt hơi (staccato) ở cuối hai lần đầu, và ngân dài ở lần cuối:

Buông lơi tóc bên nguồn (NGẮT)
Hiu hiu lũ cây tùng (NGẮT)
Ru ru tiếng trên cồn (NGÂN)

Xử dụng một motif ngắn như vậy làm bản nhạc dễ cảm nhận, nhưng muốn thực sự hay thì phải có một cái "melodic contour" (hình dáng lớn của giai điệu) đẹp để làm sườn, trên đó đặt motif như những viên gạch. Melodic contour đoạn đầu bài này khởi từ trên cao, đi xuống từng đợt, tới đáy ở chữ "kim đồng," rồi từ từ đi lên trở lại. Hình thể như chữ U hay như thung lũng. Cái contour này được nhắc lại một lần nữa trước khi đi vào đoạn giữa.

Hiệu quả của cấu trúc này là một điệu nhạc rất vui tươi, rất dễ cảm nhận, nhưng cũng rất mỹ thuật ở quy mô lớn và nhỏ. Ngoài ra cũng nên nhận thấy là đi qua gần 120 notes nhạc rồi mới nghỉ ở chủ âm, khác với *Ngậm Ngùi* cứ sáu hay tám chữ là về chủ âm. Sự dè sẻn chủ âm này làm cho ý nhạc chuyển động không ngừng.

Sang đoạn giữa (B), Phạm Duy tạo ra một sự tương phản tuyệt đẹp không những về tiết tấu (từ liên tục đổi thành chậm rãi, ngắt quãng), mà còn bằng cách chuyển vào âm giai thứ của cung bậc 3, tức là từ Do major chuyển qua Mi minor. Đây là một modulation rất đặc biệt (phần lớn nhạc sĩ khác sẽ chuyển qua Do minor hoặc La minor chứ không nghĩ tới chuyển qua Mi minor), nó cho điệu nhạc lúc này một màu sắc bất ngờ, độc đáo, mơ hồ, lâng lâng, buồn buồn... nói tóm lại là rất hợp với lời:

Trời cao xanh ngắt, xanh ngắt
Ô ô ô kìa
Hai con hạc trắng
Bay về nơi nao?

Sự tương phản với đoạn A được nhấn mạnh bằng những melisma (uốn éo giọng) và appoggiatura rất duyên dáng, uyển chuyển trong những chữ "Ô," "hạc," "trắng," "bay," "về"...

Sau khi củng cố giọng Mi thứ bằng những hoà âm thường lệ (La thứ, Si 7, Mi thứ), nhạc chuyển qua relative major (Sol trưởng) rồi dùng những dominant progressions (hợp âm Mi — La — Re — Sol — Do nối tiếp nhau từng quãng 4) rất tự nhiên, hợp lý và cổ điển để trở lại giọng Do cũ:

Trời cao xanh ngắt,
Ố ô ô kìa
Ố ô ô kìa
Hai con hạc trắng
Bay về về Bồng Lai...

Những modulations và chord progression liên miên này làm màu sắc nhạc trong đoạn B thay đổi không ngừng, khiến người nghe có cảm tưởng như đi qua một "cầu vồng âm thanh" (rainbow of sound) khó tìm thấy trong bản nhạc Việt Nam nào khác. Điều kỳ diệu và lý thú là trong đoạn A, sự chuyển động (movement) của nhạc nằm ở bề mặt, ở tiết tấu rộn rã, còn sang đoạn B, sự chuyển động này "lặn" xuống chiều sâu của hoà âm, còn bề mặt tiết tấu thì trở thành phẳng lặng.

Trong khi bài *Tiếng Sáo Thiên Thai* chú trọng đến âm điệu để quyến rũ lòng người, bài *Pháp Thân* sau đây chú trọng đến việc dùng âm điệu, nhất là hòa âm, để diễn tả ý tưởng. Có thể gọi đây là nhạc biểu tượng (symbolistic music). Phạm Thiên Thư, cũng như Phạm Duy, nổi tiếng nhất trong quần chúng là nhờ những bài tình ca như *Ngày Xưa Hoàng Thị*, nhưng về giá trị nghệ thuật thì phải kể đến những bài Đạo Ca của hai tác giả này.

Pháp Thân
(Đạo Ca 1)
Thơ Phạm Thiên Thư
Phạm Duy phổ nhạc

Theo tôi, Mười Bài Đạo Ca là một trong hai tác phẩm hay nhất của Phạm Duy (tác phẩm kia là trường ca Mẹ Việt Nam), mà cũng là của nền tân nhạc Việt Nam nói chung. Trong đoạn này tôi không dùng ký âm solfege, mà dùng ký âm Việt: Do = C, v.v. Đoạn này dựa theo hai nhà nhạc học Etienne Gauthier và Hoàng Ngọc Tuấn. Vì bài đã khá dài nên chỉ nói về Đạo Ca 1 (*Pháp Thân*) mà thôi.

Đạo ca là thơ của Phạm Thiên Thư, một thầy tu kiêm thi sĩ (hoặc thi sĩ đội lốt thầy tu), do Phạm Duy phổ nhạc. Chữ "Đạo" không có nghĩa là tôn giáo, mà có nghĩa là con đường. Tuy nhiên Đạo không phải chỉ có nghĩa là con đường của Lão. Ý nghĩa chữ Đạo đã rõ ràng trong toàn thể mười bài Đạo Ca và thâu tóm trong bài một: *mình với ta tuy hai mà một,* thì tại sao còn phân biệt Lão với Phật?

Đạo Ca không phải là một bài học triết lý. Đã rất nhiều tác phẩm văn học nói về những ý tưởng trong Đạo Ca một cách sâu sắc hơn. Cái đặc biệt của Đạo Ca là sự cộng tác mật thiết giữa hai tác giả, đưa đến một sự đồng nhất chưa từng có giữa thơ và nhạc. Về nhạc lý, điểm đặc sắc nhất của Đạo Ca là trong vài bài

nhạc sĩ đã xây dựng toàn bản nhạc căn cứ từ hòa âm (harmony) chứ không phải là từ sự ngân nga câu thơ như lối làm nhạc của hầu hết các nhạc sĩ Việt Nam, ngày xưa cũng như bây giờ. (3)

Đạo ca 1: PHÁP THÂN
Xưa em là kiếp chim
Chết mục trên đường nhỏ
Anh làm cội băng mai,
để tang em, chờ mấy thuở

Phạm Thiên Thư/Phạm Duy đặt tên tựa cho Đạo Ca là "Trong thành vách sương mù" - một người đi tìm sự thật, để thoát ra khỏi đám sương mù tối ám.

Sự thật có thể ở rất gần ta nhưng ta không thấy. Bài ca khởi đầu ở Sol trưởng, nhưng ngay cuối câu đầu đã xuất hiện nốt Mi giảm nghe là lạ - giọng Do thứ chăng? Trở lại Sol trưởng, nhưng rồi lại hiện ra một cung Si giảm không thuộc thể trưởng. Câu nhạc nghe khúc khuỷu, lần mò, sờ soạn, nhiều lần như muốn đổi mà lại trở về chỗ cũ, chân lý như sát gần nhưng rồi lại xa vời:

Xưa em làm kiếp lá,
Rụng xuống lòng suối thu
Anh làm mưa tháng bẩy,
Đôi hàng lệ ướt tương tư
Xưa em làm kiếp hoa,
Chết rũ trong nội cỏ
Anh làm giọt sương sa,
Sầu thương em, lệ anh nhỏ
Xưa em làm kiếp gió
Hay có làm kiếp mây
Anh làm chim chích choè,
Trên đầu gậy, anh hát ca...

Nhưng rồi, bỗng như một tia mặt trời lóe sáng, "thành vách sương mù" rẽ ra và chân lý huy hoàng hiện ra trong giọng Mi giảm trưởng, đầy vẻ hân hoan:

A ha, ta tuy hai mà một!
A ha, ta tuy một mà hai!
A ha, ta tuy hai mà một!
A ha, ta tuy một mà hai...

... một giọng Mi giảm thật bất ngờ mà cũng thật hợp lý, thật xa lạ mà cũng thật gần gũi (vì từ hợp âm Sol trưởng tới hợp âm Mi giảm chỉ đổi có hai bán cung). Chân lý ở ngay cạnh ta mà ta không biết!

Nhạc sĩ Hoàng Ngọc Tuấn phê bình rằng sự xử dụng hoà âm một cách hợp lý để xây dựng bản nhạc này đã khiến cho nó xứng đáng được coi là tột đỉnh của âm nhạc VN trước 1975.

Thu Ca Điệu Ru Đơn
Thơ Verlaine
Phạm Duy dịch và phổ nhạc

Trong hai bài về thu mà Phạm Duy dịch từ thơ Pháp, (*) bài Mùa Thu Chết ("Ta hái đi một cụm hoa thạch thảo..." ăn khách hơn nhiều vì âm điệu dễ nghe hơn, và có lẽ cũng vì có ta với em ở trong, còn Thu Ca Điệu Ru Đơn thì rất đơn độc! Nhưng về giá trị âm nhạc thì Thu Ca cao hơn Mùa Thu Chết.

Thu Ca không phải là một bài thơ phổ nhạc theo nghĩa thông thường vì lời được phỏng dịch từ tiếng Pháp. Tuy nhiên tôi cũng nói về nó ở đây vì Phạm Duy đã rất xuất sắc trong việc diễn đạt những ý tưởng, cảm xúc của nguyên bản:

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon coeur
D'une langueur
Monotone...

Bài thơ của Verlaine rất nhiều ấn tượng, ông gợi lên những tiếng vĩ cầm lê thê, nức nở, làm ta có thể tưởng tượng cả những tiếng mã vĩ cọ sát dây đàn khi tấu lên mỗi nốt nhạc. Nhạc của Phạm Duy đã diễn dịch những ấn tượng đó thành nhạc rất thành công.

Đoạn đầu (A) đi vào với một điệu nhạc chậm rãi, mềm dẻo, lướt dài như tiếng vĩ cầm một cách uể oải và lê thê trong thể minor (hay đúng hơn là một thể ngũ cung):

Mùa thu ...
Nức nở
...Tiếng thở ...
dài ...
Tiếng vĩ cầm
Buồn ơi
Mùa thu ơi...

Sang đoạn B, tiếng "sanglots" của vĩ cầm được diễn tả rất tuyệt diệu với những âm Fa (tôi trở lại dùng ký âm solfege, tức là bực 4 của chủ âm) rất trầm:

Nghẹn ngào
Tê tái ...
Nghẹn ngào
Tê tái ...
Khi giờ
Đã điểm

Câu nhạc ngắn, như những tiếng nghẹn, và khô, chỉ dùng bực 1, 5 và 8 của âm giai Fa, rồi transpose cái motif đó lên Si flat, một hợp âm nghe hơi chướng, để diễn tả sự nghẹn ngào tức tưởi trong cổ họng. Motif rất ngắn (hai nốt nhạc) đó láy nhiều lần, lên dần, rồi không được hóa giải (resolve) về chủ âm mà lơ lửng ở cung Re (bậc 2) để diễn tả tâm thần hoang mang bất định của thi sĩ.

Và ta khóc lóc...
Và ta khóc lóc...

Sang đoạn C, người thi sĩ đi lang thang trong ngọn gió:

Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
De ca, de là
Pareil à la
Feuille morte ...
Ta đi
Rồi ta đi
Theo ngọn gió
Ta đi
Ta đi
Theo ngọn gió xấu
Cuốn ta đi
Trôi dạt
Đây đó
Như chiếc lá
Mùa thu
Lá chết vàng khô...

Cũng những câu nhạc rất ngắn, chỉ hai tới bốn tiếng, như những chiếc lá khô thoáng bay lả tả trong gió. Cũng như đoạn hai, không có sự hóa giải về chủ âm, mà nét nhạc kết thúc lơ lửng ở Sol (bực 5).

Từ những tiếng nỉ non kể lể có tính cách hơi cải lương của Đặng Thế Phong trong *Giọt Mưa Thu* tới khúc nhạc đầy ấn tượng của *Thu Ca Điệu Ru Đơn*, nhạc về Thu của Việt Nam đã tiến một bước rất dài. Nhạc thương mại gần đây không có bài nào tiếp nối, thậm chí bén gót *Thu Ca* mà trái lại, có vẻ quay trở lại cái nỉ non dễ dãi thời xa xưa. (4)

Kết Luận

Qua những bài thơ phổ nhạc vừa kể, tôi đã cố gắng minh họa những kỹ thuật phổ nhạc Việt Nam của một bực thầy rất đa dạng về môn này.

Từ giản dị (*Ngậm Ngùi*) đến cầu kỳ (*Nụ Tầm Xuân*), từ "cố ý vụng về" (*Kỷ Vật Cho Em*) tới tinh vi (*Thuyền Viễn Xứ*), từ âm điệu dân nhạc Việt Nam (NTX) tới âm điệu Tây phương (*Tiếng Sáo Thiên Thai*), từ cách dùng tiết tấu (NTX, TSTT, Thu Ca) tới cách dùng giai điệu (TVX) tới cách dùng hòa âm (TSTT, Pháp Thân), từ giữ nguyên bản (NN) tới sắp đặt hẳn lại lời thơ (TSTT), không có khía cạnh nào của kỹ thuật phổ nhạc mà Phạm Duy không có tài xử dụng một cách lão luyện.

Phổ nhạc thơ Việt Nam rất dễ mà cũng rất khó. Dễ, là vì tiếng Việt có dấu, âm điệu bằng trắc êm ái của thơ tự nó đã gợi ra điệu nhạc uốn éo đi lên đi xuống. Chỉ cần nghe những điệu "hò Huế" thì đủ thấy là lời thơ dễ ảnh hưởng lên nhạc chừng nào. Khó, là vì chính những dấu đó cầm tù người viết nhạc, khiến trí tưởng tượng âm nhạc của họ như bị xiềng xích, mất phóng khoáng, để những âm điệu của thơ trói buộc những quy luật mỹ thuật của âm nhạc.

Vì vậy rất dễ làm một bài thơ VN phổ nhạc tầm thường. Bất cứ ai biết một, hai âm giai (trưởng, thứ hay ngũ cung) cũng có thể "phổ nhạc" một bài thơ. Phần lớn thơ phổ nhạc VN nằm trong loại này. Rất khó làm một bài thơ phổ nhạc xuất sắc, thoát ra ngoài điệu thơ và đem thêm hồn vào thơ như những bài ta đã thấy.

Tựu chung, mục đích của sự phổ nhạc thơ là để tăng cường âm điệu và ý tưởng của thơ. Có hai cái tests ta có thể dùng để xem mục đích đó có đạt được hay không:

1. Người nghe không được cảm thấy đây là bài thơ

2. Nếu biết là thơ, người nghe phải cảm thấy bài ca có cái gì hay hơn bài thơ, và dĩ nhiên là không đi ngược ý bài thơ.

Chú thích:

(*) Thực ra bài *Mùa thu chết* ("Ta hái đi một cụm hoa thạch thảo...") là do Bùi Giáng dịch. (*Thế Kỷ 21*)

1. 2. 4. Bài *Thuyền Viễn Xứ* được tác giả bài viết này phỏng soạn cho guitar tremolo, *Ngậm Ngùi* phỏng soạn cho piano, *Thu Ca Điệu Ru Đơn* phỏng soạn cho classical guitar, xin xem tại địa chỉ web sau đây:

HYPERLINK http://www.geocities.com/Vienna/Choir/2279/music.htm

http://www.geocities.com/Vienna/Choir/2279/music.htm

3. Muốn nghe *Đạo Ca* bằng realaudio xin vào HYPERLINK http://kicon.com/PhamDuy
— http://kicon.com/PhamDuy

CHIÊM THÀNH, VÌ ĐÂU SUY THOÁI?

TRẦN GIA PHỤNG

1. Nước Chiêm Thành

Theo sử Trung Hoa, được các bộ sử Việt trích thuật lại, khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa năm 221 tr.CN, các tỉnh phía nam sông Dương Tử chưa thuộc về Trung Hoa. Năm 214 tr.CN, nhà Tần sai quân chiếm thêm vùng nầy, chia thành ba quận Quế Lâm (Quảng Tây), Nam Hải (Quảng Đông), và Tượng Quận (từ Bắc Việt trở xuống). Nhân lúc Hán Sở tranh hùng, Triệu Đà, một cựu tướng nhà Tần, nổi lên chiếm Nam Hải năm 207 tr.CN, rồi thôn tính Quế Lâm và Tượng Quận, lập ra nước Nam Việt. Năm 111 tr. CN, Hán Võ Đế sai Lộ Bác Đức cầm quân đánh chiếm Nam Việt, lấy đất 3 quận đời Tần chia thành 9 quận, trong đó đất từ Bắc Việt (ngày nay) trở xuống chia làm 3 quận là Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Riêng quận Nhật Nam gồm có 5 huyện là Tây Quyển, Tỵ Cảnh, Châu Ngô, Lư Dung, và Tượng Lâm. Đây là địa bàn lập quốc của người Chàm hay Chiêm Bà (Champa) vào năm 192. Người Trung Hoa gọi nước nầy là nước Lâm Ấp (Lin Yi).(1) *"Nước Lâm Ấp lấy đất Quảng Nam ngày nay làm trung tâm điểm và dựng đô ở Trà Kiệu,"* nhưng từ năm 758, sử Trung Hoa không còn gọi nước nầy là Lâm Ấp mà đổi tên gọi là nước Hoàn Vương (Huan Wang).(2) Không thấy có một giải thích nào cụ thể về việc nầy, và *"người ta không tìm được một danh từ Chàm nào tương đương với Hoàn Vương."*(3) Tài liệu sử Trung Hoa lại đổi tên gọi từ Hoàn Vương ra Chiêm Thành (Champa) vào thế kỷ thứ 9 khi một triều đại mới lên cầm quyền ở Indrapura (Đồng Dương, Quảng Nam). Triều đại nầy do Indravarman II thành lập năm 875. Tên nước "Chiêm Thành" phiên âm từ chữ "Champapura" trong Phạn ngữ, theo đó "Champa" là quốc hiệu, "pura" nghĩa là kinh thành.(4)

Ngày nay có hai thuyết về nước Chiêm Thành. Thuyết thứ nhất do các nhà nghiên cứu Pháp đưa ra từ cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 như A. Bergaigne, E. Aymonier. L. Finot, P. Pelliot. Theo những tác giả nầy, Chiêm Thành là một quốc gia của người Chàm gồm các bình nguyên duyên hải nằm giữa biển Đông và dãy Trường Sơn phía tây, trải dài từ phía nam dãy Hoành Sơn xuống tới Bình Thuận, và giáp Biên Hòa. Thuyết nầy thịnh hành mãi cho đến giữa hạ bán thế kỷ 20.

Vào năm 1975, nhóm nghiên cứu do giáo sư P. B. Lafont đứng đầu đưa ra thuyết thứ nhì. Nhóm nầy thuộc U. A. 1075 Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia Pháp (L'U. A. 1075 du Centre National de la Recherche Scientifique). Nhóm nầy kiểm chứng lại tất cả những tấm bia chữ Phạn (Sanskrit), các tài liệu Trung Hoa, Việt Nam, Cambodia, Chàm, đã đi đến kết luận rằng Chiêm Thành không phải chỉ gồm những bình nguyên duyên hải nhỏ hẹp mà còn gồm cả vùng rừng núi Trường Sơn cũng như các cao nguyên nam Trung phần ngày nay. Cũng theo thuyết nầy, người Chiêm Thành không phải chỉ là người Chàm mà còn gồm những nhóm dân Austronesian (Nam Á) khác như người Jarai, Rhade, Churu, Raglai, Stieng...(5)

Những nhà nghiên cứu nầy đưa ra các bằng chứng cụ thể để minh chứng cho thuyết mới của họ. Trước hết, tấm bia Vat Luang Kau,

tìm thấy gần chùa Vat Phou (Bassac hay Champassak, nam Lào), cho biết vào thế kỷ thứ 5, Chiêm Thành mở rộng đến bờ sông Mekong. Năm 1866, khi thám hiểm dọc theo sông Mekong từ Cambodia đi lên phía bắc để tìm lối thông thương sang Trung Hoa, ngang qua vùng Bassac, đại uý Pháp là Doudart de Lagrée phát hiện rằng dân chúng ở đây vẫn còn nhớ nước Chiêm Thành. (6) Khó có thể biết đích xác biên giới Chiêm Thành kéo dài tới đâu vì biên giới nầy thay đổi theo từng giai đoạn. Những bia đá ở đền Kok Klor trong thung lũng Bla trên miền cao nguyên gần Kontum đề năm 914 liên hệ đến việc một tộc trưởng địa phương là Mahindravarman xây dựng thánh điện phụng thờ thần Mahindra-Lokesvara. Vào đầu thế kỷ 14, quốc vương Jaya Simhavarman III (Chế Mân) xây đền Yang Prong ở lưu vực sông Se San. (7) Đền Yang Mun (gần Cheo Reo) ở lưu vực sông Ba và đền Phú Thọ gần Pleiku được xây dựng vào cuối thế kỷ 14, đầu thế kỷ 15 cho thấy biên giới Chiêm Thành trải rộng đến biên giới Lào ngày nay.

Chẳng những dựa vào các di tích bi ký đền đài, những nhà lập thuyết mới còn chứng minh rằng trong lịch sử Chiêm Thành có nhiều vị vua gốc là những sắc dân miền cao nguyên, ví dụ vua Po Ramo, người sắc tộc Churu, trị vì Chiêm Thành từ 1627 đến 1651, mở đầu một triều đại gồm 14 quốc vương và triều đại nầy kéo dài cho đến 1786. (8) Ngoài ra, mỗi lần Chiêm Thành bị ngoại xâm, các vua Chiêm Thành thường rút lui lên vùng rừng núi mở cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

Như thế, lý thuyết mới về Chiêm Thành không phủ nhận lý thuyết cũ của những nhà nghiên cứu đi trước, mà chỉ bổ túc rằng Chiêm Thành là một nước rộng lớn bao gồm lãnh thổ từ tỉnh Quảng Bình vào đến tỉnh Bình Thuận, và vùng rừng núi Trường Sơn cũng như cao nguyên Nam Trung phần.

Nước Chiêm Thành được các nhà nghiên cứu phân chia như sau:

* Đồng bằng duyên hải:

- *Các bình nguyên phía bắc*: gồm các châu Bố Chính (Hà Tĩnh và bắc Quảng Bình ngày nay), Địa Lý (trung và nam Quảng Bình), Ma Linh (bắc Quảng Trị), châu Ô (nam Quảng Trị và bắc Thừa thiên) và châu Lý hay Ri (Thừa Thiên). Nói cách khác, vùng nầy là vùng Quảng Bình, Quảng Trị, và Thừa Thiên ngày nay.

- *Vùng Amaravati:* tương đương với vùng Quảng Nam và Quảng Ngãi ngày nay, trong đó có kinh đô Đồng Dương (Indrapura) với di tích nổi tiếng ở Mỹ Sơn, Trà Kiệu (Simhapura).

- *Vùng Vijaya:* nằm ở vùng Bình Định ngày nay, với kinh đô Vijaya (Đồ Bàn hay Chà Bàn). Người Chiêm dời đô từ Indrapura xuống Vijaya vào năm 1000.

- *Vùng Kauthara:* tương đương với vùng Khánh Hòa ngày nay. Thánh tích nổi tiếng vùng nầy là đền Po Nagar (Tháp Bà, Nha Trang), thờ thánh mẫu Thiên Y A Na, được xem là bà chúa sáng lập ra nước Chiêm Thành.

- *Vùng Panduranga:* vùng Bình Thuận, Ninh Thuận ngày nay. Hiện còn khá nhiều người Chàm sinh sống tại đây.

* Núi và cao nguyên phía tây:

Gồm dãy Trường Sơn ở phía bắc và các cao nguyên mở rộng ở phía nam như Kontum, Pleiku, Darlac, Lang-Biang (Đà Lạt), và cao nguyên Mnong (Bảo Lộc-Di Linh). Tại các vùng nầy vẫn còn nhiều sắc dân Chiêm Thành sinh sống như Churu, Raglai, Stieng, Rhade, Jarai... (9)

2. Đặc tính Chiêm Thành

Theo thuyết trên đây, nước Chiêm Thành là vùng đất Trung phần Việt Nam ngày nay, từ Hà Tĩnh xuống tới Bình Thuận. Vùng đất nầy có thể chia thành hai phần rõ rệt: từ Hà Tĩnh tới Thừa Thiên, và từ Quảng Nam vào Bình Thuận. Phần trên gồm những bình nguyên hẹp, chạy theo duyên hải, đất đai không được phì nhiêu, hay bị phèn chua; mùa hạ thường bị thủy triều xâm nhập, lại còn bị những dòng sông phát xuất từ Trường Sơn đổ xuống, nhiều ghềnh thác, thường gây lụt lội hằng năm. Khí hậu vùng nầy rất khó chịu, mùa hè gió Lào từ Trường Sơn thổi xuống khô khan nóng bức, mùa đông thường bị bão lụt. Phần thứ nhì, từ Quảng Nam vào Bình Thuận, càng vào nam, bình nguyên càng nở ra, đất đai tốt hơn, khí hậu cũng tương đối dễ chịu hơn. Vùng cao nguyên nam Trung phần dễ sống hơn vùng Trường Sơn ở phía bắc.

Chiêm Thành là một nước đa sắc tộc (multiethnic), gồm những bộ tộc Chàm, Churu, Raglai, Rhade... trong đó quan trọng nhất là nhóm người Chàm sống ở vùng duyên hải. (10) Những sắc tộc nầy lại chia thành

những thị tộc nhỏ sinh sống trong những khu vực khác nhau, và thường đem quân đánh lẫn nhau. Các thị tộc và sắc tộc nầy về sau hợp nhất thành nước Chiêm Thành, nhưng vẫn còn nhiều dị biệt. Do tính chất đa sắc tộc và nhất là do tính chất địa lý địa phương phức tạp nên nước Chiêm Thành không theo hệ thống chính trị trung ương tập quyền. Vua Chiêm Thành đóng đô ở Đồng Dương (Quảng Nam), rồi ở Đồ Bàn (Bình Định), trong khi tại các miền biên viễn, các vùng rừng núi, các bộ tộc tự trị theo từng khu vực sinh sống riêng lẻ.

Người Chiêm Thành theo chế độ mẫu hệ (matriliny), thừa kế theo họ mẹ, nhưng đặc biệt vua lại theo phụ quyền (patriarchy). Quyền nối ngôi vua thì phải theo dòng của cha. (11) Trong hôn nhân, người con gái đến hỏi người con trai làm chồng. Tác giả Georges Maspéro giải thích rằng trong xã hội Chiêm Thành người đàn bà quan trọng hơn người đàn ông. (12) Người Chiêm Thành rất giỏi về nghề biển, và nổi tiếng một thời về cướp biển, đồng thời họ cũng làm ruộng dọc theo bờ biển, và có một hệ thống dẫn thủy khá tốt. (13) Người Chiêm còn khai thác những hương trầm quý hiếm để trao đổi với các nước ngoài. Người Chiêm Thành rất khéo tay, giỏi về thủ công nghiệp như dệt, đan, điêu khắc... Những di tích, đền đài Chiêm Thành nằm rải rác khắp các tỉnh miền Trung Việt Nam cho thấy họ là những nhà kiến trúc đa tài.

Văn hóa Ấn Độ truyền vào Chiêm Thành rất sớm, có thể ngay khi Chiêm Thành mới lập quốc. Ảnh hưởng nầy thấy rõ trong tôn giáo, cấu trúc xã hội, và chữ viết. Người Chiêm Thành theo Ấn Độ giáo (Hinduism) cũng rất sớm, thờ các vị thần chính là Brahma, Vishnu, và Shiva. Trong các đền tháp Chiêm Thành đều có linh tượng của các vị thần nầy.

Sau đó, người Chiêm Thành còn theo Phật giáo và Hồi giáo. Theo lời ghi chú trên một tấm bia tại Đồng Dương, vào năm 875, *"do lòng tin vào Phật, vua đã cho dựng lên một tu viện Phật giáo và đền thờ Laksmindra Lôkesvara*

HỒ TRƯỜNG AN

CHIỀU XUÂN

Rồi những chiều xuân khi nắng phai
Chân mây đồng vọng tiếng ngân dài
Nhạc thời niên thiếu, hồn quê cũ
Tôi thả hồn theo cánh én bay.

Tôi mở lòng vang theo tiếng chuông
Ngỡ ôm mộng đẹp, níu thiên đường
Để hồn chiều cũ vừa tan giấc
Bóng tối trở về theo áng sương.

Tôi tưởng chừng trong vệt nắng phai
Mênh mông rờn rợn bóng u hoài
Nhìn sau dáng núi xanh màu khói
Còn vọng về tôi tiếng bước ai.

Thôi bóng chiều xuân rồi cũng tan
Cũng như bao ánh sáng huy hoàng
Lòng ai như nấm mồ xanh cỏ
Khép nép thu mình cuối nghĩa trang.

Mong mỏi bừng lên khúc nhạc thiều
Tràn về xua đuổi bóng cô liêu
Để cho đốm lửa trong tro lạnh
Cháy rực ấm hồn xanh vết rêu.

Còn lạnh vầng trăng sáng quạnh hiu
Và bao hình ảnh đẹp bao chiều
Và bao trái mộng âm thầm rụng
Theo bước chân về cõi tịch liêu.

8 tháng Giêng 1999

Svabhayada". (14) Chứng tích rải rác ở vài nơi cho thấy Phật giáo chỉ thịnh hành khoảng cuối thế kỷ thứ 9, qua thế kỷ thứ 10, trước khi người Chiêm thiên đô về Đồ Bàn.

Hồi giáo có thể truyền bá vào Chiêm Thành khoảng thế kỷ thứ 10 trở đi. *Tống sử* (Trung Hoa) có một đoạn viết: "*Cũng có* [người Chiêm Thành] *nhiều trâu ở trên núi, nhưng người ta không dùng để cày bừa mà chỉ để tế thần. Khi giết một con trâu, người ta phải đọc: "A la hòa cập bạt.*" (15) Dựa vào câu nầy, các tác giả suy đoán rằng Hồi giáo đã vào Chiêm Thành từ thời nhà Tống (960-1278). Theo một chuyện truyền kỳ lịch sử Chiêm Thành, một vị vua Chàm là Pô Ovloah (trị vì 1000-1036) đã có lần đi hành hương thánh địa Mecca (Saudi Arabia), nơi sinh trưởng của nhà tiên tri Mohammed (570-632), người sáng lập ra Hồi giáo. (16) Hồi giáo phát triển mạnh khoảng thế kỷ thứ 15 trở về sau. Lúc đó người Chiêm Thành giao thương nhiều với các vương quốc vùng Indonesia và Mã Lai, là những nước bắt đầu chuyển theo Hồi giáo từ thế kỷ 13. Vào giữa thế kỷ 20, ở miền Trung nước ta, hai phần ba người Chiêm Thành theo Ấn Độ giáo, còn một phần ba và hầu hết người Chiêm Thành ở Nam phần theo Hồi giáo. (17)

Vì rất sùng đạo, vua chúa Chiêm Thành xây dựng rất nhiều thánh địa, đền đài, cung điện để thờ phụng thần linh. Sau những lần bị xâm lăng, các thánh địa, đền đài, linh tượng bị phá hủy hay đánh cắp, các vua chúa Chiêm Thành liền cho trùng tu lại, và còn xây dựng lớn hơn trước nữa. Việc xây dựng nầy tốn rất nhiều công phu và tài sản quốc gia.

Do ảnh hưởng của Ấn Độ giáo khá sâu đậm, xã hội Chàm cổ chia thành bốn giai cấp: *Brahman tức Bà la môn hay tăng lữ, Kshatriya hay quý tộc, Vaishya hay thường dân (thương gia, điền chủ), và Shudra hay tiện dân.* Tuy có sự phân chia giai cấp, nhưng sự phân chia nầy không quá cứng rắn như ở Ấn Độ, nên người đàn bà quý tộc Chiêm Thành vẫn có thể cưới một người chồng ở giai cấp thấp hơn, miễn là cùng thị tộc với mình. (18)

Một số khá lớn những tấm bia trong các đền tháp Chiêm Thành được viết bằng chữ Phạn (Sanskrit). Chữ Phạn là chữ viết chính trong kinh sách Ấn Độ. Người Chiêm Thành biết dùng chữ Phạn rất sớm. Nhiều tấm bia tìm thấy ở vùng Kauthara (Võ Cạnh, Nha Trang) đề năm 192, được viết bằng chữ Phạn rất điêu luyện. Ngoài ra, người Chàm cũng có ngôn ngữ và chữ viết riêng, mà đa số các nhà nghiên cứu đã sắp vào nhóm ngôn ngữ Malayo-Polynesian. (19)

Một điểm đáng ghi nhận: tuy Chiêm Thành lập quốc rất sớm, tồn tại trong một thời gian khá dài, khoảng 17 thế kỷ, có một nền văn minh khá cao, có người sử dụng rất thành thạo chữ Phạn, (20) đồng thời có ngôn ngữ và chữ viết riêng của mình, nhưng chính quyền Chiêm Thành do thiểu số giai cấp quý tộc và tăng lữ khống chế, không phổ biến và lưu truyền văn hóa rộng rãi trong quảng đại quần chúng, không tổ chức hệ thống giáo dục cho nhân dân và không tổ chức thi cử để tuyển lựa nhân tài. Điều nầy có thể do giai cấp quý tộc và tăng lữ muốn hạn chế nền giáo dục, từ đó hạn chế luôn điều kiện phát sinh nhân tài trong quần chúng. Họ chỉ nhắm đào tạo những người trong dòng dõi đẳng cấp tộc họ riêng của họ, để nắm độc quyền lãnh đạo đất nước và xã hội.

Điều nầy rất nguy hiểm ở chỗ khi một triều đại suy thoái, Chiêm Thành sẽ khủng hoảng lãnh đạo và đất nước dễ tiêu vong theo. Trong khi đó, tại Đại Việt, nền giáo dục được phổ biến rộng rãi, việc thi cử được thực hiện rất sớm, từ thế kỷ 12, để tuyển lựa nhân tài ra giúp nước.

Ngoài ra, đầu giai cấp lãnh đạo rất giỏi chữ nghĩa, người Chiêm Thành không có một bộ sử chính thức riêng của nước mình, nghĩa là Chiêm Thành không có sử học. (21) Ngày nay những nhà nghiên cứu Chiêm Thành chỉ có thể dựng lại lịch sử nước nầy bằng những tài liệu riêng lẻ rút ra từ các tấm bia dựng trong các đền đài Chiêm Thành, từ những câu chuyện truyền khẩu nghe kể lại, từ các sử liệu Trung Hoa, Việt Nam, và Cambodia, hay Mã Lai. Do đó, lịch sử Chiêm Thành không được biết đến rõ ràng, liên tục, mạch lạc mà hay bị đứt đoạn, nhất là những giai đoạn ít có liên hệ với các nước lân bang.

Vào cuối thế kỷ thứ 10, để tránh xa ảnh hưởng của nước Việt ở phía bắc Hoành Sơn vừa mới được Ngô Quyền tuyên bố độc lập với Trung Hoa năm 939, và càng ngày càng trở nên hùng cường, vua Chiêm Thành là Yang Pu Ku Vijaya Shri, lên ngôi năm 999, đã dời đô từ Indrapura (Đồng Dương, Quảng Nam) xuống Vijaya (Đồ Bàn hay Chà Bàn, Bình Định) năm 1000. (22) Từ đó, nước Chiêm Thành tồn tại mãi đến năm 1832 mới thực sự biến mất.

3. Chiêm Thành với Trung Hoa và Đại Việt

Thời cổ Việt: Ngay từ khi lập quốc, người Lâm Ấp không ngớt đem quân ra bắc tấn công Giao Châu (cổ Việt). Lúc đó Giao Châu còn do Trung Hoa đô hộ. Khoảng năm 270-280, vua Lâm Ấp là Phạm Hùng liên kết với người Phù Nam (Fou Nan), đánh phá Giao Châu. (23) Phù Nam là một vương quốc hiện diện khoảng từ thế kỷ thứ hai đến thế kỷ thứ sáu, phía nam Chiêm Thành, tại vùng Nam phần Việt Nam ngày nay.

Năm 336, một người Lâm Ấp, gốc quê Giang Châu (Trung Hoa) tên là Phạm Văn, lên làm vua Lâm Ấp. Ông xin triều cống Trung Hoa năm 340, nhưng lại đem quân đánh Giao Châu năm 347. Tuy vẫn liên lạc ngoại giao với Trung Hoa, cứ vài năm, có khi vài chục năm, người Lâm Ấp ra đánh Giao Châu một lần. Các thứ sử Giao Châu người Trung Hoa đôi lúc đem quân phản công, đánh đuổi người Lâm Ấp đến tận kinh thành Champapura (Trà Kiệu, Quảng Nam), cướp đoạt của cải rất nhiều, nhưng người Lâm Ấp vẫn không từ bỏ việc cướp phá Giao Châu.

Năm 602, Tùy Văn Đế (trị vì 588-604) cử tướng Lưu Phương đến Giao Châu dẹp cuộc nổi dậy của Lý Phật Tử. Năm 605, Lưu Phương xuống đánh Lâm Ấp, chiếm đóng và cướp phá Khu Túc (vùng Thừa Thiên ngày nay) và kinh thành Trà Kiệu (Quảng Nam ngày nay). Điểm đặc biệt đáng ghi nhận là *Lưu Phương đã đốt sạch sách vở của 18 đời vua Chàm từ khi lập quốc.* (24) Điều nầy có nghĩa là Lưu Phương đã hủy diệt toàn bộ nền tảng văn hóa ban đầu của Chiêm Thành.

Từ đó không hiểu vì lý do gì, Lâm Ấp ngưng quấy phá một thời gian. Đến năm 802, vua Lâm Ấp, nay đổi thành Hoàn Vương, là Harivarman I gởi thủy quân lên đánh phá một số tỉnh Trung Hoa, và đã *"thành công mỹ mãn."* Bảy năm sau, vua nầy xua quân đánh Trung Hoa lần nữa, nhưng không được kết quả như lần trước. (25) Trong khoảng thời gian nầy, quân Hoàn Vương cũng tấn công Giao Châu hai lần trong các năm 803 và 806. Có lẽ vì lý do nầy, năm 809 viên đô hộ người Trung Hoa ở Giao Châu là Trương Chu đem quân vào đánh đuổi người Hoàn Vương chạy xuống phía nam. (26) Chiêm Thành, tên mới của Hoàn Vương, gởi sứ giả nối lại bang giao với Trung Hoa năm 877 dưới đời vua Indravarman II.

Năm 939, Ngô Quyền (trị vì 939-944) xưng vương tại Giao Châu, lập triều đình riêng, đặt quan chức, và tách Giao Châu vĩnh viễn ra khỏi sự đô hộ của người Trung Hoa. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh (trị vì 968-979) lên ngôi hoàng đế, đặt tên nước mới là Đại Cồ Việt. Người Chiêm Thành vẫn theo đuổi chính sách cũ nghĩa là khiêu khích và đánh phá miền nam nước Việt. Họ liên kết với Trung Hoa và dựa thế Trung Hoa để uy hiếp nước ta. Các tác giả Dohamide và Dorohiem là người gốc Chiêm Thành, trong sách *Dân tộc Chàm lược sử*, cũng xác nhận tính cách gây hấn hầu như thường trực của người Chiêm trước đây. Ngoài những khiêu khích cướp phá thường xuyên của người Chiêm và sự chống trả của người Việt, cuộc bang giao Việt Chiêm có thể ghi nhận qua những sự kiện quan trọng sau đây.

Thời Tiền Lê: Cuộc đụng độ đầu tiên giữa Đại Cồ Việt và Chiêm Thành xảy ra vào năm 982. Nguyên vào năm 979, tướng quân Lê Hoàn đảo chánh lật đổ nhà Đinh, tự mình lên làm vua. Lê Hoàn (trị vì 980-1005) sai Từ Mục và Ngô Tử Canh đi sứ sang Chiêm Thành giao hảo. Vua Chiêm là Paramecvaravarman lại bắt giam sứ giả. Lúc đó Lê Hoàn bận đối phó với quân nhà Tống sang xâm lăng nên chưa phản ứng ngay. Sau khi đẩy lui được quân Tống, Lê Hoàn liền tự mình cầm quân sang đánh Chiêm Thành năm 982. Vua Chiêm bị giết ngay trong lần giao tranh đầu tiên. Lê Hoàn tiến vào Indrapura (Đồng Dương, Quảng Nam), cướp phá rồi rút quân về. Sau trận nầy, một dòng họ khác lên làm vua Chiêm Thành đã dời đô từ Indrapura (Đồng Dương) xuống Vijaya (Đồ Bàn) năm 1000, để tránh xa ảnh hưởng của nước ta.

Thời nhà Lý: Nếu Lê Hoàn là vị vua Việt đầu tiên đánh Chiêm Thành thì Lý Thánh Tông (trị vì 1054-1072) là vị vua Việt đầu tiên mở nước về phương nam. Năm 1068, vua Chiêm là Rudravarman III (Chế Củ) tấn công trước nước ta. (27) Lý Thánh Tông, người đã thay đổi quốc hiệu từ Đại Cồ Việt thành Đại Việt khi mới lên ngôi năm 1054, quyết định thân chinh xuống đánh Đồ Bàn năm 1069, bắt và giải Chế Củ về Thăng Long. Để đổi lấy tự do, Chế Củ xin dâng đất ba châu phía bắc Chiêm Thành là Bố Chánh (Hà Tĩnh và bắc Quảng Bình), Địa Lý (trung và nam Quảng Bình), và Ma Linh (bắc Quảng Trị).

Ngoài việc được đất, người Đại Việt còn học được của người Chiêm một kinh nghiệm quý giá: đó là việc trồng *vụ lúa Chiêm ngắn*

hạn trên những cánh đồng xấu dọc bờ biển của người Chiêm. (28) Vụ lúa Chiêm giúp tăng gia sản lượng thực phẩm trong nước, từ đó dân số gia tăng, và nước Việt càng ngày càng phát triển hùng mạnh.

Thời nhà Trần: Đây là giai đoạn Chiêm Thành hòa thuận với Đại Việt khi cả hai đều cùng chống lại Mông Cổ. Năm 1282 vua nhà Nguyên là Hốt Tất Liệt (Qubilai) sai tướng Toa Đô (Sogatu) cầm thủy quân xuống đánh Chiêm Thành, vào Thị Nại, chiếm kinh đô Đồ Bàn. Chiêm vương Indravarman V (trị vì 1257-1288) cùng thái tử Bổ Đích (Harijit) bỏ Đồ Bàn, lên vùng núi mở cuộc kháng chiến. Người Chiêm cầu cứu người Việt. Vua Trần Nhân Tông (trị vì 1279-1293) gởi hai vạn quân và 500 chiến thuyền sang giúp. (29) Người Mông Cổ chỉ quen chiến trận ở vùng đồng cỏ, không tiến sâu được vào miền rừng núi, binh sĩ lại không hạp thủy thổ phương nam, bị đau ốm, lương thực thiếu, Toa Đô bỏ Đồ Bàn dẫn quân ra phía bắc năm 1283. Về phía Đại Việt, quân Nguyên tấn công trước sau ba lần vào các năm 1257, 1284-1285, và 1287-1288. Cả ba lần quân Nguyên đều bị binh đội nhà Trần đẩy lui.

Sau khi hòa bình tái lập, Chiêm Thành cử sứ sang triều cống Đại Việt năm 1301. Trần Nhân Tông lúc đó đã nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông (trị vì 1293-1314), lên làm thái thượng hoàng. Rảnh rỗi, thượng hoàng theo phái đoàn Chiêm trở về, sang Chiêm Thành vừa để đáp lễ, vừa để ngoạn cảnh. Trong cuộc hội kiến với vua Chế Mân (Jaya Simhavarman III, trị vì 1288-1307), nguyên trước kia là thái tử Bổ Đích, Trần Nhân Tông hứa gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân. Năm 1306, Chế Mân tặng hai châu Ô và Rí (Lý) làm sính lễ cưới Huyền Trân. Năm sau, Trần Anh Tông sai Đoàn Như Hài vào thu nhận hai châu và đổi châu Ô thành Thuận Châu (nam Quảng Trị và bắc Thừa Thiên), châu Lý thành Hóa Châu (nam Thừa Thiên và bắc Quảng Nam).

Vào cuối đời nhà Trần ở nước ta, tại Chiêm Thành xuất hiện một vị anh hùng, đó là Pô Bin Swơr, mà sử Việt thường gọi là Chế Bồng Nga (trị vì 1360-1390). Lúc đầu, Chế Bồng Nga chỉ đánh các vùng phía nam. Năm 1370, khi Trần Nghệ Tông (trị vì 1370-1372) giết Dương Nhật Lễ, giành lại ngôi vua, mẹ của Nhật Lễ chạy sang Chiêm Thành, xin Chế Bồng Nga đem quân đánh nước ta. Nắm bắt được tình hình nội bộ nhà Trần rối ren, Chế Bồng Nga liền ra đánh Thăng Long, cướp phá đền đài, tiêu hủy tài liệu. (30)

Thấy Chế Bồng Nga lộng hành, vua Trần Duệ Tông (trị vì 1372-1377) quyết chí đem quân đánh Chiêm Thành năm 1377, nhưng chẳng may Duệ Tông tử trận, và Ngự Câu Vương Húc, con của thượng hoàng Trần Nghệ Tông bị bắt. Thừa dịp nầy, Chế Bồng Nga đưa quân ra cướp phá Thăng Long lần nữa. Chế Bồng Nga gả con gái cho Ngự Câu Vương Húc. Làm như thế, phải chăng Chế Bồng Nga muốn liên kết với một số phần tử trong hoàng gia nhà Trần, gây chia rẽ triều đình Đại Việt đang do Hồ Quý Ly lãnh đạo nhằm dễ thôn tính Đại Việt. Năm 1378, Chế Bồng Nga đưa Húc về cai quản vùng Nghệ An, rồi tự cầm quân ra đánh Thăng Long lần thứ ba cũng trong năm nầy. Lúc đó hầu như vua Chiêm làm chủ vùng đất từ Nghệ An trở vào nam, và năm nào cũng ra cướp phá các vùng phía bắc. Bất ngờ năm 1390, sau khi đánh Thanh Hóa, Chế Bồng Nga đang tiến lên Hoàng Giang (khúc sông Hồng ở Hà Nam) thì bị một thuộc hạ cũ làm phản, chỉ điểm cho tướng Trần Khát Chân của Đại Việt. Trần Khát Chân cho bắn trúng ngay thuyền của Chế Bồng Nga, và giết chết ông ta.

Thời nhà Hồ: Sau khi Chế Bồng Nga từ trần, nước Chiêm yếu dần. Năm 1402, vua Hồ Hán Thương (trị vì 1401-1407) sai Đỗ Mãn đem quân đánh trả đũa Chiêm Thành. Vua Chiêm là Ba Đích Lại (Virabhadravarman) xin nhường vùng Indrapura (Đồng Dương, Quảng Nam). Thượng hoàng Hồ Quý Ly không chịu, đòi thêm miền Amaravati (Quảng Ngãi ngày nay). Ba Đích Lại đành chấp nhận. Nhà Hồ phong con của Chế Bồng Nga là Chế Ma Nô Đã Nan, đang lưu vong ở Đại Việt, làm Cổ Lũy Thượng Hầu và giao cai quản vùng đất mới nầy. (31) Khi quân Minh xâm lăng nước ta và bắt gia đình nhà Hồ năm 1407, Chiêm Vương liền đánh chiếm lại vùng đất đã nhường năm năm trước.

Thời nhà Lê: Năm 1444, vua Chiêm là Ma Ha Bí Cái (Maha Vijaya) đánh Hóa Châu. Năm 1446, Lê Thụ và Lê Khả cầm quân đánh Đồ Bàn, bắt Bí Cái, đưa người khác lên thay, rồi rút quân về. Vua Lê không có tham vọng đất đai ở phía nam, nhưng vua Chiêm lại tiếp tục động binh. Vua mới của Chiêm Thành là Trà Toàn *"xua quân hai lần vào những năm 1468 và 1469, tấn công Hóa Châu, đạo quân gồm hơn 100.000 người với một đoàn kỵ binh*

hùng mạnh." (32) Sự gây hấn nầy khiến Lê Thánh Tông (trị vì 1460-1497), một mặt báo cho nước Trung Hoa biết lý do mình động binh, một mặt tự cầm quân sang đánh Chiêm Thành. Lê Thánh Tông chiếm Đồ Bàn năm 1471, bắt Trà Toàn. Em Trà Toàn là Trà Toại chạy lên vùng núi, kêu cứu nhà Minh. Thánh Tông cho bắt luôn Trà Toại và đưa hai anh em đem về Thăng Long. Lê Thánh Tông lấy vùng Amaravâti (Quảng Nam, Quảng Ngãi) và Vijaya (Bình Định) đặt thành "Quảng Nam thừa tuyên đạo" (đất đai mở rộng về phương Nam, vâng mệnh vua để tuyên dương đức hóa). Ngoài ra, để làm Chiêm Thành suy yếu và đừng quấy phá nước ta nữa, Lê Thánh Tông chia phần đất Chiêm Thành còn lại thành ba nước nhỏ là Hóa Anh (Phú Yên, Khánh Hòa), Chiêm Thành (Phan Rang), và Nam Phan (Gia Lai, Kontum, Darlac). (33)

(Còn tiếp)

CHÚ THÍCH :

1. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng trong*, quyển thượng, Xuân Thu, Hoa Kỳ tái bản, không đề năm, tt.15-19. Dohamide và Dorohiem, *Dân tộc Chàm lược sử,* Sài Gòn 1965, tt. 28-29. Phan Khoang chú thích theo *Đại Nam nhất thống chí:* Tây Quyển có lẽ là Quảng Bình; Tỵ Cảnh có lẽ là Quảng Trị, bắc Thừa Thiên; Châu Ngô có lẽ nam Thừa Thiên, bắc Quảng Nam; Lư Dung có lẽ là Thăng Bình (nam Quảng Nam) và Quảng Ngãi; Tượng Lâm có lẽ là Bình Định, Phú Yên.

2. Phan Khoang, sđd. tt. 19, 32.

3. Dohamide và Dorohiem, sđd. tr. 42.

4. Phan Khoang, sđd. tr. 33. Dohamide và Dorohiem, sđd. tr. 45.

5. Bernard Gay, "New Perspective on the Ethnic Composition of Champa," đăng trong trong sách *Proceedings of the Seminar on Champa,* gồm những bài thuyết trình trong cuộc hội thảo quốc tế về Chiêm Thành tại viện đại học Copenhagen ngày 23-5-1987. Sách nầy nguyên bản bằng Pháp văn, do Hội Nghiên cứu Lịch sử và Văn hóa bán đảo Đông Dương, Paris ấn hành năm 1988, đã được giáo sư Huỳnh Đình Tế dịch sang Anh văn và do Southeast Asia Community Resource Center (viết tắt SACRC) ấn hành tại California năm 1994, tr. 49.

6. Sau khi chiếm ba tỉnh miền đông Nam Kỳ và ký hòa ước 1862, thiếu tướng De la Grandière, tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp, sai đại uý Doudart de Lagrée sang thu xếp việc bảo hộ Cambodia. Năm 1866, De la Grandière lại sai Doudart de Lagrée dẫn đoàn thám hiểm đi ngược dòng Mekong, nhằm mục đích tìm đường thông thương sang Trung Hoa. Mới đến tỉnh Kratie, còn trên phần đất Cambodia, phái đoàn Lagrée đã khám phá ra rằng con đường sông Mekong quá nhiều ghềnh thác, không thể đi bằng thuyền để đến Trung Hoa được. Đến Vân Nam năm 1868, Doudart de Lagrée từ trần ngày 12-3, phó trưởng đoàn là trung uý Francis Garnier lên thay. Garnier theo sông Dương Tử, về hướng đông, đến Hán Khẩu ngày 2-6-1868. Tại đây, ông gặp Jean Dupuis và nghe nói đến sông Hồng từ Vân Nam đổ xuống Bắc Kỳ. (Philippe Devillers, *Francais et Annamites, Partenaires ou Ennemis? 1856-1902,* Denoel, Collection Destins Croisés, Paris 1998, tt. 132-133)

7. Trong sách *Tháp cổ Chămpa, Sự thật & Huyền thoại,* NXb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội 1994, bài "Yang Prong, đền thờ của Chămpa trên Tây nguyên", tt. 213-220, tác giả Ngô Văn Doanh cho rằng khi Henri Maitre khám phá ra Yang Prong năm 1906, Maitre còn thấy khung cửa đá với những bi ký do người Chiêm để lại, nhưng đến sau khi chiến tranh chấm dứt năm 1975, thì không còn gì nữa.

8. Bernard Gay viết tên Po Ramo. Chúng tôi để nguyên. Theo Dohamide và Dorohiem, sđd. tr. 102, phiên âm tên vua nầy là Pô Romê. Có sách viết Pôrôme, hoặc Pô Rô mê.

9. Phần nầy, dựa vào các tài liệu của Bernard Gay trong bài "New Perspectives on the Ethnic Composition of Champa", và của Tâm Quách Langlet trong bài "The Geographical Setting of Ancient Champa", SACRC, *sđd.* từ tr. 21 đến tr. 52.

10. Ngoài những chứng minh trong các tài liệu trên, riêng trong giới người Chiêm Thành ngày nay, còn lưu truyền những câu tục ngữ về tính cách đa sắc tộc của mình như *"Chăm anh, Raglai em" (Cam saai, Raglai adei)*, hoặc *"Chăm với Raglai như hai anh em ruột" (Cam saung Raglai yơu adei ai sa tiam).* (Inrasara, *Văn học dân gian Chăm, tục ngữ - thành ngữ - câu đố,* Nxb. Văn hóa dân tộc, TpHCM, 1995, tr. 28) Trong sách *Non nước xứ Quảng,* Khai Trí, Sài gòn, 1969, tr. 44, ông Phạm Trung Việt, đã viết rằng: *"Người Thượng Quảng Ngãi thuộc giống người Chàm chia nhiều chi phái: người Cà Dong ở quận Trà Bồng và bắc Sơn Hà, người Đá Vách ở nam quận Sơn Hà Minh Long; người Chàm chính thống giống như người Đá Vách ở vùng thấp giáp trung châu (nam Quảng Ngãi)."*

11. Phan Khoang, sđd. , tr. 36. Dohamide và Dorohiem, sđd. tr. 22.

12. Dohamide và Dorohiem, sđd. tr. 24, phần chú thích.

13. *Encyclopaedia Britannica,* vol. 5, USA 1972, xem chữ "Champa."

14. Ngô Văn Doanh, *sđd.* tr. 36. Vua ở đây là Indravarman II

15. Dohamide và Dorohiem trích dẫn trong, *sđd.* tr. 20. Đấng A la (Allah) là Thượng Đế trong đạo Hồi.

16. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 20. Mecca là thủ đô của nước Saudi Arabia.

17. Dohamide, Dorohiem, *sđd.* tt. 20-21. Theo *Britannica,* phần đã dẫn, Hồi giáo phát triển ở Chiêm Thành vào thế kỷ 15.

18. Phan Khoang, *sđd.* tr. 36. Dohamide và Dorohiem, sđd. tr. 21.

19. P.B. Lafont, *Research on Champa and its Progress,* SACRC, *sđd.* tt 10-13. Cũng theo Lafont, có một số tác giả khác lại cho rằng tiếng Chàm thuộc nhóm Austro-asiatic. Theo Dohamide và Dorohiem, chữ Chàm gọi là Khâr-Tapuk.

20. Tấm bia Võ Cạnh ở Khánh Hòa dựng vào khoảng cuối thế kỷ hai đầu thế kỷ ba là một trong những tấm bia xưa nhất của Chiêm Thành, viết bằng chữ Phạn rất điêu luyện. (Phan Khoang, *sđd.* tr. 19. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 19).

21. Những nước theo văn minh Ấn Độ thường chú trọng đến việc xây dựng thánh địa, đền đài thờ phụng các đấng thần linh. Trong các thánh địa nầy, dựng lên những tấm bia kể sự tích thần linh, và kể công đức của các vị vua đã có công xây dựng thánh địa, cùng sự nghiệp của họ. Đây là điểm khác biệt căn bản với những nước chịu ảnh hưởng văn minh Trung Hoa thường chú trọng đến việc viết sử khá sớm.

22. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 50.

23. Trình thư của thứ sử Đào Hoàng gởi triều đình nhà Tấn (265-317), Trung Hoa. (*Việt sử thông giám cương mục*, gọi tắt *Cương mục*, bản dịch của Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1967, tr. 109.)

24. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 38. Tác giả Nguyễn Phương, trong *Việt Nam thời khai sinh,* Phòng Nghiên cứu Sử, Viện Đại học Huế, 1965, tr. 301, viết: "*Vào tháng tư, ông* [Lưu Phương] *đến kinh đô Lâm Ấp. Phàn Chí* [vua Lâm Ấp] trốn chạy ra biển. Tàu lượm được của cải vô số. Đặc biệt nhất là họ lấy 18 tấm miếu chủ đúc bằng vàng..."

25. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 44.

26. *Cương mục,* bản dịch tr. 143. Phan Khoang, *sđd.* tr. 32.

27. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 55.

28. Theo các tác giả E.O. Reischauer và J. K. Fairbank trong sách *East Asia, The Great Tradition,* vào đầu thế kỷ thứ 11, người Trung Hoa học được cách trồng lúa Chiêm của người Chiêm Thành, nhờ đó sản lượng lúa gạo tăng gấp hai từ thế kỷ 11 qua thế kỷ 12. (Edwin O. Reischauer, John K Fairbank, *East Asia: The Great Tradition,* Houghton Mifflin Company, Boston, 1960, tr. 212.) Người Trung Hoa học được thì người Đại Việt học được trước, vì lúa Chiêm truyền qua Đại Việt rồi mới lên Trung Hoa.

29. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ 13,* in lần tứ ba, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 149.

30. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 84. Năm 1369, Trần Dụ Tông mất, không con. Hoàng thái hậu lập người con nuôi của Cung Túc Vương là Nhật Lễ lên ngôi. Nguyên mẹ của Nhật Lễ là đào hát, đã có thai với Dương Khương, rồi bỏ Dương Khương lấy Cung Túc Vương. Lên làm vua, Nhật Lễ lấy lại họ cha. Triều đình hội quân giết Nhật Lễ, đưa Trần Nghệ Tông lên ngôi.

31. Khi Chế Bồng Nga tử trận năm 1390, tướng của ông ta là La Ngai làm đảo chánh, lên làm vua. Hai người con của họ Chế phải sang Đại Việt tỵ nạn. Nhà Trần phong cho người anh là Chế Ma Nô Đã Nan làm Hiệu Chính Hầu, người em là Chế Sơn Na làm Á Hầu. Theo cách viết sử Việt Nam, Ba Đích lại xin dâng Chiêm Động (nam Quảng Nam), nhưng Hồ Quý Ly đòi thêm Cổ Lũy Động (Quảng Ngãi), đổi thành bốn châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, và đặt Thăng Hoa lộ an phủ sứ cai trị bốn châu.

32. Trích dẫn nguyên văn của Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 94.

33. Theo chú thích của bản dịch bộ *Đại Việt sử ký toàn thư,* Nxb. Khoa học Xã hội Hà Nội, 1977, bộ 2, tr. 450.

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

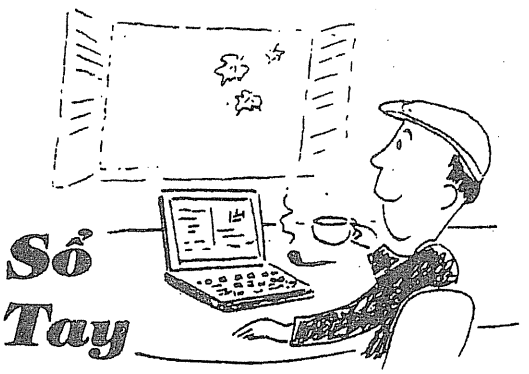

BÀI HỌC GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Chính phủ Hà Nội đã chấp nhận một chén thuốc đắng: Cho Tổng công ty Gang Thép Thái Nguyên "loại khỏi dây chuyền sản xuất" một nửa số công nhân. Trong trường hợp như vậy, tiếng Việt Nam còn gọi là "mất việc."

Công ty Gang Thép Thái Nguyên sử dụng 13 ngàn công nhân, kể ra là nhỏ, so với công ty Thép của Thủ đô Trung Quốc. Nhà máy ở ngoại ô Bắc Kinh dùng tới 210 ngàn công nhân, hiện cho 10 ngàn người nghỉ vì thiếu việc làm. Ở công ty Thép Bắc Kinh thì lý do chính được đưa ra là giá thép trên thị trường thế giới giảm khiến nhà máy lỗ vốn. Ở Thái Nguyên lý do cũng là hàng bán không được.

Nhà máy Gang Thép Thái Nguyên có thể làm 300 ngàn tấn thép mỗi năm, năm ngoái chỉ ra 163 ngàn tấn, đọng 20 ngàn tấn trong kho, chỉ bán 143 ngàn tấn. Tại sao bán không được? Vì thép nhập cảng tốt hơn mà giá lại thấp hơn. Ngay cả các xí nghiệp quốc doanh cũng biết là mua hàng tốt và rẻ thì có lợi.

Các công nhân nhà máy thép xưa nay được trả lương cao nhất tỉnh Thái Nguyên. Chắc họ tiếc thời bao cấp. Đó là giai đoạn chủ nghĩa Mác-Lênin còn hưng thịnh, cán bộ và công nhân còn theo chủ nghĩa Mackeism, Chủ nghĩa Mặc kệ - có khi còn gọi là Kechaism hay Kemeism, ba tên gọi có ý nghĩa như nhau. Trong chủ nghĩa Mackeism không có khái niệm nào về lời lỗ.

Ông Tổng giám đốc Tổng công ty Gang Thép cho biết công ty có nhiều người quá. Chỉ cần 6000 người cũng đủ làm ra 300 ngàn tấn thép để bán, nhưng hiện nay có đến 13 ngàn công nhân mà lại chỉ bán được một nửa con số đó. Doanh nghiệp trở thành một cơ sở phước thiện. Ông Đặng Văn Síu cho biết có công việc của một người đã phải trao cho 2 người làm. Có lúc việc của một người được trao cho 10 người phụ trách. Không biết theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì họ luân phiên nhau, mỗi người làm một giờ rồi đi ra sân hút thuốc, hay mười người cùng thò tay vào làm một lúc? Chủ yếu là nhà nước cứ bộ phát lương và công nhân cứ giả bộ làm việc.

Điều này đã được Sở Thống Kê thành phố Bắc Kinh chứng minh bằng con số. Trên sổ sách, số lương bình quân của một công nhân ở Bắc Kinh là 950 Mỹ kim một năm. Nhưng khi phỏng vấn mức tiêu xài của công nhân thì số tiền mỗi năm họ tiêu trung bình là 1,050 Mỹ kim. Chuyên viên thống kê Khang Tần thú nhận số sai biệt 100 đô là do các nguồn lợi tức được che dấu. Nhưng chúng ta cũng mới nghe Thủ tướng Chu Dung Cơ tiết lộ rằng dân Trung Hoa thường để dành gần nửa số tiền họ kiếm được. Nghĩa là con số 100 đô cũng còn thấp so với số "tiền tươi" thật sự mà người ta kiếm thêm bên ngoài doanh nghiệp nhà nước!

Nhưng nạn dư thừa công nhân chỉ là một phần của vấn đề. Số các quan chức quản đốc dư thừa mới trầm trọng. Công ty Gang Thép Thái Nguyên chia làm 27 công ty nhỏ, mỗi đơn vị có giám đốc, mỗi vị giám đốc một cái xe con, mỗi vị có các phó giám đốc, có các thư ký, các ban, các trưởng ban, bàn giấy cho các vị trưởng ban, bình trà và bao thuốc cho các vị trưởng ban, v.v... Tổng cộng gần 600 người. Sáu trăm người cũng không nhiều, nếu họ có làm một việc gì đó giúp sản xuất hay bán hàng. Điều kẹt lớn là họ không những không làm một chuyện gì ích lợi mà còn đóng vai kỳ đà cản mũi không cho ai làm được việc gì ích lợi! Họ làm giám đốc mà không nghiên cứu thị trường, không cắt giảm chi phí, thép chế ra không ai mua, giá vẫn đắt. Công ty không có tiền, bắt công nhân đóng góp "tự nguyện," nhưng các cụ ở trên vẫn đem tiền đi mua máy móc về, trong khi nhà máy mới dùng có một nửa khả năng sản xuất có sẵn. Lại còn bầy đặt liên doanh với các công ty ngoại quốc - để lấy cớ bay đi bay về với danh thiếp ghi những tên mới lạ, như President of Vina Usteel! Đám thư lại đó đang cản trở việc cải thiện các xí nghiệp vì nắm quyền quyền đóng triện son và ký tên.

Nếu bây giờ trên một khúc sông nhiều thuyền bè qua lại có một nhóm người ngăn sông lại, bắt ai đi qua phải nộp tiền mới mở cửa cho đi, thì chúng ta gọi nhóm người đó là cái gì? Đảng Cộng Sản ở khắp thế giới đang làm như vậy. Trên thế giới này có người làm ruộng, làm công nghệ, đi buôn bán, cứ để yên

cho họ trao đổi với nhau thì gọi là kinh tế thị trường. Đảng Cộng Sản đặt ra bàn giấy để làm công việc đóng con dấu đỏ, ai muốn làm gì cũng phải có con dấu đỏ cho phép. Những con dấu đỏ đó gọi là định hướng xã hội chủ nghĩa!

CÁC THỊ NỞ TRONG NGÂN HÀNG VIỆT NAM

Khi đọc những tin tức về tình trạng ngân hàng ở Việt Nam, quý vị có thể nghe nói đến các "món nợ xấu," tức là những khoản tiền mà các ngân hàng đã cho vay bây giờ không thể đòi lại được. Nhiều người sẽ nghĩ: "Nợ xấu hay đẹp chỉ là chuyện của ngân hàng. Mà hầu hết lại là ngân hàng của nhà nước, dân Việt Nam đâu cần biết? Các món nợ có đẹp như cô Thúy Kiều hay xấu như Thị Nở chăng nữa, cũng chẳng liên quan gì đến người dân hết."

Nhưng thực ra đó là chuyện rất đáng quan tâm. Nói rõ ràng như thế này: **Các món nợ xấu chính là những món tiền lấy mất của đồng bào ta.** Đó là móc túi đồng bào đưa tiền cho những đảng viên được ưu đãi tha hồ tiêu bậy!

Hãng tin Reuters tháng trước loan báo tổng số nợ trong các ngân hàng Việt Nam khoảng 5 tỷ Mỹ kim, bằng 20% Tổng Sản Lượng Quốc Nội Việt Nam. Mà theo thông báo của nhà nước từ hồi tháng Mười Một năm ngoái thì 13,7 phần trăm các món nợ đó là nợ xấu, tức là khoảng 700 triệu đô la Thị Nở. Con số 13,7% không đáng tin lắm. Trên một tờ báo, năm ngoái, ông Trần Văn Tuấn, Phó giám đốc Chi nhánh tại Sài Gòn của Ngân Hàng Nhà Nước, tức Ngân hàng Trung ương, cho biết số nợ xấu đã tăng từ 4,7% năm 1996 lên 20% vào cuối cuối tháng Sáu năm 1998. Nếu tin vào con số đó, thì số Nợ Xấu là một tỷ Mỹ kim, tức là gần 14 ngàn tỷ đồng Việt Nam.

Tại sao số tiền một tỷ Mỹ kim đó lại là tiền ăn cướp của dân? Chúng ta phải hiểu những số tiền đem cho vay đó ở đâu mà ra.

Thí dụ bây giờ nhà nước in thêm mỗi tháng 200 tỷ đồng để tăng lương cho mỗi đảng viên đảng một triệu mỗi tháng. Mới nhìn, người ta có thể nghĩ rằng chuyện đó không liên quan gì đến dân chúng, họ in tiền phát cho nhau là chuyện trong nhà của họ. Nhưng không phải như vậy. Có thêm 2400 tỷ đồng lưu hành một năm, những người không tạo ra thêm của cải gì lại được lãnh số tiền đó, họ sẽ đem đi mua sắm. Trong khi số hàng hóa và dịch vụ không tăng thêm, số tiền lưu hành lại tăng, thì sớm muộn các thứ hàng hóa và dịch vụ đều lên giá. Lạm phát khiến cho đồng bạc người dân cầm trong tay sẽ kém giá trị, đồng lương của mọi người bị ảnh hưởng vì tiền mất giá. Nếu bình thường lạm phát chỉ là 8% một năm, mà nay vì phát thêm tiền, lạm phát lên 9% thì tiền của và lợi tức của tất cả mọi người dân đều bị mất thêm 1% giá trị. Nói cách khác, đảng và nhà nước đã móc túi của tất cả mọi người để tặng cho hai triệu đảng viên của họ xài.

Trên đây chỉ là một kế hoạch tưởng tượng để dễ hiểu vấn đề. Trong thực tế, các đảng viên Cộng Sản không được may mắn như nhau, và Đảng cũng không phát tiền như vậy. Họ chọn một số đảng viên được ưu đãi, đặt những người này vào trong các xí nghiệp quốc doanh. Những người này có thể ngồi không lãnh tiền, nhưng như vậy thì chướng quá, đảng phải đặt cho họ các chức vụ lớn nhỏ, ra bộ lăng xăng làm việc. Như vậy, thật ra họ còn làm hại cho xí nghiệp, hại hơn là phát lương rồi kính mời họ ngồi ở nhà. Nhưng đảng rất lo đến thể diện, đành chịu.

Hiện nay có gần 6000 doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam mà theo lời ông Phan Văn Khải báo cáo thì 30% làm ăn thua lỗ. Cứ tin ông Phan Văn Khải là người rất thành thật, nghĩa là chỉ có... 66.6%, tức 4000 xí nghiệp quốc doanh thua lỗ mà thôi. Tức là một số lớn viên chức đảng và nhà nước trong đó, đoán chừng 400 ngàn người, lãnh lương mà không tạo thêm của cải nào có giá trị trên thị trường cả. Nếu có giá trị thì đã không đến nỗi lỗ!

Thí dụ mỗi tháng 400 ngàn đảng viên ưu tú đó mỗi người trung bình lãnh 1 triệu 200 ngàn (chuyên viên bậc bốn), mà thật sự họ chỉ đáng trả lương 700 ngàn cho công việc họ đang làm là lái xe đến sở ngồi uống trà, hút thuốc, đọc báo và coi đồng hồ. Tính 400 ngàn người, mỗi người lãnh thêm 500 ngàn, cũng thành 200 tỷ bạc một tháng. Tính như vậy thì thấy tình trạng đó không khác gì đem in tiền ra phát cho mỗi đảng viên thêm một triệu mỗi tháng - cũng chỉ tốn 200 tỷ! Mà cứ đem phát hết lượt cho các đảng viên thì lại tạo được "công bằng xã hội," ít nhất giữa các đảng viên với nhau! Nhưng chuyện tưởng tượng in tiền phát không, so với tình trạng thực tế ở Việt Nam không khác gì nhau cả. Họ đã móc túi của dân 2400 tỷ mỗi năm phát cho một số đảng viên may mắn!

Nhưng đảng Cộng Sản Việt Nam không làm công việc giản dị là in tiền rồi chở đến các xí nghiệp phát cho các đảng viên ưu tú. Họ bày thêm ra các ngân hàng, nghĩa là tăng thêm số người ăn hại nữa. Thay vì nhà nước in tiền phát, thì những ngân hàng này sẽ đem tiền cho các xí nghiệp, gọi là cho vay, cứ vay 10 đồng

thì quỵt nợ mất 2 đồng, nói lối văn minh gọi là "20% Nợ Xấu." Tại sao phải quỵt nợ? Vì các doanh nghiệp nhà nước lỗ vốn triền miên mà vẫn phải nuôi các quan chức ăn hại (mỗi vị một cái xe ô tô con!) Nếu cũng những xí nghiệp đó mà từ nửa thế kỷ nay cứ để tư nhân mở mang và quản trị thì chắc không đến nỗi lỗ vốn. Mà trong thị trường tự do thì có công ty nào lỗ vốn người ta lại thấy các công ty khác sinh ra, không ai phải nuôi báo cô các công ty lỗ vốn suốt đời.

Một năm nhà nước vứt đi 2400 tỷ tương đương với 171 triệu đô la, tích lũy lại mãi đến giờ lên đến một tỷ đô la Nợ xấu cũng là chuyện dễ hiểu. Chính sách kinh tế quốc doanh của đảng Cộng Sản là cha đẻ ra các nàng Thị Nở. Nhưng nhờ các Thị Nở đó mới có cách móc túi dân Việt Nam để nuôi những đảng viên ăn bám xã hội.

HỘI SÚNG CHỊU LÙI MỘT BƯỚC

Chúng ta thử tưởng tượng có hãng thuốc lá quảng cáo bằng hình ảnh một người cha đang dạy con cách châm lửa hút thuốc. Liệu khi nhìn thấy hình ảnh đó công chúng sẽ phản ứng ra sao? Vậy mà Hội Súng Toàn Quốc Hoa Kỳ (NRA) gần đây đã in một bức hình quảng cáo cho Hội, trong đó một thiếu niên đang được một người lớn trong gia đình chỉ cho cách dùng súng thể thao. Dư luận không chú ý đến bức hình đó, cho tới khi xảy ra cảnh thảm sát tại một trường Trung học ở Littleton, tiểu bang Colorado. Hai thiếu niên trong băng đảng tên là "Mafia mặc áo choàng," đã bắn chết 13 người rồi tự sát.

Vụ bắn giết kinh hoàng đó xảy ra mười ngày trước Đại hội thường niên kỳ thứ 128 của Hội Súng Toàn Quốc NRA, tổ chức tại Denver, chỉ cách ngôi trường tang tóc mấy cây số. Thành phố Denver tính đón tiếp 22 ngàn hội viên NRA về tập họp, trong chương trình sẽ có các cuộc hội thảo, những bữa tiệc gây quỹ, và đặc biệt, một cuộc triển lãm các thứ vũ khí giết người đang được mua bán hợp pháp ở nước Mỹ! Trong thành phố treo những bích chương hình tài tử chiếu bóng Charlton Heston, chủ tịch hội NRA, từng nổi tiếng về những vai người hùng phim lịch sử.

Ngay sau khi ti vi chiếu cảnh thảm sát ở trường Trung học Columbine, ông Heston được phỏng vấn đã chỉ trích cha mẹ hai thiếu niên thủ phạm mà ông cho là họ chịu trách nhiệm, vì đã để các con dùng súng! Ông Heston không nói một lời nào về trách nhiệm của những người sản xuất súng, người bán súng, những tổ chức như hội NRA luôn luôn vận động đòi chính phủ Mỹ cho bán súng và mang súng tự do hơn! Ngược lại, ông Heston còn nói rằng nếu các người gác trường Columbine có mang súng thì họ đã ngăn ngừa được những thủ phạm, không đến nỗi để nhiều người bị giết như vậy!

Đó là luận điệu quen thuộc của hội NRA! Họ thường nói rằng muốn giảm bớt những vụ dùng súng giết người thì dân Mỹ cần phải mua súng nhiều hơn! Theo luận điệu đó thì, có lẽ, một thế giới bình an lý tưởng là khi nào mỗi người, đi ra đường hay ở trong nhà mình, đều phải cặp kè khẩu súng ... để tự vệ! Suy ra thì muốn đề phòng các nước như Iraq, Bắc Hàn sản xuất và sử dụng vũ khí hạt nhân, thế giới nên giúp các nước khác cũng có hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử hết!

Hội NRA lúc nào cũng bảo vệ quyền lợi của những người dùng súng, các đòi hỏi của họ cũng là quyền lợi của những người chế tạo súng và bán sáng. Trong những năm qua, họ vận động liên tục để chống đối các đạo luật của chính quyền Clinton, thí dụ, luật bắt điều tra lý lịch người mua cẩn thận, bắt đợi một thời gian dài trước khi được mua súng, luật cấm bán các loại súng máy giết người hàng loạt, hoặc cấm không được mang súng che dấu trong mình.

Trước khi xảy ra vụ thảm sát ở trường Trung học Columbine, hội NRA đang hy vọng thay đổi luật lệ tiểu bang Colorado để người dân được mang súng che dấu trong mình một cách "tự do" hơn. Nhưng sau khi tiếng súng nổ ở trường Trung học này vang rền khắp nước Mỹ và thế giới, hai dân biểu tác giả dự luật này đã biết thân rút lại. Một dự luật khác cũng được rút lại, là luật không cho phép các thành phố, thị xã được hạn chế, ngăn cấm súng nếu tiểu bang đã cho phép. Nhiều thị xã ở Mỹ vẫn làm luật kiểm soát súng nghiêm ngặt hơn luật liên bang và tiểu bang.

Một tuần trước ngày khai mạc Đại hội ở Denver, hội NRA đã phải lùi bước vì sợ phản ứng của dư luận. Các tấm bích chương hình tài tử Chủ tịch Charlton Heston đã được gỡ xuống, cuộc triển lãm súng chuẩn bị tốn hàng trăm ngàn đã bị dẹp, nhiều cuộc vui chơi với súng cũng bị bỏ. Nhưng "Liên minh chống Súng và Bạo lực" của tiểu bang Colorado, quy tụ 30 đoàn thể, vẫn tổ chức biểu tình phản đối trong thời gian hội NRA họp.

Nhưng ở nước Mỹ, muốn bênh vực một chủ trương nào, người ta không thể chỉ biểu tình, mà phải vận động để lập trường của mình biến

thành các đạo luật cấp liên bang, tiểu bang, hay các luật lệ của thị xã (ordinance.) Những người chống mua, bán, sử dụng súng bừa bãi còn phải tranh đấu nhiều hơn nữa mới thay đổi được luật lệ, hạn chế việc mua bán và mang súng. Hội NRA là tổ chức có khả năng vận động mạnh nhất nước Mỹ, còn mạnh hơn các hãng thuốc lá, vì số hội viên rất đông, có những người nổi tiếng như các Tổng thống Reagan và Bush, họ đóng góp nhiều cho quỹ tranh cử cả hai đảng. Những người chống lại họ thì tài chánh ít hơn và kinh nghiệm về vận động hậu trường cũng kém.

Yếu tố vận động mạnh nhất cho những đối thủ của hội NRA, tiếc thay, lại là những tấn thảm kịch vì súng. Năm ngoái, khi các báo, đài loan tin về cảnh mấy học sinh tiểu học bắn chết cô giáo và các bạn tại Arkansas, khi có tin những đứa trẻ chết vì tai nạn súng, khi đó dư luận lại phẫn nộ về tình trạng nhiều súng quá. Đem chia đều thì mỗi người Mỹ trưởng thành có hơn một khẩu súng. Cần phải có bao nhiêu người chết oan vì súng mới khiến nước Mỹ thức tỉnh, hạn chế và ngăn cấm việc mua bán súng tự do như hiện nay?

THÁCH CHO LÀM BÁO TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

Xưa, có một người hay thắc mắc về thiên đường và địa ngục, anh cứ ước ao được đi quan sát hai nơi đó thử cho biết.

Một bữa anh nằm mơ thấy mình được đi tham quan địa ngục. Tới nơi, anh thấy cảnh người ta ăn uống thỏa thuê, rượu chè cờ bạc không bị cấm, và phụ nữ ở đó thì ai cũng tử tế thân mật với anh như cô Monica ở Tòa Bạch ốc vậy. Khi tỉnh dậy, anh chàng từ đó không thấy sợ địa ngục nữa.

Quả nhiên, khi chết anh ta được quỷ sứ đưa thẳng xuống địa ngục. Nhưng lần này, anh bị đưa tới phòng xử tội, với những người bị bỏ vạc dầu, bị đặt trên lò than lửa, v.v. Anh ngạc nhiên hỏi người hướng dẫn sao không thấy những cảnh ăn chơi cũ? Quỷ sứ trả lời rằng: "Lần trước anh xuống đây là anh đi trong phái đoàn Hạ viện Mỹ. Lần này anh xuống với tính cách dân định cư, nó phải khác chứ."

Bà Dân biểu Loretta Sanchez của miền Nam California đi Việt Nam về, kể chuyện các quan chức nhà nước Hà Nội tiếp đón phái đoàn Hạ viện Mỹ, tất nhiên họ muốn phái đoàn coi những cảnh tốt đẹp, tử tế nhất.

Một viên chức Bộ Nội vụ nói với bà Loretta Sanchez rằng trong chế độ của ông ta, dân Việt Nam được hưởng tự do báo chí! Người bình thường ít có ai nói dối được một cách trắng trợn như thế, vì chúng ta được cha mẹ dạy dỗ, mở miệng nói dối là đỏ mặt. Ông trùm công an còn đưa ra bằng cớ, nói rằng trên toàn quốc có 400 tờ báo khác nhau!

Nhưng bà Loretta Sanchez hỏi ngược lại rằng các tờ báo đó là do đảng hay tư nhân làm? Cán bộ phải thú nhận các báo là do đảng kiểm soát hết. "Tại sao không cho ra báo tư nhân?" Bà Dân biểu hỏi tiếp. Và một lần nữa, cái tài nói dối không đỏ mặt lại được thi triển. Ông ta nói: "Cũng có báo của tư nhân... nhưng chắc vì làm ăn không có lời nên họ ngưng xuất bản rồi."

Vị chỉ huy công an này có vẻ hiểu kinh tế thị trường. Nhưng trí nhớ của ông ta quá thấp kém. Những ai sống ở Sài Gòn mấy năm sau 1975 chắc còn nhớ có tờ báo không "hoàn toàn" của đảng Cộng Sản, như các tờ Tin Sáng, Đứng Dậy. Các báo này do các người thân cộng chủ trương, họ không phải đảng viên. Vì thế họ phải mời cán bộ Thành Ủy đến đọc bài vở, tin tức, chỉ bảo chỗ nào nên cắt bỏ. Vậy mà nó vẫn bán chạy hơn các tờ báo của đảng như Nhân Dân, Sài Gòn Giải phóng. Nhưng cuối cùng đảng Cộng Sản phải ra lệnh đóng cửa.

Bây giờ trùm công an nói rằng các báo tư nhân ở Việt Nam không sống được phải đóng cửa. Chúng tôi rất tiếc bà Loretta Sanchez không nhanh trí, đề nghị ngay một giải pháp giúp cho bộ mặt báo chí ở Việt Nam đẹp đẽ hơn. Nếu ở Việt Nam có tự do báo chí thật, mà không có báo tư nhân chỉ vì các báo tư bị lỗ lã, thì những người làm báo tiếng Việt ở nước ngoài có thể hy sinh chịu lỗ, đem tiền về đầu tư làm báo cho vui cửa vui nhà, tại sao không?

Mà khi các báo và đài phát thanh, truyền hình Việt Nam ở ngoại quốc về làm ở trong nước, chắc chắn họ không bị lỗ vốn đâu. Nhưng dù có lỗ vốn, và có thể bị đàn áp, chắc họ cũng sẵn sàng chấp nhận thử thách này!

KOSOVO VÀ THẾ GIỚI

Ba nước Anh, Pháp, Đức không phải lúc nào cũng đồng ý với nhau, nhưng lần này họ cùng thấy khối NATO phải can thiệp, không cho ông Milosevic tiếp tục chính sách kỳ thị và đàn áp dân thiểu số gốc Albani trong nước Nam Tư - nhưng chiếm đa số trong tỉnh Kosovo. Tổng thống Pháp Chirac nói rằng nếu thất bại ở Kosovo, "thế quân bình của lục địa Âu châu sẽ bị đe dọa."

Tổng thống Nga Yeltsin chống lại việc

NATO bỏ bom Nam Tư, đã cảnh cáo rằng: "Tôi nói khối NATO đừng đẩy chúng tôi đến chỗ phải hành động, nếu không sẽ có chiến tranh Âu châu, và có thể chiến tranh thế giới!" Thủ tướng Primakov đã đề nghị Nga, Trung Quốc và Ấn Độ liên minh thành một khối để cân bằng với sự bành trướng thế lực của NATO - một dự án rất khó thành hình.

Ngoại trưởng các nước cộng sản cũ, Ba Lan, Hungary, Tiệp sang Washington dự lễ kỷ niệm NATO 50 tuổi, các vị quốc trưởng Lithuania, Estonia, Latvia, trước thuộc Liên Xô, cũng sang Mỹ ngỏ ý muốn gia nhập NATO. Slovakia, một nửa của nước Tiệp Khắc cũ, nằm giữa Ba Lan và Hung, cho phép NATO dùng đường xe lửa chuyển quân nếu cần, có thể tới sát biên thùy Hung đe dọa Nam Tư. Slovenia, một nước thuộc Nam Tư cũ, và Bulgaria cũng đang muốn gia nhập NATO, họ ủng hộ cuộc không tập Nam Tư. Bulgaria và Rumani còn cho máy bay NATO sử dụng không phận của họ.

Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân chỉ trích "chính sách ngoại giao bằng tàu chiến" của Mỹ và các nước Tây Âu. Trong khi mấy hàng không mẫu hạm Mỹ ở Thái Bình Dương chuyển về Địa Trung hải, eo biển Đài Loan và Biển Nhật Bản bỏ trống, chỉ còn những pháo đài bay B-52 canh gác cùng Á Đông. Bắc Hàn cũng lo ngại "tiền lệ" ở Kosovo có thể áp dụng vào nước họ trong tương lai, đang lo thúc đẩy kế hoạch chế phi đạn tầm xa. Nhật Bản càng thêm lo lắng.

Ấn Độ đang cai trị vùng Kashmir mà đa số dân theo Hồi giáo, phải đối phó với một cuộc nổi dậy được Pakistan yểm trợ, cũng lo ngại. Cựu Thủ tướng Ấn Kumar Gujral nói: "Ấn Độ và nhiều nước Á châu lo vì trong dân số đều có nhiều sắc tộc sống chung và một biến cố như ở Kosovo có thể xảy ra ở bất cứ nơi nào tại Á châu." Bắc Kinh thông cảm mối lo đó. Dân Khiết Đan ở Tân Cương và dân Tây Tạng vẫn tố cáo chính sách tiêu diệt văn hóa người thiểu số của đảng Cộng Sản Trung Hoa. Ngoài ra, nếu chính phủ Trung Quốc muốn giải quyết vấn đề Đài Loan theo ý họ thì thế giới, nhất là Mỹ, sẽ phản ứng ra sao?

Kosovo ảnh hưởng đến hòa bình thế giới vì có thể tạo nên các tiền lệ. Sau khi chiến tranh lạnh giữa hai khối tư bản và cộng sản chấm dứt, việc nước này mang quân vào nước khác là một biến cố đặc biệt nghiêm trọng. Xung đột quốc tế chỉ nên giải quyết qua diễn đàn chung là Liên Hiệp Quốc. Đạo quân giữ hòa bình ở Bosnia, Rwanda, đều mang cờ Liên Hiệp Quốc. Các nước NATO đã qua mặt Liên Hiệp Quốc từ trước. Chuyện bắt đầu khi Trung Quốc phủ quyết việc đưa quân Liên Hiệp Quốc vào giữ hòa bình ở Macedonia, một nước thuộc Nam Tư cũ, đang bị đe dọa từ ba bốn phía. Bắc Kinh phủ quyết vì Macedonia đã bang giao với Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Thế là, thay vì quân Liên Hiệp Quốc, Macedonia đã mời quân đội NATO đặt chân lên phần đất sát phía nam Serbia, họ đang lo cứu trợ người tị nạn. Nga và Trung Quốc cũng phủ quyết việc lên án chính sách diệt chủng của ông Milosevic, hậu quả là NATO phải hành động một mình, trên nguyên tắc, đã hiến chương Liên Hiệp Quốc. Câu hỏi là: từ nay các cường quốc và các liên minh quân sự có thành thói quen tự tiện hành động như vậy hay không?

Tiền lệ thứ hai khiến nhiều nước lo ngại, là nguyên nhân đưa tới sự can thiệp ở Kosovo. Những cuộc hành quân của cảnh sát và quân đội Nam Tư, mặc dù rất đáng phản đối, không đe dọa an ninh một nước nào ở Tây Âu, hay Mỹ. Sự can thiệp của khối NATO hoàn toàn vì các nguyên tắc tinh thần. Như Thủ tướng Anh Tony Blair nói, "Chúng ta không chiến đấu vì đất đai, mà vì các giá trị." Vậy khi nào các cường quốc sẽ đem quân "bảo vệ giá trị tinh thần?" Ấn Độ sẽ phải trả lời sao nếu đa số dân Kashmir muốn tách ra và được Pakistan ủng hộ? Nga, Ấn sẽ nói gì khi dân Tây Tạng, Tân Cương nổi lên chống Bắc Kinh? Chính phủ Nga với dân thiểu số gốc Ba Lan hoặc Đức. Chính phủ Estonia với dân thiểu số gốc Nga. Indonesia với những người Hoa theo Thiên Chúa giáo trong một nước Hồi giáo. Phi Luật Tân theo Công giáo với thiểu số Hồi giáo trong nước. Khắp thế giới có những mầm mống ly khai, bạo loạn, vì lý do tôn giáo và chủng tộc. Thế giới đang nhìn về hướng Kosovo coi giải quyết thế nào.

Tại Âu châu, vụ Kosovo có thể biến thành cuộc đương đầu giữa giữa các nước Thiên Chúa giáo phương Tây với ngành Chính thống giáo phương Đông, khơi dậy những hiềm khích gần hai ngàn năm trước. Cộng Sản Nga đã lợi dụng tình đoàn kết chủng tộc Slav để khơi lại thù hận của dân Nga với Mỹ và Tây Âu.

Nhưng nếu NATO chịu thua ông Milosevic thì hậu quả sẽ nghiêm trọng. Trên thế giới còn những Milosevic khác cũng sẵn sàng ra tay diệt những người dân do họ cai trị, vì bất đồng chủng tộc, tôn giáo, hay chỉ vì bị bóc lột lâu quá rồi chịu không nổi phải đứng lên.●

ÔN CỐ TRI TÂN

KHỔNG TỬ THĂM XÓM BƯỞI

TRẦN CÔNG SUNG

Khổng Tử chu du thiên hạ, ghé qua xóm Bưởi, nơi người nước Lỗ chạy loạn đến cư ngụ rất đông. Mỗi lần gặp người nước Lỗ, Khổng Tử cúi xuống xe, ngả mũ chào.

Tử Lộ hỏi: "Người nước Lỗ có gì, khiến thầy phải kính nể đến thế?"

Nhan Hồi đáp: "Người nước Lỗ bỏ nước chạy đến đây mà vẫn đánh giết nhau, không ai chịu ai, là người DŨNG. Ai cũng cho mình là vua Thiên hạ, là người có CHÍ lớn. Cứ ba người là có ba đảng, ba nhóm: người Lỗ quyết không bỏ cái tập quán bộ lạc thời tiền sử của tổ tiên, là người TRUNG. Người nước Lỗ có CHÍ, TRUNG, DŨNG, bảo thầy không kính nể sao được?"

Khổng Tử khen: "Học trò ta nhiều, nhưng đi guốc trong bụng ta, chỉ có Nhan Hồi."

Nói rồi lên xe, cười tồ tồ mà đi.

Lời BÀN của Kim Thánh Thán

Ta bình sinh đọc sách thánh hiền nhiều, không thấy sách nào chép truyện này. Lại có chỗ không ổn. Khổng Phu Tử là bậc đại hiền tài, ăn nói chững chạc, có đâu lại bảo học trò "đi guốc trong bụng" mình. Phu Tử chứ có phải Phu Gạo đâu mà "cười tồ tồ"?

Ta e ông Khổng Tử này là Khổng Tử giả. Người ta bịa chuyện để khuyên người nước Lỗ bỏ cái thói kèn cựa lẫn nhau. Người Lỗ bỏ nước chạy, đến tá túc xứ người vẫn giữ thói đập phá nhau. Ai kém mình thì khinh, ai hơn mình thì phá. Ngồi khoanh tay không làm gì, ai làm thì chê bai.

Khổng Tử (thiệt) nói "người nước Sở mất cung, người nước Sở lượm được cung, có đi đâu mà thiệt." Người Lỗ mất cung không tiếc, chỉ sợ người Lỗ khác lượm được. Người Lỗ thấy người ngoại quốc thành công thì xuýt xoa khâm phục, thấy người đồng hương thành công thì khổ sở, hậm hực. Người Lỗ có tài chịu đói khổ, đến độ coi bần hàn là một đức hạnh, với điều kiện là không có người Lỗ khác khá giả hơn mình.

Nước Lỗ có người vì đại cuộc mà phải lao tù. Người nước khác ắt coi là anh hùng, người nước Lỗ lại nghi là đối lập cuội. Nằm tù một phần tư, một phần ba đời người để làm "khổ nhục kế": ai nghe cũng cho là quái gở, người nước Lỗ lại thấy rất thuận tai.

Ta đi mòn gót giầy, chưa thấy có dân nào kỳ dị như vậy, đúng là Nam Hải Dị Nhân.

Dân trí như vậy mà nước khá được, chuyện ấy cổ kim chưa từng có.

Cái anh nào bịa ra chuyện trên, chắc là muốn răn đời. Nhưng người nước Lỗ thuộc loài cà cuống, chết đến đít còn cay. Khổng Tử (thiệt) nói gặp người đáng nói mà không nói là lỡ cơ hội, gặp người không đáng nói mà nói là phí lời. Người nước Lỗ còn thở thì còn phá nhau, nói cũng như nước đổ đầu vịt, ích gì?

Lời Bàn Của Kẻ Hậu Sinh

Đọc sách cổ, không gì thú hơn lời bàn Kim Thánh Thán. Văn Thánh Thán sắc như dao, viết như đâm vào ruột gan người ta. Đọc Thánh Thán, ta hiểu người xưa, việc xưa hơn cả Sử Ký Tư Mã Thiên.

Có điều Kim Đại nhân là người uyên bác, lẽ nào không biết rằng người nước Lỗ là con rồng cháu tiên, làm gì có chuyện thối thân của loài cà cuống.

Thì ra cái ông Thánh Thán này cũng là Thánh Thán giả. Hàng hóa giả, người giả, cả đến chữ nghĩa thánh hiền cũng giả. Đúng là thời đại loạn. Nhưng đó là chuyện người nước Lỗ, ta chỉ đọc chơi rồi bỏ, liên hệ gì mà bận tâm?●

TÁN DÓC VỀ LỜI

Nói lời mà chẳng thẹn lời
Nguyễn Du

THÁI TUẤN

Khi một đứa bé nói: "Bông hoa này đẹp" thì Lời không phải của nó đặt ra. Lời đã có sẵn đó, trước khi nó ra chào đời. Nó chỉ việc lấy mà sài; như móc trong túi một chiếc kẹo cao-su mà nhai. Người ta bèn lý luận rằng: Lời có trước Ý.

Song cái con người sinh ra, ở thời kỳ chưa có ai làm ra Lời, thì lấy Lời ở đâu. Theo cái lý luận này thì phải đổi lại là Ý phải có trước Lời.

Những lời đầu tiên thốt lên từ miệng lưỡi con người, chắc hẳn chỉ là những âm thanh Ú, Ớ, Ê, A... được hoàn chỉnh dần dần bởi nhiều người đóng góp. Và lời cứ như vậy mà phát triển sinh sôi nẩy nở, như một bà mẹ đông con, nhiều cháu. Cần đặt tên cho mỗi đứa, để khỏi nhầm đứa nọ với đứa kia.

Lời là cần thiết như vậy. Không có lời thì chẳng thể có văn minh, văn hóa gì ráo trọi.

Tạo nên lời không khó, chọn lựa lời mà sài mới khó hơn. Song thử sửa lại Lời lại còn khó khăn gấp bội; mà còn nguy hiểm. Thí dụ muốn nói: "bông hoa này đẹp" như đứa bé nói mà lại bảo: "Ông oa ày ẹp" thì có khi bị ăn đòn.

Vì người nghe mình nói, tưởng nhầm là mình nhạo báng họ.

Ta cũng đã có câu: chửi cha không bằng pha tiếng. "Tiếng mẹ ru từ lúc nằm nôi" mà anh đem ra đùa rỡn, phá chơi coi sao được. Thật sự nếu anh chê tiếng mẹ đẻ đã cũ kỹ, cùn mòn, khuôn sáo quá rồi, thì anh đã quên mất câu: Một lời mà nhiều Ý. Một Ý mà nhiều Lời.

Và cùng đi nữa, anh cứ khăng khăng một mực; cần phải tạo ra những lời mới hơn, hay ho hơn, tiến bộ hơn. Anh cứ tha hồ, tự do; chẳng ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Song nếu chẳng ai hiểu anh thì ráng chịu. Tuy nhiên anh cũng nên nhớ lại, người đời cũng đã có nói: Nhiều ý nghĩa trở thành vô nghĩa, nhiều lời quá, lời lại giết lời. Và nhiều lời tất lắm chuyện xảy ra:

Đa ngôn tắc quái
Gà mái đá gà cồ

Lời cần thiết để tỏ bày tâm sự, thông đạt tư tưởng, sáng tạo văn chương, thơ, phú bàn luận chính trị, giảng giải đạo lý. Song còn rất cần để chửi nhau.

Các vị chính khách, các nhà làm chính trị ở cả hai miền Nam Bắc, sau khi sài gươm dáo, súng đạn để nói chuyện với nhau đã mệt nhoài. Lại tiếp tục đấm đá nhau bằng Lời:

Đồ Mỹ Ngụy tay sai bồi bút. Lũ tư bản chó má bóc lột. Bọn cộng sản vô thần khát máu. Chế độ độc tài côn đồ lưu manh... đầy rẫy trên mặt báo chí, sách vở.

Viết tới đây, chợt nhớ tới lời nhắn nhủ của một bậc đại thi hào

Ngắn ngày, thôi chớ dài lời mà chi.

Và tôi xin được dứt lời.●

BẠN BÈ

LÊ MINH HÀ

Cô y tá trẻ thì thầm than vãn với chị y tá già... "Bệnh nhân tự tử thứ mười hôm nay đấy chị. Chết kiểu gì không chết lại đi chọn kiểu chết khổ chết sở để người ta đè ra bơm nước vỡ bụng ra thế này. Cái cậu uống Vophatoc hôm qua tỉnh rồi nhưng cứ quờ quạng chân tay làm ràm như thằng dở người ấy chị ạ"...

Nữ bác sỹ đứng thẳng dậy, nhìn sang cái giường kế bên. Một hình người dẹp lép như cái đóm dưới tấm chăn mỏng. Cái đầu trọc lóc. Lằng nhằng dây dợ. Tiếng máy thở pinh pinh đều đặn. Đấy cũng là một bệnh nhân tự tử. Một cô bé. Cô y tá trẻ vẫn rầm rì than vãn với chị y tá già. Nữ bác sỹ thở dài phụ họa "Ừ ca trực này hết cả hơi" và kéo cái ống nghe tụt xuống cổ, ra khỏi phòng. Hai người y tá nhìn theo, rồi nhìn nhau: "Mẹ này hôm nay sao hiền thế không biết?!" Chị y tá già thúc tay vào cùi chỏ cô bạn: "Sinh nhật chị ấy hôm nay đấy. Phòng bác sỹ thấy đầy hoa."

Căn phòng riêng của nữ bác sỹ thì không có hoa. Sạch sẽ và lạnh lẽo. Cái lạnh lẽo lẩn quất trong từng góc nhỏ ngay cả những ngày nồng nực nhất ở những nhà không có trẻ mỏ. Hai ngày rồi nữ bác sỹ chưa về nhà và cứ băn khoăn mình quên chưa hé cửa sổ cho bay hết mùi giấy đốt.

Chị đã chuẩn bị cho ngày sinh của mình như thế: Hỏa táng kỷ vật hai mươi năm. Một xấp giấy mỏng. Những tờ thư. Một tình bạn. Thời con gái. Không phải để chuẩn bị làm điều gì mới mẻ. Từ lâu rồi nữ bác sỹ đã tin đời mình không đổi nữa.

*

Người đàn bà nạ dòng rời đám các bà các cô đang xúm xít xung quanh, buông bát bún riêu, đứng phắt dậy túm lấy ghi đông xe đạp của cô bé, vừa nghiêm trang vừa bả lả. "Em về nói với bà chuẩn bị một cái lễ lên chùa xin đội bát hương đi! Em căn cao số nặng, tình duyên rồi ra lật đật lắm. Nghe chị. Chị xem cho em không lấy tiền đâu. Số em rồi thể nào cũng phải về hầu cửa Thánh. Chạy trời không khỏi số đâu em. Xin đội bát hương giờ cũng còn chưa muộn lắm. Đừng ngạo mạn tin mình rồi hận một đời em ạ..."

Cô bé cười ngơ ngác, lúng túng và xấu hổ. Những người đàn bà ngồi quanh gánh bún riêu nhìn người đàn bà đầy vẻ sùng mộ. Bao nhiêu lời khuyên tới tấp bay ra từ những miệng đàn bà chắc chắn nồng nặc mùi mắm tôm. "Nghe cô đi em ạ." " Số mình vậy, Thánh đã sang lời qua cô. Không biết thì đành. Biết thì phải làm rồi Thánh vuốt ve che chở cho..."

Sau này Thảo hay nhớ buổi chiều vô tình gặp người đàn bà ấy khi đạp xe ra chợ mua chấp gội đầu. Nhớ cả cảm giác vừa thẹn vừa bực vừa sờ sợ khi nghe lời khuyên vỗ mặt của người đàn bà không quen, khi nhìn chị ta. Mặt choắt. Trán dồ ra hai bên. Hệt một quả trứng lộn ngược. Áo cánh trắng, quần sa tanh vừa cộc vừa nhàu. Hàm răng trắng ăn trầu nhờ nhờ hồng hồng, và đặc biệt: cái nhìn man dại. Nhiều lần đi qua những hàng quà có đàn bà xúm xít Thảo bất chợt bắt gặp mình đang kiếm tìm người đàn bà đồng bóng ấy. Nhưng chị không biết chị có nghe lời chị ta hay không. Hay sẽ vẫn như xưa: háo hức và sợ sệt kể cho đám bạn cùng tuổi, sau đó quên phứt.

Cho tới ngày ấy.

*

Sinh nhật Thảo rơi vào tháng năm. Tháng của mưa rào, của những môn thi cuối cùng, của những lo sợ cuối cùng háo hức đầu tiên trước một mùa hè. Ba mẹ chiều cô con gái lớn đã là sinh viên dắt thằng con trai nhỏ cách cô chị cả chục tuổi về bên ngoại, sau khi chuẩn bị đầy đủ bánh trái nước non cho con gái mời bạn. Mẹ trước khi đi cẩn thận đặt bình hoa

huệ lên bàn thờ, dặn: "Để đêm mẹ về thắp hương. Năm sau sinh nhật con đừng mua huệ nữa nhé. Sái lắm." Hương bạn thân Thảo cằn nhằn: "Cháu bảo nó rồi mà nó không nghe. Lại còn cãi cố tao thích."

Thảo cười khì khì "mẹ với cái Hương mê tín quá." Mà không giải thích vì sao mình lại tầm cho được chục huệ mang về. Nhành gầy, nụ nhỏ, trắng muốt, thơm mát cả lòng, dịu cả chiều hè ngột ngạt. Thảo thích huệ, rất thích và có lần còn đùa cùn với mấy đứa bạn. "Đám cưới tao tao cho chú rể ôm gà trống thiến, còn tao thì cầm bó tỏi. Rực rỡ đủ dùng. Tụi mày toàn loại bốn mắt thử nói tao nghe không có kính thì chúng mày nhìn bó tỏi khác bó hồng bạch chỗ nào? Hâm à? Ừ thì thôi vậy. Thay bó tỏi bằng bó huệ ta. Sang trọng và truyền thống gấp vạn lần ôm bó lay ơn to vật như cái chổi đót." Lũ bạn cười ầm ỹ. Một đứa hét cho thằng Quang làm chú rể. Và Quang quay sang Thảo, tinh quái: "Thế nào? Dịu dàng một tý đi thì tớ nhận làm cô dâu của tớ. Có tất cả chúng nó đây, thề với Thảo là tớ sẽ cho Thảo ôm hoa huệ trong ngày cưới!"

Lũ bạn vẫn thường ngạc nhiên thằng Quang ngang cành cành thế mà cứ nhũn như con chi chi trước cái Thảo. Chỉ có Thảo là biết Quang nhũn như thế nào. Vừa câu trước câu sau kể cho Quang nghe buổi hẹn hò thứ mấy mấy với anh sinh viên thứ mấy mấy Quang đã mắt tròn mắt dẹt: "Có vậy thôi à? Tưởng các ông sinh viên yêu đương thế nào chứ chỉ có mời đi ăn chè thì Quang cũng mời được. Cho ăn mệt nghỉ đỗ đen Hàng Thùng hay thập cẩm Hàng Điếu. Hay bây giờ mình lại đi đi. Chúng nó bảo hàng chè đầu Hàng Điếu anh gì mời Thảo vẫn chưa ngon. Phải hàng thứ hai cơ. Lạc rang hơi quá tay một chút. Thơm lắm".

Không làm cách nào chọc tức được thằng bạn chuyên môn chọc tức người khác. Mà cũng không thể nào thôi không chơi với nhau. Cứ đùng đùng dắt xe bỏ đi buổi chiều là tối lại thấy Quang tỉnh bơ gõ cửa "cháu chào hai bác" rõ to và thằng ranh con Tuấn đâm bổ từ phòng trong ra anh Quang anh Quang ầm ỹ. Chỉ còn duy nhất hai cách cư xử phải thay đổi: hoặc hậm hực đi ra đi vào nhìn Quang dạy thằng Tuấn tò toe tí toét cái Clarinet và thỉnh thoảng cười gì với bố mẹ, hoặc cũng làm ra vẻ tỉnh bơ một cách lịch sự. Rồi khi Quang về thì theo ra đóng cổng và nhìn nhau phì cười.

Thảo nhớ lan man, thắc mắc chưa thấy thư chúc mừng sinh nhật của Quang trong khi tay năm tay mười dọn bàn cùng cô bạn. Những cơn gió nồm lồng lộng thổi qua khung cửa để ngỏ. Lòng Thảo không sao yên được trong một niềm vui chưa có tên. Có tiếng gõ cửa ngập ngừng. "Khéo khách ở quê ra!" (1) Hương ngẩng đầu nói với theo bước chân gấp gáp vui mừng của cô bạn. Mẹ Quang đứng đó, nhợt nhạt. Thảo cũng nhợt nhạt. Người đàn bà nhìn cô gái, lòng bị cắt thêm bởi một nỗi đau, và chợt hốt hoảng khi thấy la liệt trên mặt bàn những bánh những kẹo những hoa quả đã bày biện tỉa tót. "Bác xin lỗi cháu... bác không biết là..." Tiễn người đàn bà về, Thảo quay lại Hương run run: "Mày không được nói gì tối nay." Cô bạn hốt hoảng gật đầu, hốt hoảng nhìn lên bàn thờ. Thảo cũng nhìn lên bàn thờ. Bình hoa huệ thơm thanh khiết, mùi thơm chưa ngát lẫn mùi hương khói. Nước mắt hai cô gái ứa ra.

Thế đấy! Thế là không có lời chúc mừng của Quang sinh nhật ấy. Không bao giờ còn có

THẢO CHI

NHỚ

Em nhớ anh buổi sáng, mặt trời trốn trong sương
Em thổi mây tìm nắng, cọng cỏ nằm soi gương.

Em nhớ anh buổi trưa, lưng trời mưa bụi. Mưa.
Con chim ngoan đi lạc, ngậm hoài cọng cỏ khô!

Em nhớ anh buổi chiều, hàng cây mặc áo thêu
Em vẽ thơ lên lá, cọng cỏ trổ rong rêu...

Em nhớ anh buổi tối, hơi thở tiếng chuông rung...
Vườn hoa lao xao nói, trái tim đập lạ lùng!

Em nhớ anh... Em nhớ... Em nhớ...

12/98

lời chúc mừng của Quang những sinh nhật sau. Không còn những trêu chọc và chiều chuộng hết sức bình thường trong những năm tháng ấy và đã trở thành không bình thường vào những ngày sau. Khi Thảo cho phép mình nhớ.

Quang với tiếng kèn Ôboa... Giai điệu Dòng kênh xanh của Phú Quang... Hội trường Cung Văn hóa thiếu niên. Quang với cái trống đại và đôi tay gõ dùi như múa theo một bài hành khúc trong đội hình nghi lễ đón tiếp phái đoàn các nước sang thăm ở sân bay Gia Lâm. Và giọng nói đầy chòng ghẹo... "Tên là cỏ mà chẳng khác gì loài thân gỗ. À mà được đấy. Cỏ làm đình. Thì mình lấy ta. "Chung một phận nghèo" này... cỏ ơi..." Điệu sa mạc chênh vênh đi trong tiếng cười òa ra trên sân trường loang nắng mùa đông. "Mình lấy người ta thì còn phải tỏ tình khướt!" Cả lũ lại cười, thúc: "Nói đi Quang! Đèn xanh đấy!" Và Quang nghiêm túc: "Sẽ! Nhưng khi nào cô bạn của chúng mình chán những cuộc hẹn hò với các anh chàng kháu lão trong tương lai đã. Em chào thầy ạ!" Ông giáo già mặt mũi nghiêm trang có biệt danh Trịnh Trọng Viên gật đầu đi ngang, không biết thằng học trò cưng đang hốt hoảng thè lưỡi nén cười cùng chúng bạn.

Sẽ! Không bao giờ! "Vậy là kẻ thù đã ngăn được bước ta đi." Quang nói bình thản, và hát tiếp "khí thế tiến công mang sức mạnh thần kỳ." (2) Cũng một buổi chiều. Cuối hạ. Mấy bà hàng xóm nhà trong ngõ đi làm về dắt cái xe chở đầy rau cho "ngày nay cho ngày mai cho hai ngày sau" (3) ngang chỗ hai đứa đứng, mặt khó đăm đăm. "Nhưng có điểm thi đại học rồi mà. Quang đi nước ngoài là cái chắc rồi mà!" Thảo chán nản níu một hy vọng mơ hồ. "Giấy gọi nghĩa vụ phường đưa chiều hôm qua rồi. Làm sao chờ được giấy báo nhập học. Mẹ Quang khóc cằn nhằn bố không chịu chạy trước mấy ông ngoài phường. Nhưng có mà chạy giời. Biên giới đánh nhau dữ thế!"

*

... "Chiều biên giới em ơi... Có nơi nào xanh hơn" (4)... Không biết ở biên giới mình với Tàu thế nào chứ cái màu xanh ấy ở nơi giáp ranh đất Miên này sợ lắm Thảo ạ. Quạnh quẽ. Rợn ngợp. Và cả đất nước ấy nữa. Bọn Quang vừa đi qua một làng Miên. Mới lác đác người về. Những ngọn cây thốt nốt chĩa vào trời xanh rờn rợn..."

... "Có một cô bé Campuchia hay mang thằng em tới chỗ bọn mình. Cô bé mười sáu tuổi, tên là Phaly. Cái tên nghe cứ trong veo. Cả nhà hai đứa chết hết. Thế mà hai chị em, rất lạ lùng, cứ vui như bọn mình tuổi ấy. Quang cứ thắc mắc hay đấy chính là bản năng sống của con người. Sống là phải biết quên những điều không thể chịu đựng..."

... "Hồi theo Cung Văn hóa vào tham quan Sài gòn, qua những cánh rừng cao su đều tăm tắp xanh ngút, Thảo cứ ồ à mãi nhớ không? Nhưng đi vào trong thì đơn điệu chết đi được. Còn ngủ trong đó thì không hiểu sao rất mệt. Khác ngủ trong rừng Cúc Phương hồi lớp chín. Cứ tưởng Thảo ghê lắm, vậy mà con vắt còn cách cả mét đã hét lạc cả giọng. Hôm đó Thảo cứ bắt Quang mang địa lan về. Nhưng Thảo thấy không, cái màu vàng cam ấy chỉ lộng lẫy đúng ở góc rừng ấy..."

... "Có nhiều người rủ Thảo đi ăn chè nữa không? Chờ đấy! Quang về thì Quang sẽ tỏ tình thật chứ không ngỏ lời theo kiểu ấm ớ ấy. Nhưng vẫn với một điều kiện: Thảo hết tính ương..."

... "Lời ở lại vẫn còn đó chứ ..."

Những lá thư. Như những dòng ghi chép. Nhiều lá viết sau đến trước. Đêm đầu tiên của tuổi mười chín, khi bạn bè về hết, Thảo đọc lại, tất cả, rồi xếp cẩn thận vào cái cặp da nhiều ngăn cũ bố đã bỏ không dùng. Và những ngày sau đến trường cười như Liên Xô. Hương nhìn gương mặt trắng nhợt và đôi mắt rừng rực của bạn, cáu kỉnh: "Vợ để tang chồng ba năm. Mày cũng cố nhớ thằng Quang thêm vài hôm cho tròn một trăm ngày chứ!" "Tao là gì của Quang mà phải thương với nhớ hơn mày? Mày nhớ Quang à? Thì phần nhớ để cho mày hết." Thảo tỉnh bơ, nhấm nhẳng. Nhưng đêm về không hiểu sao toàn nằm mơ thấy Quang, thức giấc lại mường tượng ra luôn gương mặt người đàn bà đồng bóng.●

Chú thích

1. "Khách ở quê ra," tên một truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, có dạo được dùng chỉ người ăn mày ở Hà Nội một cách đùa cợt.

2. Lời rút từ bài hát "Chẳng kẻ nào ngăn được bước ta đi" rất thịnh hành trong thời chiến tranh Việt Trung.

3. Nhại lời "Bài ca xây dựng" của Hoàng Vân. Nguyên văn: *Cho ngày nay cho ngày mai cho muôn đời sau.*

4. Lời bài hát "Chiều biên giới" thịnh hành thời chiến tranh Việt Trung.

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ THỤ THỂ TRONG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC

Có lẽ ý niệm về thụ thể trong tiếng Việt, ít nhất đối với một lớp người ngày nay đã lớn tuổi, bắt đầu từ bài học sơ đẳng về văn phạm ở bậc tiểu học vào thời thuộc Pháp xa xưa. Đại để bài học ấy như sau:

"Mèo ăn chuột" (Le chat mange la souris). Câu này thuộc về hoạt thể vì chủ thể (sujet) đóng vai hành động.

"Chuột bị mèo ăn" (La souris est mangée par le chat). Câu này thuộc về thụ thể; chủ thể tiếp thụ hay chịu đựng hành động của mèo.

"Trong hoạt thể, chủ thể thực hiện hành động hay sự việc do động từ biểu thị; trong thụ thể, chủ thể tiếp thụ hành động do động từ biểu thị. Chủ thể hành động (mèo) trở thành khách thể (complément) đứng ở cuối câu. Động từ 'être' trong câu biểu thị thụ thể".

Bài học căn bản về thụ thể đó đã có ảnh hưởng quan trọng vì về sau này nhiều nhà viết văn phạm Việt Nam lấy nội dung bài ấy để giảng giải thụ thể trong tiếng Việt, đồng hóa thụ thể trong tiếng Việt với thụ thể trong tiếng Pháp, không chú trọng đến những đặc tính quan trọng của thụ thể trong tiếng Việt.

Quyển "Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam" của Linh mục Lê Văn Lý chẳng hạn, đã mô tả thụ thể trong tiếng Việt như sau: "Những Động tự ở *Thụ thể* là những Động tự có những Ngữ vị *Bị, chịu, phải,* đứng trước và có một ý nghĩa thiệt hại, thất thế, do hành động của một tác động vật ngoại lai làm, mà chủ từ nhận lấy một cách miễn cưỡng hay vui lòng." (Mục 133 - trang 79 Bản của Dân chúa phát hành).

Ý kiến của Linh mục Lý không phải là sai. Từ Điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học Việt Nam, Hà Nội xuất bản năm 1992, cũng nhận định giống giáo sư Lê Văn Lý: "'bị' là từ biểu thị chủ thể chịu sự tác động của việc không hay, hoặc là đối tượng của động tác, hành vi không lợi đối với mình."

Thông thường chúng ta cũng nói và nghe nói: "Mèo ăn chuột," "Chuột bị mèo ăn;" "Bố tôi rầy tôi" và "tôi bị bố rầy" để phân biệt hai trạng thái một bên là chủ động và một bên là thụ động. Nói cách khác những nhận xét về thụ thể của Linh mục Lý và Từ điển tiếng Việt vừa nêu là hợp lý, phù hợp với cách nói chung. Ngữ vị "bị..." làm nhiệm vụ như động từ "être" trong tiếng Pháp để diễn tả cụ thể.

Những nhận xét và ví dụ vừa nêu ra chứng tỏ tiếng Việt ta có một lối diễn tả gọi là thụ thể và lối diễn tả đó không khác mấy với thụ thể trong tiếng Pháp. Nhưng thật ra những nhận xét và ví dụ trên chỉ là một khía cạnh phụ của thụ thể trong tiếng Việt và tưởng nên nhìn lại vấn đề, không lệ thuộc quá nhiều vào tinh thần ngữ pháp của tiếng Pháp.

Trước tiên ta nên thử hỏi là trong tiếng Việt có một cách diễn tả gọi là thụ thể không? Thứ nữa là tại sao có thể nói những nhận xét chung quanh những ngữ vị "bị, phải..." chỉ là những nhận xét phụ? Trong tiếng Việt còn có những cách nào khác, để diễn tả thụ thể?

Câu hỏi thứ nhất xem ra không hợp lý vì có chủ thể nào mà không có lúc ở trạng thể thụ động? Đã có trạng thể ấy tất có cách diễn tả, tức là có thụ thể. Đành rằng là vậy nhưng phân biệt rạch ròi hoạt thể và thụ thể trong tiếng Pháp chẳng hạn thì điều ấy không hẳn là đặc tính đương nhiên của tiếng Việt.

Vấn đề này đã có những nhà nghiên cứu ngôn ngữ Việt nêu ra. Trong khi chịu ảnh hưởng của Tây phương nhiều nhà ngữ học Việt xác nhận không nghi ngờ gì về thụ thể trong tiếng Việt thì nhiều nhà ngữ học Tây phương khi nghiên cứu tiếng Việt lại dè dặt về việc khả hữu của thụ thể trong tiếng Việt.

Ông Bulteau (giám đốc điều hành dân

chính sự vụ Đông Dương, Tốt nghiệp trường quốc gia ngoại ngữ Đông phương) trong cuốn Cours d'Annamite tái bản lần thứ ba năm 1950, không dày hơn quyển Sơ thảo Ngữ pháp Việt Nam bao nhiêu, đã có nhận xét khá tinh vi: "Tiếng Annamite ít dùng thụ thể. Thông thường người Annamite dùng hoạt thể. Khi người Pháp nói: con chuột bị mèo ăn, thì người annamite nói: con mèo ăn con chuột.

Dù rằng người Annamite có thể dùng những phụ động từ thụ thể để nói: con chuột bị con mèo ăn, nhưng lối này nặng nề, họ không muốn dùng tới."

(La voix passive est peu fréquente. D'ordinaire l'annamite parle à la forme active. Quand le francais dit: La souris est mangée par le chat - l'annamite s'exprime ainsi: Con mèo ăn thịt con chuột.

Toutefois il pourrait dire en utilisant les auxiliaires du passif: Con chuột bị con mèo ăn; mais cette forme est lourde et il répugne à l'employer.)

Ông Lawrence C. Thompson trong cuốn A Vietnamese Reference Grammar, đồng ý với ông Bulteau, đã nhận xét chi tiết hơn: "Động từ tiếng Việt khác với động từ tiếng Anh ở khía cạnh quan trọng là không hàm chỉ rõ rệt ý niệm trạng thể theo như ngữ pháp. Một ngoại động từ (transtive verb) tiếng Anh hoặc ở về hoạt thể hoặc ở về thụ thể. Sự phân biệt đó chẳng cần thiết trong tiếng Việt. Thực ra thì chủ thể và khách thể của động từ tiếng Việt thường không được minh xác rõ rệt; mối quan hệ chủ thể hay khách thể (đối với động từ) được minh thị trong ngữ cảnh (context) và nếu như (quan hệ ấy) không rõ ràng thì cũng có cách làm cho rõ; điều đáng chú ý là thường khỏi phải dùng những cách ấy và đại đa số các câu văn Việt không dùng phương cách làm cho sáng tỏ (tức là dùng các ngữ vị để minh thị hoạt thể hay thụ thể).

(An important way in which Vietnamese verbs differ from English verbs is that they do not in themselves imply a clear notion of "voice" in the grammatical sense. In English a (transitive) verb must be either active or passive. No such distinction is necessary in Vietnamese. As a matter of fact, the actor and the goal or object of Vietnamese verbs are regularly not formally marked; these relationships are generally clear from the context, and if they are not there are way in which they can be made clear; the point is that they need not be, and in the vast majority of Vietnamese sentences such clarifying devices are not used.)

Những nhận xét của Bulteau và Thompson thật bổ ích cho việc tìm hiểu thụ thể trong tiếng Việt.

Thật vậy đứng về mặt cú pháp mà nói nhiều câu văn có cấu trúc giống hệt nhau nhưng có lúc thì biểu thị thụ thể, có lúc lại biểu thị hoạt thể. Một bác sĩ nói: "Tôi đi khám bệnh" là một câu thuộc về hoạt thể vì ông ta đi khám bệnh cho bệnh nhân. Một người đang có bệnh nói như bác sĩ: "Tôi đi khám bệnh" thì câu ấy lại thuộc về thụ thể vì ông ta đi gặp thầy thuốc để được khám bệnh chứ không làm công việc khám bệnh như thầy thuốc.

Những câu thuộc loại vừa nêu ra là cách nói thông thường trong tiếng Việt, cứ tùy theo ngữ cảnh mà hiểu là thụ thể hay hoạt thể. Tiếng Việt không tách bạch rõ rệt thụ thể và hoạt thể. Đúng như ý Bulteau và Thompson có thể dùng những ngữ vị "bị, được, phải..." để diễn tả thụ thể nhưng thông thường chúng ta ít khi dùng đến. Có thể nói: "Gió lớn cây *bị* ngã tứ tung." hay "*Được* tiêm thuốc ngừa tả rồi, tôi ăn uống thả cửa," nhưng ít ai nói như thế, thường khi nghe nói: "Gió lớn, cây ngã tứ tung" và "Tiêm thuốc trừ tả rồi, tôi ăn uống thả cửa." Mấy ngữ vị "bị, được" như thừa ra, câu văn trở nên nặng nề.

Những câu ở thụ thể, thiếu các ngữ vị thụ thể, không những nhẹ nhàng, lắm lúc lại duyên dáng vì ý nghĩa kín đáo, lơ lửng chứ không "toạc móng heo" ra như lúc có các ngữ vị ấy. Thử đọc lại mấy câu hát dặm (một lối hát vùng Nghệ Tĩnh) sau đây sẽ thấy ngay tính chất tế nhị vừa nói:

Một là tương mặn mới (muối)
Hai là xấu đỗ (đậu) nành
Ba là vấn (ngắn) múi khăn xanh
Trên đường quan đại lộ
Chẳng thấy tương lai vãng.

Câu hát mỉa mai kín đáo vì thiếu mấy ngữ vị "bị" và cũng vì thiếu mấy ngữ vị ấy mà không thô lỗ. Ở Hà Tĩnh vào thập niên 30 có hai tay hát dặm nổi tiếng là chị Tương và anh Đường. Trong câu hát trên anh Đường chê chị Tương hư hỏng. Muốn biết hư hỏng như thế nào chỉ cần thêm ngữ vị *"bị"* vào mấy câu 1, 2 và 3: ... tương *bị* mặn muối, tương *bị xấu đỗ nành, khăn xanh bị vấn múi. Tương bị mặn muối là tương dở, tương bị xấu đỗ nành là tương hư, khăn xanh bị vấn múi tức vì hư hỏng mà*

bụng lớn ra, hai múi thắt lưng xanh vắn lại. Cũng vì hư hỏng nên đã tránh mặt, không dám đi, lại. Lẽ tất nhiên cô Tương đáp lại là chẳng "bị" gì cả và cũng không tránh mặt ai: "mỗi ngày đạp lên mặt đường ba bận." Nếu thêm ngữ vị *"bị"* vào trong câu hát có lẽ cuộc đối đáp đã trở thành cuộc ẩu đả, nhưng nhờ không có những ngữ vị *"bị"* mà không khí vẫn hòa nhã.

Đọc các truyện nôm xưa chúng ta càng thấy rõ việc dùng hoạt thể để diễn tả thụ thể. Trong Lục Vân Tiên hình như chỉ có một lần ngữ vị *"bị"* được dùng đến:

Tiểu đồng bị *trói khôn về* (câu 891)

Trong Đoạn Trường Tân Thanh, Kiều *bị* bao nhiêu tai nạn nhưng để mô tả những tai nạn ấy Nguyễn Du không hề dùng đến những ngữ vị thụ thể. Tả Thúy Kiều thất thân với Mã Giám Sinh, Nguyễn Du đã viết:

Tiếc thay một đóa trà mi
Con ong đã tỏ đường đi lối về.

Trong ngữ pháp tiếng Pháp có một dạng thụ thể được diễn tả bằng tự động từ (verbe pronominal). Người ta nói: "Le savon est vendu à 20 francs le kilo" (thụ thể) và cũng có thể nói: "Le savon se vend à 20 francs le kilo," lấy động từ "se vend" thay cho thụ thể "est vendu." Trong trường hợp này tiếng Việt thông thường cũng dùng "hoạt thể": "Xà bong bán 20 quan một kí", chứ không dùng thụ thể dù có thể dùng được: "Xà bong *được* bán với giá 20 quan một kí."

Nói chung lại trong tiếng Việt sự phân biệt thụ thể và hoạt thể dựa vào ngữ cảnh hơn là cấu trúc của câu văn, tức theo ngữ pháp. Tiếng Việt lại ít dùng đến các ngữ vị thụ thể để diễn tả thụ thể nên khi bàn đến các ngữ vị ấy là chỉ bàn đến một khía cạnh thứ yếu. Nếu xem đó là cách chủ yếu để diễn tả thụ thể trong tiếng Việt thì vô tình đã đi xa đặc tính của tiếng Việt. Trên đây chỉ là một vài nhận xét nhỏ nhặt, mong được quí vị cao minh chỉ giáo và cũng mong sớm có một cuốn ngữ pháp Việt Nam, chính thức và đầy đủ để làm chuẩn cho tiếng Việt.●

San Diego cuối 1998

HỒNG KHẮC KIM MAI

TIẾNG VỌNG ĐỒNG TÂM

Ta giương cung
Toan bắn mặt trời
Gió muôn phương vây tròn đỉnh núi
Nắng quái chiều hôm sa giọt tủi
Lệ trăm năm
Tươm cõi lòng

Bóng dáng xưa
Thương mầm non đâm chồi bén rễ
Mẹ trở giấc nằm
Lên tiếng gọi con

Vọng hồn Cổ Loa
Rêu phong nghìn xưa chi đỗi ngậm ngùi
Tháng mưa phùn
Nước trên nguồn ồ ạt đổ xuống
Ta hứng mềm tay
Hỏi ai
Những điều không tên
Để quên
Những điều không quên

Ta đứng trên thuyền ngất ngưởng mùa xuân
Vung tay Phù Đổng
Hạt thóc nở thành cơm thành núi thành non
Mẹ cười vang chín vía
Thu hồn con
Lở cả núi sông

Ta chưa về nhuộm tím vầng trăng
Cớ sao rừng tắt
Thôn đoài gặm nhấm buồng tim
Ủ ê lau lách
Vũng sầu Bố Cái thở những ngàn thương

Đại Cồ ơi!
Ta nối tơ vương giữa trời hiu quạnh
Quay đầu bên đông
Quay đầu bên tây
Tít con mắt mờ ướt chân sương
Đồi chim nghe tiếng vọng
Lời ca sóng vỗ
Trống đồng chiêu quân

Rợp cờ tháng giêng
Ta giương cung từ phía
Mẹ tròn đôi mắt
Trông ta đẩy giòng sông.

Feb 24, 1999

NGUYỄN MẠNH TRINH

SẤM ĐỘNG Ở HƯ KHÔNG

1

Nỗi vỡ òa của mầu trắng
trên nền trời lam tịnh không
tôi một mình giữa nắng
mênh mông và mênh mông.

Bước chân bao giờ trở lại
ươm mầm những giấc mơ
cơn mơ tuổi trẻ
ba mươi năm những tiếng hát
ran lồng ngực trái
ba mươi năm những vết chai trên tay
mang nặng ngày tháng bồng bềnh
Bụi cát.

Thấy lại tôi năm xưa
vàng phai mầu hoa quỳ
sợi mây vắt trên vai như giọt sữa
khi tóc xanh còn rối tình cờ.

Thấy lại tôi bài thơ
cơn mưa bất chợt nhiệt đới em
gió xao xuyến thét gào
như tiếng chó sói tru ngày động rừng
cuối phố.
Tà áo, những tà áo trắng phai
Đem giấu trong tâm những góc nào
sâu kín.

2

Ai kể chuyện cổ tích
Tôi tay trắng đi vào hư không
Bài ru thầm thì
ngày anh hai mươi tuổi.

mùa đông có phải rất dài bên núi
bên con đường ngọn lá vẫy tay
Ta đã ở những tháng ngày ở đó
những ngọn thông dưỡng mọc ở đầu mây.

Trở về trở về đi khúc quành của cây
cầu gập ghềnh
ở đó có dốc lăn mỏi mệt nửa khuya
có cây phong du níu gió tay vời
và căn phòng nhỏ có tàng cây rũ lá như
thì thào
bản tình ca muôn đời không nốt nhạc.
Ở đó tôi có giấc mơ
của ánh đèn thấp thoáng trong sương và
hạt mưa bay bay ngoài ngã tư vắng tanh
bóng điện.
Có còn gì trong tâm thất rỗng
một hạt máu bầm của thuở sơ sinh
tiếng khóc.
Có còn gì còn gì không?
những chiếc lá ủ ê trên mặt cỏ muộn
phiền mùa bấc nổi.

3

Có một kẻ du ca
hát ngao ngoài phố chợ
kể về đời mình những ngày tháng
mông mênh
những nỗi buồn ươm từ trên vết nứt
phiến đá xẫm hoàng hôn

buổi chiều nào đi qua trên con lộ bụi
câu hát quên một mình
hãy chia cho ta miếng bánh
quá khứ tương lai hiện tại
còn đâu trong ta những câu thơ
hoang đàng
của nấm độc loang đầy trên đất cạn.

Vỡ òa của mầu trắng
những bài thơ ngồi khóc trong trăng
của thảo nguyên những hồi sấm động.

gửi anh Nguyễn Xuân Thiệp

RỬA XE

THẢO TRƯỜNG

Đầu tắt mặt tối. Đánh đông dẹp bắc. Đầu tiên là dùng máy hút bụi, cầm cái vòi miệng dẹp như miệng cá trê hút hết rác rưởi bụi bặm trong xe xong thì đến cửa ngõ rửa bánh xe, mỗi thợ một bên, xịt hóa chất, dùng bàn chải khắp lượt, rồi xịt nước cực mạnh, tất cả phải nhanh như chớp. Xe chui qua cổng phun nước rửa và xà phòng. Rồi anh chỉ có nửa phút để lau chùi cho xong một nửa bên xe nếu không chiếc xe sẽ chui qua cổng phun đầu bóng. Chỗ này gay go nhất. Bắn chậm là chết. Hai tay hai miếng búi chùi ướt đẫm xà phòng quơ khắp lượt chiếc xe từ đầu đến cuối, từ trên xuống dưới, không để sót một chỗ nào. Chỗ nào không quơ tới là "địch" nó núp ở chỗ đó. Phía bên kia anh chàng thợ gốc Mễ trẻ tuổi mỉm cười với ông lão. Có lẽ chỉ khoảng mười tám, hai mươi. Hai tay nó vẫn quơ đều nhuần nhuyễn. Anh ta không biết nói tiếng Anh. Ông lão thì không nói được tiếng Spanish. Ông cháu chỉ ra dấu với nhau. Một lần thấy ông mặc chiếc T shirt có in hình bãi biển, anh ta chỉ vào mình rồi chỉ chữ Cancun trên ngực áo ông, cười, ông hiểu ngay rằng anh ta muốn nói quê anh ta ở vùng đó bên xứ Mexico. Miệng cười là cách ra dấu tuyệt vời nhất. Khi ăn Pizza hoặc Burritos với nhau cũng như những lúc mỗi người mỗi bên rửa xe thế này. Giới trẻ chúng làm việc gì cũng nhanh nhẹn và tốt đẹp. Người già thì bao giờ chẳng chậm chạp, lóng ngóng. Bà lão ở nhà lại còn phê là "đụng đâu hỏng đó." "Không đáng tin cậy." Gặp phải chiếc xe to tổ bố do đế quốc Mỹ sản xuất thì cả ông lẫn cháu đều kiễng chân với tay sang cũng không tới nhau, không giáp mí.

*

Hai đơn vị hành quân chưa bắt tay nhau là chiến trường chưa bao vùng, chưa khắp lượt, chưa càn quét hết, chưa trải thảm xong. Lãnh thổ hãy còn xôi đậu, còn da beo. Tài liệu của cục R nó chỉ ra cho cán bộ hạ tầng phải lợi dụng những "lõm" ấy mà tránh né đụng độ, kiếm những chỗ bỏ trống đó mà núp. Ông già sức yếu với không tới, cháu trẻ ham vui chơi lơ là bỏ sót, thế là Việt cộng nó "nín thở, nó núp kỹ, nó thoát vòng vây, nó tránh né, nó không bị tóm," mình rút đi rồi "nó lại chui lên, nó lại bò ra, nó lại lẻo mép, nó lại múa may." Lung Ngọc Hoàng ở xã Hương Mỹ, giáp mí Cần Thơ - Chương Thiện cách không xa Vị Thanh Hỏa Lựu, là một vùng sình lầy quanh năm ngập nước, lác đác đây đó vài gò đất nổi, cây cối um tùm, hành quân vào vất vả, thắng lợi chẳng bù lại tổn thất, miền đất khó "nhá," bèn khoanh vùng làm nơi oanh kích tự do, pháo binh muốn thử súng thì đì đùng vài quả, phi cơ xong nhiệm vụ oanh kích lỡ còn dư bom tạt ngang vào thả xuống muốn trúng đâu thì trúng, nhưng bom đạn viện trợ của đâu mà vung vãi nhiều, hóa cho nên vùng oanh kích tự do thành nơi an toàn cho Việt cộng. Thậm chí còn là nơi cho cậu thượng úy em trai cô Nga, vợ nhỏ của anh Bí Thư Thứ Nhất Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng trốn tránh trong đó một thời gian để khỏi bị Trung ương cục miền Nam kỷ luật về tội du dãng và đào ngũ. Miền giáp ranh bị bỏ sót trở thành khu an toàn, quốc gia chẳng buồn vô, mặt trận bèn dùng làm chỗ núp. Tôm, cua, cá, ếch, ba ba, rùa, rắn, cóc, nhái, chim muông, dã thú... tự do sinh sản, thoải mái sống trong những vũng bom hố đạn, chờ coi có đồng chí nào đến bắt làm món mưu sinh. Một hồi chánh viên kể lại rằng thuở còn làm Xứ Ủy Nam Bộ, vợ con ở ngoài Bắc xa xôi, nên đồng chí Bí Thư cặp với cô Nga cán bộ cho ấm lòng nhau trong hoàn

cảnh cùng làm cách mạng. Thuở ấy hai kẻ yêu nhau cũng thường rút vô "Lung" nghỉ ngơi mỗi khi bị chính quyền Miền Nam bố ráp săn đuổi. Nằm chung trong chiếc "nóp" trên gò đất nổi giữa vùng hoang dã xôi đậu da beo, hai kẻ yêu nhau bàn chuyện sách lược đấu tranh. Những ý tưởng nảy sinh trong cơn giao hoan rừng rú ấy sau này còn được dùng làm cơ sở lý luận soạn thảo bản Báo Cáo Chính Trị đọc trước Đại Hội 3 họp tháng 9 năm 1960 tại Trường Nguyễn Ái Quốc, Hà Nội. Người hồi chánh kể rằng khẩu hiệu "Xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chiếu cố miền Nam" nêu trong bản Báo Cáo biết đâu đã chẳng thai nghén từ cái lúc cô Nga trẻ trung xinh đẹp và anh Xứ Ủy dày dạn sương gió, cùng nhau làm việc trong cái "nóp" chật chội, kẻ trước người sau, em trên anh dưới. Sau này khi ra Hà Nội thì đàn bà ai mà chẳng ghen, cho nên bà hai phải đi Liên Sô ở cho yên chuyện nhà bếp và được việc nhà nước. Nhưng cũng chỉ vì mấy chữ "chiếu cố miền Nam" mà chiến tranh tương tàn diễn ra trên đất nước khiến hàng triệu thanh niên miền Bắc bỏ mạng sa trường và Miền Nam thì khốn khổ cho đến ngày nay chưa hết.

*

Ông cháu lau chùi mui xe, hai kẻ từ hai miền đất xa nhau vạn dặm tình cờ gặp nhau nơi đây mỗi người mỗi bên, mỗi người mỗi vị trí, mỗi người mỗi phần vụ, mỗi người mỗi tiểu khu, mỗi người mỗi cánh quân... và nhìn nhau trao đổi những liên lạc truyền tin bằng những dấu hiệu quốc tế, những miệng cười, mỗi người mỗi vẻ, mỗi nỗi niềm ưu tư, cháu chỉ kiếm tiền, ông muốn phiêu lưu hay chạy trốn. Họ từ trong những cái "lung" ấy mò ra, họ từ trong những cái "nóp" ấy mưu đồ, còn các cánh quân thì cứ bỏ sót... ông cứ bỏ sót cho nên bây giờ ông đứng đây với cháu, ông "chơi" một cánh quân trận giả với cháu, rồi ông cũng bỏ sót, cháu bỏ sót thì hiểu được vì cháu ham chơi, ông bỏ sót bây giờ là tại ông già nhưng ngày xưa còn trẻ ông bỏ sót cũng vì ông ham chơi, còn họ thì mưu đồ được ăn cả thua cũng chẳng có gì để mất. Họ nói họ chỉ có cái "lai quần" cũng vẫn đánh.

Cái thằng em nó "chiếu cố" ông, nó muốn lấy hết gia tài ông không cho nó, giá ông chịu nhịn cho nó hết rồi ông dắt díu vợ con đi ăn mày thì đã không có chiến tranh, đằng này ông không chịu nhịn thua cho nó chiếm hết để ông đi ăn mày mà ông chống lại thằng em, ông một mình chống lại nó vất vả quá nên ông để cho hàng xóm láng giềng vào giúp. Thế là nó cào mặt xé váy lăn đùng ra kêu làng kêu nước rằng nó bị ông ăn hiếp. Thằng em nó đòi chia gia tài, chính nó đòi chia gia tài, được phần rồi nó lại nói tại sao chia mà không để ở chung, nó vào nó đòi ở chung với ông, nó đòi cái phần của ông, ông không nhường nhịn lại còn kêu hàng xóm vào hùa với ông đánh lại nó. Nó tham nhưng ông cũng có cái lỗi là không nhường nhịn, ông có cái lỗi là không chịu bỏ hết để đi ăn mày, thì phải đánh nhau thôi. Nó cởi trần, mặc quần sà lỏn, ăn củ sắn, đi chân đất đánh ông, còn ông phải mang giầy vào chân cho văn minh như Mỹ rồi mới tác chiến được. Mỗi chiếc giầy 16 lỗ, hai chiếc là 32 lỗ, mang đôi giầy vào chân xỏ dây đủ 32 lỗ xong buộc lại thì nó đã thu dọn chiến trường. Cho nên có nhà văn đùa rằng "thua là tại đôi giầy."

Cái thằng em nó chơi trò "tội tổ tông," chiếm phần xong nó hạch tội dân miền Bắc đủ điều, lục lọi lý lịch từ tổ tiên tam đại ra tra vấn cho đến tận cái chổi cùn rế rách. Đấu tố xong, vào trong Nam, nó hỏi tội từ trên xuống dưới từ dưới lên trên "Tất cả mọi người đều có tội với cách mạng. Văn Vĩ cũng có tội!" Tiếng đàn não nùng của nhà Nhạc sĩ Dân gian Văn Vĩ mà rất nhiều người ở miền Nam đã từng được thưởng lãm qua các buổi trình tấu cổ nhạc của ông cũng bị chúng liệt vào hàng "có tội" vì chưng nhà nhạc sĩ mù này đã "ru ngủ" nhân dân! Nó kết tội hết, bắt mọi người phải nhận tội, kể cả bố nó cũng phải nhận tội, xong rồi mới bày trò tha. Được tha rồi thì phải làm sao? Kẻ có tội thì trong lòng ra sao? Kẻ có tội mà được tha thì trong lòng ra sao? Thế cho nên trước hết là phải bắt tội cái đã. Hành hạ cho nhừ tử ra rồi sẽ khoan hồng tha ra. Từ từ cho đến lúc xuống lỗ thì đã "đá nát vàng phai." Thằng em nó láu cá thế mà ông phải chịu. Nó chống "thực dân cũ" xong nó bày kế chống "thực dân kiểu mới." Thực dân "cũ" vơ vét cả chổi cùn rế rách, "thuế thân" là lột cả cái khố của người dân. Thực dân "kiểu mới" khôn hơn chừa ra chổi cùn rế rách và khố, chỉ vơ vét tài nguyên quốc gia đem về chế biến thành hàng hóa mang sang bán lại cho dân bản xứ. Thế còn "đảng chỉ đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" nghĩa là nó giữ cả quyền lẫn của thì là thực dân kiểu gì! Cho nên nó đích thị là một thứ "Siêu thực dân," còn ghê gớm hơn cả "cũ" lẫn "mới" cộng lại. Ôi,

thằng em, phải chi ông nhường cho nó chỉ đạo và quản lý ngay từ đầu, ông chỉ nên làm chủ, thì có lẽ sẽ không xảy ra chiến tranh. Ông chịu khó đi ăn mày ngay từ lúc nó đòi "chiếu cố" thì đã không đến nỗi tan nát. Bởi vì tất cả đều có tội, ngoại trừ nó. Siêu!

Anh em ông đánh nhau thì nhất định là xấu hổ rồi, xấu hổ cả hai, nhưng thằng em ông nó láu cá, nó biết che dấu, cho nên kẻ xúi bẩy nó cũng biết núp, đưa dao cho nó chém ông cũng biết cách đưa lén; còn ông, bạn nó đưa cái gì thì cũng ồn ào vỡ chợ, hàng xóm láng giềng đến giúp thì như chửi thuê chém mướn, chẳng ra làm sao cả, thế là lại mang tiếng.

Các ông hàng xóm láng giềng mỗi người giúp mỗi kiểu. Có ông thiệt tình hết lòng hết sức như ông có con Canguru, đánh kiểu du kích chiến, đánh kiểu biệt kích, xuất quỉ nhập thần. Cũng phục kích cũng nằm vùng, cũng giả dạng thường dân, anh sao tôi vậy, anh đi đêm tôi cũng đi đêm, anh nằm lì chờ tôi cũng nằm lì chờ, anh chịu gian khổ tôi cũng chịu được gian khổ. Coi ai thắng ai. Quả nhiên cả một vùng lãnh thổ trách nhiệm ở Bà Rịa êm ru, những thằng em ông bị lực lượng Canguru tóm hoặc tháo chạy đi nơi khác hết. Nhưng chỉ được một vùng ấy, người ta giúp cho một khu làm mẫu thôi. Hoặc như ông Nhân Sâm đem mấy sư đoàn thiện chiến sang, đi đến đâu yên đến đó, bao nhiêu đơn vị cộng quân bị họ quét sạch, gặp "chốt" nào cũng nhổ hết. Nhưng đồng minh Mỹ trả chiến phí mệt nghỉ. Các ông Thái, ông Phi thì tham dự cho phải phép thôi. Ông Thái đem mãng sà sang cho nó cắn cộng sản. Ông Phi đem chuyên viên truyền tin và bác sĩ, y tá sang làm dân sự vụ, để cho dưới ngọn cờ Quốc tế quân viện có đông đông nước một chút. Riêng ông Đài Loan vì đảo nhỏ, người không đông lắm, nên chỉ hiến kế. Dùng "tam dân chủ nghĩa" chống lại "cộng sản chủ nghĩa." Về chiến lược thì dùng "Lục đại chiến" chống lại "ba mũi giáp công." Ông mang cẩm nang "chính trị tác chiến" sang huấn luyện cho quân cán chính Việt Nam Cộng Hòa. Theo cuốn sách nếu vận dụng tốt sáu cái chiến: Tâm lý chiến, Tình báo chiến, Du kích chiến, Tổ chức chiến, Mưu lược chiến và Quần chúng chiến thì có thể thắng luôn được Trung Cộng, "quang phục đại lục" dễ dàng. Nghe đồng minh thuyết trình coi có vẻ ngon ăn, phe ta có nhà lập thuyết cũng hăng lên khoe:

"Nước chúng tôi cũng đã từng có "quốc sách Ấp chiến lược" với kế "tam túc-tam giác" suýt nữa biến thành "quốc tế sách" với kế "tam tam giác" làm mẫu mực cho nhiều nước noi theo nếu không có biến cố..."

Trong thảo luận các lý thuyết gia có đưa ra một viễn tượng chỉ cần "bẻ" đi một "chân" của phương châm "Hai chân," làm gẫy một "mũi" của cái kiềng "ba mũi" là lập tức "phương châm chiến lược hai chân ba mũi"... cùi luôn. Cộng sản sẽ tan rã lập tức. Các nhà nghiên cứu chiến lược ở trung ương tại Sài Gòn hì hục đề ra những phương pháp và kế hoạch vô hiệu hóa âm mưu địch. Một kế gọi là "tam giác chiến" đã được nói tới. "Cộng sản biết

TRẦN VẤN LỆ

GẶP VIỆT CỘNG TRÊN ĐẤT MỸ

Thôi! Họ đi là không trở lại. Một lần gặp vậy cũng Thiên Thu! Tôi đưa diêm quẹt, vung tay, bật. Lệ nhỏ. Lòng đau. Hết hận thù...
Lệ nhỏ. Lòng đau. Non với Nước! Xưa, mình vuột, lỡ, chốn thâm sơn. Giờ, không là bạn, không thù địch, chỉ giữa đường, quen, chốn viễn phương!
Hỏi có ai, ngupời không xốn mắt. Chiều lên. Khói cuộn. Nắng lung linh... Thời trên quê cũ còn nhung nhớ, hồ huống lầm thân lạc miếu đình!
Thôi, họ đi, còn, đây, gió mưa. Còn đây, tôi húp muỗng canh thừa. Cay bờ môi biết nhai nhằm ớt, nuốt nước miếng rồi nghe ngẩn ngơ...
Họ đến đây, đi, giữa phố người. Mình về đây, lạc xứ ma trơi. Con đom đóm hỡi, bờ lau sậy, có thấy gì đâu nữa đất, trời!
Nghĩ Mẹ, Cha, còn như kẻ lạ khi đời ngăn cách bởi âm dương. Tình thân, hay chửa là thân thiết, gom lại xem vừa chữ Cố Hương!
Thôi! Họ đi rồi! Diêm tắt, thôi! Tôi cầm điếu thuốc gắn lên môi. Bập bùng đốm lửa ai trông thấy, bụm miệng mà che hộ tiếng đời...

làm chiến tranh thì ta cũng biết cách chấm dứt chiến tranh!" Nhưng các ông chưa tìm ra cách chấm dứt chiến tranh thì bạn đồng minh Mỹ đã cùng với cộng sản chấm dứt bằng cái hiệp định ngưng bắn ở bên Tây. Các bạn đồng minh rút về nước của họ, ông bạn Đài Loan vẫn còn cay nên ở lại dưới danh nghĩa Phái Bộ Canh Nông đem sang giúp những giống ngô bắp lớn, giống khoa củ to, ý là "dân giầu nước mạnh" tất thắng "bọn cộng sản bần cùng hóa nhân dân." Sau năm 1975, cộng sản chiếm sạch cả nước, các bạn đồng minh lần lượt lân la chơi với kẻ thù cũ, quên cả "nghĩa nhà binh tình nhà thổ." Mà chơi thân nhất đem tiền vô làm ăn nhiều nhất với Cộng sản lại là những ông Đại Hàn, Đài Loan, Mỹ... Các chiến sĩ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa thì đi làm "tù binh vô thừa nhận," xong trở thành các bác già lưu vong "vô tổ quốc" lang thang khắp thế giới.

*

Chiếc xe chui qua các cổng xịt đầu bóng rainbow wax, cổng hot wax, cổng nước phun từ dưới lên gầm xe, cổng phun nước từ trên xuống mui xe và cuối cùng là cổng phun hơi làm khô toàn bộ chiếc xe từ đầu đến cuối. Đến đây hai ông cháu sử dụng vòi xịt hơi để xịt đi hết những giọt nước đọng trong các khe của chiếc xe nhất là trong hai chiếc gương chiếu hậu và những chiếc đèn pha. Sau đó lái xe ra bãi đậu lau khô và lau kính. Anh thợ trẻ người Mễ chuyên nghiệp nên làm ăn ngon lành, những chiếc khăn màu sắc khác nhau gấp tư trên tay anh ta thoăn thoắt lướt qua từng vùng chiến thuật, anh ta chỉ hất nhẹ một cái là chiếc khăn trở mặt ngay trong khi ông lão thì lóng ngóng có khi còn làm rớt cả chiếc khăn xuống đất. Đã vậy lại còn phải trông chừng thằng chủ nó về bắt gặp ông không làm đúng chỗ đúng việc. Nhiều khi nhờ anh thợ trẻ tinh mắt thấy xe chủ, bèn nháy mắt ra dấu, thông tin cho nhau, ông lão vội buông khăn lau, chắp tay sau lưng vờ như đang "lao động kiểu chỉ trỏ." Cái kiểu "lao động chỉ trỏ" này ông học được trong các "trường" lao động cải tạo ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa khi đi tù ngoài ấy. Cái "khâu" chỉ trỏ này rất quan trọng vì nó có tính cách chỉ đạo, nó có tính cách hướng dẫn, nó có tính cách tham mưu, nó trí tuệ, nó chất xám, nó có tính đảng, nó làm nòng cốt của mọi thắng lợi. Chả thế mà ca dao mới có câu "Công làm là công bỏ, công chỉ trỏ là công ăn." Ông lão đi tù về bèn đem ứng dụng những sáng tạo tài tình đó của các cán bộ đảng và nhà nước cộng sản vào trong công việc này khi cần. Anh thợ trẻ thấy bố già biết sợ chủ thì cũng khoái lắm, hai người lại... "cười" với nhau. Những anh thợ trẻ này còn sợ bị vạ lây "Bao nhiêu là thợ sao không làm để Bố tôi phải nhúng tay vào?" Ai biểu cụ làm hồi nào, ấy là do cụ tự ý dành việc của người khác chứ ai bắt buộc được cụ. Có cụ dính vào chỉ thêm "loạn cờ," cụ lau rồi có khi chúng tôi phải lau lại, cụ làm theo cái kiểu tự giác xã hội chủ nghĩa, bôi bác, qua loa, lắm chỗ còn bẩn nguyên, khách hàng người ta cự nự cho. Chúng tôi là thợ chuyên nghiệp làm việc ăn tiền, đồng tiền đáng giá, "đáng đồng tiền bát gạo," chứ đâu làm theo kiểu cách mạng như cụ làm. Chúng tôi đang làm có cụ đến bên chỉ tổ vướng chân vướng tay, mà nói cụ thì không dám vì cụ là... bố của chủ, cụ là cấp "chỉ trỏ." Khổ lắm! Chúng tôi nghe nói ở cái nơi mà cụ mới rời bỏ ra đi, người ta cũng thường không chịu về vườn, người ta cứ yêu nghề mãi mãi. Già khú đế đi không vững mà vẫn ở lại làm cố vấn. Tổng bí thư rồi còn đặt thêm ban cố vấn cho năm ba ông già đẹp mặt. Một thủ tướng với năm bảy anh phó thủ tướng. Một bộ trưởng với cả chục anh thứ trưởng. Một cục trưởng với cả 108 anh cục phó... Chật cả chỗ và tốn ngân sách. Đông. Vui. Hao.

*

Một bà khách Mỹ gốc Việt rất đẹp và rất sang, cô con gái cũng rất đẹp và rất xinh, chiếc xe hơi cũng rất đẹp và rất mới... đứng xem hai người lau chùi xe, nói nhỏ với nhau:

"Nhìn hai bố con ông Mễ già lam lũ vất vả, lát nữa xe xong cho mỗi người một đồng "tip" kẻo tội nghiệp!"

Ngôn ngữ khác nhau cho nên nghe mà không hiểu, không cảm động, vẫn cứ lầm lũi làm việc. Chuyện kể cho Kiều Chinh nghe, bà diễn viên điện ảnh nổi tiếng này bèn nói:

"Như thế là ông cụ đó đã thành công."

Có lẽ nhà chuyên môn muốn nói diễn xuất nhập vai. Nhưng kể chuyện cho bà lão ở nhà nghe thì bà trách:

"Bố lại bêu riếu. Từ ngày mai Bố phải mặc đồ vest đi làm để khỏi lẫn lộn."

Cơ khổ, cuộc chơi nào cũng rắc rối, phiền phức, lắm công phu.●

Fountain Valley Feb-18/99

MÙA XUÂN, NÓI CHUYỆN CỐC CÀ PHÊ

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

(Thân tặng bạn Trần Văn Tích, NPBT)

Theo bản thống kê kinh tế của Liên Hiệp Quốc, vào cuối thế kỷ Hai mươi, một phần ba nhân loại dùng cà phê làm thức uống hằng ngày. Càphê trở thành thức uống thông dụng nhất, đứng trên nước trà. Sử liệu về càphê, cũng như sử liệu cây trà, đượm màu sắc tôn giáo. Sử đạo Phật chép — được nhắc lại trong *Encyclopedia Britannica* — là Bồ-đề-đạt-ma đi từ Ấn Độ sang đất Lương, Trung Hoa, giảng kinh cao siêu quá không được vua nghe, bỏ nước Lương vượt sông Dương tử lên đất Ngụy, trù trì tại chùa Thiếu Lâm. Ngài tọa thiền chín năm ngồi nhìn vào bức tường. Lông mày mọc nhiều quá che mắt không thấy bức tường, Ngài giật lông mày vứt xuống đất. Chỗ lông mày rơi, mọc lên một thứ cây có lá thơm. Đệ tử đem nấu nước uống, thơm ngon thành ra nước trà (thea sinensis).

CHÚT SỬ LIỆU VỀ CÂY CÀ PHÊ

Câu chuyện cây cà phê không kém ly kỳ và cũng nặng màu sắc tôn giáo. Khali là một chàng trẻ tuổi chăn cừu trên đất Abyssinia, tên gọi ngày xưa của nước Ethiopia, ở miền Đông Bắc châu Phi. Một buổi trưa lùa đàn cừu vào một khu rừng thấp, anh thấy đàn cừu hiền lành ngoan ngoãn, sao hôm nay tự nhiên nhảy múa đú đớn như ma nhập. Nhìn kỹ, thấy đàn thú đã ăn một thứ quả nhỏ màu đỏ vừa mới chín trên một loại cây hằng ngày anh không để ý. Khali tò mò cũng thử nếm vài quả đỏ, và một lúc sau anh thấy trong người khoan khoái, linh hoạt, đầy sức sống như vừa uống qua một liều thuốc mạnh. Khali là một kẻ chăn cừu rất ngoan đạo. Anh hái một số quả đỏ, bỏ vào túi da, xua đàn cừu xuống núi, vào nhà thờ gặp cha sở, trình lại sự việc và xưng tội như đã ăn phải trái cấm. Cha sở đang ngồi sưởi lạnh trước bếp lửa, ra lệnh vứt trái cây vào ngọn hồng. Chẳng bao lâu từ bếp lửa tỏa ra một mùi thơm ngát gây sảng khoái cho người chung quanh. Cha sở ngạc nhiên cho là phép lạ, gọi các người thừa sai khươi số trái cây chưa cháy thành than ra khỏi bếp lửa. Cha lại có sáng kiến đem nấu số trái cây làm nước uống chia điều cho mọi người để cùng hưởng ân huệ phép lạ của Ơn trên. Từ đó mà có thức uống càphê (coffea arabica).

Thật ra hai câu chuyện trà và càphê đã được thần thánh và thi vị hóa như trên vì người xưa muốn làm đẹp thức uống dùng trong mọi nhà. Cây trà ở Ấn Độ đã được dùng trong đám dân du mục Aryan làm thức uống sau mỗi ngày săn bắn nhọc mệt, ngồi hợp ca những bài *vệ-đà* vinh danh Thượng Đế, và đám dân du mục này sống trước Bồ-đề-đạt-ma hai ba nghìn năm. Cây càphê cũng vậy. Trước khi đạo Cơ đốc đến vùng Bắc phi, thổ dân du mục tại Abyssinia và Arabia đã dùng trái càphê làm thức ăn vì tính chất kích thích của trái cây. Trái càphê chín đỏ đem nhồi với mỡ trừu nặn thành từng hoàn nhỏ bỏ vào túi da để ăn, thêm sức mạnh trên lưng ngựa và lạc đà. Về sau, khi đời sống du mục ổn định thành làng xã, càphê được chuyển thành thức uống. Nhưng không uống như bây giờ: hạt cây chín đỏ đem ngâm vào nước lạnh chờ cho cùi hạt nhũn ra, quậy đều lên, và uống.

Vào quãng thế kỷ thứ Mười Tây nguyên, dân Ả Rập mới biết dùng nồi đất nung để đun

sôi nước, và từ đó càphê mới trở thành thức uống nóng. Càphê đun sôi tỏa ngát mùi thơm: khứu giác lại giúp tay cho vị giác làm thức uống này được ưa chuộng hơn. Dân Ả Rập rất hãnh diện với điều khám phá mới này và bởi lẽ họ là những tay con buôn có hạng, cho nên dấu kỹ bí mật thức uống càphê, buộc người sành điệu phải trả giá thật đắt mới được hưởng một cốc nước thơm. Nhưng làm sao dấu được mãi điều bí mật vì những đô thị lớn Ả Rập là đất hành hương đạo Hồi, và cũng là nơi con buôn qua lại. Những kẻ hành hương và nhất là dân con buôn sau khi được nếm qua càphê và trở thành ghiền đã không ngần ngại trộm một ít quả xanh đem về ươm và trồng tại quê nhà mình và không mấy chốc xứ Abyssinia không còn giữ được độc quyền cây càphê, mà tại các xứ thuộc Trung Đông đâu cũng có cây càphê.

Chưa hết. Tiếng lành (và tiếng thơm ngon) đồn xa. Vào thế kỷ Mười ba, tại các nước Trung Đông, nhóm lên một hiện tượng xã hội mới là các quán càphê gọi là *qahveh khaneh* mọc lên như nấm trong mỗi làng mỗi tỉnh. Càphê kích thích hệ thần kinh, trong mỗi quán càphê không thể thiếu âm nhạc, ca vũ, đặc biệt là môn vũ uốn bụng (belly dance/danse du ventre) tiêu biểu của dân Ả Rập, và dĩ nhiên cũng không thể thiếu chỗ cho loại kỹ nghệ xưa nhất của loài người là kỹ nghệ bán dâm. Quán càphê, nơi tập hợp của người hành hương, của con buôn, của văn nghệ sĩ và triết gia, và của người ăn chơi, gây ra mối lo ngại cho chính quyền *Khalifah,* sợ khách trong quán khi "trà dư tửu hậu" lại bàn chuyện quốc gia đại sự. Cho nên chính quyền viện cớ bảo vệ thuần phong mỹ tục, đôi ba phen ra lệnh đóng quán càphê. Nhưng không thể nào chấm dứt được một phong trào đã được quần chúng ưa chuộng đến chỗ say mê. Không những là các quán càphê bị đóng cửa đã trở lại lén lút, mà càphê lại còn xâm nhập gia cư. Để cho các ông chồng khỏi đi ra quán đụng chạm với nhân viên cảnh sát Sharif, và nhất là các cô ả "càphê ôm" (không phải bây giờ ở thành phố mang tên Bác mới có hiện tượng này!), các bà nội trợ Ả Rập (mỗi đức ông trong nhà có tới bốn bà) học nấu càphê và dần dần tạo ra một *thủ tục lễ nghi uống càphê,* rất đẹp và cũng rất phiền toái.

Trên vùng đất hiền hòa Địa Trung Hải, con cháu của giống người Phênixiêng (Phoenician) rất thông thạo về nghề thương thuyền và nghề thương mãi, được thưởng thức càphê từ các quán qahveh khaneh, đem cà phê du nhập vào đủ mọi nơi có vết chân của họ. Mà vết chân của dân Phênixiêng dĩ nhiên rất đậm ở vùng đất gọi là Âu châu bây giờ. Chiếc thuyền buôn đầu tiên chở càphê từ Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey) đến trung tâm đô thị Venice vào năm 1615. Từ Venice, hương vị càphê lan dần đến Roma, trung tâm quyền lực đạo Cơ đốc. Tiếng dữ của các quán qahveh khaneh đã đến Roma trước hương vị càphê, nên Nhà thờ — một lần nữa — lại ra lệnh cấm đoán "thức uống của quỷ dữ." Nhưng cũng một lần nữa ý muốn của quần chúng lại thắng cuộc. Đức Giáo Hoàng Clement đệ bát (có tiếng là người ôn hòa về sau đã làm một việc tốt đẹp là từ chức giáo hoàng để giữ được nhất trí của nhà thờ) đứng ra hòa giải. Ngài truyền đem cho ngài thử một cốc càphê và lập tức Ngài sửa sai vì không thấy quỹ dữ nào trong càphê. Ngài lại còn ban phép lành cho thức uống mới du nhập vào đất nhà thờ.

Vấn đề từ nay được giải quyết trọn vẹn, càphê xâm nhập và ngự trị toàn đất Ý Đại Lợi và đất Âu châu. Quán càphê mọc lên như nấm theo hình ảnh của qahveh khaneh ngoại trừ belly dance và càphê ôm, không phải vì châu Âu hiền hòa đạo đức, nhưng vì cái kỹ nghệ xưa như trái đất này ở châu Âu đã phát triển mạnh theo các phương tiện khác. Tại các đô thị lớn châu Âu như London, Paris, Roma, Berlin... quán càphê có hai dấu hiệu đặc biệt lôi kéo khách hàng. Một là mùi thơm càphê bốc từ bếp lửa ra tới đường phố ai cũng nhận ra được; hai là trên bảng hiệu vẽ hình hay treo ngay một chiếc ấm nấu càphê Thổ Nhĩ Kỳ (chiếc ấm bằng đồng đáy rộng đầu hẹp có quai tay thật dài) hoặc là vẽ hình hay treo ngay chiếc mũ đặc biệt của đức vua (Sultan) Thổ Nhĩ Kỳ. Một điểm đặc biệt nữa là quán càphê ở Âu Châu thịnh vượng nhất là ở chung quanh các trường đại học, thu hút đám người trẻ sinh viên và các văn nghệ sĩ. Từ đó mà cái quán càphê mang tên quen thuộc rất đẹp đẽ (hay hàm ý chê bai) là "penny university," ngụ ý chỉ cần đóng một đồng trinh vào quán uống cốc càphê để được tiếp xúc với bao nhiêu người đầy kiến thức lỗi lạc, học được nhiều hơn cả ngày miệt mài trên ghế thư viện. Đúng hay sai, khó ai dám cãi. Tại Luân Đôn quanh khu Russell Square, tại Ba Lê dọc trên đường khu xóm La tinh, bao nhiêu triết gia, văn tài, nghệ sĩ lỗi lạc đã sống và hiện sống trong quán

cà phê nhiều hơn là sống ở nhà riêng. Tại Hoa Kỳ, trường Đại học Williamsburg, một trong những trung tâm giáo dục và lịch sử xưa nhất cũng đầy quán càphê. Tự nhiên các quán càphê đại học lại tạo ra một kỹ nghệ mới là kỹ nghệ du khách.

Trong bốn trăm năm qua, quán càphê vẫn giữ vững tính cách "hiện tượng xã hội cũ," thu hút đám người trẻ, và hiện tượng này được lặp lại trong các quốc gia chậm tiến ở châu Á và châu Phi. Danh từ "chậm tiến" ở đây dùng không ổn vì ngày nay các đại học Đông Kinh, Bắc Kinh, Tân Đề Ly, Tân Gia Ba sinh hoạt không thua kém các đại học lớn ở châu Âu. Các quán càphê trong khuôn viên đại học Bắc Kinh chẳng là nơi xuất phát các ý tưởng đổi mới chế độ hiện tại hay sao? Có lẽ chỉ có nước Việt Nam ta mới thích hợp với danh từ chậm tiến về phương diện quán càphê. Trước Thế chiến Hai, khuôn viên trường Đại học Hà Nội gầy còm ẻo lả không đủ sức sống cho một vài quán càphê cơ hữu. Sinh viên phải đến tập họp xa hơn trong các quán càphê ở phố Huế, như quán càphê Ciros bên cạnh rạp chiếu bóng cùng tên để được gặp gỡ các bậc đàn anh như Vũ Đình Hòe, Trần Trung Dung, Lâm Lễ Trinh... Tại một thành phố nghèo nàn nhưng yêu chuộng văn học như thành phố Huế có đủ tiềm năng trở thành một thành phố đại học, nhưng thực dân Pháp bóp cổ bịt miệng chỉ cho nhoi lên một số trường trung học, cũng thấy mọc lên hiệu càphê Phấn ở tả ngạn sông Hương, làm nơi hò hẹn của lớp người trẻ chuộng bút nghiên và các ông công tư chức chiều chiều tạt qua nghe Đoàn Phú Tứ ngâm thơ hoặc chiêm ngưỡng "mệ Tương" thần tượng đá bóng. Nhưng ta hãy trở lại với càphê Ả Rập.

CỔ NGƯ

VỖ CÁNH

Em nhé,
Mình dắt tay nhau đi đếm những chiếc cầu,
Đếm những chú vịt trời chúi đầu trong nước,
Đếm từng bước chân.
Mùa xuân rộ hoa và mượt cỏ,
Gió như cũng dễ thương hơn,
Không làm chảy nước mắt.
Paris nhặt lá vàng dấu sâu trong đất,
Trải thảm hoa cho vũ hội mùa xuân,
Em cất kỹ áo choàng,
Thoát kén tằm, bay lên hóa bướm,
Rực rỡ vui.
Anh cúi xuống, sẽ tìm mật trên môi
Và nắm lấy tay em
Như lần đầu,
Như mãi mãi,
Mấy ngón tay mảnh mai để nguyên móng trắng,
Em thường cắn nhẹ, nhằn nhằn những lúc giận anh,
Đừng thèm giận anh, đừng cắn móng nghe,
Đau lắm!
Hãy để yên cho anh nắm lấy tay,
Mình cùng đi, cùng chạy, cùng bay,
Cùng ngây ngất giữa không gian chật hẹp,
Rồi quên mất chốn địa cầu tươi đẹp,
Vút bay theo tiếng gọi những sao băng
Đến giữa cõi Hằng
Bên kia Thái Dương Hệ.
Mình đi nhé,
Em yêu!

Paris 04.96

Cho đến thế kỷ 17, các quốc gia Ả Rập ở Trung đông giữ độc quyền bán hột cà phê. Muốn giữ độc quyền bán càphê, người A Rập kiểm soát gắt gao không cho một hột càphê tươi ra khỏi đất Trung Đông và chỉ bán hạt càphê đã rang chín. Và dĩ nhiên họ không cho phép một người du khách nào đến thăm viếng các vườn trồng càphê, sợ hạt tươi càphê thất thoát.

Tại Âu châu, vào thời kỳ này cuộc cách

mệnh kỹ nghệ phát triển, mạnh nhất là ngành hàng hải thương thuyền, nhằm tìm thị trường cho sản phẩm kỹ nghệ và nhằm thôn tính đất đai của những nước kém văn minh cơ khí. Người Hòa Lan giỏi về thương thuyền cạnh tranh với người Bồ Đào Nha trên đại dương Ấn Độ, và chiếm đất Java thuộc đất Nam Dương ngày nay. Đất Java nằm cùng một vĩ độ với các xứ càphê Ả Rập, thích hợp với kỹ nghệ trồng càphê. Người Hòa Lan dùng đủ mọi thủ đoạn đánh cắp hạt giống càphê đem trồng trên đất Java, và từ đó chấm dứt độc quyền càphê của các nước Ả Rập Trung Đông.

Câu chuyện càphê vào đất Mỹ cũng không kém li kì. Đảo Martinique trong vùng Vịnh Trung Mỹ là thuộc địa của Pháp. Năm 1723, Đại tá Hải quân Desclieux đồn trú tại Fort de France, thủ đô Martinique, đi phép về thăm nhà ở Paris. Ông ta có óc làm ăn, thu dấu được một chậu ươm hạt càphê đem xuống thuyền, trở lại trú sở. Ông ta không ngờ lại bị thám tử Hòa Lan theo dõi, mưu toan đem đổ độc dược vào chậu cây. Mưu toan của người thám tử bị Desclieux bắt tại trận, cứu được chậu cây. Nhưng vài hôm sau đó, chiếc tàu lại bị hải tặc cướp. Desclieux liều mạng cứu cho được chậu cây. Gian lao chưa hết: một ngày trước khi tàu cập bến Fort de France, một cơn bão lớn định cuốn chiếc tàu, ông đại tá và chậu cây ươm xuống đáy biển. Thoát nạn, và rút kinh nghiệm khó khăn gian khổ, De Clieu cho trồng cây càphê ngay trong doanh trại, ngày đêm cho ba người lính bản xứ canh giữ. Năm mươi năm sau, hòn đảo Martinique trở thành một đồn điền càphê lớn. Cuộc kiểm tra kỹ nghệ năm 1777 đếm được 18 triệu cây càphê kỹ nghệ trên hòn đảo nhỏ.

Cây càphê vào đất Nam Mỹ ghép vào một câu chuyện tình lãng mạn theo phong cách Y Pha Nho. Người Pháp đem giống càphê từ đảo Martinique sang trồng ở đất liền, thuộc địa Pháp Guyane (French Guiana). Người Hòa Lan cũng đem giống càphê vào trồng ở vùng đất Surinam bên cạnh. Ranh giới đồn điền càphê trong vùng đất mới phân chia không minh bạch, xảy ra tranh chấp, nhờ quốc vương Brazil là một nước lớn láng giềng làm trọng tài. Vua Brazil chỉ định một người sĩ quan khôn ngoan và trẻ đẹp đại diện mở cuộc hòa giải. Người tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt Pahelta không những tìm được giải pháp đẹp lòng cho hai phe tranh chấp mà lại còn chiếm được con tim vị phu nhân ông Thống đốc Guiana. Chàng thủ thỉ với phu nhân là duyên số kiếp này ngang trái, xong sứ mệnh trở về chàng sẽ giã từ tất cả vào rừng trồng càphê sinh sống để nghĩ đến em. Muốn vậy, chỉ cần một vài hạt giống càphê. Và trong bữa tiệc linh đình đưa tiễn người sứ giả Brazil đã hoàn thành sứ mệnh, phu nhân ông Thống đốc, trước mặt bá quan văn võ, trao tặng Pahelta một bó hoa đẹp, giữa bó hoa dấu kín một bọc nhỏ hạt giống càphê của nàng liều mình mang tội phản quốc đem tặng chàng. Nhờ câu chuyện tình thơ mộng đó mà ngày nay Brazil trở thành đế quốc càphê lớn nhất trên thế giới.

Ngày nay, trên thế giới đếm được năm tỉ gốc càphê kỹ nghệ, bốn tỉ gốc trồng ở đất Brazil và hạt giống cây càphê Brazil đầu tiên do một câu chuyện tình lãng mạn đem vào miền Nam Châu Mỹ.

Càphê vào Bắc Mỹ thế nào? Nhẹ nhàng. Năm 1660 do chiếc tàu Amsterdam của công ty Dutch East India Company đem vào vùng đất họ chiếm cứ trên sông Hudson đặt tên là New Amsterdam. Bốn năm sau, người Anh thôn tính New Amsterdam đổi tên là New York, nhưng không đào thải được tục lệ uống càphê mới xâm nhập và rất được ưa chuộng. Trên đô thị vô cùng phồn thịnh mới thành lập, quán càphê mọc lên, theo mẫu mực của các đô thị lớn ở châu Âu. Nhưng bây giờ có lẽ phải đổi danh xưng gọi là *hiệu càphê* vì dân Mỹ mấy móc và năng động hơn. Hiệu càphê nơi đây có phòng cho mướn, bán thức ăn, có quầy rượu, duy có điều đặc biệt là càphê cũng chỉ bán phụ bên cạnh nước trà bởi lẽ các chủ nhân ông người Anh vẫn giữ tục lệ uống trà.

Phải có một động cơ mới truất phế địa vị của nước trà đem càphê lên làm thức uống quốc gia của người Mỹ, đó là động cơ ái quốc. Bắc Mỹ ngày đó còn là thuộc địa của nước Anh. Để nâng cao quyền lợi của mẫu quốc, năm 1763 người Anh đặt ra một loại thuế mới đánh vào hàng hóa lưu hành tại Mỹ, mỗi món hàng phải dán một con niêm, The Stamp Act. Tại Boston, dân Mỹ hóa trang thành người Anhđiêng (dân da đỏ, danh từ không thích hợp, đã được thay thế trong Từ điển Hội ngôn ngữ học) nửa đêm xâm nhập các tàu buôn đậu ở hải cảng, vứt tất cả kiện hàng trà xuống biển. Sự kiện này mang tên lịch sử là The Boston Tea Party. Để trừng phạt hành động của dân bị trị, vua Anh King Geoge ban hành đạo dụ mới đặt thuế trên trà tàu. Tức thì người Mỹ nổi dậy phản đối và cái kết quả cụ

thể nhất là họ bỏ trà, uống càphê, làm càphê thành thức uống thông dụng nhất ở Hoa Kỳ.

Năm 1774, nhân dân địa phương New York ý thức được tình trạng bị đế quốc Anh bóc lột, hội họp tại hiệu càphê Merchant's Coffee House, thành lập "Ủy ban thư tín truyền thông" (Committe of Correspondance), viết một bức thư gửi cho nhân dân địa phương Boston hô hào liên kết, dấy lên phong trào hỗ trợ để chống đối người Anh. Chiến tranh dành độc lập của Hoa kỳ rõ ràng đã được khởi xướng trong một hiệu càphê , treo gương cho cuộc Cách mệnh 1789 của nước Pháp, cũng phát xuất từ quán Càphê Ái quốc (Le Café des Patriotes) đi phá vỡ ngục tù La Bastille, mười lăm năm sau. Từ ngày đó, càphê trở thành thức uống trong mỗi gia đình người Hoa Kỳ. Hiện nay Hoa Kỳ là quốc gia tiêu thụ càphê nhiều nhất, mỗi năm nhập cảng hơn 18 triệu bao càphê hột, mỗi bao cân nặng 60 kilô, tương đương với một triệu mét khối hạt càphê.

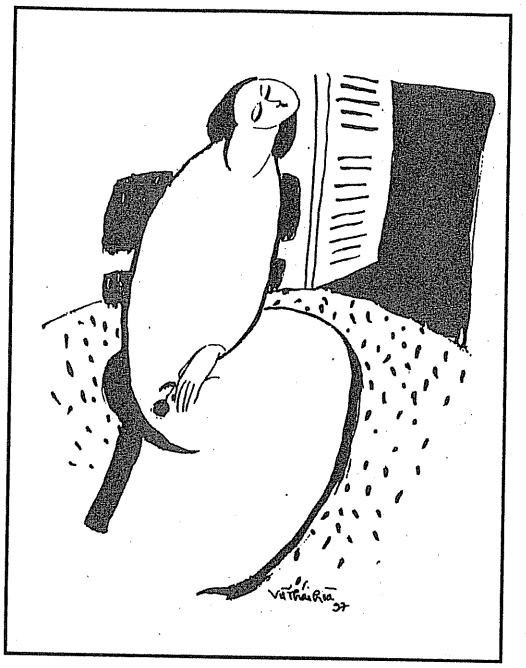

CHÚT TÀI LIỆU THỰC VẬT HỌC VÀ DƯỢC LIỆU HỌC VỀ CÀPHÊ

Muốn nói đầy đủ về càphê, phải làm theo thời thượng, dẫn chứng và trích dịch, nhất là trong khuôn khổ tờ tập san khoa học này, phải trình bày đôi chút về tài liệu *thực vật học* (Botany) và *dược liệu học* (Materia medica) của cây và bột càphê. Trước là cái tên. Thuyết ngôn ngữ học cho rằng càphê do tên gọi Ả Rập *qahwah* phiên âm cách đọc mà ra. Vài nhà tầm nguyên ngôn ngữ khác lại giải thích chữ càphê nguyên thủy mọc trên vùng đất Kaffa, ngày nay là một tỉnh ở miền Tây Nam Ethiopia, và tên cây do tên đất mà đến.

Cây càphê thuộc họ (family) Rubiaceae, nhóm (genus) Coffea, gần hơn một trăm loại (species) nhưng chỉ có khoảng 25 loại thông dụng. Tất cả các loại càphê đều mọc hoang ở Đông bán cầu, và loại trước tiên đem ra trồng và khai thác kỹ nghệ là loại *Arabica*, cây bụi mọc ở miền Arabia. Cây kỹ nghệ arabica hiện nay là loại vun trồng tại Châu Mỹ Latinh. Loài arabica được ghép thành nhiều phân loài nhỏ, khoa học thực vật gọi là thứ hay giống (varieties) như *maragogype*, hạt rất mập; *bourbon*, bột rất ngon dùng làm càphê đắt tiền; và *caturra* giống quý hơn nữa, sản xuất tại Brazil.

Loài thứ hai không kém phần quan trọng như arabica là *coffea robusta* mọc và trồng trên lưu vực sông Congo, Phi Châu, ngày nay làm càphê kỹ nghệ tại nhiều nước Đông Phi và Madagascar. Giống robusta mạnh hơn, ít bị côn trùng hủy hoại như arabica, hột rất nhiều, lại chịu được khí hậu oi bức, ẩm ướt. Á đông, và riêng Việt Nam, quê hương chúng ta trồng loài càphê nào? Cả hai, arabica và robusta.

Ở tình trạng sống hoang, cây càphê là loại cây bụi, suốt năm mọc lá xanh um, cao trung bình từ 6 đến 8 mét, có cây cao tới 10 mét. Đến mùa nở bông màu trắng rất đẹp, lại có mùi thơm của hoa nhài. Quả càphê hình bầu dục, to từ 15 đến 18 milimét, chín đỏ ối như trái anh đào. Quả có da bao bọc một lớp cơm, trong cơm có hạt gồm hai mảnh ghép với nhau bằng một mặt phẳng. Mỗi mảnh hạt được bao bọc bằng hai lớp bì, bì ngoài cứng anđôcát, bì trong mịn mỏng.

Hạt đem rang chín, nghiền thành bột càphê. Căn cứ trên mùi thơm và khẩu vị, kỹ nghệ càphê sắp bột làm ba loại chính: 1) Cà phê *dịu* do hạt arabica thứ tốt đắt tiền, cây trồng ở Trung Mỹ và Nam Mỹ ngoài Brazil. Càphê trồng ở châu Phi như Ethiopia, Cameroon, Kenya, Tanzania cũng được sắp vào loại dịu này; 2) Càphê *thô* còn gọi là càphê Brazil, cũng do hạt arabica, loài ít thơm và khẩu vị kém thanh tao. Cùng một nhóm arabica, nhưng có lẽ môi trường có khác, ảnh hưởng trên phẩm chất. Tuy nhiên loại Arabica Bourbon Santos của Brazil hiện nay là loại

càphê bán đắt nhất trên thị trường; 3) Càphê thuộc nhóm *robusta*, kém hương thơm, khẩu vị hơi nhạt là thức càphê dùng nhiều nhất trong kỹ nghệ làm càphê bột tự hòa tan trong nước.

Thật ra cách sắp loại nói trên không còn ích lợi thiết thực cho người tiêu thụ, vì ngày nay kỹ nghệ càphê đem pha trộn tất cả các nhóm và các loại, tìm ra trăm thứ hương vị và khẩu để thỏa mãn người tiêu thụ.

NGHỆ THUẬT LÀM VÀ UỐNG CÀPHÊ

Bây giờ ta nói đến câu chuyện thiết thực là cái ấm làm càphê và cái cốc càphê uống hằng ngày. Đọc văn Nguyễn Tuân khó quên được những đoạn kỳ thú tả nghệ thuật uống trà. Có cụ đồ xưa khinh mạn các "thầy thông thầy ký bên Bảo hộ không biết thưởng thức trà, mua sẵn một tá bát sành riêng để thù tiếp quý vị quan lớn mỗi khi ghé qua chơi." Đó là Cụ chưa hề thấy lối uống nước trà — và càphê — bây giờ, dùng cốc *foam* hứng càphê nóng dưới vòi thùng chứa hằng mươi lít nước uống! Có lẽ các cụ phê phán hơi khắc nghiệt và nhiều khi không đúng. Đã đành là ấm chén trà phương Đông sản xuất từ đời Đường (thế kỷ Bảy đến Mười), và lò gốm phương Tây chỉ xuất hiện năm 1575 tại Florence, nhưng ngày nay trong các gia đình Á đông thích càphê bộ chén tách càphê Chelsea, Limoges, Medici và bình dân hơn Lennox... đẹp và gây thẩm mỹ đâu có thua gì bộ đồ trà "Thế đức gan gà" mà các cụ xưa yêu thích. Cũng như nghệ thuật uống trà, chắc chắn cũng có một nghệ thuật uống càphê mà người Việt di cư chúng ta chưa có dịp tìm hiểu đó thôi.

Mà đã nói tới nghệ thuật uống càphê thì phải có trăm cách làm càphê, dùng trăm phương tiện dụng cụ theo sở thích chế biến của từng cá nhân. Thế nhưng nghệ thuật cũng không vượt qua khỏi nguyên tắc khoa học. Chỉ có bốn cách làm càphê:

* Thứ nhất là *ngâm* bột càphê trong nước nóng (*infusion*), cho chất càphê thoát vào nước. Cách làm càphê này xưa nhất, bắt đầu tại Pháp, năm 1711. Dùng một chiếc ấm gọi là *pot* hay *jug* nấu nước sôi, Tháo nước ra để bên, bỏ bột càphê vào ấm, đổ nước vào lại, quậy đều. Để ngâm vài ba phút, rót càphê vào chén qua một cái lượt. Về sau, chiếc pot/jug được thay thế bằng chiếc ấm bằng chai, gọi là *cafétière* hay *plongeur* (danh từ ẩm thực Tây phương thường dùng tiếng Pháp — người Pháp được tiếng ăn nhậu!). Chai cafétière có nắp đựng bộ phận lọc.

* Thứ hai là *nấu* càphê (*decoction*). Nấu thẳng bột càphê trong ấm, hoặc bỏ bột vào một bọc vải và nấu. Đây là cách làm càphê thông dụng tại các nước nghèo, và cách làm càphê đại chúng trong các hiệu ăn bình dân. Phương pháp này phạm vào lỗi căn bản: không bao giờ nấu bột càphê trong nước sôi. Nước Việt Nam chúng ta sản xuất càphê, vậy mà trước chiến tranh, từ Bắc vào Nam, các hiệu ăn và quán càphê chỉ bán càphê nấu. Thảo nào phần đông chúng ta không thưởng thức càphê!

* Thứ ba là *chiết lọc* càphê (*lixiviation*). Định nghĩa danh từ này là dùng nước để tháo rút nguyên chất hóa học đựng trong chất cứng khô. Phương cách thông dụng nhất là chiếc nồi lọc *percolator*. Nồi percolator đem ra dùng tại Pháp năm 1825 và trở thành thông dụng trong mọi gia cư cho tới thời gian sau Thế chiến Hai, lúc này càphê *expresso* xuất hiện. Percolator gồm có một ấm nước hứng trên một ngăn chứa càphê bột. Trong ấm có vòi dẫn nước sôi từ đáy lên mặt ngăn chứa. Như vậy bột càphê được lọc nhiều lần qua nước sôi, lợi bột càphê. Cẩn thận đừng để sôi quá năm bảy phút, mất cả hương thơm.

Phương pháp percolator bị thất sủng vì người sành điệu cho rằng dùng nước sôi đun càphê làm thức uống mất hương vị. Nhiệt độ lý tưởng để giữ hương vị là hai hay ba độ dưới một trăm độ bách phân, điều mà chiếc máy expresso thực hiện được. Nguyên tắc *expresso* do người Ý Achille Gaggia phát minh năm 1946 dùng sức ép làm càphê *expresso* và *cappuccino*, đã gây ra một cuộc cách mệnh bỏ túi trong cách uống càphê. Ngày nay không còn một gia đình nào ở phương Tây và ở trong các đô thị lớn Á Phi không có một chiếc máy lọc càphê expresso. Máy lọc expresso lớn và đắt tiền; hiện nay đã điều chế một loại máy nhỏ gọi là *moka expresso*, trong tầm tay của mọi gia đình.

* Thứ tư, phương pháp cuối cùng là *càphê uống ngay (instant coffee)*. Thế chiến thứ Hai

> Sự cãi nhau thường chỉ đem đến một điều: làm cho mỗi bên tin tưởng điều mình cãi là đúng hơn.
>
> **Booth Tarkington**

buộc kỹ nghệ Hoa Kỳ chế tạo quân lương (thức ăn cho binh sĩ), làm bột càphê uống liền pha với nước nóng. Có hai cách làm bột càphê uống liền trong kỹ nghệ. Thứ nhất, dùng hơi nóng. Càphê đặc chế sẵn thổi vào hầm có hơi nóng đi qua. Chất lỏng bị cuốn đi, còn lại là bột càphê nguyên chất, điều chế vào bao phong niêm kín. Cách thứ hai dùng sức lạnh. Càphê đặc thổi vào phòng chứa sức ép, tạo hàn độ làm mất chất lỏng. Bột càphê như trên được điều chế vào bao hay vào chai. Cho đến nay, các hãng chế tạo càphê uống ngay đã cố gắng mọi mặt tạo ra một ly càphê uống ngay có đủ hương vị của một cốc càphê "perl" (chữ lóng của percolator), nhưng kết quả hoàn thiện vẫn còn xa.

Ở trên đã khẳng định là chắc chắn phải có một nghệ thuật uống càphê đồng hành với nghệ thuật uống trà. Mệnh đề này cần được dẫn chứng cụ thể. Văn minh càphê theo Hồi giáo lan tràn khắp thế giới, và một tập tục tiêu biểu của nền văn minh này là cách làm và cách uống "càphê tuyệt" (Turkish coffee). Danh từ Turk dùng không sát nghĩa vì tập tục này không riêng của dân Thổ Nhĩ Kỳ, mà chung cho cả miền Trung Đông. Nơi đây làm một ấm càphê là một nghi lễ phức tạp, và uống một tách càphê lại qua nhiều nghi thức rắc rối đối với người ngoài nhìn vào. Chủ nhân của gia đình sẽ tự tay chọn lựa vài thứ gia vị như bột hồi, bột quế... bỏ thêm vào bột càphê xay thô hay nấu nhuyễn tùy sở thích. Hạt càphê được chọn kỹ, rang vừa hay cháy xém vào những ngày nhất định và nghiền xay ngay sau khi rang chín.

Bình nấu càphê gọi là *ibrik*, là một dụng cụ đặc biệt của người Hồi giáo, và người châu Âu dùng để trang trí các quán càphê. Thường làm bằng đồng, đôi khi làm bằng đất nung, luôn luôn lau chùi sạch sẽ. Chiếc nồi nhỏ, đựng tối đa là sáu bảy chén càphê, đáy rộng, cổ thắt hẹp, miệng có góc để tháo nước và có chiếc quai thật dài để tiện bỏ vào bếp lửa và lấy ra khỏi bỏng. Tùy theo loại bột càphê và gia vị mà phải đun mấy lần cho đủ thơm.

Chủ khách và gia nhân ngồi chung quanh bếp lửa, mỗi lần nấu chỉ đủ cho ba chén, rồi tiếp tục nấu thêm. Bỏ vài muỗng đường vào ấm ibrik, thêm nước và đặt ấm vào lửa thấp. Khi nước sôi, rút ấm ra bỏ bột càphê và gia vị vào ấm, quậy đều, đặt lại ấm vào lửa. Khi ấm bắt đầu sủi bọt, lại rút ấm ra và quậy đều. Làm vậy hai hay ba lần. Lần cuối cùng bỏ vào một chút nước lạnh cho bọt càphê dễ lắng xuống. Xong, chủ nhân tự tay rót vào chén, cẩn thận cho mỗi chén một ít bọt sủi, vì bọt sủi càphê là dấu hiệu có hên. Mỗi chén càphê chủ nhân chỉ rót đủ uống vài ba ngụm. Khi uống, khách phải nhai bột càphê đóng trong bọt nước, và phải xít xoa hà hít mùi thơm. Khách cũng cần phải nhớ quy ước là lúc nào chủ nhân mời khách một cốc đầy tràn lên tới miệng cốc, là dấu hiệu tế nhị tiễn khách. Khách uống xong phải đứng dậy cáo từ lui gót.

Bộ ấm chén uống càphê của người Thổ Nhĩ Kỳ và người Iran là một vấn đề bác lãm, người viết tự biết không đủ khả năng bàn tới, xin nhường lời cho các bạn thích sưu khảo về nghệ thuật ẩm càphê hầu chuyện tiếp với bạn đọc.●

NPBT
March 08, 1999

Hai chủ đề trong một cuốn sách của THẾ UYÊN:

NHỮNG NGƯỜI MỸ CHUNG QUANH CHÚNG TA

Người Mỹ và các giai cấp của họ nhìn bởi một trí thức Việt Nam, từ giai cấp thượng lưu, trung lưu và lao động, từ cộng đồng da trắng da đen đến cộng đồng Mễ, từ tôn giáo, yêu đương bình thường đến đổi vợ chồng... Đọc, để hiểu, thông cảm và hội nhập.

SỰ BIẾN ĐỔI GIA ĐÌNH VIỆT NAM QUA KHÔNG GIAN, THỜI GIAN

Cơ cấu gia đình như thế nào và đã biến đổi ra sao từ lúc lập quốc, thời quân chủ, Pháp thuộc, thời hai nước Việt Nam, thời thống nhất sau 1975 ở nội địa và nhất là thời các cộng đồng Việt ở hải ngoại. Đọc để hiểu không có gì là bất biến, để biết và chấp nhận, thích ứng với những gì hiện hữu — như thế con người hạnh phúc hơn.

Xuân Thu xuất bản, PO Box 97 Los Alamitos CA 90762. (714) 828-9200. Giá $12.00

PHƯỜNG BÁT ÂM

TRẦN NGỌC TUẤN

(*Nghĩa tử là nghĩa tận* - Thành Ngữ)

Tốt nghiệp Nhạc Viện chưa xin được việc làm. Tôi chơi nhạc đám cưới, vũ trường, đệm đàn cho các ca sĩ hạng Phường, Quận, thi thoảng leo tới cấp Thành Phố... vẫn xác xơ chẳng đủ trám miệng, dạ đầy bữa đầy bữa vơi "điếm phổi" bằng thuốc lào thay thuốc lá nhìn kẻ no đủ lượn Dream rồi mơ tưởng đời mình tới lúc thăng hoa...

Anh Lễ nói: Hãy ly dị phố phường theo chúng tao vài năm mày sẽ thoát kiếp sâu bọ.

"Thế các anh làm gì?" Tôi hỏi (thoáng nghĩ trong đầu một đường giây buôn lậu ma túy). Anh Lễ bảo: Chơi nhạc đám ma. Khi cuộc sống đã lên tới cao trào của sự lòe loẹt kẻ giầu tiền thường đem cái chết của người thân để triển lãm lòng hiếu hạnh, nếu không có quy luật sinh tử họ chẳng biết thể hiện chữ hiếu ra sao. Chính vì vậy, họ chi rất đẹp cho các thủ tục tiễn đưa người quá cố về thế giới bên kia, phường bát âm hoặc những người làm nghề khóc thuê qua đó cũng được nhờ.

"Nói như anh thì người nghèo chỉ biết bầy tỏ lòng thương tiếc bằng nước mắt sẽ mang tiếng bất hiếu?" Tôi vặn.

"Nước mắt là giá trị cổ xưa - một phản ứng bản năng. Hiện tại, mấy ai xót xa cho những giọt lệ dù nó thiêng liêng. Rất hiếm kẻ khen ông nọ bà kia khóc mẹ cha đỏ mắt khô họng, họ thẩm định lòng người sống đối với người chết qua đám ma to hay nhỏ, bao nhiêu mâm, gồm những thứ gì, có đặc sản hay không? Thôi! Đừng lý sự."

Thế là tôi tạm xa thành phố theo phường bát âm xuôi ngược khắp nơi...

Nhờ khả năng cảm âm thiên phú, chỉ vài buổi tập tôi đã sử dụng thành thạo cây đàn tam anh Lễ giao cho, cũng chẳng mấy khó khăn tôi nắm vững quy luật hòa âm giản đơn ở các phường bát âm thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tôi hỏi anh Thứ (người thổi kèn): chỉ có năm sao lại gọi là bát âm? Anh Thứ trả lời: Tao cũng đếch biết! Trước thì vậy, đủ cả tám giờ còn năm vừa vặn một mâm gia chủ khỏi thêm bát đũa cho phường. Lúc trẻ, anh Thứ thổi kèn Trompet trong "Đội Quân Nhạc" chuyên đón tiếp nguyên thủ quốc gia ngoại quốc hoặc trong ngày lễ trọng đại, các cuộc họp quan trọng của chính phủ. Khi mất sức, anh mang quân hàm thượng úy, gia nhập phường bát âm với anh Lễ nhờ bạn bè giới thiệu. Anh Thứ rất thương đứa con gái út, lúc tan đám, anh hay xin nhà chủ gói xôi miếng giò mang về cho nó. Anh bảo: Từ ngày theo phường con tôi đỏ da thắm thịt càng nhiều người chết nó sẽ béo lên. Linh hồn kiêm cán bộ tổ chức phường bát âm tên Tiết, anh có biệt tài thám tử nắm rất chắc lý lịch các gia đình "máu mặt" trong phạm vi 100 cây số. Giầu lâu hay mới phất, địa vị xã hội ra sao, chết vì nguyên do gì? Anh biết tận tường tới đường tơ kẽ tóc. Vốn làm giáo viên giảng dậy môn Tâm Lý, chỉ thoáng dăm câu đôi điều anh đã nắm bắt được tình hình, dù gia đình đang lúc tang gia bối rối.

1. Đám ma bố ông Chủ Tịch

Nhà ông chủ tịch tỉnh cách trung tâm thành phố 20 cây số. Ông tiếp phường bát âm với phong cách xuề xòa: Tôi không thích ở thành phố dù được phân nhà. Các anh cứ đàn thật lâm ly, mấy cô khóc thuê gào cho thảm thiết bao nhiêu tôi cũng chi. Anh Tiết thì thào: Bố ông ấy chết vì suy nhược thần kinh. Tôi hỏi: Sao anh biết? Anh Tiết bảo: Nhà nhiều của thì lo ngay ngáy ăn không ngon ngủ chẳng yên,

chưa biết lúc nào vỡ ổ, ngậm sâm Cao Ly thì cũng giống củ khoai hà.

... Cỗ quan tài nằm giữa căn phòng rộng thênh thang, chính giữa là bàn thờ trầm hương tỏa khói. Phường bát âm ngồi cạnh linh cữu trên chiếc chiếu Nga Sơn. Rượu ngoại, thuốc lá ba số 5 cứ hết lại được tiếp. Tôi xả láng trong lúc nghỉ, anh Lễ mắt trước mắt sau rút trộm thuốc lá, còn anh Tiết ngang nhiên cầm chai rượu tuồn vào túi, miệng lẩm bẩm: Mang ra chợ Hàng Da cũng xấp xỉ nửa chỉ. Anh Thứ lầu bầu: Tụi mình giống con kênh kênh chuyên ăn thịt xác chết. Anh Thức (người đánh trống trong phường) bảo: Đời là mấy tí, chẳng mấy khi trấn lột các ông quan hợp pháp.

Tôi ngồi đàn như kẻ vô hồn, nhìn mấy ngọn nến chập chờn trên nắp quan tài. Ai cũng đều kết thúc tại vị trí này, con người sinh ra, sướng khổ, vinh quang, quyền lực hay nghèo hèn khốn khó đều giống nhau. Cuộc đời thật tạm bợ, thần chết cào bằng tất cả...

... Tiếng người khóc thuê lên bổng xuống trầm, nghẹn ngào, khắc khoải:

... Bố ơi! Sống gửi thác về, khi bố còn con làm tròn phận hiếu

Bố bỏ chúng con sớm quá
Bố muốn gì được nấy
Chưa bao giờ bố buồn
Con làm đầy tớ cho dân
Bố cũng là dân
Con một đời tận tụy...

Ông chủ tịch nói với phường bát âm: "Lời bài khóc do tôi sáng tác, các anh thấy trong đó vừa mang tính văn học lại không mất đi quan điểm chính thống." Anh Lễ bảo: "Tuyệt vời, bác có khả năng duy mỹ." Ông chủ tịch nói: "Duy vật chứ!" Anh Tiết góp vào: "Cả hai! Ngoài ra nó còn mang nhạc tính." Ông chủ tịch xua tay: "Các anh nói hơi khó hiểu, mặc dù tôi biết là lời khen. À! Khi khách tới đông nhờ mấy anh chơi bản nhạc "Diệt Phát Xít" cho không khí thêm hùng tráng."

"Vâng! Phường chúng tôi lúc nào cũng sẵn sàng," anh Thứ bảo.

Tiếng xe, tiếng người ồn ào...

"Dạ! Mời các đồng chí... Quý hóa quá!... Ông cụ nhà tôi chắc mát lòng mát dạ..."

"Cụ "đi" từ lúc nào?"

"Hôm qua, lúc chính ngọ..."

"Thủ trưởng yên tâm, em sẽ cho đăng trên báo cho cả nước biết, em tạm mượn bức ảnh cụ nhà in vào mục chia buồn để thêm phần trang trọng..."

"Hết bao nhiêu?"

"Em ủng hộ vô tư coi như con cháu trong nhà tiền nong làm gì, nếu được chỉ xin thủ trưởng cái chữ ký vào bản hợp đồng chuyển nhượng..."

"Cứ từ từ, đợi qua ngày mở cửa mả. Có quen ai bên tờ 'Thi Văn' không?"

"Thằng bạn em phụ trách phần biên tập thơ của tạp chí..."

"Tốt ! Cậu nhờ anh ta làm cho bài thơ ca ngợi ông cụ, tôi sẽ tóm tắt quá trình, quê quán, đức độ cụ nhà..."

"Tưởng gì chứ việc đó thằng em làm một phát ăn ngay..."

Kìn kìn vòng hoa các cơ quan đoàn thể từ thấp tới cao đề hàng chữ Kính Viếng... Vô Cùng Thương Tiếc... Cỗ bàn được bày ra, nếu vắng những người khóc thuê và tiếng nhạc nỉ non của phường bát âm rất dễ lầm đây là đám cưới. Khách, chủ đều tươi cười nâng ly chúc tụng nhau. Vợ ông chủ tịch nói: "Đám nhà tôi có vui không quý vị?"

"Vui, vui lắm, còn hơn cả tết. Cũng nhờ cụ qua đời anh em chúng ta mới được hân hạnh gặp nhau đông đủ như ngày hôm nay."

"Mời anh em nhạc sĩ ngừng tay xơi bữa cơm dưa muối - ông chủ tịch nói với phường bát âm..."

Nhìn các món ăn trên bàn, anh Tiết bảo: "Dưa muối kiểu này còn hơn thịt cá nhà tôi." Anh Thứ nói: "Thịnh soạn như vậy là con cháu hiếu thảo lắm lắm!" Anh Lễ hỏi: "Hết khoảng mấy cây hở các huynh?" Tôi bảo: "Không liên quan gì tới chúng ta, mấy cây cũng vậy. Xin mời các đại sư huynh khai chiến với đĩa thịt gà - nào nâng đũa!"

Ông chủ tịch nói với thực khách: "Làng tôi sinh nhiều anh hùng, ngay đầu làng dựng đền thờ vị thành hoàng có tài đánh giặc..."

"Chắc thành hoàng đem lại ấm no cho toàn dân?" Ai đó hỏi ông chủ tịch.

"Làng tôi vẫn nghèo nhưng giầu lòng yêu nước."

Anh Tiết đứng lên: "Nếu vậy, không đáng được thờ cúng làng vẫn nghèo dân vẫn khổ thì không thể gọi anh hùng." Anh Thứ đỡ lời: "Xin các vị hai chữ đại xá, cái này là rượu nói."

"Không sao, không sao!" Anh phóng viên phẩy tay. Ngồi gần tôi - một vị khách chỉ cắm cúi vào ăn chẳng nói năng gì, giờ mới cất tiếng: "Quá trớn!" Anh Thứ nói khẽ: "Bỏ mẹ!

Ông này làm giám đốc công an tỉnh."

Đám kết thúc. Ông chủ tịch cùng vợ tiếp phường bát âm vào buổi chiều ngày hôm sau:

"Cám ơn các anh," ông quay sang hỏi vợ: "Thế nào?"

"Lãi mình ạ! Tiền phúng hơn chục triệu, chưa kể đồ mừng."

"Vậy bồi dưỡng thêm cho mỗi người năm chục ngàn..."

Trên đường về anh Tiết bảo: Cứ đà này, tôi chỉ mong các ông lớn lần lượt quy tiên. Anh Thứ thì nói (sau khi đếm tiền): Cái chết của các bậc quyền quý lợi nhiều hơn hại, nó đem lại cho chúng ta nguồn sống, nó giúp chúng ta tồn tại và nếu chúng ta sống mạnh sống hùng thì cả dân tộc cũng hồng hào. Khuôn mặt xanh xao truyền thống sẽ đổi mầu, dạ dầy chẳng còn sôi réo đòi bạo động.

Tôi bảo: Có nghĩa chiến tranh hết đe dọa. Anh Thứ gắt: Tầm bậy ! Giống người khi đủ ăn rồi họ lại đòi hỏi nhu cầu khác. Tôi hỏi: Nhu cầu gì ? Anh Tiết nói: Mày chỉ đáng ăn cứt khi hỏi câu này. Anh Lễ cười: Nếu vậy thì tổ quốc dấu yêu hết cả cứt vì rất nhiều thằng như nó...

2. Đám Ma Bố Ông X

... Bố ông X lúc sinh thời, vợ nhiều con ít. (Các nhà hoạt động chính trị nước mình đa số đều vậy). Họ phóng khoáng đẻ ra những sách lược, nhưng bần tiện trong việc truyền giống và nuôi dưỡng sự lành mạnh của cộng đồng, họ dùng đàn bà làm phương tiện giải tỏa ẩn ức trong sự nghiệp mưu cầu vương bá. Ông X được chào đời trong hoàn cảnh cam go - cuối cùng phần thắng thuộc về mẹ ông, khi bà lừa được đức lang quân vào cái sự đã rồi. Bà phá vỡ toàn bộ quan điểm của chồng về vấn đề gia đình (khiến nhà chính trị này phải thay đổi phương pháp tư duy, các cặp phạm trù và xem xét lại giá trị huyết thống). Thế mới biết, đàn bà có khả năng tiêu diệt ý đồ chiến thuật của mọi cuộc cách mạng lớn nhỏ, họ chủ động tấn công vào thành lũy tư tưởng, cho dù đó là tư tưởng cấp tiến. Mẹ ông X vĩ đại ở chỗ, bà không nắm sức mạnh chuyên chính cũng như tiềm lực kinh tế, song lại điều khiển, thâu tóm, chế ngự ông chồng đầy uy lực biến ông thành nô bộc tận tụy thực hiện mọi ham muốn của mình. Mặc dù, những ham muốn ấy dung tục, tầm thường, sự cao cả, lễ độ, nhân hậu, thành thật (thỉnh thoảng mới xuất hiện), giống như nồi nước dùng ít xương nhiều mì chính thiếu phẩm hạnh ở các quán phở thời bao cấp bỗng ngon đột ngột nhân ngày kỷ niệm quốc khánh, quốc tế phụ nữ...

X - trẻ trung, vẻ mặt đa mưu. Không hổ danh "hậu sinh khả úy," vợ con rồi X vẫn ngủ thêm với nhiều cô gái qua các cuộc tình đã đóng bảo hiểm. Điều đó chứng tỏ: X sòng phẳng, thận trọng và thấp thoáng nhân tính. X nói với phường bát âm: Tôi cần các anh. Anh Thứ hỏi: Chúng tôi phải làm gì? X nói: Yêu cầu nét mặt biểu hiện sự đau thương tới tột cùng. Anh Lễ hỏi: Giá cho sự đau thương là bao nhiêu? X trả lời: Một triệu? Tôi nói: Khi nhạc sĩ phải đóng vai kịch sĩ cũng chẳng mấy dễ dàng, xin anh hai triệu. X trả lời: OK!

... Anh Tiết nói với tôi: "Mày đã bắt đầu biết cách nâng cao giá trị tập thể, tao kiêu hãnh vì mày, chúng ta không thể sống theo kiểu bầy đàn nguyên thủy, một cộng đồng có

TRẦN MỘNG TÚ

BÃO TRONG NGỰC ISSAQUAH

Cơn bão Elnino thổi tung lồng ngực
Một trái tim mà nhận hai lần đau
Mũi không thở và môi không tiếng nói
Giữa hai vai rụng những hạt thơ sầu

Ở ngoài kia chim không cất tiếng hát
Hoa ngã vào nhau cánh xếp lớp rơi
Mưa cứ nhỏ và gió quay tròn múa
Mảnh vườn con là sàn nhẩy tuyệt vời

Mùa đông dài quá như không muốn hết
Mầu xám sơn lên vạt áo mỗi ngày
Chiếc khăn quàng chạy cuống theo cơn gió
Cổ gọi tiếng về khăn mải miết bay

Trời lạnh làm cong những ngón tay nhỏ
Câu thơ thả vào mặt nước lạnh im
Tên bão như tên người tình gọi mãi
Ngực nặng như là có hai trái tim

3/99

sức sống mạnh mẽ đòi hỏi tính liên kết bất vụ lợi. Hôm nay, trước linh hồn bậc công thần cách mạng khả kính tao xin thề, thương mày nhiều hơn nữa và thực hiện tốt chiến thuật 'kẻ tung người hứng.' Anh Thứ bảo: "Hoan hô các Khanh! Vương quốc sẽ hùng mạnh, ngày mai Trẫm khao thưởng tất cả bữa lẩu dê ở phố Lê Duẩn." Anh Lễ bảo: "Món dái dê hấp cách thủy rất tuyệt." Tôi nói: "Hôi bỏ mẹ!" Anh Thứ bảo: "Vấn đề này mày vẫn còn dần độn, tao sẽ dậy dỗ mày có cái nhìn mang tính khoa học, tính triết lý Phương Đông và nhân bản trước những món ăn được chế tác từ bộ phận sinh dục, nó huyền bí, cao cả, thiêng liêng..." Anh Tiết nói: "Chưa đủ, còn phảng phất mùi thiền."

Đám ma bố ông X không ồn ào, người trong nhà nói nhỏ với nhau tựa tiếng khóc thút thít, khung cảnh lạnh lẽo gây cảm giác rờn rợn. Anh Thức ngừng tay trống lí nhí: "Tao thấy giống như truyện Liêu Trai." Người đàn bà phụ trách công việc tiếp rượu, thuốc cho phường bát âm còn trẻ, vành khăn tang chít hờ hững ngang đầu làm tăng thêm nét đẹp quý phái, bộ tang lễ mầu trắng mỏng dính như váy ngủ để lộ thân hình hoa hậu. Anh Tiết bảo: "Cô bồ ruột của cái ông đang nằm trong quan tài." Anh Lễ nói: "Kiểu 'già nhân ngãi non vợ chồng.'" Anh Thứ bảo: "Nhìn bộ đồ tang phủ trên mình người đẹp khiến chim tôi cứng ngắc, ăn mặc kiểu đấy cũng gần giống trần truồng." Anh Tiết nói: "Thôi! Xin bố, hãy tập trung chơi nhạc ngắm nghía lâu dễ phọt tinh ra quần làm dơ dáy cả phường." Tôi hỏi anh Tiết: "Vợ ông ấy không ghen!" Anh Tiết bảo: "Bà khuất núi trước chồng hai tháng, cho nên cô bồ mới ngang nhiên tiếm quyền..."

Tang lễ bố ông X sang trọng song trang nghiêm, bình dị. Người tinh tế tới dự thấy gần giống một âm mưu khiến họ phải dè dặt, ý tứ. Các món ăn đậm đà bản sắc dân tộc, đồ uống cũng thế, rượu Làng Vân thay thế vị trí rượu phương Tây. Từ giàn âm thanh đời mới cứ khoảng nửa tiếng đồng hồ lại phát cuốn băng ghi âm giọng nói bố ông X đọc lời khai mạc buổi hội thảo mang chủ đề "Bàn Về Phong Cách Văn Hóa Đảng Viên." Anh Thức bảo: "Đám này phường mình nhàn hạ." Tôi nói: "Sự có mặt của phường bát âm chỉ mang giá trị làm vật trang sức." Anh Thứ bảo: "Thôi đi các bố! Tôi chỉ quan tâm mấy tờ giấy in hình Bác Hồ, có nó ta mua được nhiều thứ và dễ dàng ngủ với mấy em bướm mới nhú lông..." Tôi nói: "Giọng nói người chết nghe khá hào hùng, bài diễn văn hay đấy chứ!" Anh Lễ bảo: "Tao thấy giống kiểu quảng cáo thuốc chữa hôi nách, sâu răng, hắc lào, bệnh lậu của gánh thuốc 'Sơn Đông Mãi Võ.'"

Đêm rằm. Tôi không ngủ mà đi dạo quanh khu vườn nhà ông X. Trăng sáng quá, các anh trong phường bát âm chắc đã ngủ ngon, nhìn trăng, nhìn cảnh vật tôi bỗng nhớ tới hai câu thơ của một thi sĩ nhà quê:

... Đêm nay mới thật là đêm
Ai đem trăng sáng vãi ngang vườn chè...

Vườn nhà ông X không có chè, toàn cây ăn quả, chậu cảnh. Bóng ai mặc bộ đồ trắng thoáng hiện. Ma! Tôi sởn gai ốc, song không phải đó là cô bồ ruột của bố ông X (hiện đang nằm trong quan tài). Cô không hiện diện một mình, ông X đứng cạnh...

Tiếng ông X: Anh phải có trách nhiệm thừa kế những gì bố anh để lại, giờ đây chúng mình không phải lén lút như trước. Giọng cô gái: "Bố con nhà anh giống hệt nhau." Ông X hỏi: "Anh với bố làm cho em sướng nhiều?" Cô gái bảo: "Anh hùng hổ nghến ngấu, bố anh từ tốn dẻo dai, ai cũng làm em thích..." Ông X đè lên cô, tiếng hổn hển, tiếng rên trong cơn khoái lạc hệt như tiếng thú. Bộ đồ tang bị xé nát...Trăng sáng lắm nên tôi nhìn rõ vòng tay cô bồ bố ông X xiết chặt nồng nàn quằn quại đam mê.

...Cô ta khóc gào thảm thiết khi quan tài bố ông X hạ huyệt: Anh vội vàng bỏ em, thiếu anh em sao sống nổi... mọi người phải giữ cô lại khi cô cứ định lao mình xuống. Tôi đứng dàn, mười ngón tay tê dại, nhìn sang các anh trong phường tôi thấy ai cũng giữ bộ mặt đau thương tới tột cùng.

*

Anh Lễ nói (ở quán lẩu dê trên đường Lê Duẩn): Món dái dê hấp cách thủy thật tuyệt! Anh Thứ bảo: Vừa có hợp đồng. Ngày mai phường mình chơi nhạc cho đám ma con chó nhà ông bộ trưởng, các khanh nghĩ thế nào? Anh Tiết trả lời: Người hay súc vật đều giống nhau thôi có gì phải băn khoăn...

Thành phố lên đèn, tôi vật vờ vô định thoáng nghe bên tai tiếng dương cầm giai điệu bản "Giao Hưởng Số 9, Cung Rê Thứ" của L. V. Beethoven mà tôi học ngày nào. Hiện tại, tôi chơi nhạc đám ma. Cái chết - quy luật tất yếu giúp tôi sinh tồn, các giá trị nghệ thuật cao quý chỉ còn là hoài niệm!●

(Đầu năm con mèo)

LENH THA

VÕ DOÃN NHẪN

Năm 19.....

Thạnh về nhà được vài hôm, tôi lại thăm. Trước, nước da Thạnh bánh mật, nay đổi sang màu trắng tái, cộng thêm dáng điệu phục phịch cố hữu nên trông như phù thủng. Thạnh đang cúng. Trên mặt bàn đặt giữa nhà, bày biện xôi chè bánh trái. Thấy tôi nhìn có vẻ hỏi cúng gì, Thạnh giải thích:

"Bà xã nấu một ít xôi chè cúng tạ mình được ra đó."

Tôi vốn quen chuyện "cúng tạ." Trong mỗi gia đình, khi có chuyện không may ập đến, nhẹ như mất con gà con vịt, xâu chìa khóa, trầm trọng hơn như có đứa con gái bỏ nhà theo trai hoặc có người bệnh lâu ngày không thuyên giảm thì người trong nhà vái xin cho tìm lại được của đã mất, cho đứa con biết đường biết ngõ trở về, cho người bệnh sớm bình phục. Mất của thì vái xin ông Địa,con đi hoang thì xin Trời Phật cùng Cửu Huyền Thất Tổ, bệnh tật thì xin Thánh Thần cùng cô hồn các đẳng, hoặc một vong linh nào đó đã quở vì tên đó đã dám hỗn láo vô phép: đi ngang miếu thờ vào trưa đứng bóng đã không ngả mũ cúi đầu mà còn dám vác mặt ngó thẳng vào miếu, hoặc dám vạch quần tiểu lên mấy ông đầu rau sứt càng gãy gọng lăn lóc dưới gốc cây đa, hoặc dám đi ngang bãi tha ma lúc chạng vạng... Nếu khổ chủ tìm lại được của thì ông Địa sẽ được cúng tạ, thường chỉ với một cái bánh tráng nướng và một tán đường là đủ lễ. Nếu đứa con đi hoang tìm đường "trở về mái nhà xưa," nếu người bệnh bình phục sức khỏe thì mâm cúng tạ sẽ... tùy theo lời hứa khi van vái, nhưng chắc chắn không phải chỉ có cái bánh tráng nướng với tán đường. Một lần đến viếng chùa V. L. cùng với người học trò cũ, tôi thấy trên mâm cúng tạ của gia đình một bệnh nhân mắc "đàng dưới" có con gà luộc, nem chua chả lụa. Thấy sự lạ, tôi hỏi nhỏ cựu môn sinh — vốn dân tu xuất — và tôi được giải đáp thắc mắc ngay:

"Thân chủ nhà chùa cúng tạ mấy vị khác, không phải cúng tạ Phật đâu thầy."

Sau đó hai thầy trò chúng tôi được thân chủ nhà chùa mời "ở lại chơi."

Vợ chồng Thạnh cúng tạ vì Thạnh được ra khỏi nhà tù.

Trong lúc bạn đi tới đi lui tiến hành buổi lễ tạ, tôi ngồi suy nghĩ. Ngày Thạnh vào tù, người vợ ở nhà đã van vái thế nào nhỉ? Bà xin ơn trên mở mắt nhà cầm quyền địa phương để họ sáng suốt nhìn thấy chồng bà vô tội? Con người sống dưới hai chế độ nước, lửa, bị hai chế độ ấy cầm tù! Ngày còn học tiểu học, Thạnh đã bị chính quyền Quốc gia bắt đi tù rồi. Tôi cũng bị bắt nhưng không bị tù. Đám nhóc con như bọn tôi ngày ấy sống ở thôn quê khó tránh khỏi tuyên truyền mê hoặc của "mấy cha trên núi:" làm liên lạc, đóng nguyệt liễm, kết nạp tổ viên và dùng ná thun bắn bể bóng đèn đường! Vậy là Thạnh có công "kháng chiến chống Pháp." Trong "kháng chiến chống Mỹ," Thạnh cũng lại bị tù, không oan. Tuy đi lính (không quân) cho Việt Nam Cộng Hòa nhưng Thạnh vẫn ước mơ "thiên đường hạ giới." Thạnh lại một lần nữa, có công. Riêng tôi, tôi đã thoáng thấy mấy ông này không hạp với tôi từ ngày tôi bị mấy ổng khiển trách phê bình tôi còn đầu óc tiểu tư sản lạc hậu khi họ bắt được quyển Tiêu Sơn Tráng Sĩ trong chồng sách vở của tôi. Ngày ấy tôi mới học năm đầu tiên bậc trung học.

Thấy bạn cúng xong, tôi hỏi:

"Họ có nói ông bị bắt về tội gì không?"

"Có chớ. Công an chấp pháp bảo mình ở trong một tổ chức phản động."

"Ông mà phản động! Vậy chớ họ không biết ông 'có công với cách mạng ' sao? Chống Pháp chống Mỹ gì ông cũng có công cả mà."

"Họ biết và họ nói công đó đem đổ xuống sông xuống biển hết rồi. Thằng Long ở trước nhà mình bị bắt, khai bậy mình ở trong tổ chức của nó. Nhưng mà không có bằng chứng gì cả.

"Không có bằng chứng sao bị giam giữ lâu vậy? Dễ chừng sáu tháng?"

"Sáu tháng năm ngày."

Thạnh đứng lên, đi lại chỗ mắc quần áo, móc túi quần, lục ví, lấy ra một tờ giấy vàng xỉn, mỏng dính, đưa tôi.

"Đây là LENH THA, ông coi thì rõ."

Tôi cầm lấy, đọc qua. Những dòng chữ đánh máy không dấu trên một tờ giấy không biết

nên xếp vào loại giấy gì.

Cong Hoa Xa Hoi Chu Nghia Viet Nam
Doc lap-Tu do-Hanh phuc
LENH THA
Ten pham nhan: Le van Thanh
Bi bat ngay 10/1/1978, ly do.....
Duoc tha ngay 15/6/1978 ,ly do.....

Tôi hỏi:

"Đây là lệnh tha hay là lệnh thả vậy?"

"Mình cũng không biết nữa. Mà lệnh tha hay là lệnh thả thì cũng vậy thôi. Thả tức là tha rồi. Có tha mình mới thả mình ra chớ."

"Biết rồi! Nhưng mình không chịu cái lối ăn nói mập mờ đánh lận con đen đó đâu. Nếu ông "vô tội," nghĩa là ông không ở trong một tổ chức phản động nào, thì ông có tội gì mà "tha" cho ông? Tha là tha lỗi, tha tội. Tôi nghĩ phải hiểu đây là "Lệnh thả." Bắt người vô tội thì phải thả người ta ra. Hơn nữa, chỗ "ly do bat" và "ly do tha" để trống. Sao lại để trống? Họ không muốn xác nhận họ bắt oan, bắt nhầm ông chứ gì. Bắt oan bắt nhầm thì thả, sao lại gọi là tha? Ông nói ông "vô tội" sao họ gọi ông là "phạm nhân?"

"Ông nói vậy chớ, hôm công an chấp pháp thẩm vấn mình, họ đã dằn mặt: 'Anh nói anh vô tội hả? Anh nên nhớ: một khi anh bị chính quyền cách mạng bắt thì là anh đã có tội rồi.' Thành ra lúc mình nhận được tờ giấy này, mừng ơi là mừng. Vội vàng thu dọn mùng mền mình chạy tung ra khỏi trại giam, va đầu vào cạnh cửa, bữa nay còn bầm đây."

Tôi lại lục vấn bạn:

"Họ giam ông ở đâu vậy?"

"Thì cũng ở Lao Chợ Đầm, chỗ ngày xưa chế độ cũ giam mình đó. Tình cờ họ xếp mình nằm vào chỗ ngày trước mình nằm. Thấm thía dễ sợ."

Tuy vậy, Thạnh tiếp, cũng có được điều may mắn. Bị tống vô phòng giam, mãi đến chiều, mình mới được gọi đi nhận cơm. Tù,ai cũng có một vật gì đó để đựng phần cơm của mình: một cái tô, cái đĩa, một cái cà mèn.

Sáng hôm đó, trước khi phải cho hai tay vào còng số tám, mình chỉ được thu xếp một bộ quần áo cùng dụng cụ vệ sinh cá nhân bỏ vô túi vải. Thành thử, mình đi nhận cơm với hai tay không.

Phát cơm viên là một bộ đội gái, có lẽ phục viên, thấy tân cải tạo viên đi nhận cơm với cung cách của một tên vô sản chính hiệu, ra lệnh:

"Ngửa hai tay ra!"

Chắc không ai hiểu được tâm trạng lúc đó của mình. Khẩu phần là hai chén cơm cộng với một con cá khô bằng hai ngón tay. Nhìn cơm theo mấy kẽ ngón tay rơi đều đều xuống đất, mình tiếc ngẩn ngơ. Hai chén cơm đối với mình đã chẳng đủ thiếu gì rồi, lại còn rơi vãi lung tung . Niềm tiếc rẻ phần cơm đổ tháo ấy lẫn lộn với nỗi xót xa tủi nhục làm thành mấy giọt nước mắt lăn dài trên má, rơi xuống phần cơm trên hai tay. Mình xưa nay là một thằng lì lợm mà vẫn phải khóc. Chưa bao giờ mình phải ngửa tay nhận miếng ăn trong một tình huống như thế.

Giọng kim của phát cơm viên:

"Đàng ấy nại đàng kia chỗ gốc cây bàng ngồi mà ăn cho xong bữa, tha về đến phòng thì chẳng còn gì đâu. Ngày mai tớ sẽ cho đàng ấy mượn một cái đĩa kim noại mà đựng cơm, nhá!"

Trưa hôm sau và những buổi lãnh cơm sau nữa, mình nhận phần cơm của mình trong cái đĩa nhôm cũ kỹ móp méo và thay vì hai chén, mình được bới thêm, thường là một miếng khô cháy cỡ bằng bàn tay.

Tôi hỏi đùa:

"Nom bộ đội gái có vẻ sạch sẽ không?"

"Sạch mẹ gì! Mắt lé. Hàm răng cải mả. Lại bị thương tật ở chân nên nàng có dáng đi ...Tôn Tẫn."

"Có lẽ nhờ vậy mà... tốt bụng riêng với người mát da mát thịt chăng?"

Tôi đưa trả lại Thạnh tờ LENH THA. LENH THA? LENH THA! Tôi nhớ đến một buổi học tập chính trị vào năm 75. Đêm học tập ấy được tổ chức ngoài trời, trên một sân banh nhỏ không lấy gì làm sạch. Đi họp, mọi người thường đem theo một cái đòn ngồi. Ánh sáng cho buổi học được cung cấp bằng một bóng điện tròn tỏa một thứ ánh sáng vàng vọt lù mù dễ gây ngủ. "Báo cáo viên" đêm đó được giới thiệu là thiếu tá công an điều từ thành phố về. Nội dung buổi học tập được đánh máy cũng trên một loại giấy như giấy LENH THA của Thạnh và được báo cáo viên đọc dưới ánh sáng của ngọn đèn dễ gây ngủ ấy, tôi nghe có đoạn như sau:

"Dao nào cũng là dao. Dao phát cũng là dao, dao nhỏ cũng là dao, dao lào cũng là dao, dao hời cũng là dao ,dao thiến chúa cũng là dao, dao cạo... (ngập ngừng) đầu cũng là dao. Nhưng chỉ có dao đúc cách mạng mới là dao thực sự của Đảng và nhân dân ta..."

Tôi quay lại hỏi nhỏ đứa cháu ngồi bên:

"Ông thiếu tá báo cáo cái gì mà chú nghe toàn là dao với dao vậy?"

"Dạ, ổng nói về chính sách để nhân dân được tự do theo đạo của Đảng đó chú."●

CON BÒ HÀ LAN

VŨ THƯ HIÊN

(tiếp theo)

Thái độ của viên y sĩ trại làm Dần Mọt Gông sa xầm mặt. Ông quay sang phía giám thị:

"Chết nỗi, trong trại ngoài anh ấy ra, là người còn biết võ vẽ về lá thuốc, chẳng còn ai, thưa Ban."

"Bân mẹ chồng" bảo:

"Cho anh ta đi được. Đồng thời, thử thách luôn. Ý kiến tôi vậy đấy, ông Thông có đồng ý không?"

Giám thị vẫy tôi:

"Anh kia, xuống. Cho anh đi lấy thuốc với anh Dần. Anh Dần chịu trách nhiệm với tôi về anh ấy đấy nhá! Anh ấy mà vi phạm kỷ luật là tôi cứ anh tôi tróc."

Dần Mọt Gông được thể, xoa xoa hai tay:

"Thưa Ban, Ban yên tâm. Nhân tiện, xin Ban cho mấy chữ để nhà bếp xuất cho chúng tôi cái ăn. Đi thế này, nhanh cũng đến chiều tối mới về được."

"Anh muốn cái gì nào?"

"Xin Ban bảo nhà bếp cho bốn vắt cơm nắm, một ít cá khô..."

"Cơm, được rồi. Cá, mấy con?"

Dần Mọt Gông gãi đầu:

"Thưa Ban, đa đa ích thiện ạ."

Chúng tôi được bốn nắm cơm tướng, kèm bốn con cá khô bản bằng bàn tay, coi như có một bữa tươi "cực." (8) "Này, bác Dần, liệu có chữa được nó không đấy? Chứ chuyện này nguy hiểm lắm." — tôi nói khi chúng tôi rời trại — "Cầm bằng vuốt râu cọp đấy."

"Ông yên trí lớn đi. Chữa nó dễ như trở bàn tay. Có gì đâu, con bò tham ăn, cạp lung tung, gặp thứ cỏ khó tiêu, bị chướng bụng, đầy hơi, thế thôi. Thuốc thì vừa nãy vào bếp tôi đã thó được đây rồi."

Ông giở cạp quần, lôi ra một củ gừng to tướng.

Việc đầu tiên của chúng tôi là phóng thẳng ra suối Ngọc. Thường đi làm theo đội, quản

giáo chỉ cho chúng tôi tắm suối chừng năm phút, hoặc hơn tí chút. Trong năm phút ấy phải làm sao vừa tắm gội, vừa giặt quần áo, có khi chẳng kịp giặt nữa, cứ để nguyên trang phục mà lội ào xuống suối mà kỳ cọ, rồi để nguyên quần áo ướt trên mình mà về trại.

Hôm nay chúng tôi cứ việc nhẩn nha tắm gội cho thỏa thích. Tôi nằm ườn trên một tảng đá, gối đầu lên một tảng cao hơn, mặc cho lũ cá đen trũi có vây hồng rỉa ghét hộ. Thứ cá này rất dạn, chúng lăn xả vào rỉa lấy rỉa để, đầu chúng thúc vào người như thụi. Không hiểu sao cánh lâm sản không bắt thứ cá này đem kho bán trong trại. Họ bảo cá độc.

"Nó độc thật đấy. Chất độc của nó thấm vào gan, ăn vào nhẹ thì nôn oẹ, nặng thì chết." - Dần Mọt Gông bảo.

Bên trên chúng tôi là bầu trời mênh mông, với những vầng mây phiêu lãng.

"Ở quê tôi, trời cũng nhiều mây như thế này..."

Tôi lim dim tận hưởng cái thú tự do, nghe lào phào bên tai tiếng Dần Mọt Gông tâm sự.

"Thế à?"

"Nhưng sông thì lớn lắm."

"Thế à?"

"Ở khúc làng tôi có nhiều ba ba, những người bán ba ba ngồi ngay ở bến đò, mặc cả trước với khách bằng một cái que..."

"Tại sao lại bằng một cái que?"

"Tại vì ba ba to nhỏ đủ cỡ, khách muốn ăn cỡ ba ba có mai to bằng nào thì họ bẻ que tới cỡ đó, đến lúc ấy mới lặn xuống bắt lên."

"Có nghĩa là họ coi ba ba sông như gà trong chuồng nhà?"

"Chứ sao!"

Tắm chán chê, chúng tôi mới lững thững đi vào rừng chơi. Mà đúng là chơi thật, vì có còn phải làm gì nữa đâu. Lâu lắm mới có dịp để chơi như thế. Dần Mọt Gông đã nhân dịp mà ra giá, thì phải tiêu cho xứng đáng cái giá đạt được.

Tôi tin ở Dần Mọt Gông. Ông là người không bao giờ sai lời, không biết mà nói rằng biết, không làm được mà nói rằng làm được. Có hôm vui miệng ông kể hồi năm 45 ông cũng tham gia cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, đã một thời làm chủ nhiệm Việt Minh huyện. Nhưng sau đó ông làm gì, rồi tại sao lại bị bắt tù thì ông không kể nữa, tôi cũng không hỏi. Những người tù chính trị thường bị bắt vì một cái cớ ba lăng nhăng nhất, nói ra chẳng ai tin, cho nên người ta không nói. Có người còn ngượng, không muốn nói với ai rằng mình oan, cho là như thế chỉ tổ giảm giá trị mình trong con mắt bạn tù. Về tính cách con người, Dần Mọt Gông là hình ảnh đối xứng của một cán bộ tuyên huấn, người chủ trương nói dối là một nghệ thuật và anh ta là nghệ sĩ trong cái nghệ thuật ấy.

Ở tù lâu cuồng cẳng, chúng tôi đi một mạch cả chục cây số. Rừng quanh trại Nhân Hậu không phải rừng già, mà cũng không phải rừng trồng, phần lớn là đồi cỏ tranh lúp xúp, chen lẫn vào đó là những vạt rừng không thể định tính với đủ mọi thứ cây linh tinh, cành khẳng khiu, rũ rượi dây leo.

"Muốn vào rừng lớn phải đi xa nữa." - Dần Mọt Gông nói - "Những khu rừng gần đây lâm sản phạt hết rồi. Tôi đi đã nhiều trại, trại nào cũng thế, lúc mới lập ra thì chung quanh là rừng cả. Tù đến trại hôm trước, hôm sau đã bị xua đi đốt rừng, phát đồi, lấy đất trồng sắn. Trại ổn định rồi thì đến lượt bọn lâm sản đốn cây, xẻ gỗ, đóng bàn đóng tủ cho Cục, cho Bộ, đem bán cho mậu dịch. Rừng quang dần, mỗi năm một lùi xa khỏi trại. Nền văn minh cải tạo đi đến đâu thì hết rừng đến đấy. Ông có thấy trại nào có đội trồng rừng không?...

Chúng tôi dừng lại, nhóm lửa nướng sắn, nướng cá khô. Cơm nắm bẻ ra, ăn một bữa khoái khẩu. Ăn xong còn dọn chỗ làm một giấc thẳng cẳng. Tỉnh giấc, Dần Mọt Gông rủ tôi vào một cánh rừng thưa kiếm ít lá thuốc "để phòng xa khi anh em trong trại cần đến."

Mọi người vẫn xúm quanh con bò khi chúng tôi trở về. Như một thầy thuốc thú y chính hiệu, Dần Mọt Gông đi quanh con bò một vòng ra cái điều "quan hình sát sắc," banh mắt nó ra xem rồi phán:

"Chúng tôi còn phải chế thuốc cái đã. Sáng mai chữa. Không sao đâu. Còn xa ruột."

Thùy "sắt thép" hỏi:

"Chế trong phòng được không?"

Viên trung uý này không muốn cho chúng tôi được ở thêm một đêm bên ngoài phòng giam cửa đóng then cài. Vả lại, để cho tù ngủ qua đêm bên ngoài phòng giam phải có phép Ban giám thị, cho dù là cán bộ trực trại cũng không được tự tiện.

"Dạ, được. Nhưng xin Ban cho phép chúng tôi đốt lửa. Làm thuốc Nam lích kích lắm, thưa Ban. Có vị phải qua cửu chưng cửu sái, rồi lại còn phải khử hoả độc xong mới dùng được..."

"Được rồi. Tôi cho phép. Nhưng phải cẩn

thận hoả hoạn."

Tối hôm đó cả phòng giam được tự do "nhặm xà" (9) và "sột sệt." (10)

Thấy Dần Mọt Gông quá ung dung tự tại, tôi đâm lo:

"Bác Dần, coi chừng không chữa được nó thì mình toi đấy."

Có cái quái gì mà rộn chứ. Trò trẻ ấy mà."

Ông nướng cả củ gừng, xắt nhỏ như miến, trộn với than bột cho đen xì đen xịt, đoạn bọc vào mảnh giấy gói phong thuốc lào Vĩnh Bảo, cất dưới gối.

Suốt đêm ấy chỉ có "bộ đội" tạt qua kiểm tra phòng giam. Nếu một anh tù đã được phép nổi lửa thì chính anh ta phải kiểm soát các bạn tù để anh ta không bị vạ lây.

Bảnh mắt, "Bân mẹ chồng" đã vào mở khoá cho chúng tôi ra. Con bò vẫn nằm đúng tư thế hôm trước, thở nặng nhọc. Màn đã được vắt lên, lấy chỗ cho người ra vào. Mùi khói lá xoan từ đống rấm đuổi muỗi lan toả, đắng ngắt. Sự kiện con bò được nằm màn sinh ra khối lời đàm tiếu. Nhưng rồi những người tù cũng hiểu ra: họ không thể so mình với con bò quý được. Họ là tù, được đưa tới đây để cải tạo, còn nó thì không. Người tù được về nhà, đứa con sinh ra mang lý lịch con phản động chống chế độ. Con bò cho giống tốt, anh ta cho giống xấu.

Con bò lờ đờ nhìn những người đi lại trước mặt. Dần Mọt Gông xin ít mỡ lợn trát đầy vào mu bàn tay phải cho tới tận trên cổ tay, rồi sai tôi giữ chặt hai chân con bò. Tôi chưa kịp thực hiện lệnh của ông thì cả hai viên y sĩ đã xông vào. Tôi chỉ phải nắm hờ hai cẳng chân lạnh ngắt của nó, bụng nghĩ nó mà giãy một cái thì cả ba sẽ văng ngoài tắp lự là cái chắc.

Giám thị Thông đã có mặt, vỗ vai Dần Mọt Gông:

"Thế nào, chắc ăn chứ?"

"Thưa, Ban cứ yên tâm."

Nhanh như cắt, trong khi mọi người chưa biết ông sẽ làm gì, Dần Mọt Gông đã lấy gói thuốc đặt vào lòng bàn tay phải, nắm lại và thọc cả nắm tay vào lỗ đít con vật. Nhờ có mỡ trơn, con bò chỉ hơi rùng mình một cái nhẹ. Dần Mọt Gông rút tay ra, đứng thẳng lên:

"Xong rồi!"

Ông đi ra ngoài rửa tay, rồi ngồi xuống bên con bò, rít thuốc lào xòng xọc.

Một lát sau, con bò bỗng đánh rắm thối um. Mọi người bỏ chạy ra ngoài. Tôi nghe tiếng y sĩ trại reo to:

"Nó ỉa rồi!"

"Nhiều lắm! Nhưng tháo tỏng." - Quảng Vixi kêu lên.

Dần Mọt Gông nháy mắt với tôi, chỉ hơi nhếch mép cười.

Hôm đó tù ốm ở trạm xá bị ăn cháo muộn đến hai tiếng. Theo lệnh Ban Thuỳ, nồi cháo dành cho họ phải chuyển ngay lập tức cho con bò Hà Lan ăn trước.

Giám thị trại hài lòng. Dần Mọt Gông được lệnh tới gặp ông ta. Phần thưởng cho Dần Mọt Gông đã nằm trên bàn - một Điện Biên bao bạc. Ông kì kèo thêm cho tôi một bao Tam Đảo, nói rằng công tôi kiếm lá thuốc cũng vất vả, đáng được thưởng. Tôi cự ông:

"Ông xin họ làm quái gì."

Ông bảo:

"Mình đòi đấy chứ. Tiền công mà chỉ có như thế, rẻ thối. Anh đừng có quân tử Tàu. Có đóng góp, sẽ có thù lao xứng đáng, mới là chủ nghĩa xã hội chứ, họ chẳng vẫn thường nói thế sao? Mà suy rộng ra, họ lấy của mình là nhiều, chứ mình lấy được của họ là mấy..."

Rồi ngửa mặt lên trời mà cười.

Chuyện con bò đến đây cũng chưa kết thúc. To xác là thế, bên ngoài lực lưỡng là thế, mà yếu lắm, cái giống bò Hà Lan ấy.

Sau vụ đầy hơi, lại đến vụ sâu quảng.

Ở hông bên phải con bò đột nhiên xuất hiện

một cái lỗ sâu hoắm, từ đó những con ròi trắng như được tẩy bằng nước Javel ngọ ngoạy chui ra. Quảng Vixi bắt liên tục không hết. Hỏi Dần Mọt Gông, thì ông nói: "Đốt một mảnh đĩa hát, tán ra lấy tro, dịt vào thì khắc khỏi." Nhưng ở cái trại này giết ai ra đĩa hát? Trên cơ quan, là nơi cái gì cũng có theo cách nhìn của tù, người ta có mọi thứ đĩa, trừ đĩa hát. "Thế thì dùng thuốc trừ sâu vậy, nhưng phải cẩn thận, ít một thôi," Dần Mọt Gông khuyên. Rắc thuốc trừ sâu thì hết ròi nhưng nước vàng cứ ri rỉ chảy ra. Cho tới khi anh y sĩ trại phải dốc hết số thuốc kháng sinh ít ỏi của trạm xá trét vào cái lỗ sâu hun hút ấy mấy ngày liền mụn sâu quảng mới lành. Sau vụ này Quảng Vixi đã dài ngoẵng lại dài ngoẵng thêm, quần áo thùng thình, trông như bù nhìn ruộng rưa.

Dần Mọt Gông bảo anh: "Chăn con Phi Đen thế đủ rồi. Nên chia tay với cái giống ngu ấy đi thôi. Con này còn sinh chuyện còn chán, chưa hết đâu, nói cho anh biết."

Giữa chúng tôi với nhau, và với cả con bò

Hà Lan, nó vẫn mang tên Phi Đen. Mặc dầu Ban giám thị đặt tên cho nó là Khoang, lúc vắng người Quảng Vixi vẫn tiếp tục gọi nó bằng cái tên xúc phạm lãnh tụ. Gọi khẽ thôi, nhưng con vật hiểu. Nó đến với anh, ngoan ngoãn như một con chó con.

Nghe Dần Mọt Gông, Quảng Vixi thở dài. Anh không bao giờ phản đối ông. Trong thâm tâm anh biết ông già rất tốt với anh, ông nói đúng, con bò còn sinh chuyện nhiều, anh sẽ còn khổ với nó. Nhưng ngoài tình cảm quyến luyến với con vật, thường gặp ở bất cứ người tù nào sau một thời gian chung sống với một sinh vật khác giống, trong anh vẫn còn le lói hi vọng được mau trở về với vợ con. Mà muốn được mau về với vợ con thì không gì bằng lập công.

Anh suy nghĩ mấy đêm liền rồi rụt rè trình bày lên Ban giám thị rằng đối với con bò lớn như thế, một người chăn dù có mẫn cán đến mấy cũng không đủ. Ai cũng có thể thấy rằng một người không thể cùng một lúc ở đàng trước, đàng sau, bên phải, bên trái, một đụn thịt to tướng như thế được. Mà giống mòng vàng, tức một thứ ruồi trâu rất quái ác, kẻ duy nhất gây ra sâu quảng cho bò, ở vùng này có nhiều. Chúng bay với tốc độ siêu thanh, tấn công nhanh, rút nhanh, bám con mồi dai hơn đỉa. Nếu không được bảo vệ tốt, con bò sẽ còn bị sâu quảng nhiều lần nữa.

Nghe anh trình bày, thiếu tá giám thị gật gù, cho lập luận của anh có lý. Ông đưa vấn đề ra bàn bạc trong Ban giám thị. Quảng được cấp hai người phụ, một người trông bên phải, một người trông bên trái con bò. Còn người đi đàng sau, ông giám thị coi là không cần thiết.

Được ba người chăm nom, con bò ngày một mỡ màng, béo mượt. Mỗi lần con bò đi qua chỗ tù làm việc là mỗi lần nó gây ra một trận cười. Không thể không cười được trước cảnh Quảng Vixi cao ngồng đi trước, nắm sợi thừng dắt con bò khổng lồ, hai bên hai anh tù thấp bé chạy tới chạy lui vung vẩy như múa hai cái chổi bằng nan nứa tước mỏng, khi hò hét xua đuổi, khi mím môi trợn mắt đập lấy đập để những con mòng to bằng con ong đất bay vù vù bên trên con bò.

Đúng vào lúc mọi việc trong trại diễn ra trôi chảy nhất thì phái đoàn của Bộ về thăm.

LƯU HY LẠC

MƯA BUỔI SÁNG

sập trận mưa, buổi sáng chết yểu
em ở sau màn nước chập chùng
nhả hơi thuốc đầu ngày, khói úng
lất phất, lời vô thủy vô chung

lũ chim thức sớm, đứng cú rũ
tay trời bủa lớp lớp sa mù
dụi đầu tàn, em lượn ngang trí
bóng chữ ẩn hiện vạn hình thù

mặt kiếng đục trắng hanh ẩm ướt
chỗ nằm lợp tiếng bấc tiếng chì
mái ngoài ngõ giông gió lướt thướt
giấc tôi, dậy lý lẽ so bì

khép mở, em cười giục liền miệng
cạnh đời, tình não nuột đêm ngày
thiêm thiếp mắt, đầu chẻ trăm miếng
đổ nặng hột, lóng ngóng ngập tai.

Cả trại nhốn nháo hẳn lên. Lần này, không phải chỉ riêng khu cơ quan, mà ngay trại tù cũng phải tổng vệ sinh, từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong, sạch bong. Nhà bếp được phát quần áo mới, tạp dề trắng trước bụng, không khác gì nhân viên mậu dịch. Những cái chảo gang cóc cáy được đánh đến bóng loáng. Chỉ có lũ rệp là hoàn toàn vô sự, vì người ta không thấy cần phải phun thuốc trừ sâu, biết chắc rằng phái đoàn sẽ không ngồi hoặc ngả lưng trên giường tầng của tù nhân.

Phái đoàn đến vào một ngày đẹp trời. Không mưa. Không âm u. Thậm chí buổi trưa còn có nắng.

Tù vẫn đi làm như thường. Khi phái đoàn ra đồng thăm nền sản xuất nông nghiệp của trại thì tù được chống cuốc hồi lâu để vỗ tay hoan hô mà không bị quản giáo thúc giục. Mỗi đội đã được lệnh chọn một phạm nhân cải tạo tốt, ăn nói trôi chảy, để phát biểu ý kiến khi phái đoàn hỏi đến. Nhưng phái đoàn chỉ đi lướt qua, không hỏi han gì cả. Chắc họ đã đi tham quan nhiều trại, trại nào thấy

cũng giống trại nào, cho nên không hỏi nữa. Buổi chiều, một số phạm nhân được về trại sớm, tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới, rồi lũ lượt kéo nhau lên cơ quan chầu, chờ các nhà

báo hỏi chuyện. Có cả một nhà văn cũng đi trong đoàn. Ông này có tiếng lắm. Tôi đã được đọc tác phẩm của ông ta khi chưa đi tù. Ông ta cũng gặp vài anh có tiểu sử thú vị, hỏi nhiều, ghi chép không rời tay. Ông cho họ biết những câu chuyện của họ sẽ được nằm vào cuốn tiểu thuyết sẽ ra đời về hệ thống cải tạo xã hội chủ nghĩa cực kỳ nhân bản đối với những phần tử phạm pháp.

Dần Mọt Gông nhìn quang cảnh tấp nập ấy bằng cặp mắt nheo nheo, giễu cợt.

Tôi hỏi ông:

"Bao giờ thì họ đi?"

"Chắc đến mai là cùng. Giống này không ở lâu đâu."

Tôi hỏi thế vì lo lắng. Vào phút chót, trước khi phái đoàn tới, đội mộc được lệnh cử mấy người, trong đó có tôi, lên làm chuồng xí cho khách. Thì ra mải chuẩn bị đón khách, Ban giám thị quên phứt rằng khách cũng là người, và họ không thể không làm cái sự bài tiết mà mọi động vật đều phải làm hàng ngày.

Chúng tôi hối hả dựng một khung nhà (tạm nhưng phải chắc), móc lên vài đôi kèo, gác mấy cái đòn tay, phủ tranh cho kín. Nhưng thưng vách cho đàng hoàng, đẹp đẽ thật khó. Ván xẻ đã xuất hết cho cửa hàng đồ gỗ của tỉnh, không còn một tấm. Đành phải lấy tranh mà thưng. Mà sửa tới sửa lui, tranh vẫn lờm xờm.

Thiếu tá Thông nhìn mấy bức vách, gầm lên:

"Các anh định nát ai đấy? Thế này mà gọi là nhà vệ sinh à? Một cái chuồng lợn."

Chúng tôi nói chúng tôi đã làm hết cách. Không có vật liệu thích hợp thì không thể làm hơn được. Nếu ông lệnh cho đội xẻ làm đêm thì sáng sớm chúng tôi có thể lấy ván họ xẻ được để thưng vách. Nhưng ông ta không chịu, bảo như thế lấy đâu ra thời giờ sửa chữa nếu làm xong rồi mà vẫn không ra làm sao. Trong khi chúng tôi loay hoay đặt cái thùng xí và giải quyết đường tiêu nước giải dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông thì ông nảy ra sáng kiến:

"Đến kho cơ quan lấy vải ra mà bao. Vừa sạch, lại vừa đẹp."

Cuối cùng rồi cái nhà vệ sinh cũng xong. Nó giống như nhà rạp đám cưới với vách bằng vải màu xanh hoà bình.

Không biết công trình của chúng tôi có được ngài bộ trưởng chiếu cố không, và chiếu cố được mấy lần, nhưng đến trại Nhân Hậu rõ ràng ngài được hưởng một trong tứ khoái ở mức độ cao.

Những phạm nhân cải tạo tốt cũng được ngài bộ trưởng khích lệ:

"Các anh đã cải tạo tốt rồi, lại càng phải cải tạo tốt hơn nữa, cải tạo chắc hơn nữa, mới đúng tinh thần cải tạo xã hội chủ nghĩa, có phải không nào? Đảng và chính phủ coi các anh như con cái, cái này Bác đã nói nhiều rồi, Bác cho các anh đi cải tạo cũng chỉ mong các anh trở thành công dân tốt, chuyện này các anh cũng được nghe giảng nhiều rồi, chẳng qua các anh nhất thời có khuyết điểm, có khuyết điểm thì sửa chữa khuyết điểm, có phải không nào? Năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn, không phải ai cũng như ai, hôm nay mình chưa tốt thì mai mình tốt, có phải không nào? Con hư thì phải dạy, yêu cho vọt, ghét cho chơi, Bác và Đảng đâu có ghét bỏ các anh, có phải không nào? Nhưng Đảng có trừng trị các anh cũng là giơ cao đánh sẽ thôi, có phải không nào? Đảng dạy các anh nên người rồi, Đảng sẽ giải quyết cho các anh trở về xum họp với gia đình..."

Lũ phạm nhân đứng như tượng, thậm chí không dám ngước nhìn ngài bộ trưởng. Nói xong, ngài lập tức quay đi, mặt lạnh như tiền, như thể chưa từng nhìn thấy họ.

Mấy anh tù cải tạo tốt lắc đầu:

"Giá mà lão ấy cho lấy một phong thuốc lào! Đàng này "trều," (11) một miếng "mều" (12) cũng không, đéo có gì hết..."

Phái đoàn đi rồi thì đâu hoàn đó. Cỏ lại mọc trên đường vào trại. Các đội nông nghiệp tiếp tục bán mặt cho đất, bán lưng cho trời.

Tù tính: phái đoàn đến vào cuối tháng Năm. Bữa tươi ngày Quốc tế lao động đã ở sau lưng. Từ nay cho tới bữa tươi gần nhất — ngày Quốc Khánh 2.9 — còn ba tháng nữa, dài lắm.

Cuộc sống của người tù là thế. Người tù thèm đủ thứ, nhưng nhất hạng là thèm thịt. Theo thông lệ, một tháng tù được ăn thịt một lần, nếu không bị thay bằng thứ khác, đậu phụ hay cá khô. Ngoài ra, còn có một số bữa tươi khác, đặc biệt hơn, được ăn thịt nhiều hơn, gắn với Tết âm lịch, những ngày lễ lớn như Quốc Khánh, Ngày quốc tế lao động 1.5. Nói chung, trong những bữa tươi thường kỳ mỗi suất được vài miếng xắt quân cờ, bản bằng hai ngón tay. Thịt hiếm đến nỗi mỗi lần có thịt là mỗi lần những giá trị tinh thần được viện đến. Chỉ những người tù đạo cao đức trọng mới được tập thể trao trách nhiệm chia thịt. Nhà bếp thái không đều tay, nên khi chia, người

chia ngoài tinh thần chí công vô tư còn phải vận dụng kinh nghiệm cả đời người để chọn trong cả đống xương, sụn, bì, nạc, mỡ... lộn xộn những miếng tương đương để chia thành các phần bằng nhau. Đó là việc rất khó. Cho nên còn phải bày ra cái trò "quay mặt đặt tên" để bổ sung. Tức là, khi thịt đã chia xong tương đối đều vào các bát, thì một người cầm danh sách đội tù lên, quay mặt đi xướng tên từng người theo thứ tự bất kỳ sau mỗi tiếng gõ vào một cái bát nào đó. Gõ vào tên ai là phần người ấy, một thứ xổ số để tìm lẽ công bằng.

Được cái, những người tù chính trị không đến nỗi quá quắt trong chuyện chia chác, không đến nỗi vì một miếng thịt mà để xảy ra đổ máu. Tôi nói tù chính trị là nói gượng, có thể sẽ bị chỉ trích là nói sai. Bởi vì nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trước nay không bao giờ công nhận ở Việt Nam có tù chính trị. Sự phân chia hai loại chính trị và hình sự chỉ có trong các trại giam, mà cũng chỉ về mặt hình thức — tù chính trị mang số lẻ, tù hình sự mang số chẵn. Theo cách nhìn của tôi, trừ vài người đúng là chính trị, nghĩa là có ghét nhà nước hẳn hoi và có ý định chống lại nó, hoặc đã chống lại một cách khá ngớ ngẩn, tất cả số còn lại đều là tù ất ơ, chẳng chính trị mà cũng chẳng hình sự. Không thể gọi một ông nông dân nát rượu, khi đã lướt khướt coi giời bằng vung, dám vạch quần ra: "Bác thằng nào chứ Bác thế đéo nào được thằng này, có mà Bác cái đầu b... tao," là tù chính trị được, dù ông ta đã ở tới "lệnh tập trung" (13) thứ ba.

"Có ăn thì xin ăn rau, Đừng có ăn thịt mà đau dạ dày," Dần Mọt Gông nói, và ông giữ lời, không bao giờ quan tâm tới các bữa tươi có "mều." Những bữa như thế, ông bình tĩnh ngồi rung đùi đánh cờ.

Mùa hè năm ấy, trời đặc biệt nóng. Trong thung lũng lòng chảo tịnh không có một ngọn gió. Mồ hôi cứ vã ra, quần áo lúc nào cũng ướt như vừa nhúng nước. Lao động bình thường đã vất vả, trong cái nóng kinh khủng của miền núi nó trở thành cực hình. Chỉ có Quảng Vixi và hai anh phụ việc là nhàn. Cả ngày họ chỉ quanh quẩn bên con Phi Đen, tính công điểm bằng số lượng mòng bị hạ sát. Khi trời nóng quá, họ có thể đưa con bò vào chỗ râm, cắt một người canh, còn hai người kia làm một giấc thẳng cẳng.

Đúng vào lúc cái nóng lên tới cực điểm của nó thì nổ ra sự kiện động trời: con Phi Đen đang béo khoẻ là thế bỗng lăn đùng ra chết tốt.

Một buổi sáng Quảng Vixi và hai anh phụ ra đến chuồng thì thấy con bò đã nằm nghiêng, bốn chân cứng đơ, chết từ lúc nào. Cả ba ù té chạy về trại báo cáo, đúng vào giờ điểm danh sáng. Cả Ban giám thị nháo nhác bỏ buổi luôn điểm danh để chạy ra chuồng bò, mặc dầu ai cũng biết rằng với một con bò đã chết rồi, không thể nào làm cho nó sống lại, cho dù họ có là cán bộ Công an nhân dân.

Dần Mọt Gông và tôi, với tư cách những người biết thuốc Nam, cũng được Ban Thuỳ ngoắc tay gọi đi. Viên trung uý vẫn còn hi vọng tin Quảng Vixi đưa về là hoảng báo, có khi con bò vẫn chưa chết hẳn cũng nên.

Nhưng nó đã chết thật.

Chẳng cần phải hiểu biết nhiều về thú y học mới có thể kết luận về sự qua đời của con bò Hà Lan. Mắt nó trợn trừng, bất động, giống như một hòn bi ve khổng lồ đã mờ đục vì xây xát.

Dần Mọt Gông sờ chân nó, nắn bụng nó, rồi lắc đầu:

"Bụng còn ấm, nhưng chân lạnh toát. Nó phải chết được mấy tiếng đồng hồ rồi. Chịu."

Nhà pháp y nội hoá của chúng tôi phán. Tôi nghĩ: cho dù nó vừa mới tắt thở cũng chẳng có cách nào làm hô hấp nhân tạo cho con vật to đùng thế kia được. Bên cạnh nó chúng tôi đúng là dân nước Liliput.

"Anh có biết nó bị bệnh gì không?" - viên y sĩ trại ngồi xổm trước mõm con vật, nhìn chằm chằm vào con mắt đục của nó.

"Thưa Ban, khó mà biết được vì sao nó chết, khi nó chẳng có bệnh tật gì."

"Rắn độc cắn chăng?"

"Có lẽ vậy."

"Bân mẹ chồng"gắt:

"Sao anh dám cả quyết là rắn cắn? Rắn cắn thì phải có vết chứ? Vết đâu?"

"Thưa Ban, là tôi thấy có tia máu đen ở lòng trắng con mắt nó, tôi đoán vậy, chứ lông nó dầy thế này, tôi làm sao thấy được vết cắn. Mà đây là nó mới bị ban đêm, nếu bị ban ngày anh Quảng đã biết..."

Nhưng biết sớm thì chữa được chứ?

"Dạ, khi được khi không. Tuỳ theo rắn nào, tuỳ theo vết cắn nằm ở đâu."

"Anh nói chán bỏ mẹ. Thế thì còn chữa với chạy gì?"

Viên y sĩ Công an nói:

"Anh ấy nói đúng đấy, vết cắn càng gần hệ

thần kinh trung ương càng mau chết... Tôi đã bảo nhà anh Quảng trồng chung quanh chuồng bò mấy bụi sả, mà anh ta cứ nay lần mai lữa."

"Bân mẹ chồng" đánh trống lảng:

"Tôi đã xin ông Thông cho anh Quảng làm cái lán bên cạnh chuồng bò mà ngủ, nhưng ông Thông không cho. Có người ngủ canh nó thì không đến nỗi... Bây giờ biết ăn nói thế nào với Cục?"

Viên y sĩ chống

tay vào đầu gối, nặng nhọc đứng lên:

"Nếu là rắn độc cắn thì thịt nó có dễ còn ăn được. Thôi, giải tán."

Ban giám thị họp đột xuất. Theo nguyên tắc, cần phải khám nghiệm thú y để có kết luận về cái chết của con bò. Không thể ăn thịt con vật chết mà không biết nó chết vì bệnh gì. Nhưng, như trên tôi đã nói, lấy đâu ra thú y sĩ trong cái vùng xa lắc xa lơ này. Đành phải lấy biểu quyết: thịt con bò ăn được hay không ăn được? Đại đa số đứng về phía ăn được. Con bò mỡ màng thế kia mà đem chôn ư? Có mà điên.

Tin nhà bếp được lệnh mang rìu, dao ra xả thịt con bò Hà Lan bay về trại gợi nên một cơn phấn hứng cuồng nhiệt trong đám tù hình sự. Họ reo hò rầm trời. Trung uý Thuỳ nghe tiếng reo hò, chạy ra sân, đưa còi lên miệng thổi rầm rĩ, lệnh cho chỉnh đốn đội ngũ, bắt đi làm hết. Nếu đám tù hình sự biết nén lại niềm vui thì có khi cả trại đã được nghỉ lao động hôm ấy, không phải để tỏ nỗi đau buồn trước sự ra đi đột ngột của con bò quý, món quà của Bác, niềm vinh dự của Nhân Hậu, mà vì tâm trạng bàng hoàng của Ban giám thị.

Tôi hỏi Dần Mọt Gông:

"Liệu có phải nó bị bệnh thán không bác?"

"Không."

"Thế thì nó bị bệnh gì?"

"Cái này khó đoán lắm. Cũng không hẳn là do rắn cắn. Theo tôi nghĩ, nhiều phần là do lam sơn chướng khí. Bọn Tây sang ta cũng hay lăn đùng ra chết mà không biết do bệnh gì. Người mình thì không. Trời sinh ra vậy. Nếu cứ động một tí là ốm đau, là chết, thì tôi hỏi ông: dân cải tạo mình liệu còn được mấy mống, với chế độ ăn ở thế này?"

Quảng và hai anh phụ chăn bị gọi đi hỏi cung cho đến tối rồi được về phòng lấy chăn chiếu đi cùm. Khi con bò chết không rõ nguyên nhân thì cái nguyên nhân gần, dễ thấy nhất, là sự vô trách nhiệm của người chăn dắt. Tôi gặp Quảng ở cửa phòng giam. Anh rơm rớm nước mắt, khẽ gật đầu chào tôi.

Chiều hôm ấy trại được một bữa "mều" hoàn toàn không chờ đợi. Bộ lòng vĩ đại của con bò vĩ đại được đem nấu lõng bõng với ca la thầu thành một món tả pí lù không ra kho mà cũng không ra canh, báo hại các bậc đạo cao đức trọng phải vất vả vớt phần cái ra trước, chia cái xong mới chia nước.

Những người tù biết ơn nói lót với nhà bếp chia cho ba con người đau khổ ba suất "mều" đặc biệt. "Bân mẹ chồng" trông nom khu kỷ luật biết vậy, nhưng giả vờ không nhìn thấy gì.

Trước khi ăn, tôi hỏi Dần Mọt Gông:

"Liệu ăn có làm sao không bác?"

"Làm sao là làm sao? Anh sợ chết lắm à? Chết được bây giờ là sướng đấy. Khốn lại không chết cho, mới khổ."

Chúng tôi ăn ngon lành bữa lòng bò, không một ai chết.

Sau khi thấy tù ăn không sao, nhà bếp cơ quan mới xuống bếp trại chọn những miếng thịt ngon nhất mang về.

Cả công an, cả tù ăn mấy bữa mới hết thịt và xương của con bò đã đến từ bên kia đại dương, quà của Bác Phi Đen tặng Bác Hồ.

Chú thích

1. Chỉ một thứ công an, gọi là Công an nhân dân võ trang, làm nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo, và canh gác phạm nhân.

2. Ban giám thị. Tù gọi cán bộ trại giam cũng bằng Ban.

3. Cục quản lý trại giam thuộc Bộ Nội Vụ.

4. Tiếp tế, thăm nuôi.

5. Không hiểu trong sắn có chất gì, mà cứ ăn nhiều thì y như rằng quai hàm cứ bạnh ra.

6. Một người tù chiếm kỷ lục tù ở Việt Nam - trên 30 năm liên tục.

7. Tiếng lóng: chỉ điểm.

8. Cực kỳ, tiếng lóng ý nói hết sức tốt.

9. Uống trà.

10. Đun nấu đồ ăn.

11. Tiếng lóng: không có, hỏng ăn.

12. Tiếng lóng: thịt.

13. Năm 1961, Trường Chinh, chủ tịch Ban Thường vụ Quốc hội, ký Nghị quyết số 49NQ/TVQH, theo đó các cấp chính quyền tỉnh, thành phố có quyền đưa các công dân bị coi "có hại cho an ninh xã hội" đi cải tạo cho tới khi trở thành công dân tốt, với thời hạn ba năm một "lệnh."

TÌNH CHA VỚI MẸ. ANH VÀ EM

TRẦN YÊN HÒA

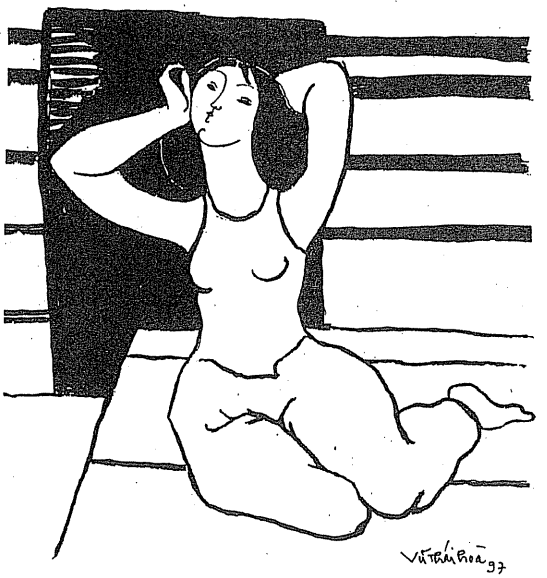

Sau ngày Quốc gia tiếp thu, cha làm giấy "Đã Đến Hầu" thay thế cho giấy khai sinh của Hoàng như sau:

Họ và tên: Trần Hoàng
Nam hay nữ: Nam
Tên cha: Trần Khái
Tên mẹ: Nguyễn Thị Khiêm
Nơi sinh: Kỳ Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam.

Đó coi như là lý lịch sơ khởi cho anh bước vào đời.

Anh không xác nhận trí nhớ anh bắt đầu ghi lại ở tuổi nào, có thể sớm hơn ngày Quốc Gia tiếp thu, hình như từ ngày anh còn nhỏ lắm, lúc còn ở truồng đồng dổng chạy chơi trong nhà, ngoài vườn hay đến mấy nhà hàng xóm. Con nít quê anh từ một tuổi đến mười tuổi ở truồng là chuyện thường tình, đến cả người lớn như cha anh, các chú, các bác, làng trên xóm dưới đi tắm là cứ ra giếng cởi áo quần ra, múc nước xối ào ào, còn kỳ cọ lâu lắc, dù có các bà các cô đang làm việc giặt giũ gần đó, cũng tỉnh bơ chứ có sao đâu. Đó là một thói quen từ xưa để lại. Hình như từ ngày anh bắt đầu đi học vỡ lòng mẹ mới cho anh bận quần áo đàng hoàng, nhưng đi học xong về anh lại cởi quần áo ra, đánh đáo, u mọi, bịt mắt bắt dê, con nít như anh đứa nào cũng ở truồng dổng dổng như nhau vậy, có gì đâu mà mắc cỡ, thẹn thùng. Cha mẹ vẫn gọi anh là thằng cu em, cu em có nghĩa là em cu anh, "cu anh" là anh Giảng.

Lúc còn nhỏ lắm, anh nhớ được người cha hay mặc bộ đồ bà ba trắng, tay xách cặp táp, đầu đội mũ phớt, hay đi về nhà bất thường, sao hồi nhỏ anh ít để ý đến cha quá vậy, anh chỉ biết cha đi nửa tháng hay một tháng mới trở về với vẻ bí mật. Nhưng đến ngày Quốc Gia tiếp thu là anh được ở gần cha, cha không đi nữa, sau nầy cha kể lại cha đi theo kháng chiến nhưng rồi cha nhận ra rằng kháng chiến là Việt Minh, Việt Minh là Cộng sản, là không tốt, nên cha trở về làm việc cho Quốc Gia, cha đã tham gia Hội đồng Hương chính xã Kỳ Thủy và lập trường tiểu học đầu tiên cho xã.

Đó là những ngày thơ ấu. Anh lớn dần lên với nơi thôn dã ấy suốt quãng đời niên thiếu,

một quãng đời vui buồn lẫn lộn nhưng chắc chắn đã làm hành trang cho anh bước vô đời.

Mẹ kể: Mẹ là cô hai Phục, Nguyễn Thị Phục, người thôn An Thành, cách nhà cha chừng ba cây số, mẹ là cô thôn nữ quê mùa, ông ngoại có một thời kỳ làm lý trưởng, nhưng thời đó đã qua đi rất xa, ngôi nhà ngói đỏ ba gian hai chái giữa khu vườn rộng trồng sum suê nào ổi, nào lê, nào hoa bông giấy, bông bụp, khiến căn nhà trở nên sang trọng và nên thơ. Gái nhà quê cô nào chẳng phải làm việc đồng áng, cô hai Phục biết chăn bò, hốt phân, cắt lá, làm cỏ ruộng, cấy gặt, đủ cả từ ngày tấm bé, mẹ chưa được ôm tập vở đi học như con trẻ bây giờ, nên mẹ thèm chữ lắm, mà hồi đó trường lớp đâu có, nên mẹ chỉ được học sau nầy (để mẹ viết được bức thư gởi anh trong trại cải tạo, nét chữ như cua bò, như gà quào, anh nhận được bức thư của mẹ đầu tiên trong tù và anh khóc ngất).

Mười sáu tuổi cô hai Phục vẫn còn để tóc "bum bê" tóc bum bê là tóc của con nít, còn thiếu nữ thì đã biết "kẹp đầu phồng" rồi, kẹp đầu phồng là đã ảnh hưởng văn minh thành thị, người nhà quê không thích nên có câu vè "Tóc bum bê chê chồng, kẹp đầu phồng chồng chê."

Đời mẹ không có giai đoạn được kẹp đầu phồng. Mười sáu tuổi, một buổi trưa nắng chói chang, mẹ mới cho bò đi ăn về còn đang nóng rang người thì thằng Lễ, đứa em trai, lẩm chẩm đi đến bên mẹ, nói tiếng được tiếng mất "Chị hai hái ổi cho em" dù đang mệt nhưng nghe đứa em nói thế, mẹ liền te te chạy ra cây ổi và vịn theo cành leo lên, ổi mùa nầy trái ra nhiều quá, ổi xiêm trái nhỏ, hột nhiều nhưng ăn ngọt và thơm, mẹ hái thật nhiều không có chỗ đựng nên mẹ cởi áo ngoài ra và bỏ tất cả ổi hái được vào áo rồi túm lại, mẹ nhảy xuống đất đánh phịch và ôm gói ổi chạy vào nhà.

Ông ngoại đang tiếp khách ở nhà trên mà mẹ về không để ý, đến khi ông ngoại từ nhà trên kêu vọng xuống "Con hai đâu, rót cho cha bình nước chè" mẹ dạ một tiếng to rồi chạy u xuống bếp lo thổi lửa đun nước cho cha.

Mẹ bưng bình nước lên đến nhà ngang thì mẹ đứng lại, hai người khách nào lạ hoắc mà mẹ chưa thấy bao giờ, một già một trẻ, người già bận áo dài đen, đội khăn đóng, còn người trẻ trông còn thiếu niên bận bộ bà ba trắng mặt trông ngơ ngác, tự nhiên một nổi e thẹn đến với mẹ bất chợt, mẹ dừng lại luống cuống áp tai vào sát cửa để nghe ngóng.

Ông ngoại và khách nói chuyện thật là tương đắc, có lúc mỗi câu nói có chêm vào một câu chữ nho mẹ nghe mà không hiểu nổi, hình như mẹ đã đứng lâu quá hay sao mà ông ngoại phải dục, "con hai đâu, sao nấu nước lâu quá vậy." Lúc đó mẹ mới lên tiếng "Dạ có đây," mẹ bưng ấm nước lên mà tay run quá, tim mẹ đập thình thịch, mẹ cúi đầu chào người khách mà không dám ngó mặt người con trai, xong mẹ vội vàng bước xuống nhà dưới mà chân bước như muốn khuỵu xuống, tiếng ông ngoại trên nhà vẫn oang oang "Con gái đầu lòng đó, năm nay mười sáu tuổi, tuổi dậu."

Sau khi tiễn người khách ra về, trong bữa cơm trưa, ông ngoại nói với bà ngoại, " Hồi nãy có ông Dịp ở xóm An Phú tới chơi, dẫn theo thằng con trai, có ý coi mắt con hai nhà mình đó" mẹ ngồi nghe mà tự nhiên máu dồn lên mặt khiến mặt mẹ đỏ au, may mà trời nắng gắt mặt ai cũng hừng hừng nên không ai chú ý đến mẹ, con út Kim nói "Chị hai sắp lấy chồng rồi hở chị hai" mẹ mắc cỡ quá phát vào đít nó một phát đau điếng, "mi nói bậy tau đánh tét đít bây giờ" nhưng lòng mẹ thì nghe sao "dị ồm rứa thê."

Tháng sau có người mai mối đến để dò ý ông ngoại, ông ngoại lại đem việc nầy ra bàn với bà ngoại, cuối cùng thì ông bà ngoại bằng lòng vì nghĩ rằng "thằng Khái con ông Dịp là một học sinh xuất sắc ở xã nầy, nó đã đậu được bằng sơ học yếu lược," ông bà chỉ báo cho mẹ hay thôi chứ không cho mẹ có ý kiến gì, mẹ không buồn vì cứ nghĩ "áo mặc sao qua khỏi đầu."

Mẹ là một người đàn bà chân quê, hiền như cục đất, đúng năm mẹ mười sáu tuổi bước qua mười bảy tuổi, mẹ còn bận quần xà lỏn trèo hái ổi ở vườn nhà ông ngoại, là mẹ đi lấy chồng bỏ lại đàn bò ngơ ngác không ai rút rơm cho ăn mỗi chiều, bỏ lại đàn gà mỗi sáng mẹ chiu chiu mấy tiếng thì chúng đang kiếm ăn ở đâu cũng chạy về, bỏ lại đàn lợn mới lớn lên kêu inh ỏi ở chuồng vì bị đói, bỏ lại những bờ ruộng ven cánh đồng đập Trà Thai, bỏ lại đàn em ba đứa còn leo nheo lóc nhóc, bỏ lại ông bà ngoại già để về với cha, đúng như câu hát "yêu em từ thuở mẹ về là về với cha."

Đám cưới cha mẹ đi bộ từ nhà nội sang nhà ngoại rồi từ nhà ngoại rước dâu về nhà nội, trên con đường làng ướt sương, cha bận áo dài trắng, bịt khăn đóng đen, mang dép, cha còn là học trò mà nhà thì đơn chiếc, cha là con một, nên ông nội biểu cha phải cưới vợ để nội mau

có cháu mà bồng, cha vâng lời, bên đàng trai mặc toàn áo dài khăn đóng, đi dù đen, đường từ nhà nội sang đến nhà ngoại phải qua khu Đồng Cát, rồi qua gò Ông Đốc, qua xóm An Thành rồi đi dọc theo con đường bờ ruộng ngoằn ngoèo mới đến nhà ngoại, làm lễ gia tiên ở từ đường họ Nguyễn, rồi cha rước mẹ về. Cô dâu 16 tuổi sống ở nhà quê có biết gì chuyện vợ chồng, nên đêm tân hôn sợ quá khóc với bà nội và xin qua nhà bà cô ruột ở gần đó ngủ qua đêm, cha cũng còn quá trẻ và hiền lành nên coi chuyện đó không có gì quan trọng, có lẽ từ cái đêm tân hôn của sự lo sợ đó nên mãi mười ba năm sau, cha mẹ mới có đứa con gái đầu lòng là chị hai Khiêm (vì vậy mẹ được gọi theo tên con là bà Khiêm và sau nầy làm căn cước cứ tên Khiêm mà ghi).

Mẹ kể: Cha mẹ lấy nhau hơn mười năm rồi mà không có con, ai cũng bảo là chắc cha mẹ không có con với nhau được, ông bà nội muốn cưới vợ nhỏ cho cha mà cha phản đối, cha nói: "Con cái là cái số, lúc nào có là có thôi chứ muốn cũng không được," nhưng mẹ thì buồn lắm, mẹ muốn ông bà nội vui kể cả cha nữa vì mẹ thương cha nên mẹ muốn hy sinh hạnh phúc riêng mình, ban đêm mẹ ngỏ ý với cha chuyện muốn cưới vợ nhỏ cho cha, cha cự lại, cha không muốn, cha nói nhiều lắm và lời cuối là "qua thương em" nên mẹ phải im.

Cha kể: Có một thời gian cha đi dạy học ở "trên nguồn," nguồn là miền núi như những vùng Tiên Phước, Trà My, cha đã học chữ nho với ông nội và học quốc ngữ và chữ Tây nữa nên cha đi làm thầy dạy học, thuở đó những vùng nầy chưa có trường học, nhất là các xã vùng núi, nên các nhà giàu muốn cho con mình được "mở chữ" để mở mắt với đời thì thường phải rước những ông thầy từ vùng đồng bằng lên ở tại nhà, để dạy học cho con mình, cha được mời đi dạy như thế những mấy năm, ở luôn lại nhà gia chủ, gia chủ phải đài thọ cơm nước rượu trà, chứ không có lương, thường thì một số đông gia đình có con chung lại lo cho thầy, chung lại để nuôi thầy, đến những dịp mùng năm ngày tết cha mới về thăm nhà, những dịp nầy cha được các gia chủ "tết" rất nhiều, thường thì các thổ sản như gạo, nếp, quế, mật ong, chè và thêm một số tiền, những của được "tết" nầy cha coi như là tiền lương đem về cho mẹ. Có một lần, có cô con gái một ông địa chủ ở trong vùng biết cha có vợ rồi không có con nên vẫn ưng, mẹ nghe tin muốn đi nói làm vợ nhỏ cho cha nhưng cha từ chối, sau lần đó cha không dạy học nữa, về ở luôn với me vài năm sau thì mẹ có mang chị hai.

Cái nghiệp của cha là làm hội đồng xã, khi quốc gia mới tiếp thu cha ở trong các thân hào nhân sĩ trong xã, cha được bầu vào ban hội đồng và cái nghiệp hội đồng xã đeo đẳng theo cha suốt mấy chục năm trời, đến ngày cha mất cha vẫn còn chân trong Hội Đồng. Hồi nhỏ, buổi tối ngủ anh thường ngủ chung với cha và anh Giảng, cha thường xoa lưng anh và nói nựng: "Chó con của cha, thằng cu em đâu rồi, hôm nay cu em học bài được mấy điểm," rồi cha dạy cho anh thuộc lòng bài Tam Tự kinh : Gia là nhà, quốc là nước, tiền là trước, hậu là sau... Anh miên man nghe cha đọc và đi vào giấc ngủ lúc nào không hay .

Mẹ là người đàn bà xuất giá tòng phu, lấy chồng, theo chồng và coi nhà chồng như gia đình mình và cái "giang san nhà chồng" đó trong suốt sáu mươi sáu năm mẹ đã gánh vác hết cho cha, từ việc mồ mã, cúng tế ông bà tổ tiên, đến việc đối xử phải quấy trong họ hàng đều một tay mẹ quán xuyến, hồi cha làm hội đồng, nhà vẫn thường xuyên có khách, khách xã, khách quận hay khách trung ương, mẹ biết vậy nên mẹ thường đặt mua mắm và cá khô của "nậu biển" đem lên bán, thường thì cá khô hố, cá khô cơm... cứ mỗi lần cha dẫn khách về thì mẹ chỉ nháy mắt hỏi cha mấy người, khoảng độ một tiếng đồng hồ sau là có ngay một mâm cơm đãi khách tươm tất, suốt đời anh chưa hề thấy mẹ phiền hà một lần nào. Chỉ có Mẹ và chị hai đi thăm anh trong trại cải tạo Xuân Phước, lúc đó mẹ đã 75 tuổi rồi, trong trại anh vẫn thao thức nhớ mẹ khôn cùng, anh nhớ mẹ hằng đêm và lo sức khỏe cho mẹ hằng đêm, anh sợ mẹ ở ngoài chết quá mà anh không có ở nhà, nhưng may mẹ vẫn khoẻ mạnh dù có già hơn và ốm hơn, anh biết

dưới chế độ cộng sản thì anh là kẻ ở "tù trong" còn mẹ thì ở "tù ngoài" thôi, anh với mẹ cùng đói khát cả nhưng mẹ đã nhường miếng cơm củ khoai cho anh, quà mẹ đem cho anh toàn là thổ sản như khoai chà, khoai chín, cám rang, bánh dầu (bánh dầu là bánh đậu phụng đã ép lấy dầu ra, thường được dùng để làm phân bón hoa màu mà lúc đói quá ăn cũng ngon) mẹ lọm khọm ngồi ở bên kia bàn khu tiếp tân, anh bước ra khu thăm nuôi nhìn thấy mẹ là nước mắt anh chảy ra, kể cả chị hai nữa, mẹ và chị hai đều ốm như con cá hố, cả hai nhìn anh cùng khóc, nhưng khi người cán bộ lên lớp, "Đừng có khóc lóc gì cả, Cách mạng khoan hồng cho gia đình đến thăm là nhân đạo quá rồi, anh hãy đứng lên trước mặt mẹ anh, hãy hứa là cố gắng học tập tốt để mau được khoan hồng về đoàn tụ với gia đình đi," anh phải nuốt nước mắt cho chạy ngược vào trong để đứng lên lí nhí nói mấy lời. Ba mươi phút sau, hết giờ thăm nuôi mẹ cùng chị hai ra về, lúc chia tay mẹ khóc thật tình nhưng anh không khóc được, anh vác bao quà trên vai lửng thửng đi vào trong trại lúc đó nước mắt anh mới trào ra.

Anh hứa với lòng "Ngày ra tù sẽ về sống với mẹ để lo cho mẹ được chút nào hay chút đó, sống với mẹ và phụng dưỡng mẹ," nhưng khi cầm giấy ra trại trong tay, đứng trên ga La Hai một buổi tối tháng năm, anh trở nên do dự, anh không biết nên đi vào trong Nam với vợ con hay đi trở ra Trung về với mẹ, anh nghĩ đến Nana, Tiểu Muội, Ô Mai, những đứa con gái của anh thất lạc nơi nào trong suốt gần bảy năm anh đi tù không biết tin tức, mấy đứa con anh con nhỏ dại quá và Kim thì yếu đuối không biết nuôi nổi các con không? Dù đã bốn năm Kim không liên lạc với anh làm anh nhớ Kim và mấy đứa con quá, trong trại suốt mấy năm anh nằm mơ thấy các con đang leo nheo lóc nhóc ở nhà, nhớ mùi nước tiểu của con, mùi mồ hôi, tiếng khóc, nụ cười, miếng ăn giấc ngủ của con, bây giờ ra sao? Cuối cùng anh nhảy lên chuyến tàu thống nhất Bắc Nam. Anh chun vào một chỗ kín nhất nằm xuống như một người bất chánh, anh không đủ tiền để mua vé nên phải lén lút như một con chó hoang, ẩn núp trong bóng tối để những kiểm soát viên trên tàu không thấy, để khỏi bị đuổi xuống ở một ga nào đó. Anh không trở về với Mẹ, Mẹ tha lỗi cho con. Nghe Mẹ.

Anh xách về cái bao cát gần rách, cái bao cát của những hầm hồ Mỹ còn sót lại, những cái bao cát đó đã giúp đỡ biết bao nhiêu người cải tạo trong lúc cùng khốn, dùng bao cát để làm vải để may aó quần bận thay thế những quần áo mang theo bị rách bươm, làm túi xách để mang ra ngoài nơi lao động, kiếm được củ khoai, mớ rau thì bỏ vào đó mang về, nay anh bỏ trong bao cát hai bộ áo quần tù cải tạo, một bộ đã rách hàng trăm lỗ, anh nghĩ anh sẽ giữ gìn bộ đồ rách bươm đó suốt đời, để nó nhắc nhở anh anh rằng có một thời gian anh đã cùng khổ như vậy, nhưng anh không giữ nó được, anh về bỏ hai bộ đồ tù trong rương, Kim đã lấy quăng đâu mất, Kim nói giọng hằn học, "Vứt đi chứ để dơ nhà."

Anh cứ nghĩ gặp lại Kim trong ngày trở về thật là hạnh phúc, anh vẫn mộng tưởng cuộc tình anh như những cuộc tình lãng mạn nhất, Kim nghe tin anh về sẽ vứt bỏ tất cả hàng hoá đang bán ngoài chợ, sẽ bương chạy về nhà dù trời tháng năm có những cơn mưa dông tầm tã, nàng sẽ phóng vào nhà và ôm chầm lấy anh và khóc, bảy năm, ơi bảy năm xa cách của vợ chồng, anh vào sĩ quan Đà lạt hai năm, ra trường đánh giặc năm năm là đến ngày tan hàng, anh đi tù cũng đúng bảy năm, bảy năm với mấy ngàn đêm em nằm ngủ một mình, nằm ngủ một mình lạnh lẽo quá chừng phải không em? Bây giờ anh về ta sẽ hôn nhau ngấu nghiến, sẽ cắn nát nhau cho thịt xương máu huyết tan hòa trong nhau, sẽ bấu chặc lấy nhau không cách rời nhau nữa, nghe em, nghe em. Nhưng Kim không chạy về hấp tấp, mà đến tối khi dọn hàng xong nàng mới về, đôi mắt nhìn sao lạ hoắc, đôi mắt lạnh, đôi mắt ngày xưa em đâu có thế, đôi mắt ngày xưa em ướt rượt nhìn anh đắm đuối, đôi mắt níu đời anh dừng lại với em, dừng lại, anh đã dừng lại rồi, bây giờ qua chuyến thăng trầm sao em lại lơ đi.

Buổi tối, khi các con bắt đầu đi ngủ, anh mới thấy lạng quạng trong sự ứng xử, anh sẽ ngủ ở đâu? Nhưng Kim đã giải quyết cho anh khỏi lúng túng, Kim nói:

"Anh ngủ trên divan nghe, anh phải tắm rửa tẩy trần một thời gian, mấy người đi cải tạo về mang về rất nhiều bệnh tật và dơ nhớp lắm."

Anh nghe lặng người đi, Kim bồi thêm:

"Anh về thật gây nhiều khó xử cho tôi, có anh, những người đàn ông tôi quen sẽ không giúp đỡ tôi nữa."

Tối đó, tối đầu tiên của ngày trở về từ trại tập trung anh không ngủ được.●

VỠ THÁP

HỒNG KHẮC KIM MAI

Khi xe chuyển bánh, tôi ngã mình nằm dài trên nệm xe. Những tiếng động huyên náo xung quanh tôi cũng bớt dần rồi im bặt. Tôi mơ màng nghĩ đến thành phố tôi sắp đến. Thành phố đó có điều gì bí ẩn mà tại sao trong những năm tháng đã qua nó luôn luôn ở trong tôi như một thôi thúc ?

Wawasaco, tên gọi từ đâu tới mà sao nghe như quen thuộc, đó có phải là âm vang của ký ức? Đó có phải là một thành phố của huyền thoại? Hay thành phố của một thời hưng phế nào đó trong một cõi xa xôi nào đó. Thành phố nầy chưa bao giờ tôi nghe ai nhắc tới cả.

Sau khi thấy tên mình trong danh sách những người bị bãi việc vì công ty thua lỗ, tôi nghĩ ngay đến một chuyến đi xa. Chắc là phải đi xa. Đây là cơ hội duy nhất để tôi thoát ra khỏi cái thế giới chật hẹp của tôi. Hơn ít chục năm nay, hầu như tôi cứ lẩn quẩn mãi với những công việc liên quan đến miếng cơm manh áo. Hoặc khá hơn một chút nữa là vùi đầu vào một mớ sách báo nói nhăng nói cuội về lịch sử loài người, về những hành tinh xa vời, về những chuyến bay trên không gian, về những thế giới không tưởng. Không tưởng! Như thế nào là không tưởng? Không tưởng vì không ở gần tầm tay. Hay không tưởUng vì bước chân người chưa đi tới?

Wawasaco ! lật bản đồ trên thế giới, tìm khắp mặt sông hồ. Nơi nao trên trái đất có địa danh nầy? Gần mười hôm nằm nghiền ngẫm cho chuyến đi, tôi mệt dã dượi. Đi thì phải đi chứ, nhưng nên bắt đầu đi từ đâu? Sự phải-ra-đi lúc nào cũng canh cánh trong lòng, và không thể không đi được.

Hôm nay tôi vác cái túi vỏn vẹn có vài bộ quần áo, một ít lương khô, ít giấy tờ hộ thân cần thiết và quyết định lên đường.

Vừa ra khỏi nhà, một chiếc xe buýt chạy trờ tới và tôi phóng vội lên xe.

Xe sẽ đưa tôi đến chân trời nào, đến phương hướng nào, tôi không hề bận tâm. Tôi biết là tôi đang trên đường đi tìm một cõi an bình cho chính tôi. Tôi tự ý thoát ra khỏi cái chật hẹp của tháp ngà mà linh hồn tôi luôn thổn thức. Ra khỏi cái tháp ngà! A ha! biết bao thiên hạ đang ung dung tự tại trong tháp ngà với tiếng ca điệu kèn.

"Xích vào ghế bên kia đi cha nội !"

Đi kèm với tiếng nói ồm oàm là một cái đá đau chết người vào khuỷu chân tôi. Tôi rút chân co người lại và choàng mắt ngó người bất

lịch sự kia. Hắn xí xóa : "Xin lỗi nhé! Kể ra thì đá có hơi mạnh." Mạnh là cái chắc. Còn giả vờ kể ra với không kể ra! Tôi tự bảo thầm như vậy, rồi ngồi thẳng người lên, đầu dựa vào thành ghế, mắt nhắm nghiền định ngủ tiếp. Người lạ khều tay qua làm phiền tôi :

"Ông bạn co giò lên cho tôi nhét cái túi xuống dưới ghế tí coi."

Tôi lại nhổm người đậy, và mở mắt nhìn hắn một chút. Rồi lẳng lặng không nói gì, tôi co hai chân lên. Cái túi màu đen hơi quá khổ nên hắn không nhét hết vào dưới ghế được, hắn cứ rút ra đẩy vô một lúc, rồi cuối cùng giã lã:

"Thôi thì thế nầy cũng được. Ông bạn có thể cho hai chân ngơi nghỉ trên cái túi của tôi. Nhưng nhớ đừng đạp mạnh đấy nhé! Trong đó có nải chuối."

Tôi bực dọc: "Mẹ kiếp! ông ở đâu tới mà cứ như là cha tôi ấy."

Hắn lại cười: "Sorry, sorry. Chốc nữa xe dừng ở trạm sắp đến, tôi sẽ thu xếp cho bạn được thoải mái hơn. Bây giờ tối quá, chả thấy gì cả."

Quả thật trong xe tối om om. Tôi nhìn vào cái đồng hồ dạ quang đeo ở cổ tay. Chín giờ rồi cơ đấy. Như vậy là tôi rời nhà đã hơn mười hai tiếng. Lên xe buýt. Xuống xe buýt. Đi lang thang một lúc. Ma đưa lối quỷ dắt đường như thế nào lại dẫn xác đến ngay trạm Greyhound. Người bán vé cho biết Greyhound đang "on sale." Một vé khứ hồi trên khắp nước Mỹ và có thể qua tới Canada chỉ có năm mươi chín đồng thôi. Đi thì đi. Thế là đi. Tang bồng hồ thỉ nam nhi chí. Tôi cười mỉm một mình trong bóng tối và lan man nghĩ tới cái tang bồng rất bốc đồng nầy. Không thắc mắc một chút nào về con đường sắp đi tới. Lạ lùng thật! Sự buông thả nầy làm tôi thấy thú vị lạ lùng. Như là một canh bạc đánh thẳng tay không sợ thua. Đánh không sợ cháy túi. Tôi gật gù:

"So far so good."

"What do you say? Ông đã thức dậy rồi ư ?"

"Vâng. Ông làm tôi hết ngủ được. Có thuốc lá không, cho một điếu."

Hắn nhổm người lên một chút, rút bao thuốc khỏi túi quần, lịch sự mồi thuốc rồi đưa qua cho tôi.

Tôi hít được vài hơi, chưa kịp thưởng thức được trọn vẹn cái khoái lạc của mùi thuốc lạ, thì có tiếng tru tréo từ ghế phía trước:

"Bác tài ơi ! Có người hút thuốc trong xe. Tôi ngộp thở chết mất thôi!"

Tôi giụi ngay điếu thuốc. Niềm vui của mình là cái khó chịu của người khác.

Dòng tư tưởng của tôi bị cắt đứt khi người bên cạnh trầm giọng nói:

"Từ đây tới trạm mới phải mất hết một tiếng bốn mươi lăm phút. Bạn có thấy khó chịu vì cái túi của tôi không?"

Tôi đâm ra dễ dãi :

"Không sao! Tôi có thể ngồi như thế nầy cho đến khi trời sáng. Có chỗ gác chân cũng không đến nỗi nào. Chỉ sợ cho nãi chuối của anh có thể bị giẹp mất."

Hắn cười :

"Nãi chuối cũng có số mệnh của nãi chuối. Khi tôi bỏ nó vào trong xách tay, tôi không hề có ý nghĩ là nó sẽ nằm dưới sức mạnh của chân ai. Mà nay nó lại nằm dưới chân anh, thì tất nhiên nó phải đành cam chịu thôi."

Tôi bật lên cười vì lời nói chuyện dí dỏm của hắn. Thấy thân thiện lạ lùng. Đưa tay ra bắt và giới thiệu :

"Art Lienen, tên tôi."

"Hân hạnh! Hân hạnh! Bỉ danh là Gustave Holland, nhưng bạn bè thường gọi tôi là Craze Guff. Vợ tôi không thích cái tên nầy lắm, nhưng đôi lúc tôi thấy thoải mái với bằng hữu hơn là với bà xã."

Craze Guff. Cái tên cũng lạ. Tôi quay qua nhìn kỹ hắn hơn. Đầu đội cái mũ dạ, miệng rộng và cằm vuông. Trong bóng tối, đôi mắt hắn sáng quắc và rất linh lợi. Đôi mắt như soi thấu tâm can tôi. Tôi quay tránh đôi mắt đó một chốc, rồi đột nhiên quay lại:

"Không nhẽ tôi đã gặp ông ở đâu rồi? Hình như tôi đã gặp ông ở đâu rồi?"

Hắn cúi đầu. Câu hỏi của tôi chìm vào trong đêm sâu. Như xe lao mình trên con đường dài hun hút của xa lộ. Chỉ có bóng đêm và xe. Chỉ có tôi đối diện với lòng tôi, một khoảng trống ngút ngàn.

Xe đến thị trấn Jonhatanburgs lúc một giờ trưa. Trời nắng chang chang và gió thổi hâm hấp rất khó chịu. Mồ hôi vã ra như tắm. Tôi vừa lấy khăn lau xong thì da lại rịn mồ hôi nữa. Tôi ước ao được nhảy tòm xuống một hồ bơi, lội ít vòng cho đã.

Craze Guff lại gần, chìa cho tôi một trái cam đỏ ối. Ban ngày tôi được nhìn thấy hắn rõ hơn. Đó là một người đàn ông to lớn, với một vầng trán phẳng lì và cái nhìn cực kỳ thông minh. Ở hắn toát ra một vẻ gì rất vĩ đại, mà tự dưng tôi cảm thấy mình rất nhỏ bé và tầm

thường khi đứng gần. Tôi lăn qua lăn lại trái cam trong hai tay, rồi ngửng đầu lên hỏi người đối diện một câu rất vô duyên :

"Không biết nãi chuối bị giẹp có còn ăn được không?"

Hắn cười, giọng vỡ như sấm :

"Nãi chuối đó không ăn được vì không phải là chuối thật."

Hắn tỉnh bơ khi thấy tôi nhún vai. Hắn kiên nhẫn giải thích: "Nó được làm bằng một chất sáp đặc biệt, khi gặp thời tiết thay đổi bất thường thì sẽ biến dạng."

"Như gặp cái nóng bây giờ, nó sẽ trở thành trái cam?"

"Bạn nghĩ trái cam trong tay bạn không phải là của thật ư? Không, không. Của thật đấy. Ăn đi cho mát lòng."

Không đợi tôi hỏi tiếp, hắn tiếp tục :

"Cái nóng bây giờ chẳng thấm tháp gì với sức nóng vạn năng của mặt trời khi ta đến gần. Nãi chuối của tôi có mười hai trái như mười hai ngón tay. Mỗi ngón tay được chế bằng một chất sáp khác nhau, những chất sáp nầy có những khả năng đối kháng khác nhau."

Tôi tròn xoe mắt kêu lên :

"Thực là khó hiểu! Thực là khó hiểu! Tại sao không là mười ngón mà là mười hai?"

"Mười hai ngón sẽ dùng sau khi ta đi xuyên qua mười hai lớp khí quyển để vào không gian. Mười hai độ bay vô cõi Vô Ưu. Mỗi một ngón tay tan đi cho ta ước tính được khoảng xa gần của Hỏa tinh để tránh những bất trắc."

Tôi đang ngơ ngác với những lời hắn nói thì Craze Guff dịu giọng :

"À nầy, bạn không để ý đến con số mười hai ư? Người Á Đông họ có mười hai con giáp. Một năm có mười hai tháng. Một ngày có hai lần mười hai giấc."

Tôi thực tình không hiểu hắn muốn nói gì. Lồng ngực của tôi như muốn nứt ra. Tôi lắc đầu tỏ vẻ không thích thú lắm với câu chuyện kỳ quái của hắn. Craze Guff nhún vai, bỏ đi. Tôi nhìn theo bóng dáng cao lớn đềnh dàng của hắn đang khuất dần sau đám cây xém lá. Rắc rối! Cuộc đời sao có lắm người bày ra nhiều trò thật rắc tối.

Tôi bóc cam ra ăn. Những múi cam mọng nước và ngọt lịm như đường. Cam đi tới đâu mát rượi đến đó, và trong tôi một nguồn sinh lực vô bờ tràn dâng.. Sinh lực. Mọng nước. Ngọt như đường. Tôi miên man nhớ tới đôi môi người tình năm xưa. Môi của nàng cũng ngọt nồng như thế. Em! Bây giờ em đang ở đâu? Bây giờ em đang ở đâu? Lòng tôi bỗng quay quắt một trời thương nhớ.

Craze Guff trở lại. Hắn bảo xe sắp rời bến. Tôi theo gót hắn trèo lên xe tiếp tục cuộc hành trình. Người đàn bà chanh chua ngồi ở

NGUYỄN HÒA TRƯỚC

XUÂN NÀY, TUỔI XƯA

ngồi không lấy khóc dỗ cười
rỗi hơi em hé ít lời sẻ suông
động môi nắng rớt giữa luồng
da xuân mới lột lạnh truồng dưới cây

chao ôi, em vẫn guộc gầy
tôi xoăn mấy đợt dây tay, vẫn thừa
thương em phận dỗi duyên vờ
một cành hương đợi tưới hơ trọn ngần

nhồi cao bước vội băn khoăn
ai xoa tôi lớp bụi hằn dấu em?

chào đây, thảm dịu rêu mềm
bán cơn mộng khổ mua đền gối thơm
hoa ươm nụ ghép nửa vòm
vắt sương hạn, cất men ngon ngọt, mời!

rượu ngon nước béo đã bồi
thịt xương em trổ núi đồi, lạc nhau!

rướn kêu mượn tiếng thì thào
mài tương tư quệt nét đau chúc lành
em giờ vuốt gọn tay nhanh
nứt lằn nhiệt đới lá tình vo ve

đời, hay em bỏ mùi mê
vơ ngang mấy lọn tóc lề trói tôi?

ngồi không lấy mắt hỏi người
này xuân trả hết em mười tuổi xưa?

04.96

ghế trước không còn nữa, thay vào đó là một hành khách mới. Tên nầy cao và ốm lom nhom. Hắn ngồi dựa mạnh ra phía sau làm thân ghế suýt chạm vào mặt tôi. Mỗi lần hắn ẩy người là mỗi lần tôi phải thụt đầu lui rất khó chịu. Craze Guff liền ra tay tế độ. Hắn đập mạnh vào thân ghế của cái gã kia. Tên nầy tức thời đứng dậy vung tay. Nhưng khi đôi mắt hắn chạm phải cái nhìn như lửa của Craze Guff, hắn có vẻ lưỡng lự giây lát. Rồi lầm lì ngồi xuống. Và ngồi đàng hoàng. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Chúng tôi đã đi xuyên qua rất nhiều ruộng đất khô cằn sỏi đá. Cỏ cháy xém ngọn buồn hiu. Xa lắm mới thấy một bụi cây lơ thơ ít cành trơ trụi lá. Lãng đãng ở cuối chân trời có từng vòm bụi đỏ, trông xa như những cánh sen đang vươn lên trong sương khói, trong cõi mơ hồ. Đầu óc tôi chập chùng vô định.

Người bạn đồng hành nghiêng đầu qua nói nhỏ :

"Lúc nãy có người ghé qua xét giấy nhưng bạn ngủ say quá nên hắn không nỡ đánh thức."

Tôi im lặng không trả lời.

Hắn tiếp tục :

"Bạn sẽ xuống bến nào?"

Tôi không trả lời. Biết trả lời như thế nào bây giờ. Tôi mua vé để được ngồi trong xe, theo xe đi đến chân trời góc bể, đi cho mòn mỏi cuộc đời, đi cho tâm hồn dại khờ ra. Đi để được đi. Còn nơi chốn đến? Tại sao tôi phải âu lo về nơi chốn sẽ đến? Vả lại, nếu tôi nói cho hắn biết tên thành phố tôi muốn đến là Wawasaco thì hắn sẽ có dịp cười vỡ mật ra, cười són đái ra à?

Trong bản đồ thế giới đâu có nơi nào ghi tên cái thành phố lạ lùng đó. Làm sao tôi có thể trả lời câu hỏi của hắn khi chính tôi cũng không giải đáp được cái dấu hỏi to tướng trong đầu óc tôi ? Nghĩ tới chữ "són đái" tôi bỗng nhớ là mình ngồi đã hơi lâu, và cảm thấy bụng thôn thốn. Tôi đứng dậy vươn vai. Người ngồi cạnh co hai chân lên nhường chỗ cho tôi bước ra.

Tôi lách mình qua hai hàng ghế chật hẹp để đi về hướng nhà cầu ở phía cuối xe. Ở đó, tôi đụng đầu với cái anh chàng cao lêu nghêu. Cái anh chàng ngồi phía trước đã từng có lúc làm phiền tôi ấy mà.

Thấy tôi, hắn nheo mắt. Đôi mắt sao sắc như gươm, cái nheo đủ sức nghiến đời tôi làm hai mảnh. Tôi thấy đau ở buồng ngực và gập mình lại. Hắn cúi xuống đỡ tôi, miệng lắp bắp:

"Nầy ông bạn, ông bạn không sao chứ?"

Tôi rùng mình khi hai bàn tay hắn chạm vào da thịt tôi. Một làn khí lạnh như băng chuyền vô thân thể tôi, qua ngũ tạng rồi nguội dần.

Tôi hổn hển: "Không sao, tôi không sao. Xin cám ơn."

Tiếng hắn nói, nhẹ như hơi thở :

"Tôi tên là Mun Yokalov."

Chưa kịp để tôi được tự giới thiệu, hắn lách mình vào cái cửa nhỏ của nhà cầu khi người ở phía trong bước ra.

Đang chạy êm ru tự dưng xe lắc lư như đang đi vào một con đường có nhiều ổ gà. Người tôi cũng lắc lư theo xe. Nước tiểu chảy lỏng tỏng xuống lỗ của cái bàn cầu nhỏ xíu bắn tung tóe ra ướt cả hai ống quần. Bỏ mạng! Quần áo đi đường bỏ cả dưới gầm xe, lấy đâu thay? Ngồi ngày nầy qua ngày khác với cái quần thum thủm như thế nầy bố đứa nào chịu được!

Xe lại thắng mạnh làm tôi chúi mũi suýt đập đầu vào vách. Cây bút mực gắn ở túi áo văng ra rớt vào cái bồn rửa tay bằng thiếc. Trong đó, ai đã bỏ quên một mảnh gương soi hình tròn bọc bạc rất đẹp. Tôi kéo phẹc-mơ-tuya lên cài quần, măt dán vào bồn rửa. Cây bút nằm bên cạnh gương ngời sáng lạ kỳ. Mắt tôi hoa lên, thấy hình như cây bút di động. Như có dòng chữ múa. Bút viết trong đầu :

Dối hờn của em
Bồng bềnh trên sông
Thơ ngây của em
Một dúm trăng non
Tinh chất của em
Ngọc nát vàng tan

Tôi đưa tay lên đè ngực. Ngọn sóng lòng như trào lên. Tôi vục đầu xuống bồn thiếc, hoang mang. Mảnh gương nhỏ lấp lánh hai chữ MY quấn vào nhau ở phía góc mặt. Hình như gương mà không phải gương. Hình như trăng mà không phải trăng. Hai thế giới mộng và thực đang quyện vào trong nhau để ép tôi vào giữa một trạng thái vô bờ. Tôi tự hỏi tôi đang ở đâu... Là ai? Là ai?

Tiếng động cửa làm tôi choàng tỉnh. Hé cửa ra, tôi gặp ngay cái anh chàng cao lêu khêu kia. Hắn hếnh mũi, hất cằm :

"Tôi bỏ quên cái gương soi mặt ở trong đó."

Chìa mảnh gương cho hắn xong, tôi lặng lẽ bước ra.●

VU THÀNH BÍCH

Nguyên Tác: HUỲNH LONG DỊ THẢO
Tác Giả: TRƯỜNG BẠCH HOẠT CA TỬ
Bản Dịch: PHẠM XUÂN HY

Vu Thành Bích người Thẩm Dương, lúc còn nhỏ thường theo người anh đi buôn bán ở những tỉnh khác cho đến lúc trưởng thành, chàng có ý muốn trở về để cưới vợ.

Người anh của Bích trao cho chàng một ngàn lạng bạc và dặn bảo chàng:

"Dọc đường ca lâu kỹ viện rất nhiều. Chú nên cẩn thận, đừng có la cà lãng phí. Về đến nhà thì lo cưới vợ ngay nhé."

Bụng Bích vốn đã sẵn ý tìm đến chốn thanh lâu để mua vui, nên ngoài mặt tỏ vẻ vâng lời, mà tai như chẳng nghe thấy gì.

Bích từ biệt người anh lên đường.

Gặp chốn thanh lâu kỹ viện nào Bích cũng ghé vào để tìm hoa bớn nguyệt. Tiền bạc hoa phí đếm không xuể.

Một hôm đi gần đến Mạt Câu Trấn gần Kế Môn, người xa phu của chàng phải cho ngựa đi ăn cỏ. Vu bỗng thấy trong bụng sôi động, không sao nhịn nổi, bèn một mình ra ngoài quán trọ, kiếm chỗ đại tiện.

Vu thấy một cánh đồng lúa xanh rì bát ngát lại gặp mùa hè làm cỏ, Các bờ mương đều tăm tắp không có hố. Chàng leo lên một cái gò và bậy ở đây.

Việc xong, giãi quần chưa kịp thắt hết. Thình lình Bích thấy một vật xông ra trước mặt, hình thù trông như một con lợn nhỏ mà lông lá thì dài hơn, cứ hồng hộc chạy thục mạng.

Bích lấy làm lạ, chạy đuổi theo. Con vật rẽ vào một lối tắt, khúc khuỷu quanh vòng vèo, không thèm ngoái cổ lại. Còn Bích thì sức chạy kém cỏi, không bắt kịp. Được chừng nửa dặm, chàng dừng lại, thì con vật biến mất, không thấy đâu nữa.

Bích tính theo đường cũ trở về, chợt bên tai nghe có tiếng chân đàn bà tản bộ thong thả đi tới.

Té ra là hai cô con gái.

Một cô xiêm hồng áo lụa, trang sức trên đầu toàn loại kim châu phỉ thúy. Dung mạo phi thường lộng lẫy, giống như con nhà phú gia đại tộc.

Một cô quần vải, thoa gai, trông trang nhã đạm bạc sạch sẽ, nhưng gương mặt sáng sủa, có vẻ con nhà nghèo.

Bích đoán chừng là một chủ một tớ, không dám hỏi ngay. Nhưng sẵn tính mê đàn bà, Bích nhìn hai nàng chăm chăm, mắt không rời đổi, người đực ra trên bờ ruộng, chân không bước nổi nữa.

Hai người con gái vừa đi vừa thì thào to nhỏ, đến chỗ Bích đuổi theo con vật, thì người con gái nhà nghèo, hướng nhìn tứ phía bảo với người con gái xiêm hồng áo lụa:

"Nơi này đúng là chỗ hôm qua chị hẹn với tình lang. Giờ sao chưa đến nhỉ? Chẳng chắc gì hắn là người thủ tín đâu."

Người con gái xiêm hồng áo lụa mỉm mỉm cười không trả lời rồi mới chậm rãi nói:

"Ngươi đừng có lắm lời. Vừa rồi ở đằng xa, ta đã thấy hắn lẩn trốn như chuột ở chỗ này, trông lúng túng lật bật. Chắc là bị khách đi đường đuổi gấp. Nói ra, thật vô cùng xấu hổ."

Người con gái nhà nghèo, xua bàn tay nhỏ, ngăn người con gái xiêm hồng áo lụa lại, rồi cười ha hả, bảo với nàng:

"Chị ơi! Chị đừng nói nữa. Cái người truy đuổi anh ta còn đứng kia, ông ta mà nghe được thì mất mặt lắm đấy."

Nói xong, hai người đi gần lại phía Bích, rồi cả hai đều đưa mắt liếc nhìn chàng, thu ba lấp lánh đa tình. Một lát sau, mới từ từ vượt qua.

Bờ ruộng quá hẹp, Bích phải nghiêng người nhường lối. Nhưng một làn hương thơm từ thân thể hai nàng đã phả đầy vào mũi Bích khiến chàng, dù chẳng phải kẻ dâm bôn đãng

tử, cũng xốn xang ngây ngất, cầm lòng không đặng.

Hai nàng đã đi khỏi, còn ngoái lại nhìn Bích một lần nữa, miệng chúm chím cười, chẳng một chút thẹn thùng e lệ, càng khiến cho Bích phách tán hồn tiêu, người cứ ngố ra, một hồi thật lâu.

Chừng người xa phu đợi mãi không thấy Bích trở về, đi tìm, thấy chàng đứng như tượng gỗ, bụng chỉ cười thầm, bèn thôi thúc chàng trở về để chuẩn bị lên đường.

Bích bảo với người xa phu:

"Trong người ta cảm thấy khó chịu, phải nghỉ ngơi, ngày mai đi cũng được."

Người xa phu thấy trời đã trễ, cố khuyên chàng.

Hai người liền tìm đến một thôn điếm ở gần đấy để trọ đỡ. Bích chẳng tha thiết gì đến việc ăn uống, một mình cứ quẩn quanh ngoài bờ ruộng, hy vọng gặp lại hai người con gái, nhưng bóng chim tăm cá, không hề thấy tung tích chi cả.

Mãi đến lúc mặt trời sắp gác non đoài, Bích bỗng thấy người con gái mặc xiêm hồng áo lụa một mình đi đến.

Chàng vừa ngạc nhiên vừa mừng nói:

"Giai nhân đến đây rồi."

Chợt lại nghe dưới ruộng lúa có tiếng lao xao sào sạt. Rồi một gã con trai y phục màu đen, mũ cũng màu đen, từ đó bước ra, dáng người nhỏ bé lùn tịt.

Gã tiến đến ôm lấy người con gái xiêm hồng áo lụa, rồi tỏ tình:

"Trưa nay hẹn với em, mà bây giờ mới đến, vậy em có trách ta là người sai hẹn không?"

Người con gái xiêm hồng, có vẻ giận lẫy không vui, lấy tay áo phủi một cái, đáp:

"Đấy chẳng nhớ đây, thì bộ đây chẳng có người khác hay sao? Đây đâu có cần kẻ bạc tình."

Gã con trai lùn cười nói:

"Em đừng có đại ngôn lớn lối. Đấy chẳng có đây thì chẳng có ai 'vén váy' lúc này cho đâu!"

Người con gái lấy tay chỉ Bích, rồi đưa mắt nhìn chàng, tiếp:

"Ông khách này được không? Con nít lộng ngôn chi lạ!"

Người con trai lùn nghe nàng nói thế, ngoái đầu lại nhìn, thấy Bích thì đâm ra hoảng hốt, sợ hãi kêu lớn:

"Chu choa! Sao lại bức nhau đến nước này."

Rồi tỏ ra hết sức vội vàng, lật đật chuồn thật nhanh xuống ruộng lúa. Biến mất.

Bích thấy vậy, cũng chẳng để tâm làm gì.

Người con gái xiêm hồng lấy vạt áo vẫy chàng. Bích tiến lại gần. Người con gái bước xuống một đám lúa rậm rạp, Bích cũng xuống theo.

Nhưng chân vừa bước xuống, Bích chẳng còn thấy đồng áng, lúa mạ đâu cả. Chỉ thấy đó là một cảnh trí, một thế giới khác lạ. Lầu cao, gác rộng san sát nối tiếp nhau. Cột kèo, mái hiên, đều trạm trổ điêu khắc, đẹp như tranh vẽ.

Bích lấy làm lạ, gạn hỏi người con gái xiêm hồng.

Nàng đáp:

"Thì hãy biết có chỗ tốt để dung thân đã. Hà tất phải hỏi lôi thôi làm gì?"

Rồi đem gối thúy, chăn loan, nệm gấm ra sắp xếp giường ngủ. Sau đó cởi bỏ quần áo cùng Bích mây mưa hoan lạc.

Bích thấy nàng da dẻ chẳng những trắng trẻo, lại mềm mại khả ái. Còn thái độ thì quyến rũ tình tứ, đắm đuối. Chàng đã từng trải, rong chơi nhiều ở các chốn lầu xanh kỹ viện, nhưng chưa bao giờ cảm thấy mê tơi phiêu dật mây nước bồng bềnh đến thế.

Việc xong, người con gái hỏi Bích:

"Chàng làm gì mà đi qua đường này? Diện mạo bảnh trai, thanh tú thế kia, chắc không phải loại phu xe kiếm sống đấy nhỉ."

Bích bèn đem lý do về quê, nói thật cho nàng biết.

Nàng lại hỏi:

"Thế đã dạm ngõ chưa, hay còn đợi chàng chọn rồi mới cưới."

Bích đáp:

"Cũng chưa có đám nào cả. Còn đợi ta về bàn tính."

Người con gái lại cười:

"Chàng về, dù có mai mối tốt, bất quá cũng chỉ tìm được một cô đầu bù tóc rối, mặt mày đen đúa, đâu đáng làm vợ của chàng. Giá như, chàng có một ngàn lượng giao cho thiếp, thiếp sẽ tìm cho một người vợ thật đẹp. Trong hầu bao của chàng, còn đủ số đó không?

Bích nghe nói thế, mừng thầm, vội hỏi là ai.

Nàng đáp:

"Cô em buổi trưa nay cùng đi với thiếp đấy. Chẳng may góa bụa quá sớm, một thân một mình không nơi nương cậy, bị bọn ác thiếu vô lại trong xóm thỉnh thoảng ép uổng. Giả như được nâng khăn sửa túi cho chàng, thì chẳng

những tránh khỏi cảnh nghèo đói, và thiếp cũng không phải lo ngại gì nữa."

Bích vốn đã mê tít thò lò, nên chẳng cần biết cái giá mà người con gái đưa ra, thấp hay cao. Thầm nhẩm tính trong bụng, thấy số tiền còn lại trong hầu bao tuy không nhiều, nhưng đem bán những quần áo, hành lý thì cũng dư, bèn khảng khái nhận lời; nhưng cũng nói:

"Ta mới vừa cùng khanh ân ái, khanh đã chẳng làm mối cho mình, lại đem người khác giới thiệu. Có phải tính đem cô em ra làm mồi như ta đấy không?"

Người con gái xiêm hồng đáp:

"Không có đâu. Thiếp tính đa tình, lại ham lắng lơ, không thể giữ lễ mà ở hoài trong khuê phòng mãi được, thường lén lút ăn vụng bên ngoài, không thể lo gia vụ cho chàng được, dù có lấy nhau, cũng chẳng ích gì. Còn cô ấy, như quả được theo chàng làm vợ, thiếp nhân vì mai mối, giữ mối liên hệ, chỉ mong chàng đừng có mận quên đào là vạn hạnh lắm rồi!"

Nói xong thúc dục Bích đứng dậy, và tiếp:

"Thôi, chàng dậy đi, đừng để cho khách qua đường thấy rồi ghen tức. Chàng tạm về quê, cho thiếp ở lại đấy hai ngày với chàng, tất việc sẽ thành."

Bích đứng dậy, rời khỏi giường, mặc lại quần áo, nhìn bốn phía chung quanh, chẳng thấy nhà cửa, lâu đài đâu cả, ngay cả gối thúy, chăn loan cũng chỉ là không. Té ra, chỗ chàng đang đứng là ở giữa một cánh đồng lúa vắng. Còn người con gái cũng biến mất. Bích đâm hoảng sợ, bụng ngỡ là ma. Nhưng vốn còn trẻ, lại ham nữ sắc nên cũng trấn tĩnh lại ngay.

Bích theo lối cũ về, thì trời sắp tối. Chàng gặp một bọn tuần đinh, tay cầm giáo mác, cung tên, dây thừng, như thể đang lùng bắt một vật gì.

Lúc đến gần, chàng thấy có một con chồn cái, lông đen bóng, đang tập tễnh chạy thục mạng trốn vào bụi cỏ. Đằng sau có một đàn chó săn lớn đuổi theo rất gấp. Tình thế vô cùng nguy ngập, cấp bách.

Bích thấy thế, đem lòng thương hại, thừa lúc bọn tuần đinh chưa kịp đến, bèn nhặt một viên đá, nhắm vào đàn chó ném tới. Chúng sợ hãi, lùi lại. Nhờ thế, con chồn chạy thoát.

Lúc đó, Bích chưa biết con chồn đó là người con gái nhà nghèo mà chàng đã gặp buổi trưa, hóa thân. Chừng bọn tuần đinh đuổi tới thì Bích đi khỏi.

Từ xa, Bích nghe bọn tráng đinh bảo nhau:

"Con chồn này không tinh khôn cho lắm, mà mấy lần sắp bắt được thì nó lại thoát?"

Bích nghe, chỉ cười thầm trong bụng, rồi không để ý đến nữa.

Về đến lữ điếm, Bích lên giường, ngủ một giấc thật say.

Sáng hôm sau, chàng lấy cớ còn mệt, không chịu khởi hành. Ăn xong, chàng lại lững thững một mình đến chỗ ruộng lúa. Quả nhiên đã thấy người con gái xiêm hồng đứng đợi trước.

Nàng mừng rỡ bảo:

"Chàng thật là người thủ tín, lại chung tình, em thiếp mà lấy được chàng là chọn đúng chỗ

HOÀNG LỘC

THƠ CHO NGƯỜI CẬN THỊ

em nhìn gần, em chẳng biết nhìn xa
gần khó thấy và xa càng không thấy
chút tình của ta sao mà khổ vậy
mãi lem hem từ bữa nói yêu người

em nhìn ai chưa chắc rõ ràng ai
chưa chắc rõ trong vòng ba bốn thước
chút tình của ta đâu gần hơn được
mãi ơ hờ trong đáy mắt xanh kia

đêm lá me bay - xuống phố, quay về
cửa sổ nhà em ngọn đèn thức ngủ
em vẫn lờ mờ không hay không rõ
ta chợt giật mình ngó lại tình ta

em nhìn gần, em chẳng muốn nhìn xa
(gần - có chồng em, có con em đấy!)
chút tình của ta lạc loài biết mấy
nghìn trùng thêm sau mắt kính nhìn gần

ta dấu một đời cặm cụi tình nhân
vẫn khó tới trong vòng ba bốn thước
tình lỡ rủi cháy bùng lên ngọn đuốc
cũng hoang tàn đốm lửa phía ngoài em...

lắm rồi."

Sau đó lại hỏi chàng về số tiền rồi giảm bớt hai trăm. Bích rất mừng, hứa hôm sau sẽ đem đến. Lúc Bích tỏ ý muốn cùng nàng xoắn xuýt, thì nàng thoái thác từ chối, nói:

"Chàng cũng nên để dành sức mà chờ em thiếp, chứ đừng để cho người ta chê thiếp là kẻ cuồng đãng."

Rồi bỏ đi, không để ý đến nữa.

Bích trở về nhà trọ, đổ hết hầu bao ra, cũng chỉ được già nửa số tiền, vì đã tiêu hao hết ba bốn phần rồi, nên không đủ, đành đem quần áo đi cầm bán. Cũng may, nơi đó gần thông lộ lớn, có nhiều khách mua, nên chỉ trong một ngày Bích kiếm đủ số tiền thiếu. Riêng người xa phu, tiền công đã trả từ lúc mướn về, không còn phải lo đến nữa.

Ngày hôm sau, Bích ngại vì tiền bạc nặng nề, nên chỉ đi tay không đến nơi hẹn.

Chờ một lát, quả nhiên người con gái xiêm hồng dẫn theo cô gái nhà nghèo đến. Trang sức, y phục vẫn chỉ thoa gai, vải bố, như Bích đã gặp.

Chừng giáp mặt Bích, nàng hơi đỏ mặt bẽn lẽn thẹn thùng, tựa hồ như có điều gì xấu hổ ở trong lòng. Bích chỉ cho đó là thói thường nhi nữ, không lấy làm lạ.

Người con gái xiêm hồng bảo người con gái nhà nghèo chào Bích, rồi buông lời hài hước chọc ghẹo:

"Này hai cháu, trai thanh gái lịch của bác, khi về đến nhà thì nhớ phụng dưỡng lão mẫu cho tử tế nhá. Bác già rồi, không chịu nổi tiếng đời mai mỉa đâu đấy."

Rồi cả ba cùng cười rũ ra.

Riêng người con gái xiêm hồng, không nói thêm gì nữa, chỉ khúc khích cười bỏ đi.

Bích tính gọi nàng lại để về quán trọ trao tiền, nhưng người con gái nhà nghèo đã nói:

"Chàng lo tiền của chàng nó không có cánh à. Chàng về nhà thì biết, nó đã chắp cánh bay rồi."

Bích không tin lắm, bèn cùng người con gái nhà nghèo về quán trọ. Nàng cười, ngâm một câu thơ ở trong kinh thi:

"Thúc hề, bá hề, giá dư dĩ hành, kim nhật chi vị dã".

Chừng về đến quán trọ, trời tuy còn sáng, nhưng chẳng một ai thấy được nàng cả.

Bích vào trong phòng, mở túi đựng tiền ra xem, thì bên ngoài các bao tiền vẫn phong kín như cũ, mà trong bao thì không còn đồng nào.

Bấy giờ Bích mới tin lời người con gái nhà nghèo nói là thật, rồi, bày tiệc rượu cùng nàng mua vui. Nàng vốn giỏi hài hước. Mỗi lời nàng nói đều làm cho Bích cười ngặt nghẽo. Người trong quán trọ thấy vậy, có người cho là chàng mắc bệnh điên.

Hai người hoan ẩm mãi cho đến lúc trời khuya, mõ điểm canh hai, Bích mới khéo léo gạn hỏi nguồn gốc gia thế quê quán của nàng. Nhưng nàng chép miệng thoái thác, không trả lời câu hỏi, mà chỉ cười nói:

"Chàng mời khách đến không bầy thức ăn, cũng chẳng khác gì coi khách không biết nếm. Thiếp nói thật cho chàng rõ, bọn thiếp chẳng phải 'ma thì cũng là quỉ.' Nếu chàng sợ, sao chẳng lánh xa đi?"

Rồi cười, khiến cho Bích cũng bật cười theo.

Sau đó, dắt nhau lên giường, tắt đèn, cởi bỏ y phục, nam hoan nữ ái, đằm thắm mặn nồng không thể tưởng hết.

Sáng hôm sau dậy, người con gái nhà nghèo bảo với Bích rằng:

"Trong hầu bao của chàng không còn một xu mà đường về quê dài cả ngàn dặm bạt thiệp trường đồ, lấy gì mà tiêu? Vả, thiếp thể chất yếu đuối, chịu không nổi lao lực, phong sương, chi bằng để mặc thiếp tự về lấy một mình, chàng khỏi bận bịu vướng víu. Như vậy ý chàng nghĩ sao?"

Bích tưởng nàng nói đùa, cũng giả vờ đồng ý. Nàng bèn vén rèm cửa, bước vội ra ngoài, thoáng đã biến mất, không thấy tông tích đâu nữa.

Bích hoảng hốt đuổi theo, nhưng không kịp nữa.

Chàng lại ra chờ ở chỗ bờ ruộng cũ. Nhưng cũng chẳng thấy bóng dáng người con gái xiêm hồng đâu, lòng buồn rầu, chán nản trở về quán trọ.

Người xa phu đã gác xe mấy ngày, không còn muốn lưu lại thêm nữa, vì thế Bích đành phải lên xe thượng lộ.

Tiền bạc đã tiêu hết, tài vật cũng không còn, dọc đường rất là khốn đốn, Bích không còn những cử chỉ hào phóng như trước nữa, cứ ngày đêm một mạch đi thẳng về nhà.

Đến nơi, thì mẹ chàng, do thơ của người anh gửi về dặn, đã dạm vợ cho chàng rồi. Đó là một người con gái từ Quan Trung lại. Chẳng những đã đẹp, lại còn rất nhiều của hồi môn.

Bích nghe nói cũng vừa lòng, nhưng chàng vì đã tiêu phí hết tiền bạc ở dọc đường, nên

làm mẹ chàng và người chị dâu phật ý, gác lễ ăn hỏi lại. Đến nửa năm sau, khi người anh phải gửi thêm tiền về, mới chịu cử hành hôn lễ.

Tối hôm động phòng hoa chúc, cô dâu té ra chẳng phải ai khác, chính là người con gái nhà nghèo mà Bích đã gặp ở lữ quán trước đây. Chàng hết sức ngạc nhiên, gạn hỏi, thì người con gái nói:

"Thú thật với chàng, chị em thiếp đều là chồn tinh cả. Thiếp cư ngụ ở Yến Quan, chị thiếp cư ngụ tại Lũng Hữu. Hôm ấy thiếp ngẫu nhiên đến chơi nhà chị, được chàng thương đến mà ra tay cứu khiến lòng thiếp dao động. Nhưng tự thẹn không thể đến với chàng ngay được, nên nhường trước cho chị thiếp. Nay đã cùng chàng kết nghĩa phu thê, chỉ xin chàng đừng coi thiếp là khác loại mà ruồng bỏ thôi."

Bích nghe nàng nói, mới hiểu ra là những hiện tượng kỳ lạ trước kia đều là do chồn tinh ảo hóa, chàng vì hồ đồ mà mắc phải, không tỉnh. Nhân thế gạn hỏi:

"Ngày ấy nàng đã nhận làm vợ ta, sao rồi lại bỏ đi?"

Nàng đáp:

"Thiếp e ngại vì thân thế không được chính thường, sợ làng xóm họ hàng nhà chàng chê cười, nên không dám đồng hành với chàng. Nay đã cưới hỏi hẳn hoi, nào còn ai dám ngờ vực gì nữa. Đôi ta lẽ nào lại chẳng hưởng được cuộc sống tốt đẹp vĩnh cửu hay sao?"

Lại hỏi:

"Khi trước ta thấy nàng nghèo mà giản dị, sao bây giờ lại sang trọng hoa lệ thế này?"

Đáp:

"Đối với loài chồn tinh như thiếp, những vật dụng thường nhật, đều dùng pháp thuật lấy từ nhân gian mà có xa xỉ hay giản dị là tùy theo hoàn cảnh mà biến hóa. Khi trước thiếp tu đạo ở Chung Nam Sơn, sống nơi hoang lãnh thâm u, cho nên y phục nghèo hèn tầm thường. Còn bây giờ làm vợ chàng, thì tất phải đẹp đẽ sang trọng. Tiền của chàng đều còn lại ở trong rương. Chị thiếp không hề tơ hào một xu."

Bích còn ngờ vực chưa tin.

Chồn bèn đứng dậy mở rương cho Bích coi. Thì thấy bên trong vàng bạc đầy ắp. Nghiệm xét kỹ lại, đều là tiền của chàng đã gói ghém lúc trước, lòng rất lấy làm mừng.

Chồn nói:

"Chỉ vì số tiền này mà mất nửa năm trời vui vầy. Lúc mới gặp chàng, thiếp đã biết ngay chàng là người trọng sắc khinh tài, tất huy hoắc tiền bạc ở dọc đường. Về nhà sẽ bị thân mẫu quở trách, tương lai không có vốn mưu sinh, nên thiếp đã âm mưu với chị tạm thời trộm giữ tiền của chàng để vào rương của thiếp. Vì thế, nay mới còn cho chàng đấy."

Rồi trao chìa khóa rương cho Bích và tiếp:

"Tiền hoàn cố chủ, mong chàng sẽ xử dụng mà lo việc kinh doanh. Nương nhờ anh chị, đâu phải kế sách trường cửu?"

Bích nghe nói hết sức cảm động, tạ ơn chồn không dứt. Lại đem những gian nan khổ cực gặp ở dọc đường thuật cho nàng nghe.

Đêm ấy, cuộc mây mưa vui vầy, càng nồng nàn đằm thắm hơn trước nhiều lần.

Sáng hôm sau dậy, ra chào thân tộc, ai nấy đều khen vợ Bích là đẹp như tranh. Nàng giỏi quản lý gia vụ. Còn Bích trở nên thuần cẩn, dùng tiền mở một cửa tiệm ở ngoài chợ, buôn bán lời gấp đôi, mỗi ngày càng thêm sung túc giàu có, không thua kém gì người anh.

Người chị của nàng, thỉnh thoảng cũng lại thăm em, cùng Bích vui vẻ thuật lại chuyện cũ. Sau đó hai năm, nàng sinh cho Bích hai người con trai.

Bỗng một hôm, nàng bảo Bích là muốn trở về Lũng Hữu. Bích cố giữ lại, nhưng nàng tỏ vẻ xấu hổ bảo chàng:

"Chị em thiếp là chồn tinh, những khi ăn ở với người ta, thường phải thu hút tinh lực để tự nuôi mình, nhờ thế mà trường thọ và thành đạo. Lúc mới gặp chàng, chị thiếp định dùng thiếp để làm mồi nhử chàng, chứ chưa hề có ý gả bán gì cả. Sau thiếp bị bọn chó săn đuổi bắt, may nhờ chàng ra tay cứu sống, nên thiếp cắn cỏ ngậm vành ghi tạc ơn sâu, mà cải đổi ý ban đầu, thực lòng cùng chàng kết nghĩa phu thê. Đến nay cũng được mấy năm rồi, lại sinh cho chàng hai đứa con trai, như thế cũng đủ báo đáp ơn xưa rồi. Tuy nhiên, đạo hạnh tu luyện của thiếp ngày trước, cũng nhân thế mà mất hết. Nay phải trở về núi tu luyện lại, không thể ở chốn nhân gian này nữa. Mong chàng hiểu lòng thiếp, đừng nhớ thương gì thiếp nhé!"

Nói vừa xong, thì người chị đột ngột xuất hiện. Hai chị em cùng nhau trở về núi, không lần nào gặp Bích lại nữa.

Bấy giờ chàng mới hiểu rằng vợ chàng chính là con chồn đen mà chàng đã cứu. Từ đó, Bích không sát sinh, cũng không lấy vợ.

Sau sống đến chín mươi tuổi.●

QUẬN CAM

Họa sĩ Nghiêu Đề và tác phẩm

"Cuốn sách này được hình thành qua một lời nói thầm ước muốn của chồng tôi với một người bạn, vì Nghiêu Đề không muốn đặt nặng lên vai tôi một gánh nặng nào thêm nữa. Nhưng tôi đã nói với anh là tôi sẽ thực hiện. Và tôi đã làm đủ mọi cách để thực hiện nhưng mãi đến nay mới xong, thì Nghiêu Đề đã bỏ đi cách nay sáu tháng."

Trên đây là lời phát biểu của bà Nghiêu Đề trong dịp ra mắt tác phẩm "Nghiêu Đề," cuốn sách tập hợp một số tranh của ông và các bài viết của một số anh em văn nghệ sĩ. Buổi giới thiệu được diễn ra thật trang trọng, đồng thời cũng rất vui tươi và cảm động, tại Phòng Sinh Hoạt nhật báo Người Việt chiều ngày 17 tháng Tư năm 1999 với sự hiện diện trên 200 văn nghệ sĩ, thân hữu và những người ái mộ họa sĩ Nghiêu Đề.

Bà Nghiêu Đề: khó khăn, cô đơn, nhưng vẫn thực hiện bằng được ước muốn cuối cùng của chồng.

Bà Nghiêu Đề đã nhắc đến những kỷ niệm sau cùng với họa sĩ Nghiêu Đề trong thời gian ông lâm trọng bệnh cùng với mối tình giữa hai ông bà từ thời thanh xuân, trải qua suốt bao nhiêu năm cùng với ba người con cho đến nay. Bà cũng lên tiếng cảm tạ ân nhân, thân hữu và những người đã đóng góp trong việc hình thành và phát hành tác phẩm.

Nhà văn Võ Phiến đã lên diễn đàn nói về những kỷ niệm của ông với họa sĩ Nghiêu Đề cách đây ngót 40 năm và nhắc đến sắc thái văn nghệ của thời kỳ Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam thành hình mà họa sĩ Nghiêu Đề là một trong những người sáng lập. Ông cũng nói đến những điều ngộ nghĩnh liên quan đến các bìa sách của ông do họa sĩ Nghiêu Đề thực hiện từ đầu thập niên 1960, và những lần thăm hỏi khi họa sĩ Nghiêu Đề cùng với gia đình sang định cư ở Hoa Kỳ vào khoảng giữa thập niên 1980.

Họa sĩ Nghiêu Đề sanh năm 1939 tại Việt Nam, đã theo học trường Mỹ Thuật Quốc Gia Gia Định. Ông từng là thành viên sáng lập và giữ vai trò Tổng Thư Ký của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam năm 1965. Tác phẩm của ông từng đoạt huy chương bạc trong cuộc Triển Lãm Mùa Xuân năm 1961. Ông cũng đã từng nhiều lần triển lãm tác phẩm tại quốc nội và tại những cuộc triển lãm quốc tế ở Nhật Bản và Pháp. Khi định cư tại Hoa Kỳ, họa sĩ Nghiêu Đề cũng đã từng dự cuộc triển lãm chung với 48 họa sĩ Hoa Kỳ tại San Diego năm 1986. Ông qua đời vì bệnh ung thư ngày 9 tháng Mười Một 1998 tại San Diego.

Cuốn sách "Nghiêu Đề," ước muốn sau cùng của họa sĩ đã thành hình, là một tác phẩm nghệ thuật khổ lớn dầy 100 trang, in trên giấy láng với một số họa phẩm của Nghiêu Đề được in màu thật đẹp cùng với những bài viết của các văn nghệ sĩ Thái Tuấn, Đỗ Quí Toàn, Du Tử Lê, Huỳnh Hữu Ủy, Trần Dạ Từ. Đặc biệt trong cuốn sách này có một lá thư của họa sĩ trả lời cuộc phỏng vấn của nhà báo Nguiễn Ngu Í đăng trên tạp chí Bách Khoa năm 1962 nói về quan niệm sáng tác trong hội họa của ông. Những bài viết trong tác phẩm Nghiêu Đề được ông Lê Thọ

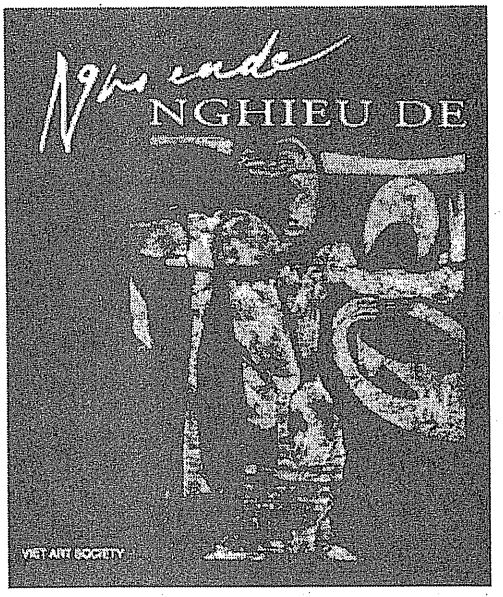

Giáo chuyển sang Anh Ngữ. Phần trình bầy do họa sĩ Nguyên Khai và Khánh Trường thực hiện. Đây là một cuốn sách đẹp một cách sang trọng và tao nhã, với những bức tranh quý được thể hiện màu sắc một cách trung thực, các bài viết giá trị và chân tình, và với cách trình bày rất nghệ thuật.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã nói đến một số kỷ niệm với họa sĩ Nghiêu Đề và nhận xét rằng những ý tưởng của họa sĩ Nghiêu Đề về vấn đề sáng tác qua mấy mươi năm vẫn không thay đổi. Đó là quan niệm chỉ sáng tác khi có một cảm hứng sáng tạo mới mẻ. Nghiêu Đề từng nói với ông rằng mình không muốn vẽ lại những bản sao. Ngoài hội họa, Nghiêu Đề còn làm thơ và có viết văn. Vào thập niên 1960 Nghiêu Đề đã cho in tác phẩm Ngọn Tóc Trăm Năm, tập truyện.

Họa sĩ Hồ Thành Đức đề cập đến phong cách tạo hình của Nghiêu Đề, một họa sĩ có khuynh hướng phủ lên những hình ảnh thường có trong đời một vẻ lãng đãng liêu trai. Theo ông, Nghiêu Đề vẽ tranh không nhiều, và tác phẩm ngày nay lại tản mạn rải rác nhiều nơi, việc cố gắng tập hợp tác phẩm và bài viết về Nghiêu Đề thành một cuốn sách như hôm nay là một việc làm rất hay và cần thiết để lưu giữ lại dấu vết của một con người tài hoa.

Một người bạn khác cùng ở trong Hội Họa Sĩ Trẻ với Nghiêu Đề là họa sĩ Nguyên Khai đã nhắc lại những kỷ niệm với họa sĩ Nghiêu Đề từ thời trẻ cùng sinh hoạt với nhau ở Việt Nam cho đến khi sang Mỹ. Nguyên Khai đã cho thấy cá tính rất nghệ sĩ của Nghiêu Đề, thường coi nhẹ mọi sự đời, nhưng bàn tay nghệ thuật của ông một khi đã nhúng vào đâu thì cũng tạo ra cái đẹp, dù đó là một bích chương tuyên truyền hay là phông cảnh nơi phòng thâu truyền hình.

Ông Nguyễn Đức Quang, chủ nhiệm nhật báo Viễn Đông, người điều hợp chương trình cũng đã giới thiệu cô Khải Thư, ái nữ của họa sĩ Nghiêu Đề lên trình tấu dương cầm một bản nhạc cổ điển mà cô thường hay đàn cho thân phụ nghe lúc còn sống.

"Nghiêu Đề" là một tác phẩm mỹ thuật của và về một nhà mỹ thuật. Đúng như họa sĩ Hồ Thành Đức nói, khi cầm cuốn sách này người ta cảm thấy như đang gần gũi với tinh hoa của cái đẹp kết tinh từ cả một đời người.

Quí bạn đọc muốn có tác phẩm "Nghiêu Đề" xin liên lạc với bà Nghiêu Đề tại: 5595 Amanda Street San Diego, CA 92114, USA. Điện thoại số: (619)266-8759

Giỗ đầu của Nguyên Sa

Thấm thoắt nhà thơ Nguyên Sa qua đời đã được một năm. Ngày 18 tháng Tư 99 vừa qua,

Quanh mộ Nguyên Sa ngày giỗ đầu

một số đông anh chị em văn nghệ và thân hữu đã tập hợp tưởng niệm quanh ngôi mộ ông tại nghĩa trang Peek Family, thành phố Westminster. Rất nhiều hoa cúc vàng đã được bày quanh mộ trong ánh sáng tưng bừng của ngày đầu xuân, bên cạnh mấy cuốn Thơ Nguyên Sa đã làm say mê nhiều thế hệ tuổi trẻ Việt Nam, và những ngọn nến lung linh... Buổi tưởng niệm với một hình thức rất thoáng đãng và "văn nghệ" nhưng đầy không khí thành kính và trang nhã, rất phù hợp với cá tính của nhà giáo Trần Bích Lan và nhà thơ Nguyên Sa lúc sinh thời.

WASHINGTON DC

Sinh hoạt văn hóa tại vùng Thủ đô

Có lẽ tại mùa Xuân nên những sinh hoạt văn hóa của người Việt ở miền Đông Hoa Kỳ xem chừng khởi sắc hẳn. Người ta tấp nập rủ nhau đi nghe nói về thơ trong nước so với thơ hải ngoại ở Câu Lạc Bộ Văn Học, người ta đón nhận Cỏ Thơm mùa Xuân (đã ra đến số 10), và cuối tuần 17, 18 tháng Tư vừa qua người thích nghệ thuật tạo hình lại có dịp đi xem họa sĩ Đinh Cường trưng bày tranh ở Café Montmartre, một Đinh Cường rất mới, tươi vui, màu sắc sáng hơn xưa rất nhiều. Ở Philadelphia, cuối tuần Huỳnh Văn Phú cũng ra mắt tập truyện mới nhất của ông.

* *Phạm Duy và Quỳnh Giao*

Ngày 4 tháng Tư, nhiều khán thính giả chọn lọc đã đến Trường Luật, viện Đại học George Mason để nghe Phạm Duy nói chuyện về sáng tác (và CD) mới nhất của ông, "Minh Họa Kiều."

Nhưng trước khi nghe Phạm Duy, ký giả Lê Văn giới htiệu ca sĩ Quỳnh Giao, người mới tung ra CD "Hành Trình Phạm Duy." Quỳnh Giao đã dẫn nhập vào không khí Phạm Duy với hai bài hát Về Miền Trung và Tâm Ca số 1, trước khi ông Nguyễn Ngọc Bích nói về tiến trình nhạc Phạm Duy qua gần 50 năm. Theo diễn giả, sau khi đã bỏ ra hàng thập kỷ để làm tân dân ca (nhất là trong thời kháng chiến) rồi nhạc cho xã hội (kể cả những đại tác phẩm như trường ca Con Đường Cái Quan, trường ca Mẹ Việt Nam, Tâm Ca, tổ khúc Bầy Chim Bỏ Xứ), nhạc tình (cho hai người) và nhạc tâm linh (Đạo Ca, Thiền Ca, trường ca Hàn Mạc Tử), Phạm Duy giờ đây gom tất cả những dòng nhạc kia vào trong một dòng độc nhất và cao đỉnh, hát cho Tâm Thức Việt Nam — trong Minh Họa Kiều.

Phạm Duy lên sân khấu, trong một bộ quần áo rất nghệ sĩ và với mái tóc trắng bềnh bồng, ông đã dẫn người nghe vào trong một thế giới huyền ảo của những âm thanh Việt Nam, vừa truyền thống như ngâm, sa mạc... vừa mới, dùng các loại nhạc khí đến độ vũ bão. Nói say sưa, hóm hỉnh, dí dỏm, ongt đã đưa cả trăm người khi thì vào không khí "Thanh Minh trong tiết tháng Ba," khi thì vào cảnh ảm đạm của một Đạm Tiên và những chỉ dấu hiển linh của người muốn hiện về báo hiệu một kiếp truân chuyên cho Kiều. Trong việc thực hiện CD này, các con ông đã đóng góp nhiều công sức, đặc biệt như Duy Cường đã về tận Việt Nam để tìm thu thanh các nhạc cụ cổ truyền. Khi Phạm Duy ngừng nói và tiếng nhạc chấm dứt, mọi người vẫn còn tiếc nuối chưa muốn đi ra khỏi thế giới âm thanh mà ông vừa dắt mọi người vào. Vì thế mọi người đổ đến mua CD của ông, 50 đĩa hết sạch trong chốc lát, để mong tái tạo thế giới ấy ở nhà...

Ra mắt cuốn "From the City Inside the Red River"

Thứ Bảy 17 tháng Tư 99, Tổ hợp Xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ, Hội Văn hóa Việt Nam tại Bắc Mỹ và một nhóm thân hữu của tác giả đã tổ chức ra mắt cuốn sách *From the City Inside the Red River* (Từ thành phố trong lòng sông Hồng) bằng tiếng Anh của giáo sư Nguyễn Đình Hòa, do nhà McFarland mới xuất bản.

Những người lên nói về tác giả (ký giả Vũ Thụy Hoàng của tờ *Washington Post*, rồi Nguyễn Ngọc Bích và Phạm Văn Hải, Tiến sĩ Ngôn ngữ học hiện làm việc tại Georgetown University) đã cho thấy tác giả là một con người rất yêu mến chữ nghĩa và văn chương Việt Nam, bỏ cả đời ra phục vụ cho mục tiêu giữ gìn và phát triển tiếng Việt. Trong hai diễn giả nói về cuốn sách thì Tiến sĩ Phạm Trọng Lệ, một môn sinh của tác giả từ Việt Nam, đã phân tích rạch ròi sự đóng góp của ông Nguyễn Đình Hòa vào ngành giáo dục đại học và ngôn ngữ học Việt Nam, trong khi luật sư Đinh Từ Bích Thúy (trình bày bằng tiếng Anh, nhằm vào số người Mỹ tham dự) đã đưa ra một cái nhìn khá sâu sắc về cuốn sách và con người đàng sau nó.

Cuối cùng, tác giả có những chia xẻ thật cảm động về lý do tại sao ông viết cuốn hồi ký này, cùng cám ơn sự quan tâm của mọi người đối với tác phẩm của ông.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Thời gian qua Thế Kỷ 21 đã nhận được các đặc san gửi biếu sau đây:

- **Viên Giác**, tạp chí của kiều bào và Phật tử Việt Nam tị nạn tại Cộng hòa Liên bang Đức, số Xuân Kỷ Mão
- **Đặc san số 5**, số Xuân Kỷ Mão, của Hội Ái hữu Trần Cao Vân - Tam Kỳ
- **Đặc san Lại Giang**, tiếng nói của các cựu giáo sư, học sinh và thân hữu các trường Tăng Bạt Hổ, Bồ Đề Bồng Sơn và Bán công Tam Quan, Xuân Kỷ Mão
- **Quê hương Núi Ấn sông Trà**, đặc san Xuân Kỷ Mão của Hội Đồng hương Quảng Ngãi
- **Đặc san Xuân Kỷ Mão** của Hội Ái hữu Bùi Thị Xuân - Trần Hưng Đạo, Đà Lạt
- **Hương Giang Xuân Kỷ Mão** của Hội Đồng hương Thừa Thiên - Huế
- **Giai phẩm Xuân Kỷ Mão Gò Công** của Hội Ái hữu Gò Công Hoa Kỳ và Canada
- Tạp chí **Thơ**, số Mùa Đông 1998
- Tạp chí **Việt**, sáng tác, phê bình và lý luận văn học xuất bản tại Úc

Thành thật cám ơn quý vị và xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

*

Chuyện lão tượng Phật Di Lặc và nàng Nậm Mây

truyện của **Phạm Thị Hoài**, Văn Nghệ xuất bản, 95 trang, giá US$8.00; ngoài nước Mỹ $10.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster CA 92683. Tel: (714) 527-5761.

Kích thước và nội dung của cuốn sách như một truyện nhi đồng. Tả thế giới đồ cổ, được nhân cách hóa. Trong thế giới ấy có hai nhân vật chính, là tượng Phật Di Lặc và nàng Nậm Mây, hai tượng cổ Việt Nam có số tuổi tính bằng nhiều thế kỷ. Bên cạnh hai nhân vật chính là vô số các "nhân vật" đồ cổ khác, và một số con người thật ngoài đời, làm nên nhiều hoạt cảnh linh động, thâm thúy.

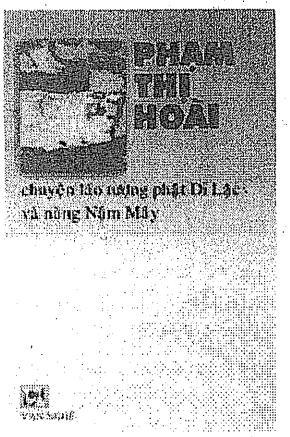

Giống như một phim hoạt họa bậc thầy, Phạm Thị Hoài nhân cách hóa từng món đồ cổ theo đặc tính sẵn có của mỗi cái. Di Lặc là Phật *nhịn mặc để ăn* khác với Tuyết Sơn áo xống cầu kỳ *nhịn ăn để mặc*; anh chàng Lư Hương đạo mạo thì *thở hắt ra một luồng khói thơm còn sót lại từ đầu thế kỷ*, trong khi cô đào Vũ Nữ Chàm *đang bận cong tay và giơ chân, là công việc đòi hỏi tập trung tinh thần*... Rất vui, cứ thế tác giả khắc họa vô cùng chính xác và sống động vô số nhân vật như cụ Hoành Phi, anh em song sinh Câu Đối Chữ Nôm, mụ Mâm Bồng, bà góa Ống Nhổ có chồng là Ông Bình Vôi đã vỡ, ả Ống Điếu Bịt Bạc... với hình dáng, tính tình đặc sắc riêng tư mà nếu không am hiểu về đồ cổ và không có tài sáng tạo (một cách dí dỏm nghịch ngợm) thì không thể tạo ra được. Mang đặc tính truyện nhi đồng, câu chuyện luôn biến đổi li kì, nhưng điều quan trọng là tác giả đã biến cái đám cũ kỹ vô hồn ấy thành sinh động, thành nỗi vui buồn, thành bao ý nghĩa của nhân sinh, với một văn phong lạ lùng khiến người đọc phải kinh ngạc, *với tất cả cái thâm trầm nấp đàng sau một thứ ngôn ngữ diễu cợt tinh luyện*, như lời giới thiệu của nhà xuất bản.

Cuốn sách, với số hiện vật đại diện cho quá khứ Việt Nam, đã bao trùm một không khí văn hóa rất Việt Nam, mặc dù đó đây luôn luôn xuất hiện những tay "buôn quá khứ, buôn thời gian" (các đầu nậu buôn bán đồ cổ), với tất cả các mánh khóe không chút thương ngọc tiếc hương. Chỉ một câu chào của nàng Nậm Mây với tượng Di Lặc: "Con xin chào nhà Phật!" người đọc tưởng như gặp cả một quá khứ lễ nghĩa và thuần phác của dân tộc.

Hồi Ký Viết Trên "Gác Bút"

hồi ký của **Nguyễn Thụy Long**, Văn Nghệ xuất bản, 273 trang, giá US$13.00; ngoài nước Mỹ $15.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Nguyễn Thụy Long xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên, *Vác Ngà Voi,* cách đây 34 năm. Nổi tiếng ngay sau đó, ông trở thành cây bút viết truyện ăn khách trên các nhật báo Sài Gòn từ giữa thập niên 60 cho đến ngày miền Nam sụp đổ. Ngày nay nhiều người còn nhớ các tác phẩm được ưa chuộng của ông như *Loan Mắt Nhung, Chim Trên Ngọn Khô, Trong Vòng Tay Đàn Ông...*

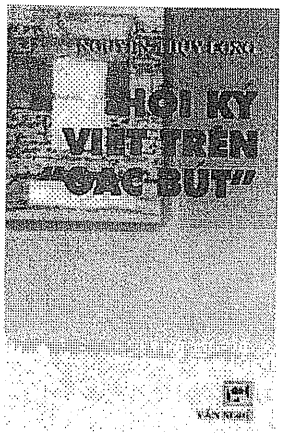

Tác giả viết cuốn hồi ký này tại Việt Nam, nơi từ sau 1975 đến nay ông đã liên tiếp sống những ngày vô cùng cơ cực, không kể những năm tháng đi tù vì là người cầm bút của miền Nam cũ. Cuốn hồi ký bắt đầu từ năm 1975, khi biến cố đau thương đầu tiên đến với ông vì cuộc đổi đời (người vợ phản bội, bắt tay với "gia đình cách mạng" để đuổi ông ra khỏi căn nhà của chính ông), và kết thúc cách đây một năm, vào mùa xuân năm 1998. Hai mươi ba năm của một đời người mà ngày nào cũng trầm luân khổ ải như trong địa ngục. Viết hồi ký là để kể chuyện đời của chính mình, nhưng cùng lúc cũng phản ảnh đời sống chung quanh, vì đời một người là một phần của cuộc đời chung. Những đọa đày ông chịu là một phần của sự đọa đày của cả xã hội, những bất công, đè nén ông gánh là hậu quả của một chế độ vô nhân. Ông không nói ra điều đó nhưng câu chuyện đời của ông nói hết.

Một cuốn hồi ký như thế được viết trong một chế độ độc đoán về chính trị, và được tác giả quyết định cho xuất bản, cho dù là tại hải ngoại, cho thấy sự chấp nhận hiểm nguy của tác giả. Nhưng đó cũng là đặc tính của con người tự do, luôn dành cho mình cái quyền nói lên sự thật, dù là trong một chế độ độc tài, những áp lực buộc phải dối trá lúc nào cũng đè nặng.

Những Người Mỹ Chung Quanh Chúng Ta

biên khảo của **Thế Uyên**, Xuân Thu xuất bản, 204 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Xuân Thu, P.O. Box 97 Los Alamitos, CA 90720, USA. Tel: (714) 828-9200.

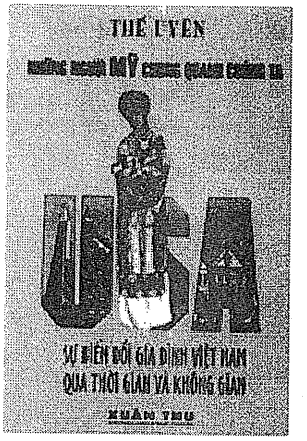

Những chữ "chung quanh chúng ta" của tên sách khẳng định độc giả chính của cuốn biên khảo này là người Việt di dân tại Hoa Kỳ. Phần lớn người Việt Nam đến sinh sống tại Mỹ từ 1975 đến nay chắc chắn chưa hiểu rõ lắm cơ cấu của xã hội Mỹ, một xã hội quá rộng lớn và phức tạp khác hẳn với nước Việt Nam nhỏ bé và "dễ hiểu" mà mình đã rời bỏ. Phần một và cũng là phần chính của cuốn sách này sẽ cho người đọc những hiểu biết cần có về người Mỹ: Giai cấp thượng lưu của Hoa Kỳ gồm có những ai, đặc tính của nó là gì, sinh hoạt của họ ra sao... Đây là một giai cấp mang nhiều huyền thoại về quyền lực về kinh tế và chính trị, không những đối với nước Mỹ mà còn với thế giới nữa, và thiên lược khảo này sẽ cho chúng ta một cái nhìn tương đối xác thực hơn về họ. Giai cấp trung lưu Hoa Kỳ có lẽ dễ nhận diện đối với người Việt di dân hơn, đã được miêu tả như một sức mạnh chính của nước Mỹ. Và "giai cấp vô sản Hoa Kỳ," chiếm 15% tổng dân số Mỹ, trong đó phần lớn là người da đen và sắc dân Mễ và châu Á. Độc giả còn được dẫn vào các cộng đồng da đen, cộng đồng người Mễ, vào các "công xã" đã có thời được tổ chức tại Hoa Kỳ do các giáo phái, và được biết lắm điều rất thú vị.

Phần hai của cuốn sách mang tên "Sự tiến hóa của gia đình Việt Nam qua thời gian và không gian" là một công trình miêu tả mô thức gia đình Khổng giáo truyền thống của Việt Nam, những biến thái của nó qua các thời kỳ và chế độ chính trị, và đặc biệt gia đình Việt Nam tại hải ngoại.

Đây là một cuốn sách mà người di dân Việt Nam, nhất là người đang cư ngụ tại Mỹ, cần nên đọc, để hiểu thêm một chút về xã hội của "chủ nhà" mà với ngày tháng qua đang dần dần trở thành của chính mình, và đặc biệt là để hiểu thêm về các đặc tính gia đình Việt Nam, nhất là trong giai đoạn trôi giạt đến sống tại xứ Mỹ này.

Công Giáo Chính Sử

biên khảo của **Trần Chung Ngọc**, Giao Điểm xuất bản, 490 trang, giá US$18.00. Liên lạc: Giao Điểm, P.O. Box 2188, Garden Grove CA 92842 USA.

Qua lịch sử hai ngàn năm của mình, đạo Công giáo vẫn được xem là một tôn giáo đem lại ý niệm về công bằng bác ái và tiến bộ của văn minh toàn thế giới. Nhưng tác giả Trần Chung Ngọc không tin điều đó, và qua cuốn biên khảo gần năm trăm trang này, ông chứng minh điều ngược lại. Ông đã bỏ công rất nhiều để đọc hàng trăm tác giả và tài liệu để thực hiện việc chứng minh ngược ấy. Việc trích dẫn tài liệu đầy đủ, cặn kẽ cho từng vấn đề có thể xem như là phương pháp chính của tác giả. Sau mỗi đoạn dịch từ tài liệu tiếng Anh, tác giả còn đăng lại nguyên tác để độc giả tham khảo trực tiếp, hầu tránh trường hợp có thể hiểu lầm qua bản dịch. Cuốn sách đi từ khảo sát lịch sử thành lập Gia tô giáo La Mã từ buổi đầu, qua lịch sử phát triển đạo này tại Âu châu, rồi đến các vấn đề sách lược bành trướng của Ki Tô Giáo trên thế giới, Thánh kinh, học thuật, các phép lạ Ki Tô giáo, và chương chót nói về Công giáo Việt Nam.

Tìm hiểu, nhận định, phê phán về một tôn giáo và một đức tin đã có từ lâu đời là một việc không dễ dàng, nhất là đối với các tác giả Việt Nam, xứ sở mà những trang sử cận và hiện đại vấn đề tôn giáo luôn luôn xen lẫn vào các vấn đề khác, gây ra nhiều uẩn khúc ngay trong lòng dân tộc. Nhưng tác giả cho rằng sự nghiên cứu để biết sự thật là một điều cần thiết. Ông viết: *Tôi quan niệm rằng, nếu những tài liệu mà tôi dẫn chứng trong cuốn sách này hiện có đầy trong các thư viện của các trường đại học, trong các thư viện công cộng, trong các tiệm sách, trong Internet v.v... mà không tạo thành "vấn đề" ở Âu Mỹ, ở trong những quốc gia mà đa số theo Ki Tô giáo, thì không có lý do gì chúng lại trở thành "vấn đề" đối với người dân Việt Nam...*

Tác giả tỏ ra rất tâm đắc với một câu nói của Chúa Giê Su trong Thánh Kinh mà ông trích dẫn ngay đầu sách: *Rồi các ngươi sẽ biết sự thật, và sự thật sẽ giải thoát các ngươi.*

Một Dây Trầm

tập truyện của **Hoàng Du Thụy**, Văn Mới xuất bản, 140 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Văn Mới 1528 S. La Cienega Bl. Los Angeles 90035. Tel: (310) 559-0413.

Hầu như cả cuốn sách là tâm sự của một người đàn bà không vừa lòng với đời sống tình cảm của mình. Mỗi truyện nói về một góc cạnh của tâm hồn ấy, với những mối tình, những người đàn ông khác nhau, những lần hò hẹn, gặp gỡ... Người đàn bà khao khát hạnh phúc đích thực của lứa đôi, nhưng hình như luôn luôn lận đận. Nàng đa tình và biết rõ phẩm chất của tình yêu mình tìm kiếm là gì, nhưng hình như ít khi nào tìm thấy. Mỗi truyện lại bày ra một tình huống chênh vênh, với một giọng kể đầy nữ tính và có cái can đảm để nói mọi chuyện một cách thành thật. Cái hay của những truyện này không phải ở cấu trúc câu chuyện, mà ở lời kể, hầu như luôn luôn vẫn là một người đàn bà ấy nói về mình, nói về chuyện tình của mình với nỗi đam mê và đau khổ, và nhiều lúc lộ cho thấy nhiều nét tâm lý rất sâu sắc của phái nữ. Nếu nhìn những chuyện tình ấy với con mắt "xã hội học" một chút thì người ta có thể định vị được người đàn bà ấy trong một không gian và thời gian nhất định: nàng hiện ở quãng tuổi bốn mươi, vượt biên ít năm sau năm 1975, định cư tại Canada, thường khoắc khoải về những "mối tình hai mươi năm trước," và vẫn đang đi kiếm tìm một tình yêu, như đang tìm sợi dây trầm đã đứt cho cây đàn ghi ta của mình. Tuy không đề cập tới, hoàn cảnh gãy đổ của năm 1975 như vẫn được ngầm hiểu là một nguyên nhân gián tiếp cho những đổ vỡ trong tâm hồn người đàn bà ấy, mà trong tuổi chín muồi của cuộc đời, nàng vẫn canh cánh trong lòng ước vọng tìm kiếm cho ra một tình yêu bền vững,

đích thực.

Hồ Chí Minh Tại Trung Quốc

biên khảo bằng Hoa văn của **Tưởng Vĩnh Kính**, bản dịch Việt văn của **Thượng Huyền**, Văn Nghệ xuất bản, 373 trang, giá US$18.00; ngoài nước Mỹ $21.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683. Tel: (714) 527-5761.

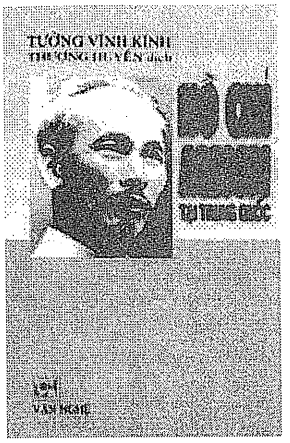

Trong thời kỳ Việt Nam thuộc Pháp, hầu như đảng cách mạng nào của Việt Nam, nhất là các đảng ở Bắc và Trung phần, cũng lấy Trung Quốc làm căn cứ địa. Tài liệu về các hoạt động đó, về phía Việt Nam thường hạn chế, phần lớn chỉ dựa vào ký ức của những nhân vật liên hệ, chứ ít có ghi chép một cách hệ thống trong trong các đảng lưu vong. Trong một chừng mực nào đó, trong việc miêu tả hoạt động của các đảng phái Việt Nam ở Tàu, người Trung Hoa, với tư cách là "chủ nhà" có lẽ có nhiều thuận lợi hơn chúng ta. Họ có nhiều tài liệu liên hệ của chính họ, có cái nhìn bao quát và có thể tương đối khách quan hơn những người đóng vai chính.

Tưởng Vĩnh Kính, tác giả sách này là một học giả Trung Hoa ở Đài Loan, đã dựa vào nhiều nguồn sử liệu phong phú của Đảng Sử Hội của Quốc Dân Đảng Trung Quốc, trong đó có nhiều văn kiện nguyên thủy, của The Asian Institute thuộc trường Đại học Columbia, New York, các cuộc phỏng vấn tướng Trương Phát Khuê và ông Dương Thanh Dân v.v... để viết cuốn sách này. Bản thảo đầu tiên hoàn thành từ năm 1967, nhưng đến 1972 mới hoàn tất in thành sách.

Sự thành hình của đảng Cộng sản Việt Nam bắt đầu từ khi Hồ Chí Minh từ Nga đến Trung Quốc vào cuối năm 1924. Cuốn sách này khảo sát hoạt động của ông Hồ tại Trung Quốc suốt thời kỳ từ khi đến Trung Quốc đến lúc đảng Cộng sản cướp được chính quyền tại Việt Nam năm 1945. Trong nhiều đảng phái hoạt động mưu cầu độc lập cho Việt Nam từ tay người Pháp, Hồ Chí Minh với đảng Cộng sản của ông là người duy nhất cướp được chính quyền và duy trì quyền lực cho đến ngày nay. Cuốn sách đã cho người đọc hình ảnh ông Hồ Chí Minh như một cán bộ chuyên nghiệp xuất sắc của Đệ tam Quốc tế, nhận trợ cấp của Mạc Tư Khoa và rất trung thành với lý tưởng cộng sản. Ông không ngần ngại bán đứng Phan Bội Châu cho Pháp, thông báo cho Pháp biết danh sách những thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trường Hoàng Phố mà không chịu theo cộng sản để Pháp bắt họ khi họ xâm nhập Việt Nam... cùng trăm phương ngàn kế khác để đạt một điều: đảng Cộng sản phải là đảng duy nhất cướp và giữ được chính quyền. Các tài liệu dồi dào và khách quan của cuốn sách giúp người đọc thẩm định một điều mà cho đến nay vẫn còn mơ hồ lẫn lộn, thường vẫn được nhận thức theo cảm tính nhiều hơn là dữ kiện lịch sử: mục tiêu tối hậu của Hồ Chí Minh là quốc tế cộng sản hay là đất nước, dân tộc Việt Nam? Sự khách quan lịch sử không cho phép chúng ta kết luận ngay Hồ Chí Minh chỉ biết có đảng Cộng sản mà không lý gì đến quốc gia dân tộc, cho dù ông đích thực là cán bộ của Stalin, mà cũng không cho phép chúng ta xưng tụng ngay ông là "cha già dân tộc" hay "anh hùng dân tộc" như đảng Cộng sản Việt Nam xưa nay vẫn ồn ào và cố gán ghép ông vào hàng ngũ những anh hùng dân tộc khác của quá khứ. Sự phức tạp của con người ông cùng giai đoạn lịch sử vừa qua buộc chúng ta phải tiếp cận với rất nhiều tài liệu khách quan của lịch sử trước khi đi đến một kết luận đúng đắn. Một số khá quan trọng các tài liệu ấy nằm trong thời kỳ ông hoạt động ở Trung Quốc, số khác nằm trong những gì ông đã làm cho đất nước Việt Nam cho đến ngày hôm nay.

Trong ý nghĩa đó thì cuốn *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc* là một nguồn tài liệu quý và nghiêm túc mà mọi người Việt Nam cần biết.●

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU
TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21

MUỐN CÓ CĂN BẢN TIẾNG ANH MAU LẸ

NÓI, VIẾT ANH NGỮ ĐÚNG VÀ HAY ĐỂ THÀNH CÔNG

TRAU GIỒI NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP ZIÊN HỒNG

Nói, viết Anh Ngữ đúng và hay? Muốn có căn bản về Anh Ngữ mau lẹ và hữu hiệu nhất, quý vị nên dùng những sách do cố giáo sư **Lê Bá Kông** biên soạn rất công phu, hoàn toàn thích hợp với người Việt, căn cứ trên 40 năm kinh nghiệm.

Có rất nhiều điểm soạn giả ngoại quốc không biết là hệ trọng đối với học viên Việt, chẳng hạn cách dùng đúng: *a, an, the; in, on, at; may, might, should, would; present participles, gerunds, compound verbs, nouns and adjectives; âm dài và âm ngắn (fool, full; sleep, slip;...)*, và còn hàng trăm trường hợp khác.

Phương pháp Ziên Hồng rất thích hợp với người Việt và có nhiều trình độ tùy mục tiêu của quý độc giả muốn đạt tới.

THỰC TIỄN THÍCH HỢP

HỘI THOẠI VIỆT ANH PHÁP

Một cuốn sách gọn gàng, đầy đủ, thực tế, xinh xắn mà người Việt nào muốn trau giồi đàm thoại tiếng Anh và tiếng Pháp phải có. Có ghi phát âm từng chữ chuẩn xác và thích hợp để độc giả Việt tiện dùng.

Có cuốn cassette C-90 để dùng kèm, do nữ xướng ngôn viên Ruth Ascher giọng New York phát âm chuẩn xác rõ ràng và được viên ghi âm công phu. Ai dùng cũng hài lòng. Dùng phương pháp này trong 2 tới 3 tháng có thể đi chợ, mua sắm, thường đàm được.

#AV-3AC - US$12.00

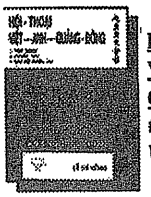

HỘI THOẠI VIỆT ANH QUẢNG ĐÔNG

#AV-3BC - US$12.00

KẾT QUẢ NHANH TRÔNG

ANH NGỮ THỰC HÀNH

Cần nói ngay tiếng Anh ? Thiếu giáo sư ? Bận công việc ? Đây là phương pháp tự học.

Hướng dẫn đàm thoại. Sách được soạn công phu theo phương pháp sư phạm mới, xếp đặt thành từng chủ đề để học viên dễ hiểu và dễ nhớ lâu.Chia từng mục, đầy đủ tất cả các ngành sinh hoạt. Có bảng kê đầy đủ các động tự bất quy tắc, các đơn vị đo lường, trọng lượng, tiền tệ Anh, Mỹ.

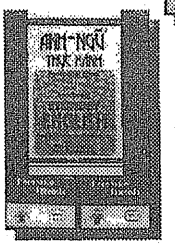

Có 2 cassettes C-90 để dùng kèm, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

#AV-2AB - US$22.00

CĂN BẢN ANH NGỮ VỮNG CHẮC

MODERN ENGLISH

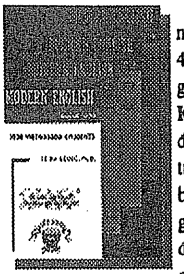

Kinh nghiệm hơn 40 năm của giáo sư Lê Bá Kông đã được tập trung để soạn bộ sách rất giá trị này, được các nhà chuyên môn ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi.

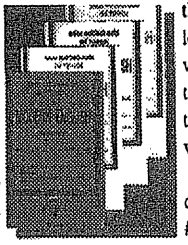

Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8 cassettes C-90, giọng có Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

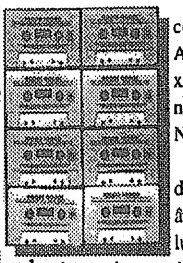

Hướng dẫn phát âm điêu luyện, hơn hẳn những phương pháp khác.

Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ.

Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.

#AV-1 - US$99.00 toàn bộ.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ Modern English và bộ TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng, bìa bọc plastic.

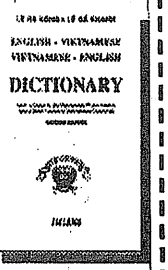

#AVTĐ-1 - US$120.00

BỘ ANH VIỆT ĐỐI CHIẾU

Bộ 12 cuốn, 2,400 trang văn chương, dịch thuật công phu. Gồm những truyện ngắn lừng danh nhất thế giới, được trình bày Anh Việt đối chiếu. Sẽ giúp độc giả thưởng thức lời văn tuyệt vời và tư tưởng thâm trầm của các văn sĩ quốc tế.

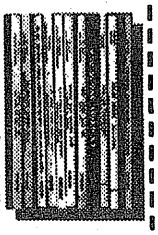

Bộ sách này cũng rất tốt cho con em trau giồi tiếng Việt !

#ĐC-112 - US$90.00 toàn bộ.

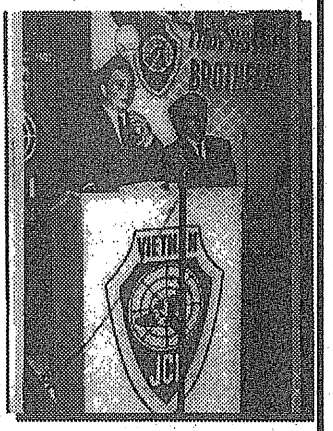

Ý nguyện của cố Giáo sư
LÊ BÁ KÔNG
là tiếp tục phụng vụ đồng bào đồng hương

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK5
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Drive
Dept. TK5
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783

Xin quí hãng gửi cho chúng tôi

#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
Cước phí US$_____
Tổng cộng US$_____

(Canada xin thêm 10%, các nước khác xin thêm 20% cho cước phí)

Kèm theo đây là:

☐ check ☐ money order
☐ chi tiết cho credit card

Tên _____
Địa chỉ _____
_____
Tỉnh _____
Tiểu bang _____ Zip _____
Credit Card #
_____
Hết hạn _____
Chữ ký _____
Điện thoại _____

VIET ART SOCIETY GIỚI THIỆU

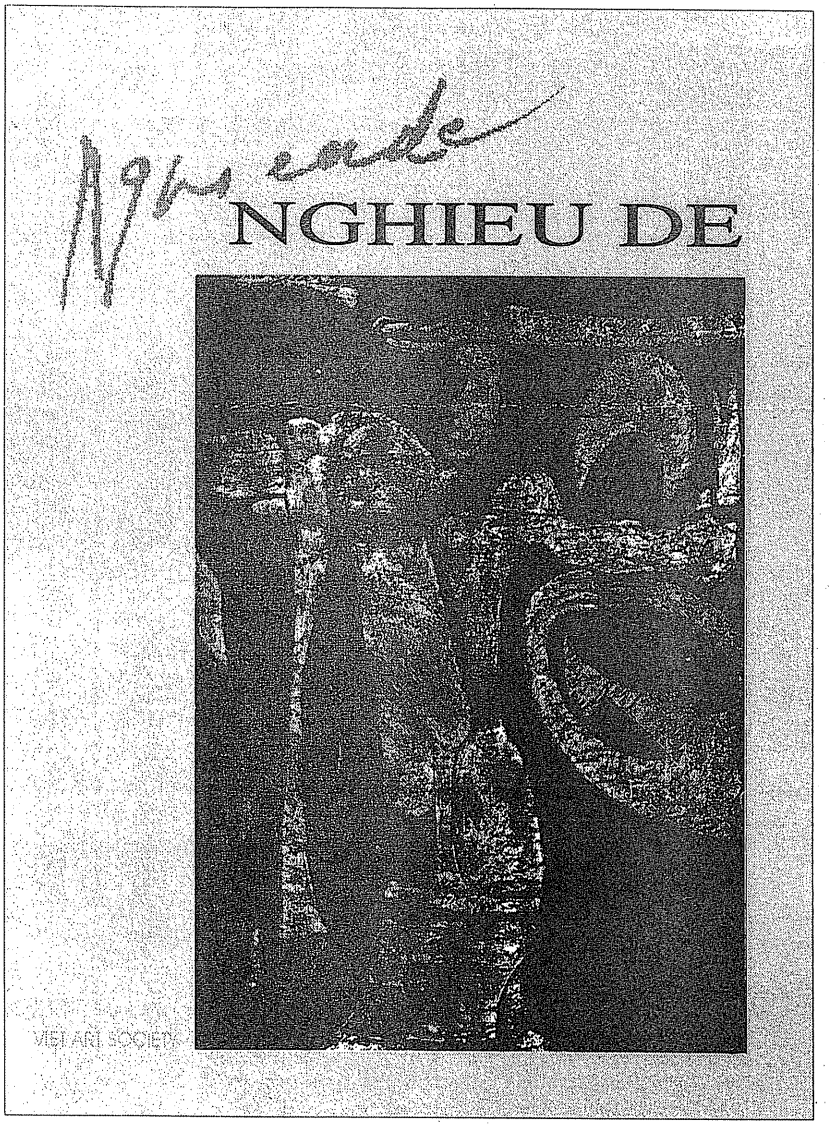

Nhiều tranh màu chọn lọc.
Các bài viết song ngữ Việt-Anh (**Lê Thọ Giáo** chuyển ngữ) **của**
Thái Tuấn, Đỗ Quí Toàn, Du Tử Lê, Huỳnh Hữu Ủy, Trần Dạ Từ.
Phỏng vấn **Nghiêu Đề** của **Nguyễn Ngu Í**

Tổng phát hành:
Thế Kỷ 21
11022 Acacia Parway # A, Garden Grove, CA 92840
Tel: 714-638-9510 - Fax: 714-638-1944
Giá mỗi cuốn 25MK. *Ngoài Hoa Kỳ & Canada* 28MK

DIANA FLOWERS & GIFTS

5127 A. WEST EDINGER AVE., SANTA ANA, CA 92704
(Trong khu chợ Family & nhà hàng Emerald Bay)

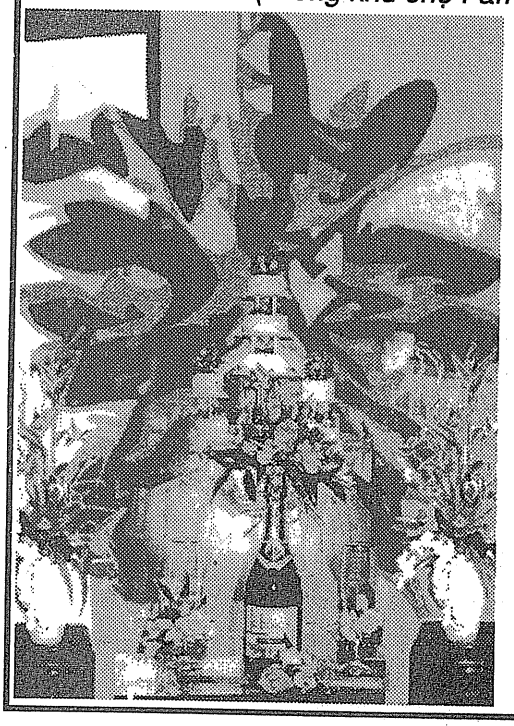

Phone: (714) 775-6600
Fax: (714) 775-8268
Toll Free: 800-933-5693

Chuyên môn các dịch vụ về hoa:
Cưới hỏi, Sinh nhật, Dạ tiệc,
Thương mại, Khai trương,
Bệnh viện, Phúng điếu.

NHẬN ĐẶT VÀ GIAO HOA TOÀN THẾ GIỚI

Order by phone
* VISA * M.C * A.E. Accepted
* WORLDWIDE SERVICES
Business Hours:
Mon: 10 AM - 2 PM
Tues - Sat.: 9 AM - 6:30 PM
Sunday: By appointment only

Viễn đông

Thuần Túy Món Bắc

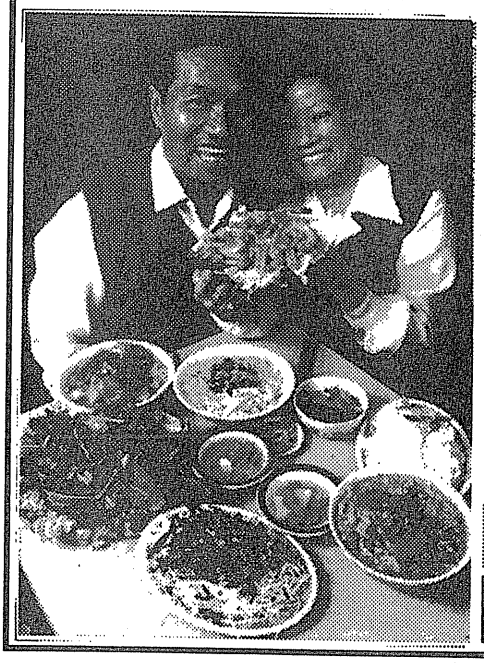

Người Việt từ khắp nước Mỹ,
từ khắp thế giới về thăm
Little Saigon, muốn thưởng thức
các món ăn quốc hồn quốc túy,
xin mời đến

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92844
(714) 539-4614

Giờ mở cửa: 9 AM - 9 PM
Nghỉ ngày thứ Ba

CHÚNG TÔI CÓ BÁN CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

Ăn Chơi Ngon Hơn Ăn Thiệt

VANCO FOODS
SUPERMARKET
10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
Tel: (714) 530-2999

VANCO FOODS
SUPERMARKET
16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818
Fax: (714) 843-1816

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
9822 BOLSA AVE., WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

CHƯƠNG TRÌNH CHÌA KHÓA VÀNG TIẾT KIỆM
YOUR GOLDEN KEY TO SAVINGS

Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET

LITTLE SAIGON SUPERMARKET
9822 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

VANCO FOODS SUPERMARKET
10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
Tel: (714) 530-2999

VANCO FOODS SUPERMARKET
16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818
Fax: (714) 843-1816

VANCO FOODS
LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

YOUR GOLDEN KEY TO SAVINGS

Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET

16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818

9822 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

Quyền lợi của quý khách với Chìa Khóa Vàng:

* Được mua các mặt hàng với giá thật đặc biệt chỉ dành riêng cho người có thẻ.
* Được tham dự mọi cuộc xổ số do công ty thường xuyên tổ chức với nhiều giải thưởng giá trị.
* Được giảm giá khi đi ăn tại các nhà hàng AA Buffet thuộc công ty.
* Được giảm giá khi mua thức ăn tại các tiệm Thuy's Food To Go.
* Được giảm giá khi mua Cellular Phone hay Beeper tại các tiệm PageTek.

Xin mời quý khách ghé đến các chợ Vanco Foods và Little Saigon để điền đơn tham dự chương trình tiết kiệm rất hấp dẫn này.

HÀNG TRĂM MẶT HÀNG SALE ĐẶC BIỆT DÀNH CHO QUÝ KHÁCH ĐƯỢC NIÊM YẾT TẠI CÁC CHỢ LITTLE SAIGON, VANCO FOODS GARDEN GROVE VÀ FOUNTAIN VALLEY.

Trong Khu Chợ có:

PAGETEK EXPRESS

Tel: (714) 843-0440
Bán, sửa chữa, mở đường dây các loại Cellular Phone và Pager với giá thật đặc biệt.

THUY'S FOOD TO GO
9092 Edinger Ave., Fountain Valley, CA 92708.
Tel: (714) 843-9926.
Bán bánh mì thịt, cà phê và hàng trăm món ăn chay, mặn. **ĐẶC BIỆT:** Trong thời gian khai trương mua $5.00 tặng $1.00.

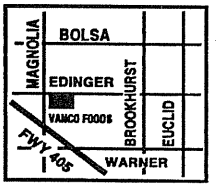

BÁN LẺ RẺ NHƯ BÁN SỈ

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

NEWPORT SURGERY INSTITUTE

Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

Đặc biệt: Có Bác Sĩ Thẩm Mỹ chuyên môn cấy tóc tự nhiên và vĩnh viễn

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Việt có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 25 năm, từng giải phẫu trên 35,000 trường hợp.

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ
P. JAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S.©

NGUYỄN NGỌC THANH
Tốt nghiệp Giải Phẫu Thẩm Mỹ Tại Hoa Kỳ

Bà Phương Lan
Nguyễn Gia Quỳnh

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ, nhiều năm kinh nghiệm. Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp với khuôn mặt Á Đông.

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ TRƯỚC KHI SỬA.

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh để bạn chọn lựa theo ý muốn.

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ.

MAU LẸ, RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.

Phương pháp mới nhất dùng chất sụn trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên và sẽ không sợ phản ứng sau khi sửa.

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(Tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ NGHỈ LẠI

Mrs. Phương Lan Nguyễn Gia Quỳnh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92660

Tel: (949) 759-8276 - *Res.* 898-6514

Fax: (949) 759-5458 1-800-367-9671

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim